

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

PHÒNG KINH TẾ - XÃ ĐIỂM THUY
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên: <i>lu</i>

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QL37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THUY, TỈNH THÁI NGUYÊN
BƯỚC: LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
TẬP: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

UBND XÃ ĐIỂM THUY
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THUY
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
PHÊ DUYỆT
Ngày:.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔNG Á
THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:



CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG

Địa chỉ công ty: Phố Đình, xã Đại Phúc, tỉnh Thái Nguyên
Điện thoại (Fax): (0987) 118.102

PHÒNG KINH TẾ - XÃ ĐIỂM THỤY

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số/.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên: 

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QL37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN

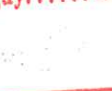
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN

BƯỚC: LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TẬP: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

PHÒNG KINH TẾ - XÃ ĐIỂM THỤY

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số/.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên: 

Chủ nhiệm công trình : Dương Quý Hải
Q.L.K.T : Ngô Đức Tài

NGÀY THÁNG 01 NĂM 2026

ĐƠN VỊ TƯ VẤN



GIÁM ĐỐC

DƯƠNG QUỐC LÝ

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔNG Á

THẨM TRA

Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

I. BẢN VẼ ĐIỂN HÌNH



PHÒNG KINH TẾ - XÃ ĐIỂM THỤY

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số/.....
ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên: *nh*

UBND XÃ ĐIỂM THỤY

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THỤY

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

PHÊ DUYỆT

Ngày:.....tháng.....năm 20.....

Ký tên: *[Signature]*

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔNG Á

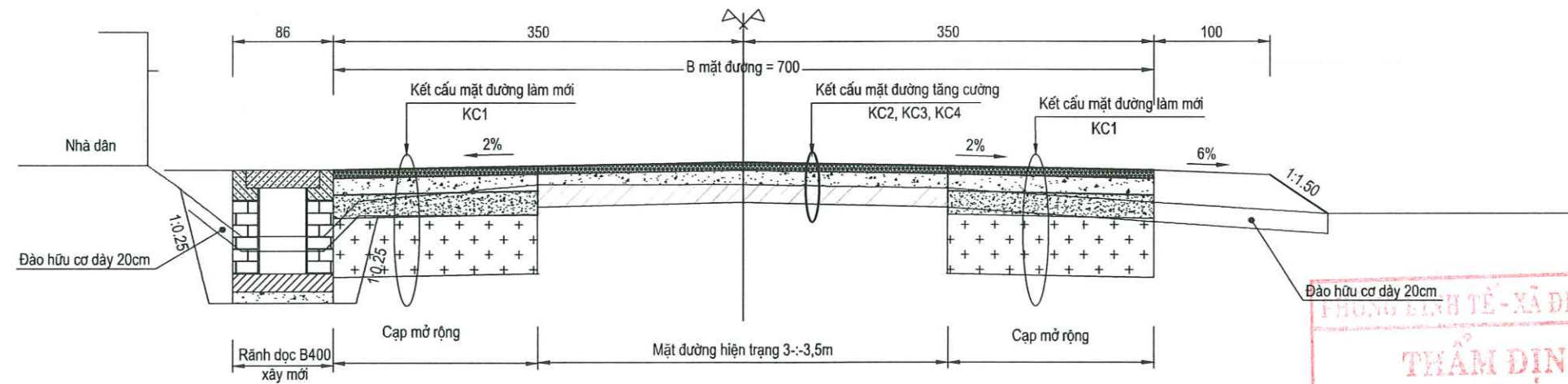
THẨM TRA

Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH

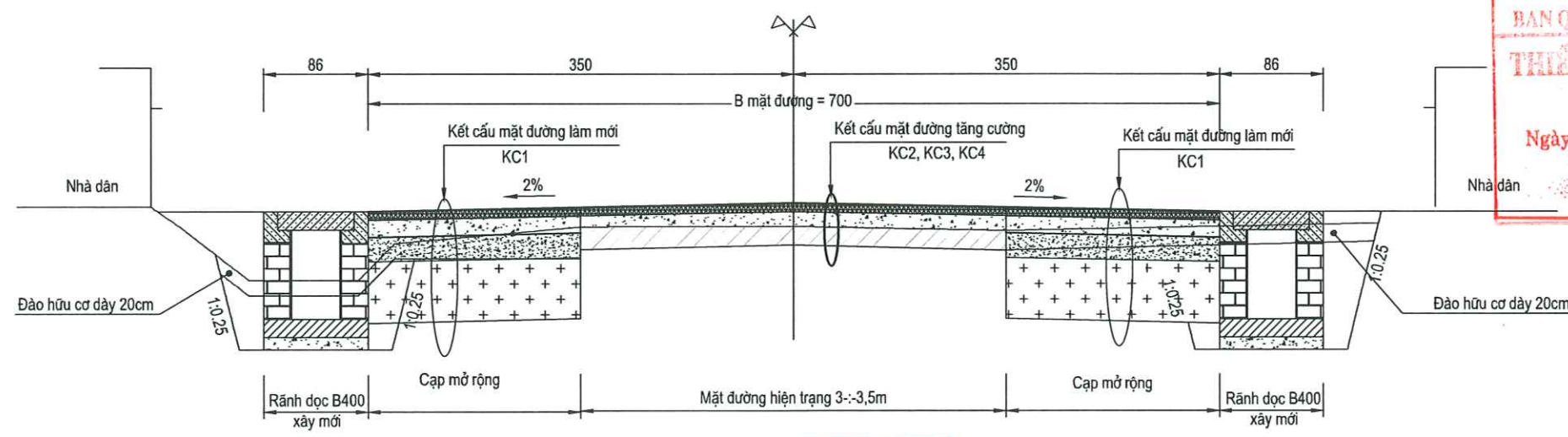
(Vị trí xây rãnh dọc B400 mới một bên đường)



PHƯỜNG BÌNH TÂN - XÃ ĐIỂM THUY
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số/.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên: *[Signature]*

TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH

(Vị trí xây rãnh dọc B400 mới hai bên đường)



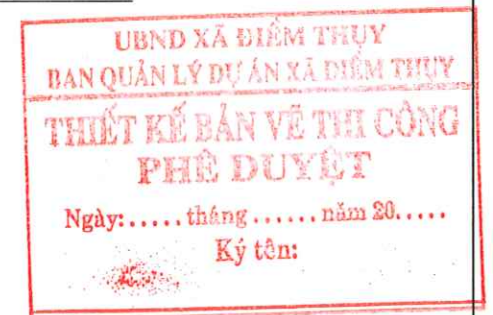
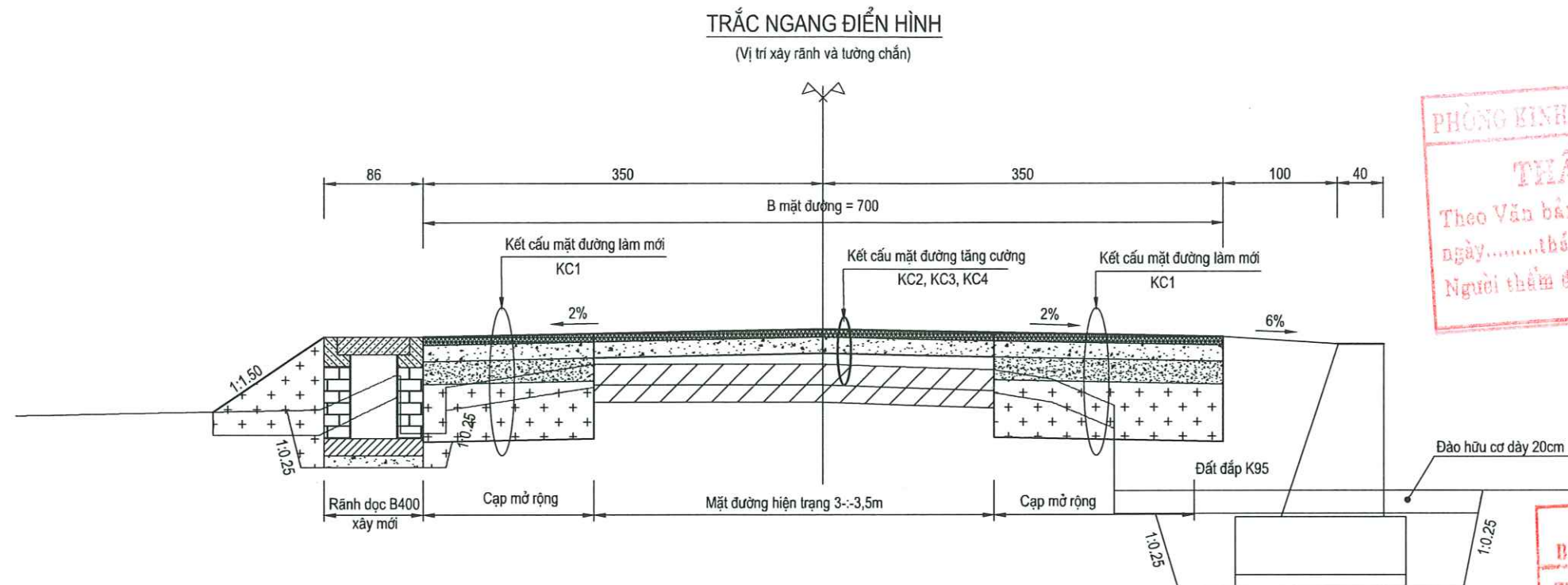
UBND XÃ ĐIỂM THUY
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THUY
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
PHÊ DUYỆT
Ngày: tháng năm 20.....
Ký tên: *[Signature]*

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔNG Á
THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên: *[Signature]*

GHI CHÚ:

- Kích thước trong bản vẽ đơn vị là cm

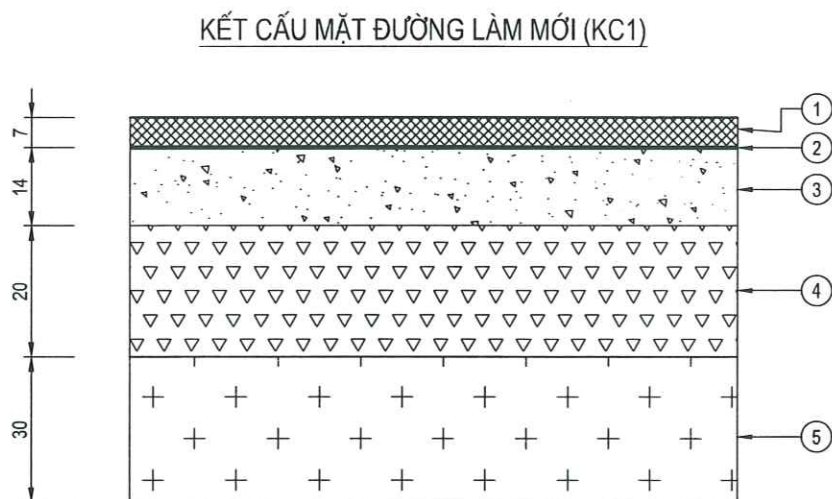
CHỦ ĐẦU TƯ:		DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THUY, TỈNH THÁI NGUYÊN BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH		
TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THUY			CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI		GIÁM ĐỐC			
ĐƠN VỊ TƯ VẤN KSTK:			THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN			HOÀN THÀNH: /2025	BẢN VẼ SỐ: BVDH-1	
 CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ BÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102			Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI			KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	TỶ LỆ:	KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3



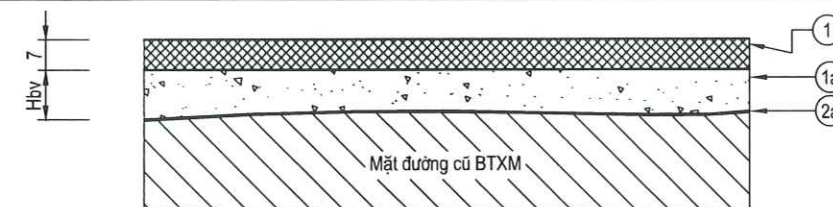
GHI CHÚ:

- Kích thước trong bản vẽ đơn vị là cm

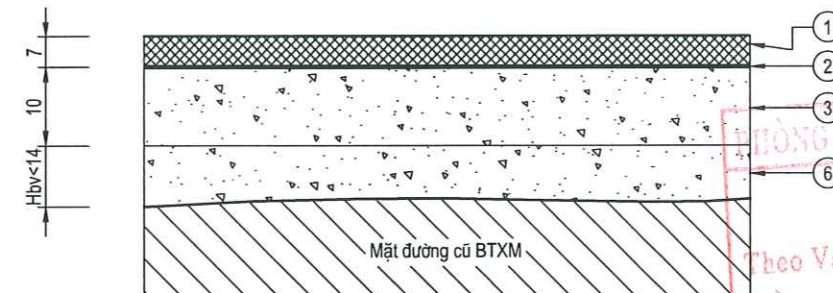
CHỦ ĐẦU TƯ:		DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026 *GIÁM ĐỐC	TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH	
TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY			CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI				
ĐƠN VỊ TV KSTK:			THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN			HOÀN THÀNH: /2025 BẢN VẼ SỐ: BVDH-2	
 CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ BÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102			Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI			TỶ LỆ: KÝ HIỆU: NO 01Đ - 26 - T3	



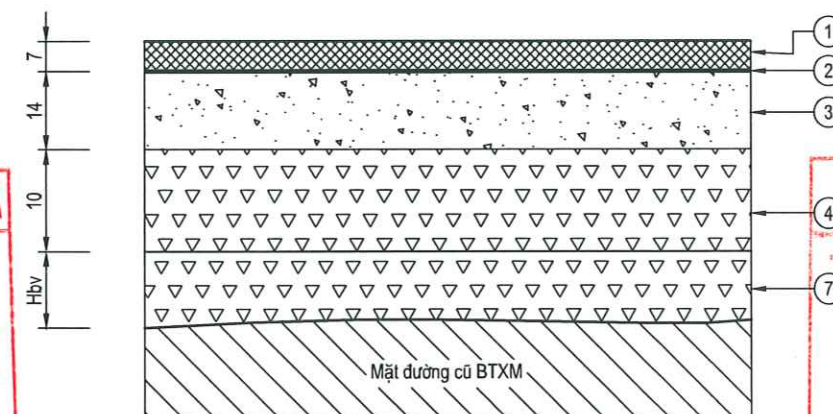
KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG TĂNG CƯỜNG - CHIỀU DÀY KẾT CẤU NHỎ HƠN 17CM (KC2)



KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG TĂNG CƯỜNG - CHIỀU DÀY KẾT CẤU NHỎ HƠN 41CM (KC3)



KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG TĂNG CƯỜNG - CHIỀU DÀY KẾT CẤU LỚN HƠN 41CM (KC4)

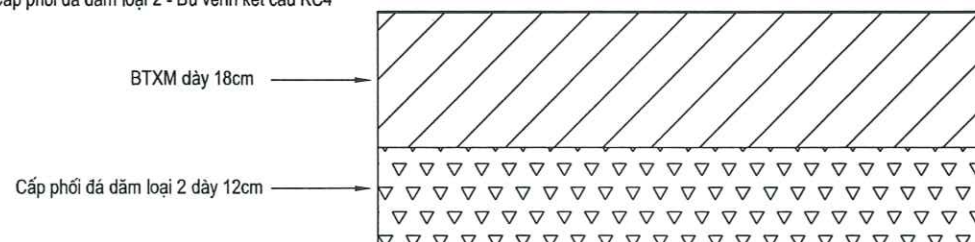


KÝ HIỆU:

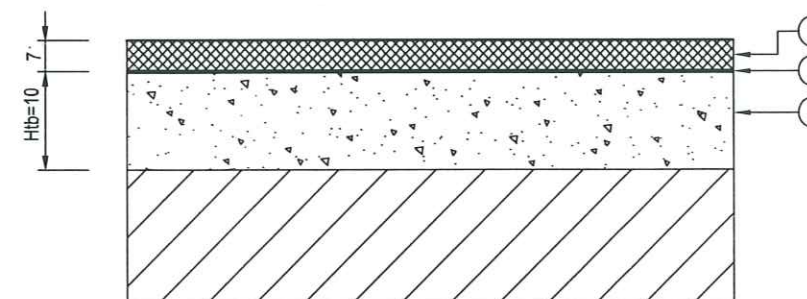
- ① - Bê tông nhựa C16
- ①a - Bê tông nhựa C16 - Bù vênh kết cấu KC2
- ② - Tưới nhũ tương thấm bảm gốc axit, lượng nhũ tương 1.0kg/m²
- ②a - Tưới nhũ tương dính bảm gốc axit, lượng nhũ tương 0.5kg/m²
- ③ - Cấp phối đá dăm loại 1
- ④ - Cấp phối đá dăm loại 2
- ⑤ - Đất đắp K98
- ⑥ - Cấp phối đá dăm loại 1 - Bù vênh kết cấu KC3
- ⑦ - Cấp phối đá dăm loại 2 - Bù vênh kết cấu KC4

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔNG Á
THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

KẾT CẤU ĐƯỜNG CŨ



KẾT CẤU VƯỢT NỐI

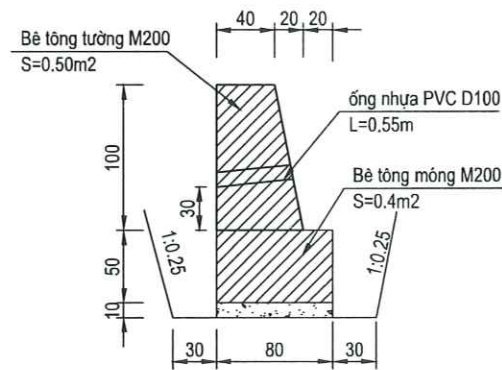


GHI CHÚ:

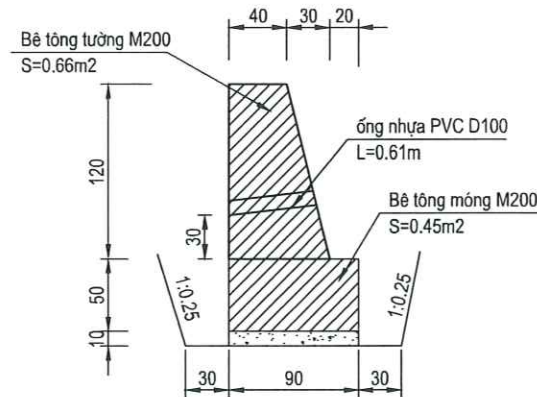
- Kích thước trong bản vẽ đơn vị là cm

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY ĐƠN VỊ TƯ VẤN KSTK: CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ ĐÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102	DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG HOÀN THÀNH: /2025 TỶ LỆ
		CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI	<i>[Signature]</i>	GIÁM ĐỐC	
		THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN	<i>[Signature]</i>		
		Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI	<i>[Signature]</i>	KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	

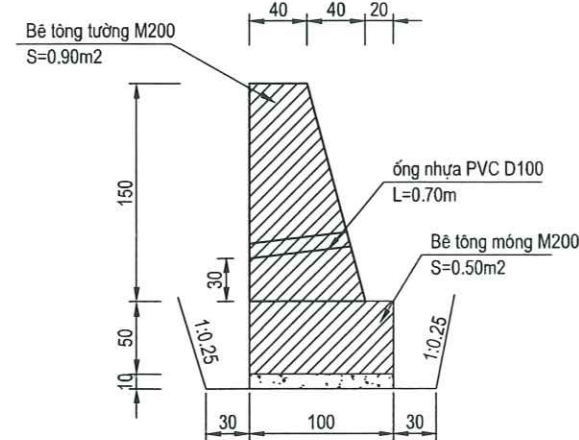
TƯỜNG CHẮN H=1M



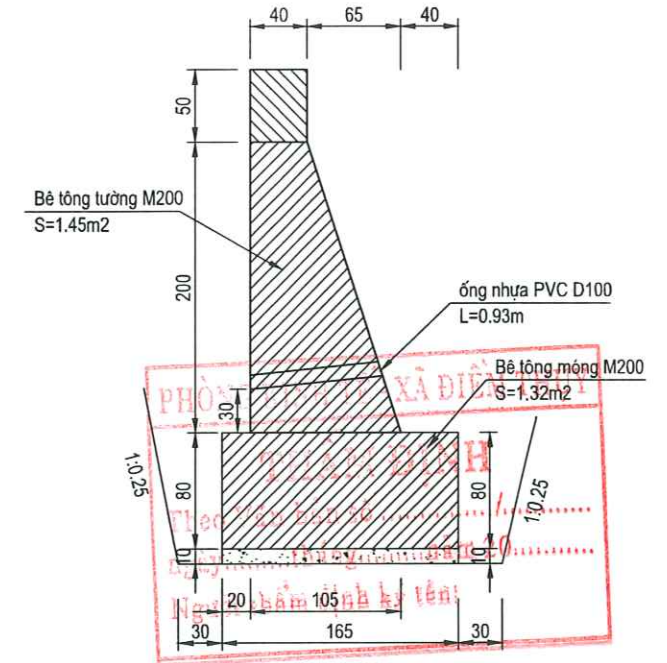
TƯỜNG CHẮN H=1.2M



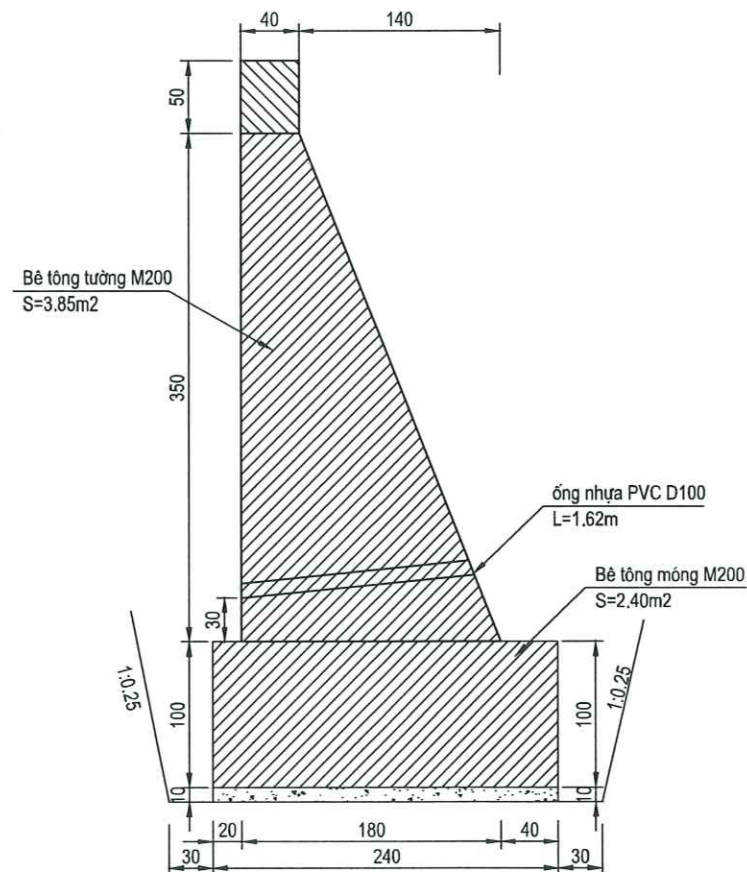
TƯỜNG CHẮN H=1.5M



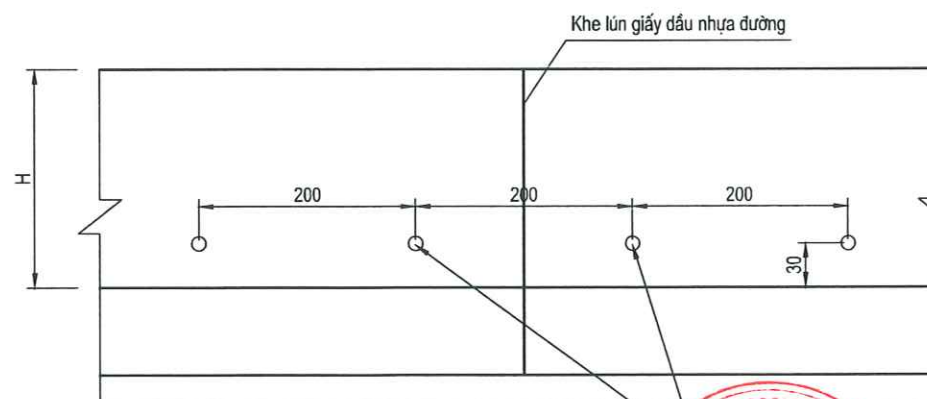
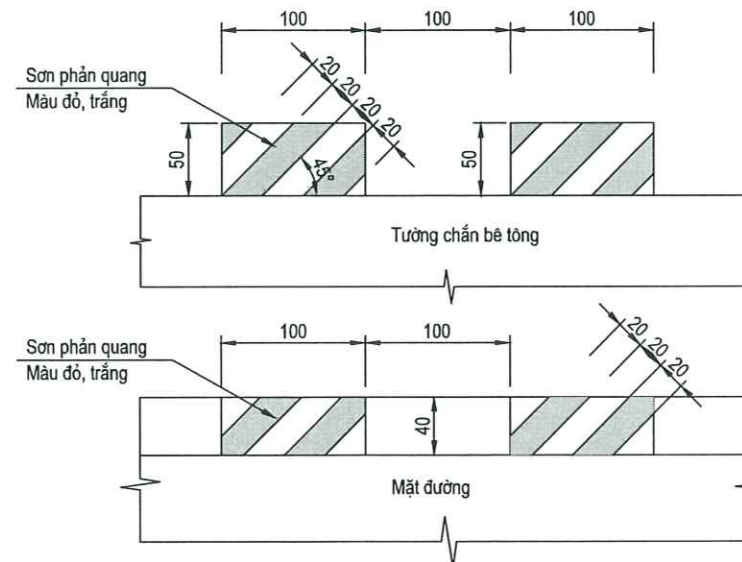
TƯỜNG CHẮN H=2M



TƯỜNG CHẮN H=4M



CHI TIẾT HỘ LAN BÊ TÔNG



CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐỒNG Á **UBND XÃ ĐIỂM THUY**

THẨM TRA **THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

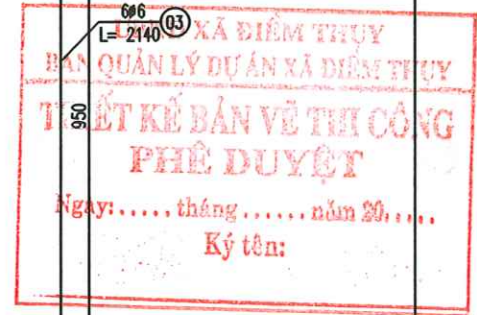
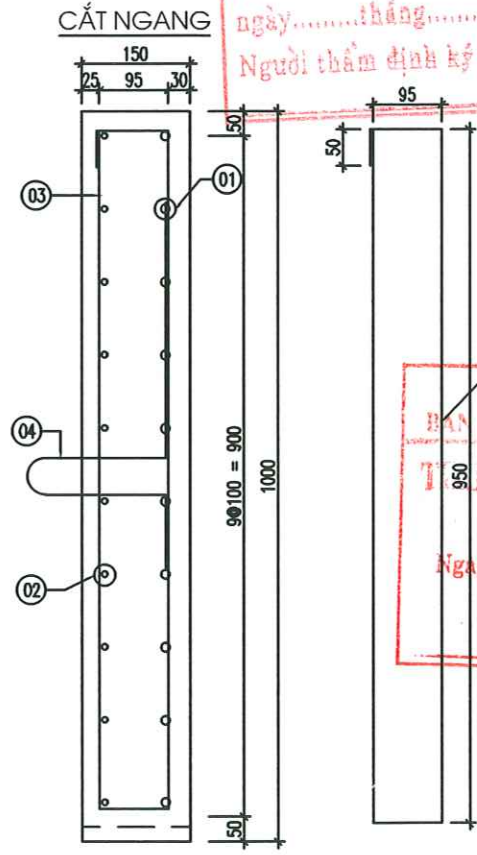
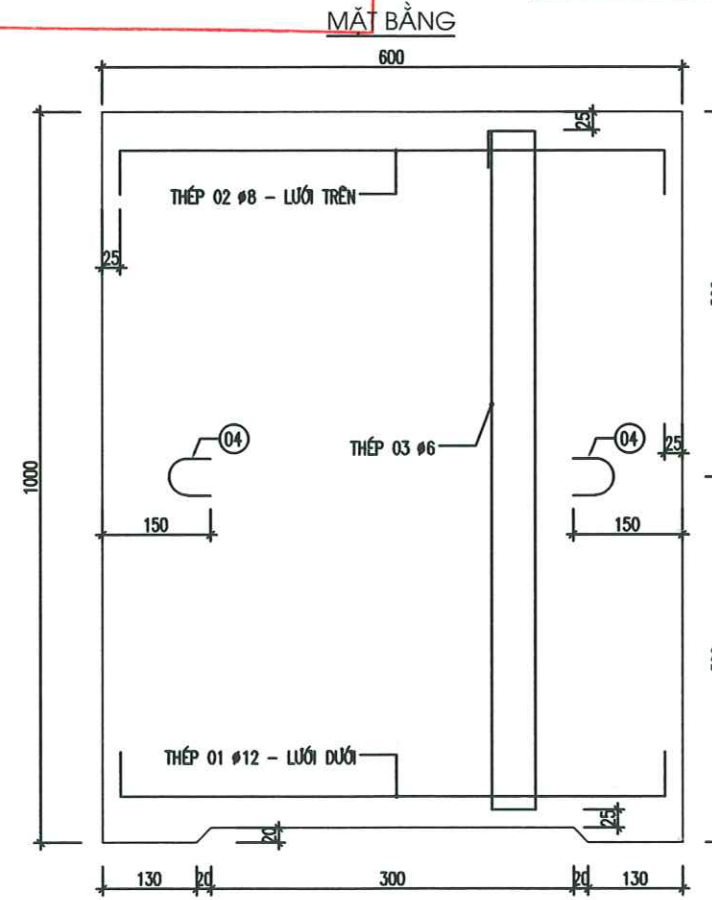
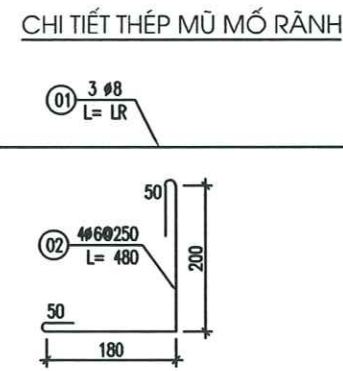
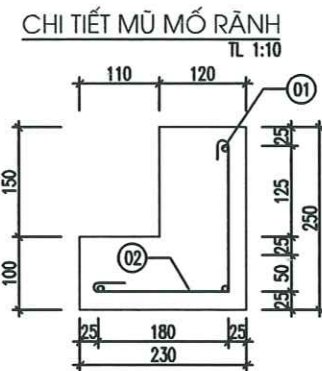
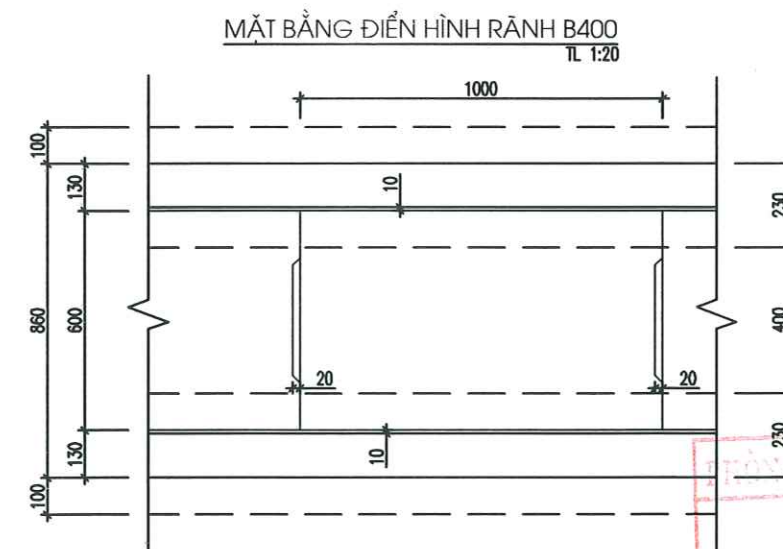
Theo Văn bản số:...../..... Ngày:.....tháng.....năm 20..... Ngày:.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:..... Ký tên:.....

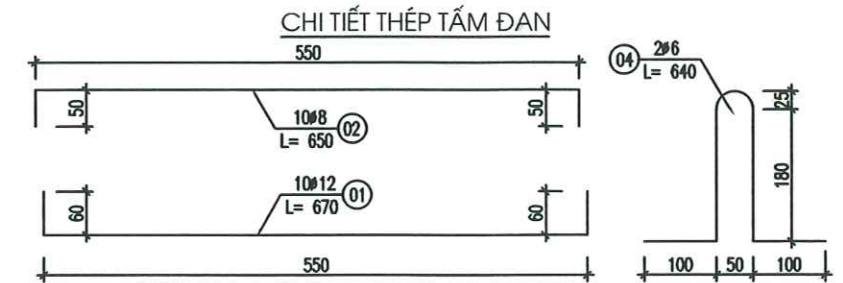
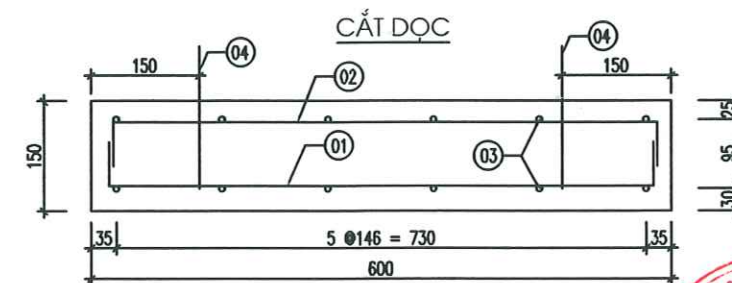
Ghi chú:

- + Kích thước trong bản vẽ là cm
- + Móng tường, thân tường bằng BTXM M200 đá 2x4
- + Theo chiều dài tường chắn, cứ 10m bố trí 1 khe lún
- + Thoát nước thân tường bằng ống nhựa PVC D100
- + Gờ chắn bánh bố trí trên đỉnh tường chắn H=2.0m và H=4m khoảng cách 1m/gờ

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THUY	DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THUY, TỈNH THÁI NGUYÊN BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	CHỨC DANH CHỦ NHIỆM CT THIẾT KẾ Q.L.K.T	HỌ VÀ TÊN KS. DƯƠNG QUÝ HẢI KS. NGUYỄN THÁI SƠN KS. NGÔ ĐỨC TÀI	CHỮ KÝ THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026 AN NGỌC DƯƠNG T. T. THÁI NGUYÊN KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	DIỄN HÌNH TƯỜNG CHẮN HOÀN THÀNH: /2025 BẢN VẼ SỐ: BVDH-4 TỶ LỆ: KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3
---	---	---	---	--	--



KHỐI LƯỢNG 1M DÀI RĂNG B400 MM				
TT	HẠNG MỤC KHỐI LƯỢNG	ĐƠN VỊ	DIỄN TOÁN	KHỐI LƯỢNG
1	MÓNG, THÂN RĂNG			
	LÀM LỚP CÁT ĐỆM MÓNG	M3	0.86*0.05	0.043
	VÁN KHUÔN ĐÓ BÊ TÔNG MÓNG	M2	1*0.15*2	0.300
	BÊ TÔNG MÓNG RĂNG M150 ĐÁ 2X4	M3	0.86*0.15	0.129
	XÂY THÂN RĂNG	M3	H*0.22*2	H*0.22*2
	TRÁT THÀNH TRONG RĂNG	M2	H*2	H*2
2	MÔ MỐ			
	GIA CÔNG CỐT THÉP MÔ MỐ RĂNG D<=10MM; (CT3;CB240-T)	KG	(3*0.395+4*0.48*0.222)*2	3.222
	VÁN KHUÔN MÔ MỐ RĂNG	M2	0.25*4	1.000
	ĐÓ BÊ TÔNG MÔ MỐ M200 ĐÁ 1X2	M3	(0.12*0.15+0.1*0.23)*2	0.082
3	TẤM ĐẠN			
	GIA CÔNG CỐT THÉP TẤM ĐẠN D<=10MM; (CT3;CB240-T)	KG	(6*2.14*0.222+10*0.65*0.395+2*0.64*0.222)	5.702
	GIA CÔNG CỐT THÉP TẤM ĐẠN 10<D<=18MM; (CT5;CB400-V)	KG	(10*0.67*0.888)	5.950
	VÁN KHUÔN ĐÓ BÊ TÔNG TẤM ĐẠN	M2	3.2*0.15	0.480
	BÊ TÔNG TẤM ĐẠN M250 ĐÁ 1X2	M3	0.59*0.15*1	0.089
	LẤP ĐẶT TẤM ĐẠN RĂNG KT (60 X 100 X 15) CM	TẤM	TRỌNG LƯỢNG 223KG/TẤM	1



GHI CHÚ:
- KÍCH THƯỚC GHI TRÊN BẢN VẼ LÀ "MM"

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THUY		DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN		CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ THÁI NGUYỄN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	GIẤM ĐỐC		ĐIỂN HÌNH RĂNG B400	
ĐƠN VỊ TV KSTK:  CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ ĐÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102		ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THUY, TỈNH THÁI NGUYÊN		CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI				HOÀN THÀNH: /2025	BẢN VẼ SỐ:
		BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN		KS. DƯƠNG QUỐC LÝ		TỶ LỆ:	KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3
				Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI					

Technical drawing of a reinforced concrete slab cross-section. The slab is 180mm thick and 1000mm wide. It features a central vertical channel (5) and four internal vertical dividers (2, 3, 4). The top surface is 500mm wide, and the bottom surface is 100mm wide. The reinforcement is labeled 10@95=950. The drawing includes dimensions and section markers II-II, III-III, and IV-IV.

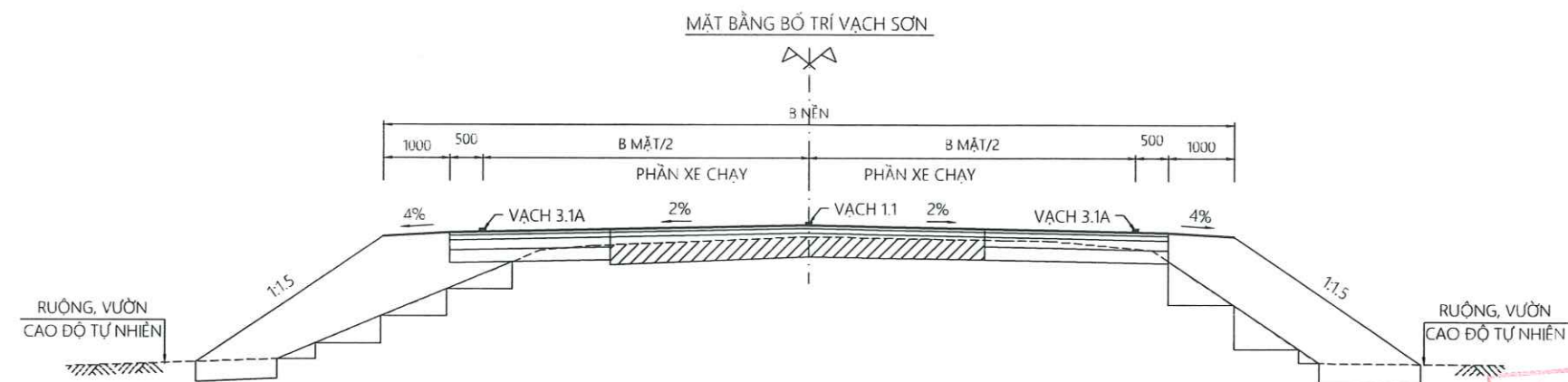
THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20....
Ký tên: _____

Diagram showing three types of reinforcement bars:

- 1D14 (L=870) (1)
- 1D12 (L=970) (2)
- 1D10 (L=1050) (3)

<u>CHỦ ĐẦU TƯ:</u>	TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY
<u>ĐƠN VỊ TV KSTK:</u>	 CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ BÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102

CHỮ KÝ THÁNG NĂM 2026
CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG
 GIÁM ĐỐC
 KS. DƯƠNG QUỐC LÝ



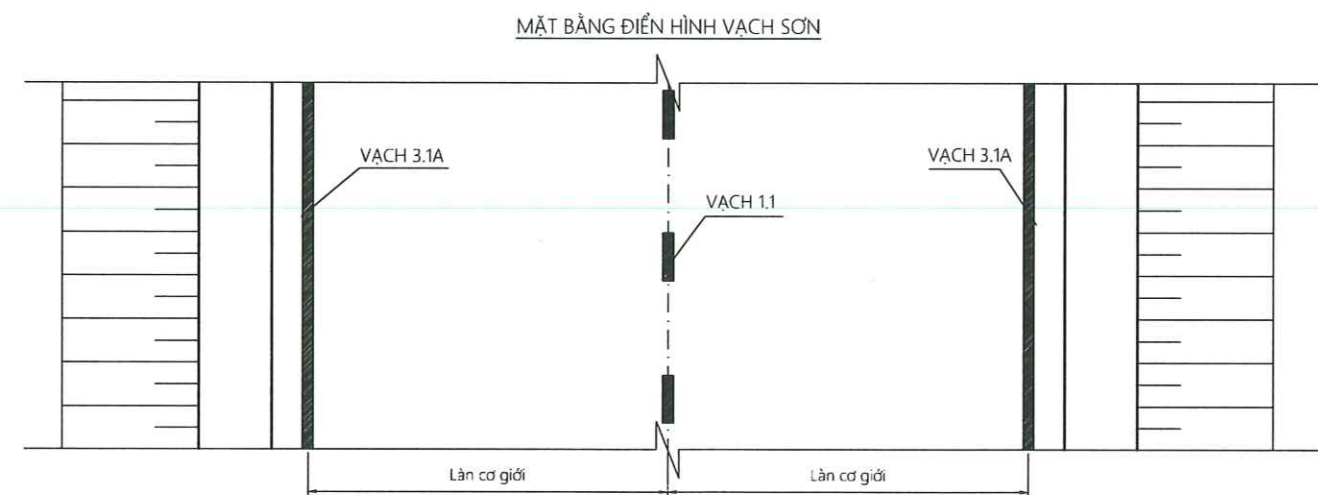
PHÒNG KINH TẾ - XÃ ĐIỂM THỤY

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số/.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:



UBND XÃ ĐIỂM THỤY

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THỤY

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

PHÊ DUYỆT

Ngày:.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐỒNG Á

THẨM TRA

Theo Văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

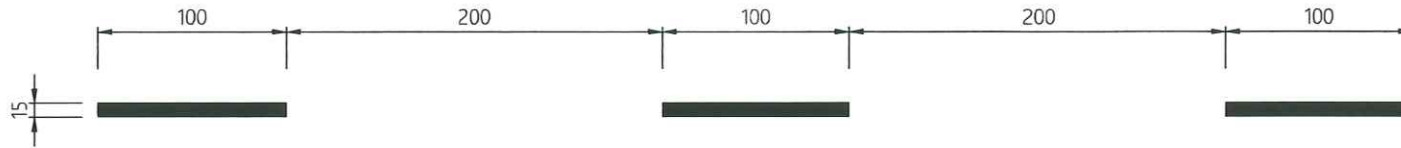
GHI CHÚ:

- Kích thước trong bản vẽ ghi bằng mm, trừ các kích thước được chỉ ra.

- Bố trí vạch sơn theo "QCVN41:2024 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ" của Bộ giao thông vận tải Việt Nam

CHỦ ĐẦU TƯ:		DỰ ÁN:		CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026		MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH VẠCH SƠN	
TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY		NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN		CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI					
ĐƠN VỊ TV KSTK:		ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN		THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN					
 CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ ĐÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102		BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI		KS. DƯƠNG QUỐC LÝ		HOÀN THÀNH: /2025	BẢN VẼ SỐ: BVDH-8
								TỶ LỆ:	KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3	

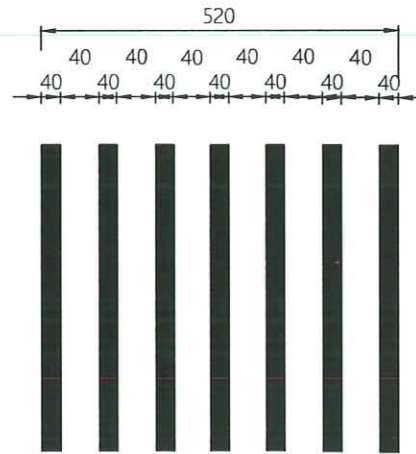
VẠCH SƠN 1.1: VẠCH PHÂN CHIA CÁC LÀN XE CHẠY NGƯỢC CHIỀU, DẠNG VẠCH ĐƠN, ĐÚT NÉT, MÀU VÀNG



VẠCH SƠN 3.1A: VẠCH GIỚI HẠN MÉP NGOÀI PHẦN XE CHẠY
HOẶC VẠCH PHÂN CÁCH LÀN XE CƠ GIỚI VÀ LÀN XE THÔ SƠ DẠNG VẠCH ĐƠN, LIỀN NÉT, MÀU TRẮNG



VẠCH SƠN GỜ GIẢM TỐC (MÀU VÀNG) CỤM 7 VẠCH
CHIỀU DÀY GỜ GIẢM TỐC 4MM



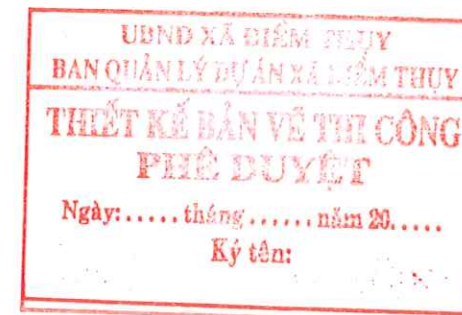
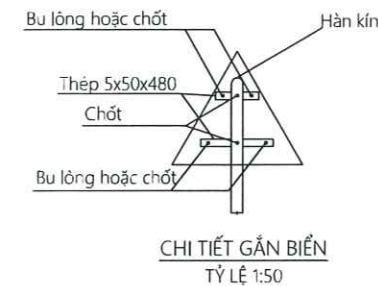
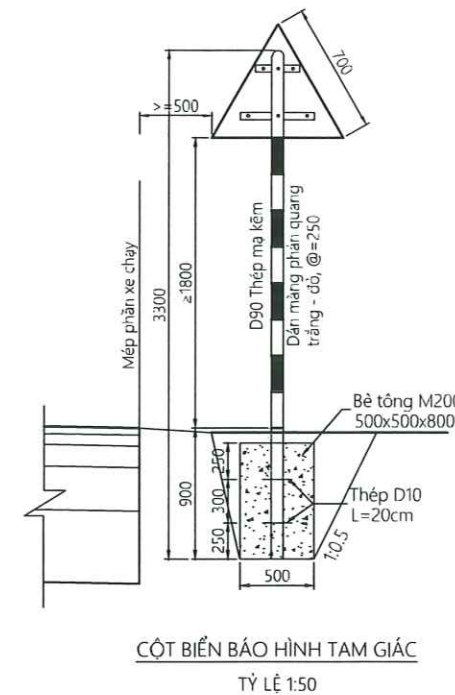
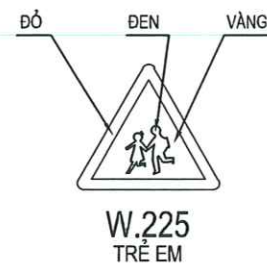
VẠCH SƠN GỜ GIẢM TỐC (MÀU VÀNG) CỤM 7
CHIỀU DÀY GỜ GIẢM TỐC 4MM



GHI CHÚ:

1. QUI CÁCH VẠCH SƠN ĐƯỢC QUI ĐỊNH TRONG "QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ BẢO HIỆU ĐƯỜNG BỘ" QCVN 41:2024/BGTVT
2. TẤT CẢ CÁC ĐƠN VỊ GHI TRONG BẢN VẼ LÀ CENTIMET.
3. SƠN KẼ ĐƯỜNG BẰNG SƠN ĐẸO NHIỆT.

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY	DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYÊN, NGÀY..... THÁNG..... NĂM 2026 KIỂM ĐỐC KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	ĐIỂN HÌNH VẠCH SƠN
		CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI			
ĐƠN VỊ TV KSTK: CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ ĐÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102	BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN		HOÀN THÀNH: /2025	BẢN VẼ SỐ: BVDH-9
		Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI		TÝ LỆ:	KÝ HIỆU: NO 01Đ - 26 - T3



GHI CHÚ:

- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC GHI TRÊN BẢN VẼ ĐƠN VỊ LÀ MILIMET, TRỪ KHI CÁC KÍCH THƯỚC ĐƯỢC CHỈ RA;
- QUY CÁCH, NỘI DUNG HÌNH VẼ BIỂN BÁO TUÂN THỦ THEO "QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ BẢO HIỆU ĐƯỜNG BỘ" QCVN 41:2024/BGTVT;
- CHẤT LIỆU PHẢN QUANG THEO TIÊU CHUẨN "MÀNG PHẢN QUANG DÙNG CHO BIỂN BÁO HIỆU ĐƯỜNG BỘ" TCVN 7887:2008;
- CỘT BIỂN D90 THÉP MẠ KẼM DÂY 2MM

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY	DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026 GIÁM ĐỐC	CHI TIẾT CỘT BIỂN BÁO
		CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI			
ĐƠN VỊ TV KSTK: CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ ĐÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102	BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN		HOÀN THÀNH: /2025	BẢN VẼ SỐ: BVĐH-11
		Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI			

II. BÌNH ĐỒ – TRẮC DỌC – TRẮC NGANG



PHÒNG KINH TẾ - XÃ ĐIỂM THUY
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số/.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐỒNG Á
THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

UBND X/ ĐIỂM THUY
BAN QUẢN LÝ ĐIỂM XÃ ĐIỂM THUY
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
PHIẾ DUYỆT
Ngày:..... tháng năm 20.....
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ - XÃ ĐIỂM THỤY

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số/.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

II.1 BÌNH ĐỒ – TRẮC DỌC – TRẮC NGANG NHANH



CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔNG Á

THẨM TRA

Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

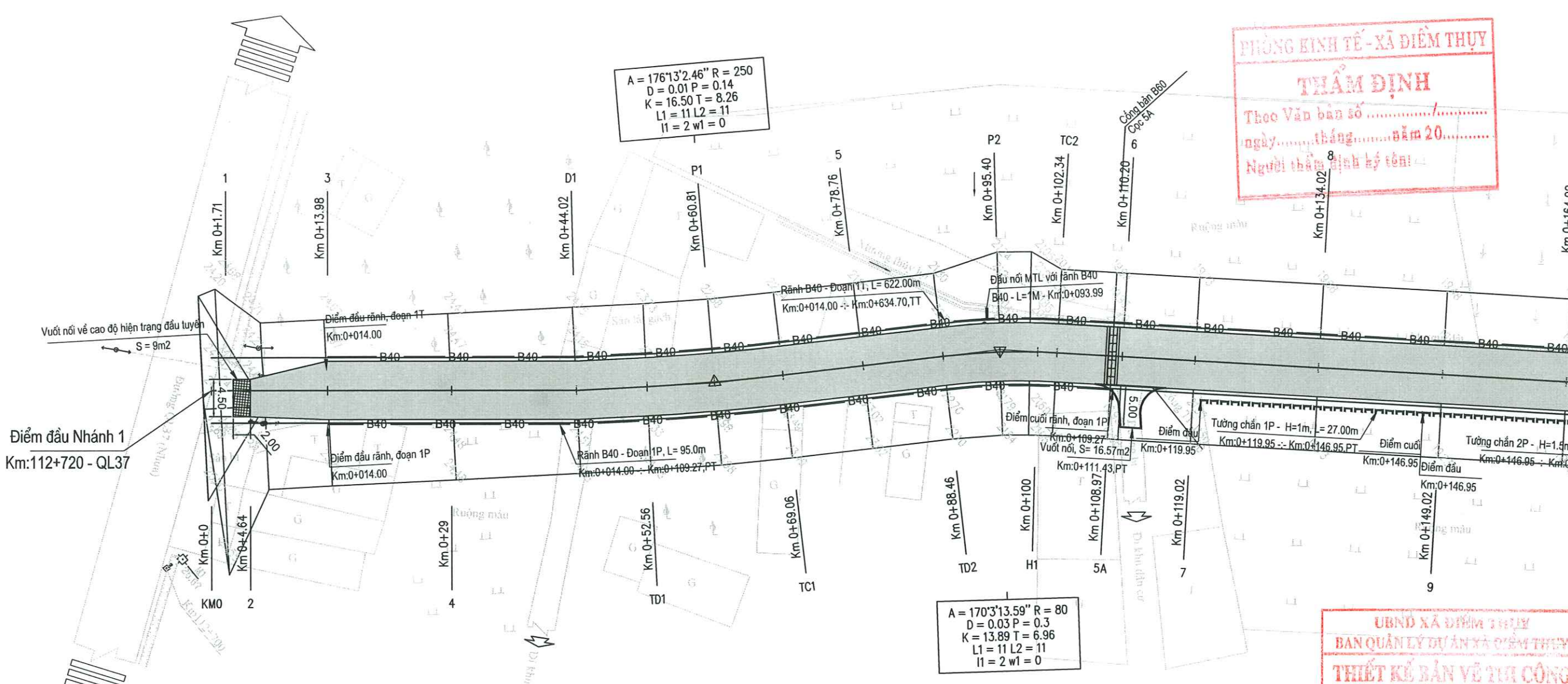
UBND XÃ ĐIỂM THỤY

HẠNG QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THỤY

THIẾT KẾ BẢN VẼ THU CÔNG

PHÊ DUYỆT

Ngày:.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

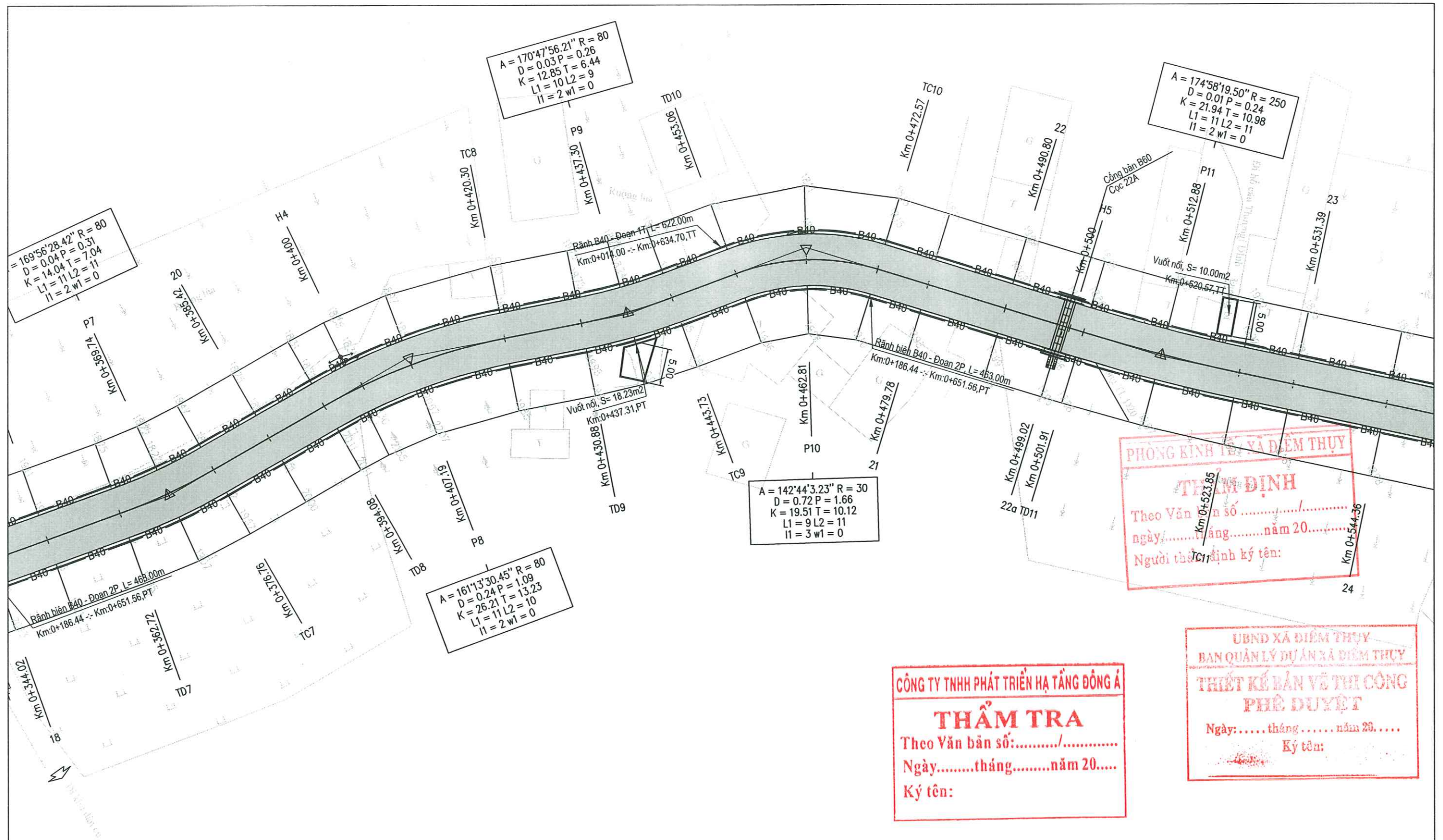


PHÒNG KINH TẾ - XÃ ĐIỂM THỤY
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số/.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔNG Á
THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

UBND XÃ ĐIỂM THỤY
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THỤY
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
PHÊ DUYỆT
Ngày:.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY ĐƠN VỊ TƯ VẤN KSTK:  CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ ĐÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0957) 118.102	DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ NHÁNH 1
		CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI		GIÁM ĐỐC	
		THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN			HOÀN THÀNH: /2025 BẮN VẼ SỐ: BD-N1-1
		Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI		KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	

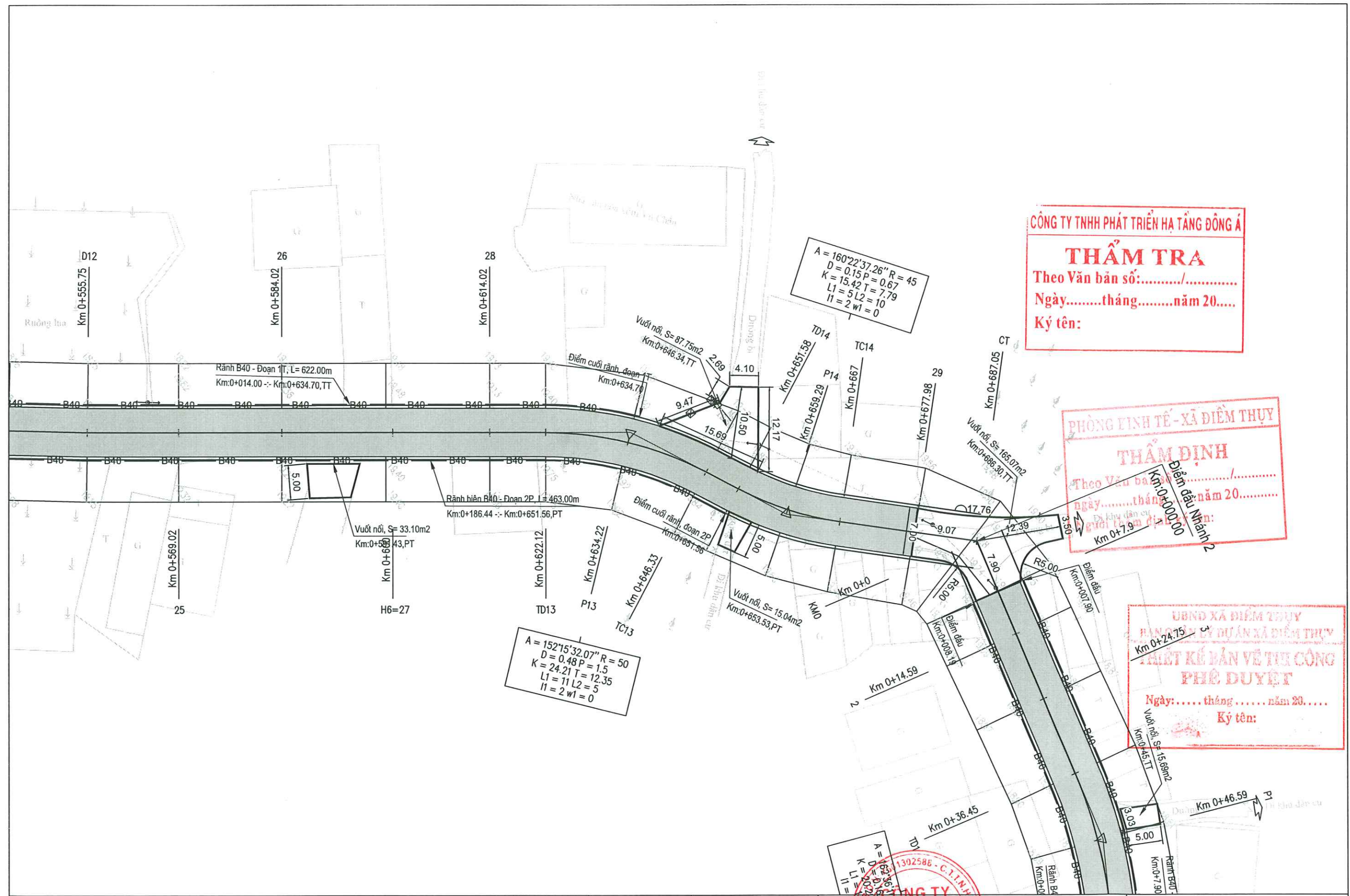


PHÒNG KINH TẾ VÀ ĐIỂM THUY
THAM ĐỊNH
Theo Văn bản số/.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người tham định ký tên:

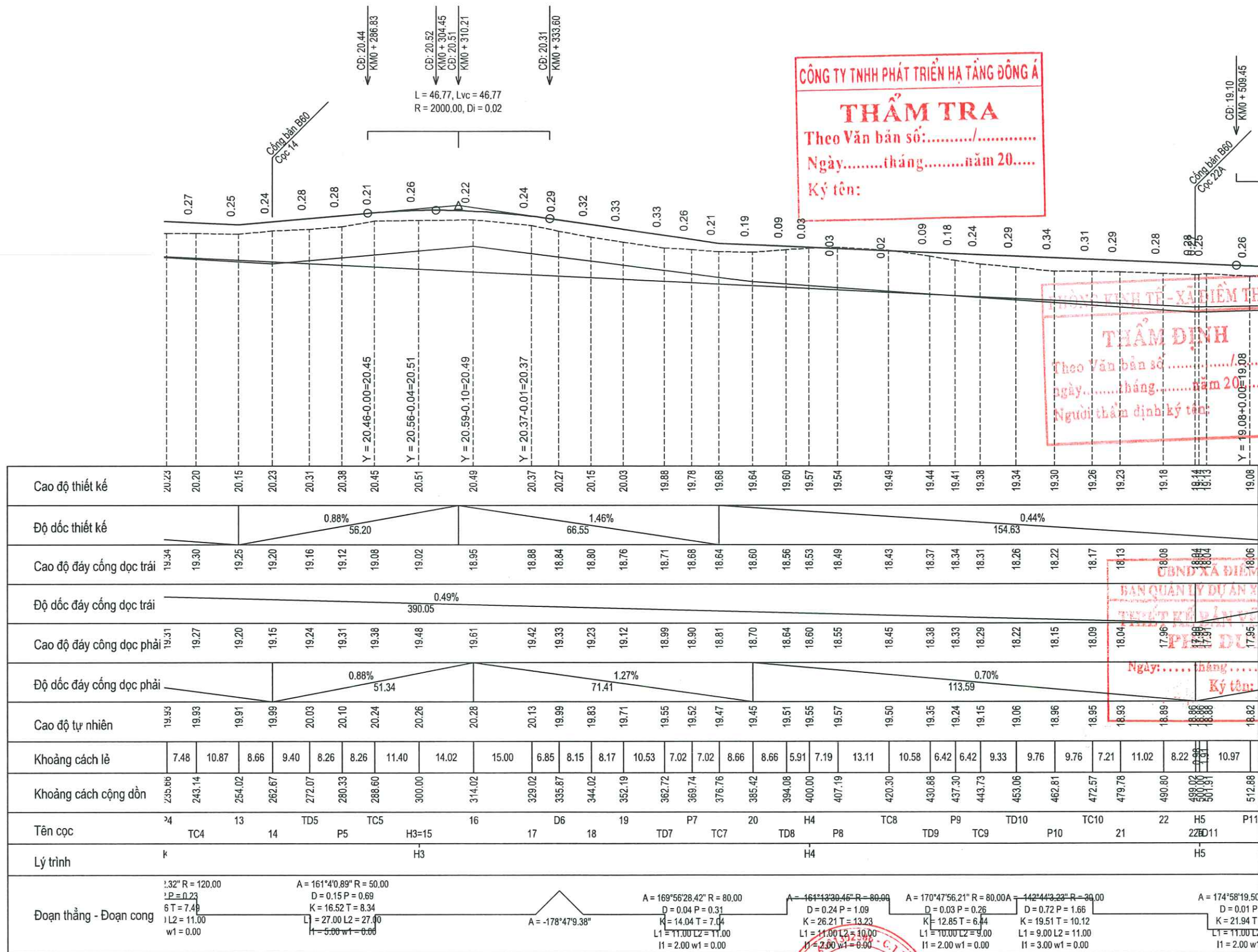
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐỒNG Á
THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

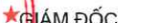
UBND XÃ ĐIỂM THUY
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THUY
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
PHÊ DUYỆT
Ngày:.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

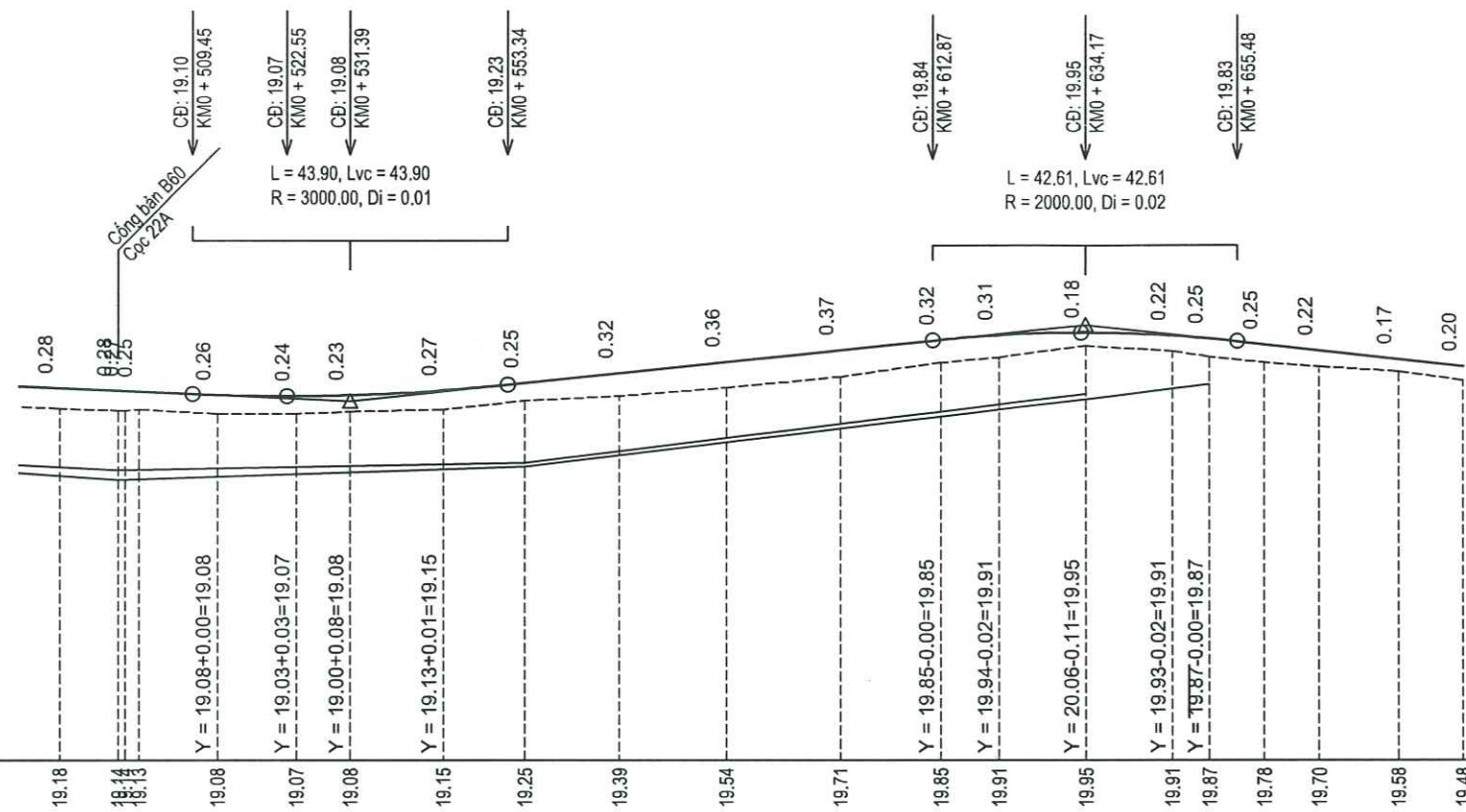
CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THUY ĐƠN VỊ TƯ VẤN KSTK:  CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ ĐÌNH, XÃ ĐAI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102	DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THUY, TỈNH THÁI NGUYÊN BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ NHÀNH 1
		CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI		GIÁM ĐỐC	
		THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN			HOÀN THÀNH: /2025 BẢN VẼ SỐ: BD-N1-3 TỶ LỆ: 1/500 KÝ HIỆU: NĐ 01Đ - 26 - T3
		Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI		KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	



CHỦ ĐẦU TƯ:		DỰ ÁN:		CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THAI NGUYỄN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ NHÁNH 1	
TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY		NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN		CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI		GIÁM ĐỐC		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN KSTK:		ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN		THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN			HOÀN THÀNH: /2025	BẢN VẼ SỐ: BD-N1-5
 CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ BÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102		BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI		KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	TỶ LỆ: 1/500	KY HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3



CHỦ ĐẦU TƯ:		DỰ ÁN:	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	TRẮC DỤC THIẾT KẾ NHÁNH 1	
TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THUY			CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI		GIÁM ĐỐC		
ĐƠN VỊ TV KSTK:			THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN				
 CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ ĐÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102			Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI			KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	
		BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG					HOÀN THÀNH: /2025	BẢN VẼ SỐ: TD-N1-2
							TỶ LỆ: 1:1000;1:100	KY HIỆU: NO 01Đ - 26 - T3

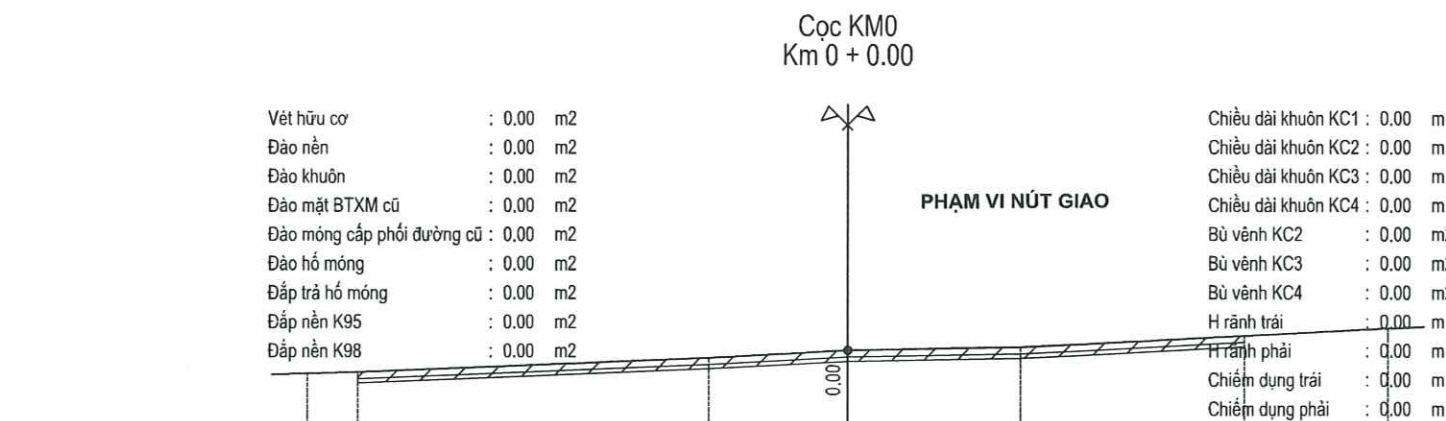


Cao độ thiết kế	19.18	19.14	19.13	19.08	19.07	19.08	19.15	19.25	19.39	19.54	19.71	19.85	19.91	19.95	19.91	19.87	19.78	19.70	19.58	19.48
Độ dốc thiết kế									1.03%									1.10%		
Cao độ đáy cống dọc trái	18.08	18.04	18.04	18.06	18.08	18.10	18.12	18.14	18.30	18.49	18.68	18.85	18.95	19.10						
Độ dốc đáy cống dọc trái					0.18%						1.22%									
Cao độ đáy cống dọc phải	17.96	17.99	17.91	17.95	17.98	18.01	18.05	18.09	18.25	18.43	18.62	18.78	18.88	19.02	19.17	19.23				
Độ dốc đáy cống dọc phải					0.33%						1.19%									
Cao độ tự nhiên	18.89	18.88	18.88	18.82	18.82	18.85	18.88	19.00	19.07	19.18	19.33	19.53	19.60	19.77	19.69	19.61	19.53	19.48	19.41	19.28
Khoảng cách lề	.02	8.22	8.22	10.97	10.97	7.54	12.96	11.39	13.27	15.00	15.98	14.02	8.10	12.10	12.10	5.25	7.71	7.71	10.98	9.07
Khoảng cách cộng dồn	490.80	499.02	507.24	518.21	529.18	541.72	554.68	568.07	581.34	596.34	612.32	629.30	647.40	666.50	686.60	707.70	729.41	751.39	773.37	795.35
Tên cọc	22	H5	P11	TC11	23	D12	24	25	26	H6=27	28	TD13	P13	TD14	TC14	CT				
Lý trình	k	H5				H6														
Đoạn thẳng - Đoạn cong	A = 174°58'19.50" R = 250.00 D = 0.01 P = 0.24 K = 21.94 T = 10.98 L1 = 11.00 L2 = 11.00 H1 = 2.00 w1 = 0.00 A = 178°35'18.94" A = -152°15'32.07" R = 50.00 D = 0.48 P = 1.50 K = 24.21 T = 12.35 L1 = 11.00 L2 = 5.00 H1 = 2.00 w1 = 0.00 A = 160°22'37.26" R = 45.00 D = 0.15 P = 0.67 K = 15.42 T = 7.79 L1 = 5.00 L2 = 10.40 H1 = 2.00 w1 = 0.00																			

PHÒNG KINH TẾ - XÃ ĐIỂM THỤY
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số/.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

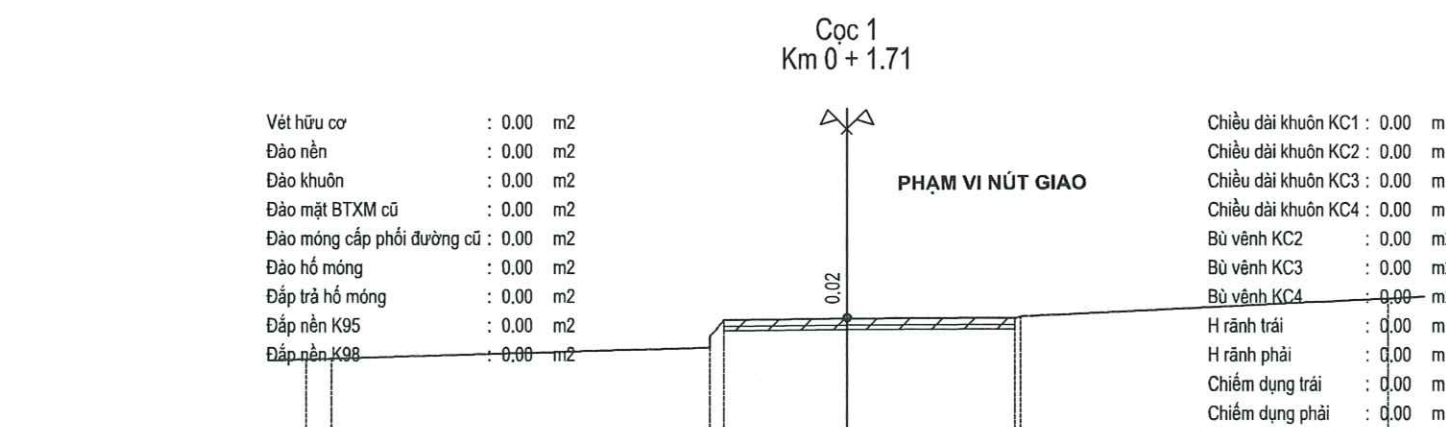
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐỒNG Á
THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:
Ngày:.... tháng năm 20.....
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY	DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẮN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỨC DANH CHỦ NHIỆM CT THIẾT KẾ Q.L.K.T	HỌ VÀ TÊN KS. DƯƠNG QUÝ HẢI KS. NGUYỄN THÁI SƠN KS. NGÔ ĐỨC TÀI	CHỮ KÝ THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026 AN NGỌC DƯƠNG THÁI NGUYÊN KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	TRÁC DỤC THIẾT KẾ NHÁNH 1 HOÀN THÀNH: /2025 TỶ LỆ: 1:1000;1:100	BẢN VẼ SỐ: TD-N1-3 KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3
--	--	--	--	---	---	---



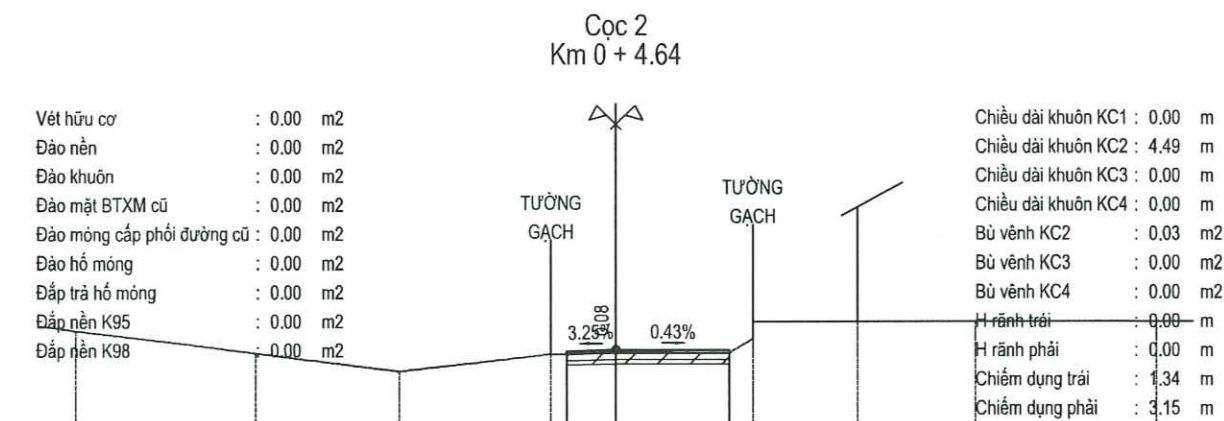
MSS: 21

Cao độ thiết kế							
Khoảng cách lề thiết kế							
Cao độ tự nhiên	24.16	24.20	24.59	24.80	24.89	25.20	25.40
Khoảng cách mìa	1.40		9.75	3.85	4.78	6.22	4.00



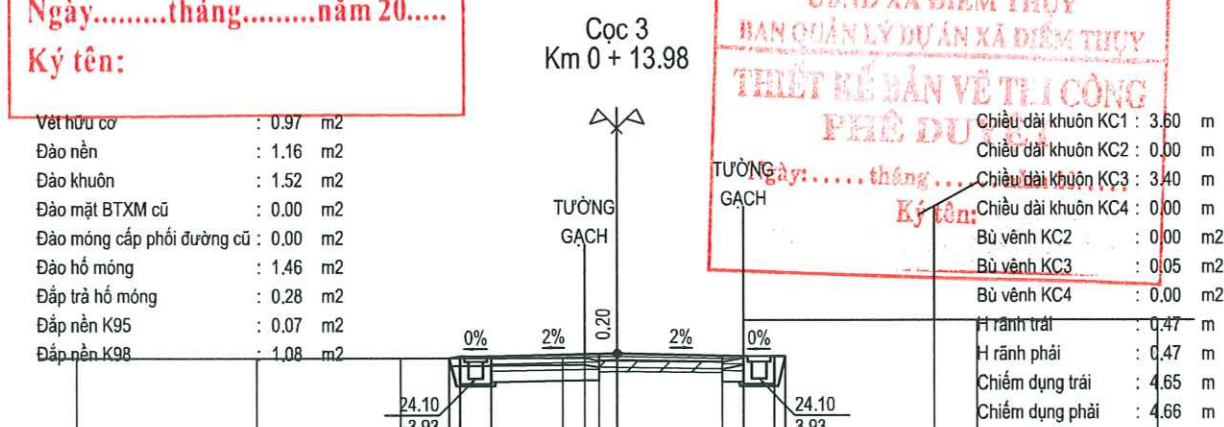
MSS: 20

Cao độ thiết kế							
Khoảng cách lề thiết kế							
Cao độ tự nhiên	23.66	23.68	23.88	24.78	24.85	25.33	
Khoảng cách mìa	0.70		10.50	3.40	4.65	10.20	



MSS: 21

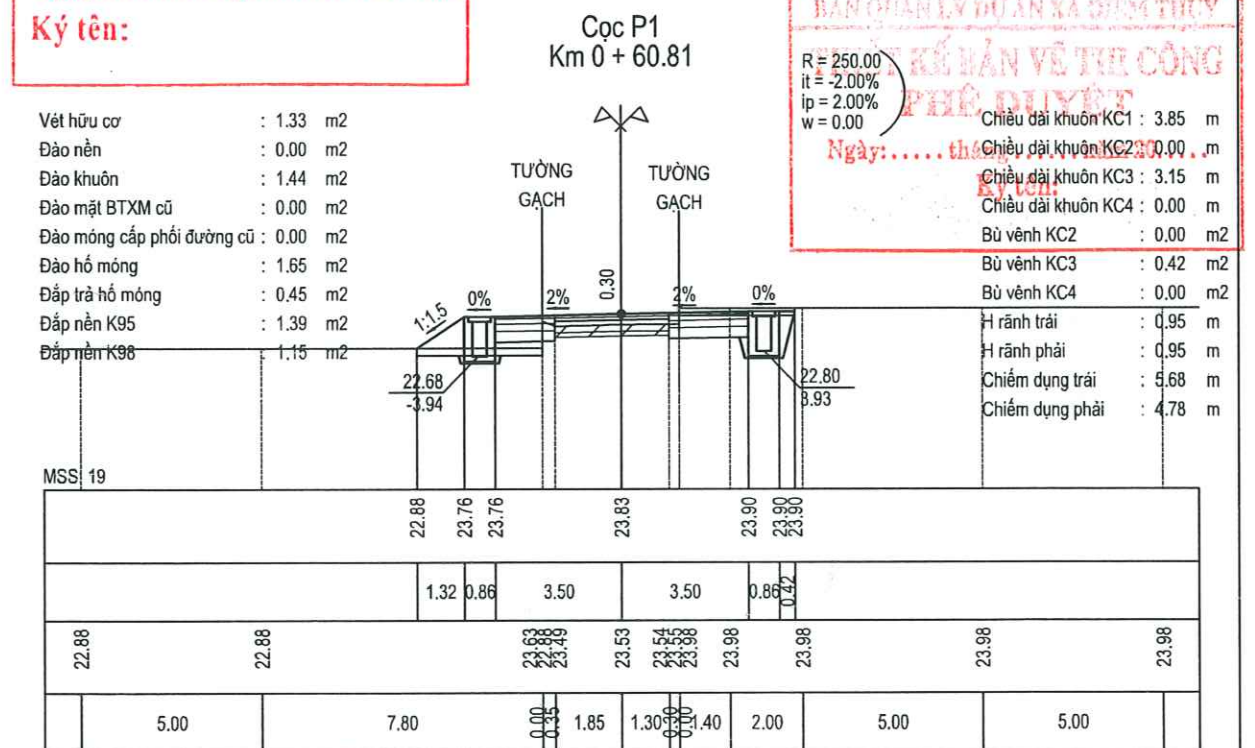
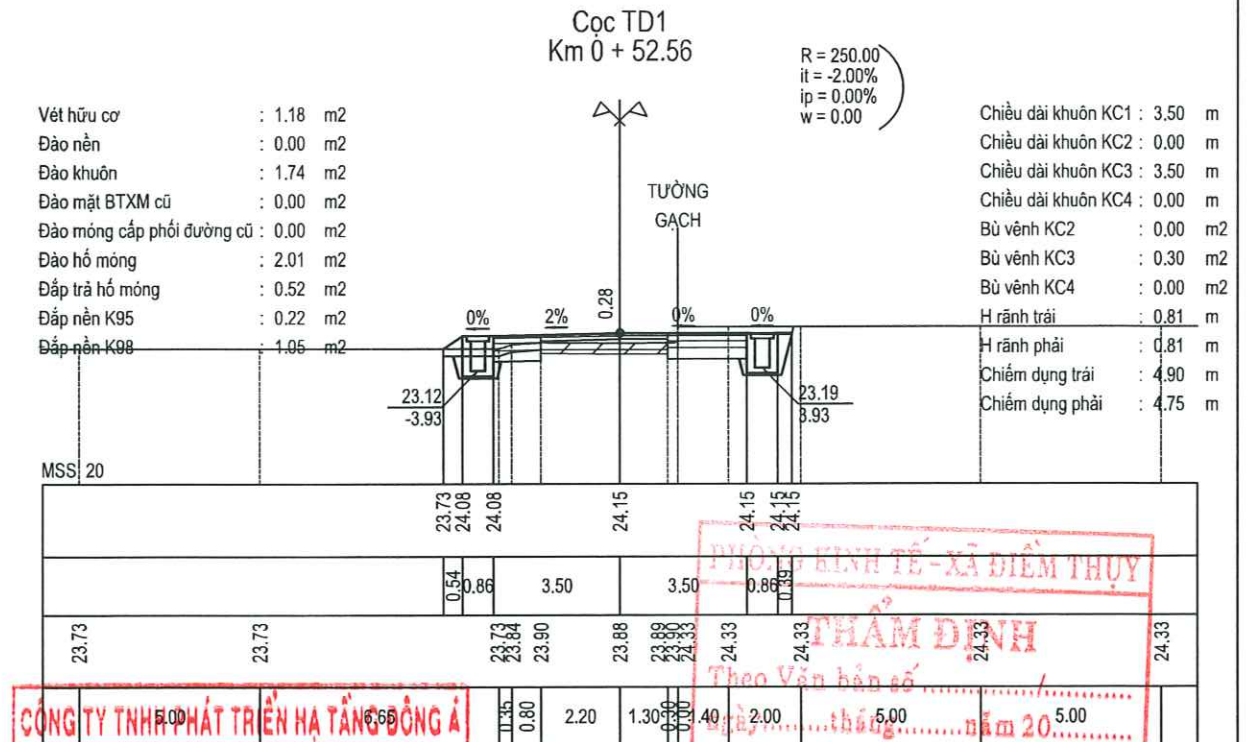
Cao độ thiết kế							
Khoảng cách lề thiết kế							
Cao độ tự nhiên	25.34	24.71	24.21	24.68	24.71	25.57	25.57
Khoảng cách mìa	5.00	4.00	4.20	0.46	1.34	3.15	5.00

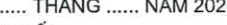


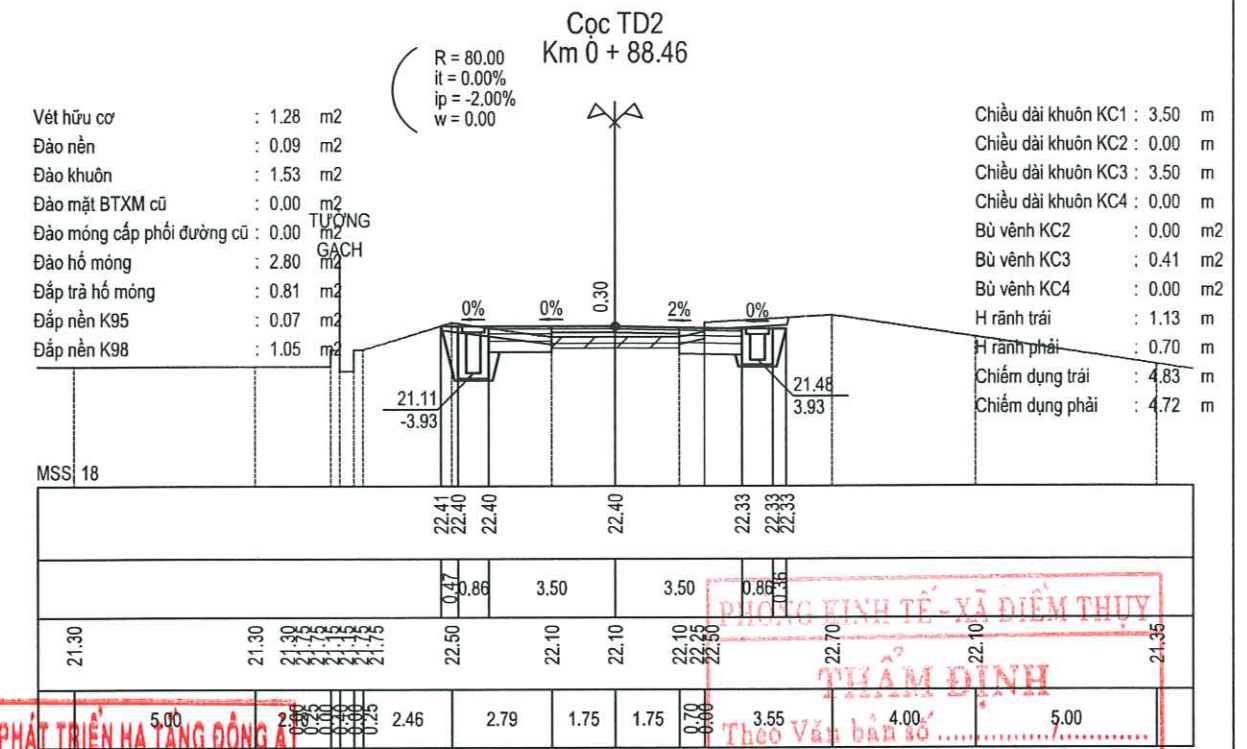
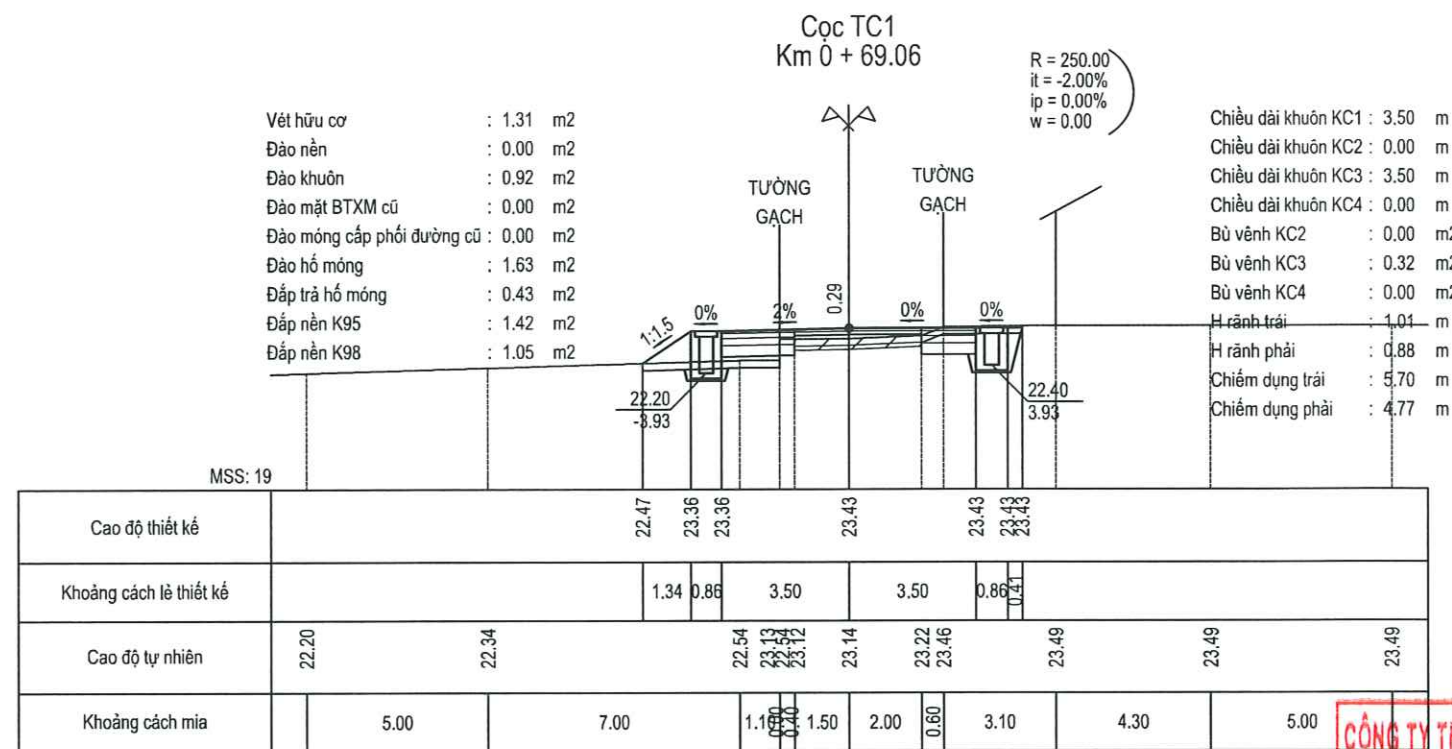
MSS: 21

Cao độ thiết kế							
Khoảng cách lề thiết kế							
Cao độ tự nhiên	24.67	24.67	24.67	24.67	24.59	25.71	25.71
Khoảng cách mìa	5.00	4.00	4.50	0.60	2.90	5.30	1.20

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THUY	DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THUY, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỨC DANH CHỦ NHIỆM CT THIẾT KẾ Q.L.K.T	HỌ VÀ TÊN KS. DƯƠNG QUÝ HẢI KS. NGUYỄN THÁI SƠN KS. NGÔ ĐỨC TÀI	CHỮ KÝ THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026 AN NGỌC DƯƠNG KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	TRÁC NGANG THIẾT KẾ NHÁNH 1 HOÀN THÀNH: /2025 TỶ LỆ: 1:200
ĐƠN VỊ TV.KSTK: CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ BÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0957) 118.102	BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG				BẢN VẼ SỐ: TN-N1-1 KY HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3



CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THUY		DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN		CHỨC DANH CHỦ NHIỆM CT	HỌ VÀ TÊN KS. DƯƠNG QUÝ HẢI	CHỮ KÝ 	THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026 AN NGỌC DƯƠNG GIÁM ĐỐC	TRÁC NGANG THIẾT KẾ NHẪN 1	
ĐƠN VỊ TV KSTK:  CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ ĐÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102		ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THUY, TỈNH THÁI NGUYÊN		THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN			HOÀN THÀNH: /2025	BẢN VẼ SỐ: TN-N1-2
		BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI			KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	TỶ LỆ: 1:200

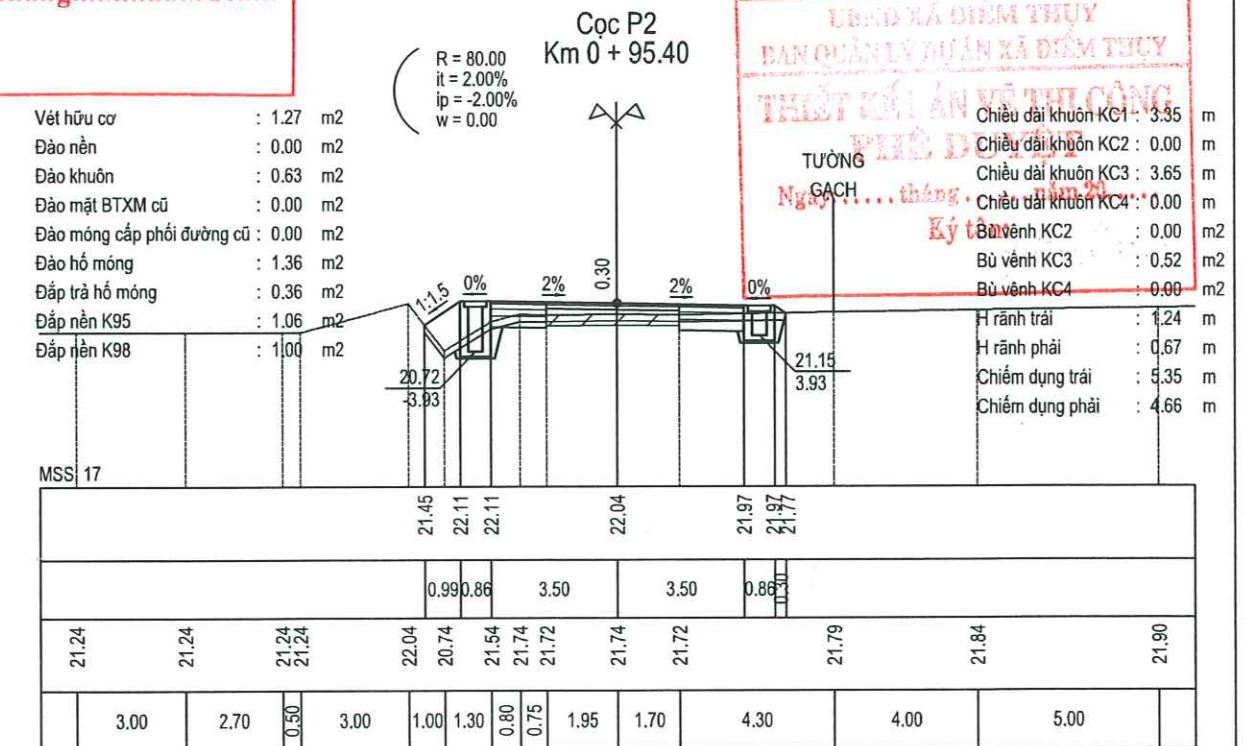
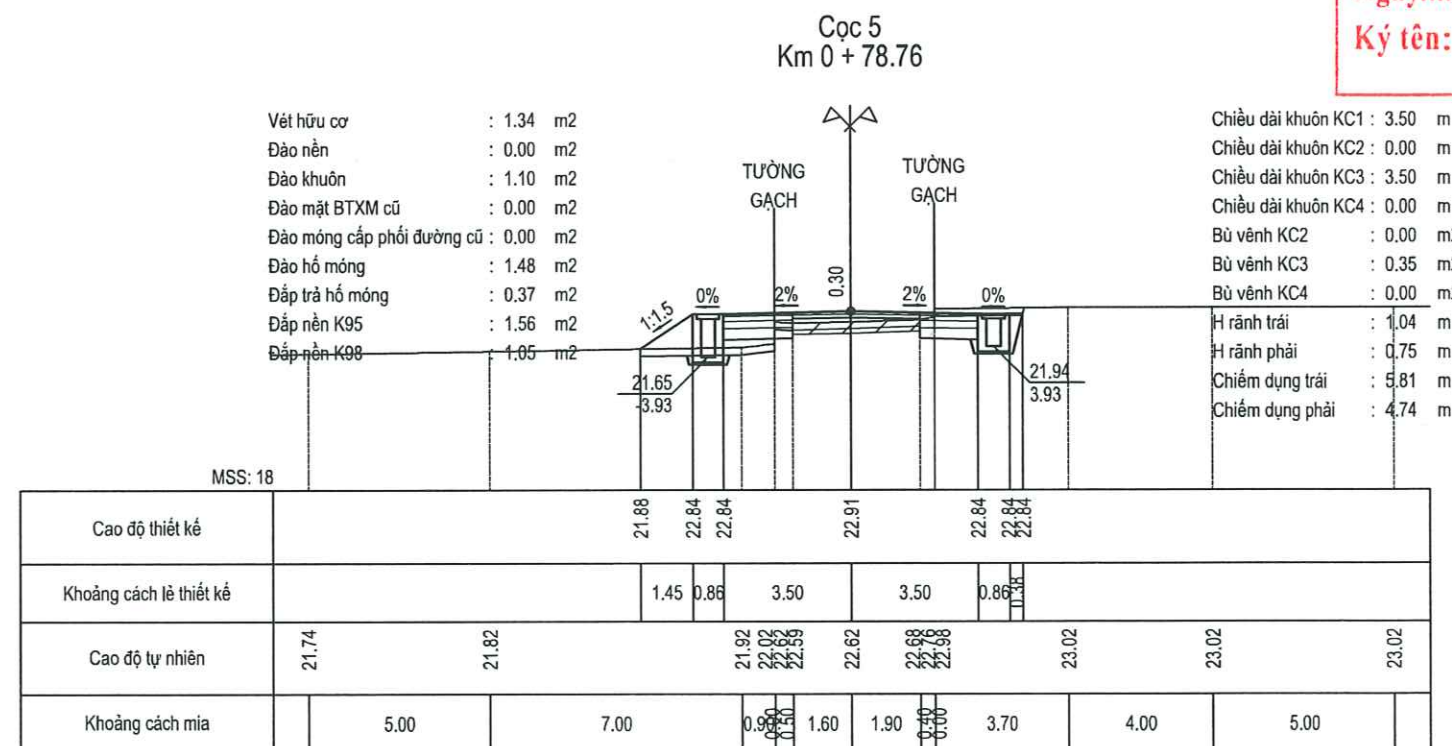


CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TANG ĐÔNG A

THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ - XÃ ĐIỂM THỤY

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

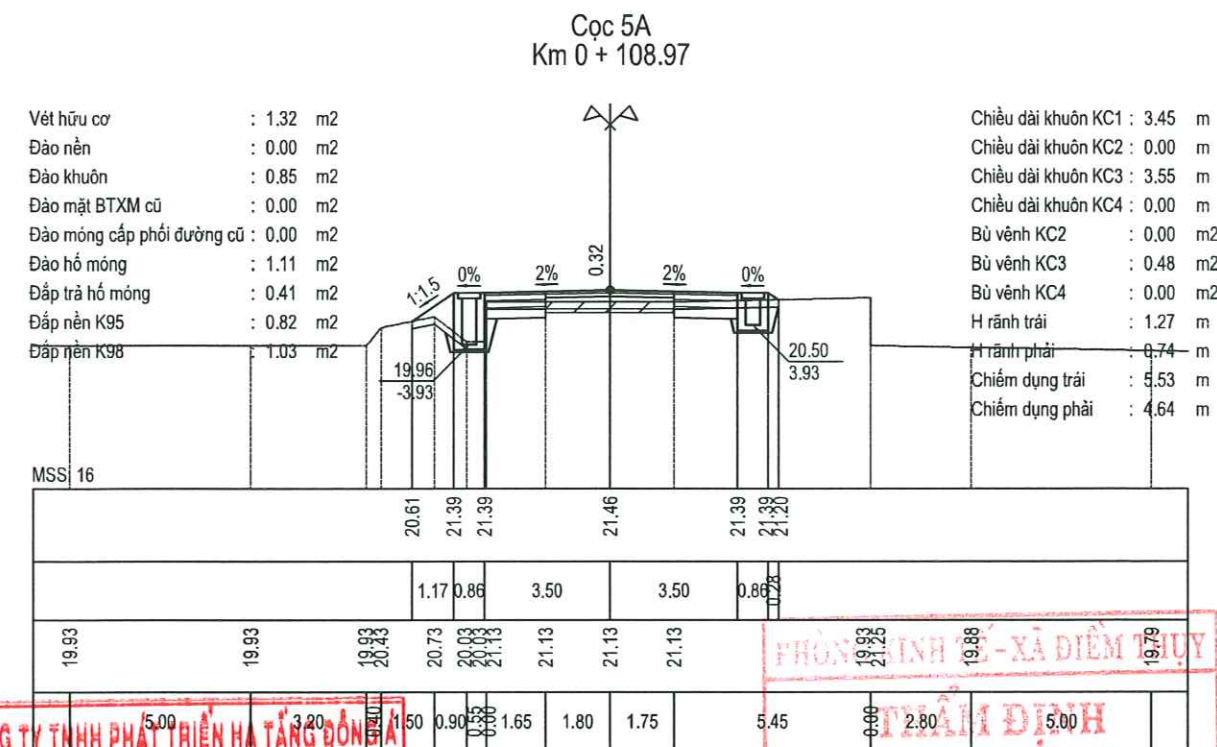
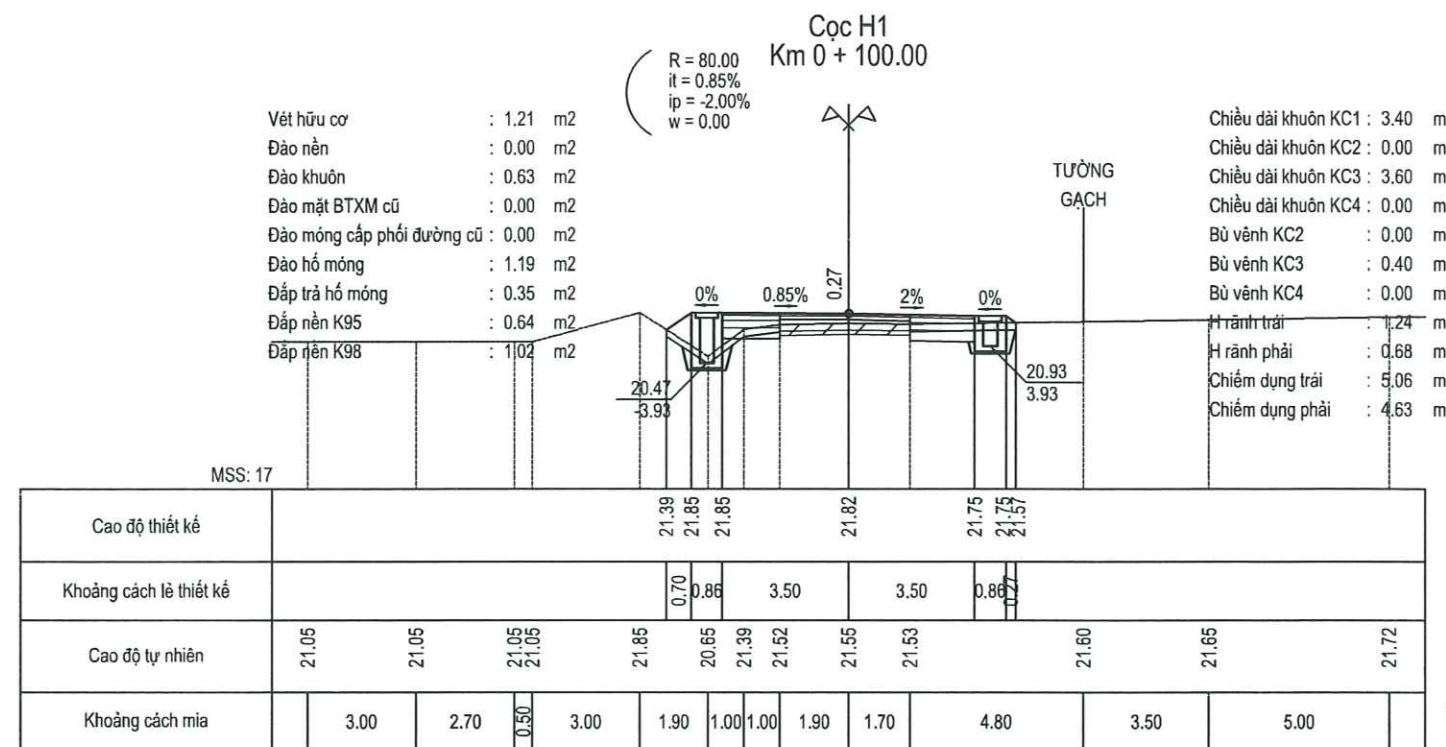


UBND XÃ ĐIỂM THỤY

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THỤY

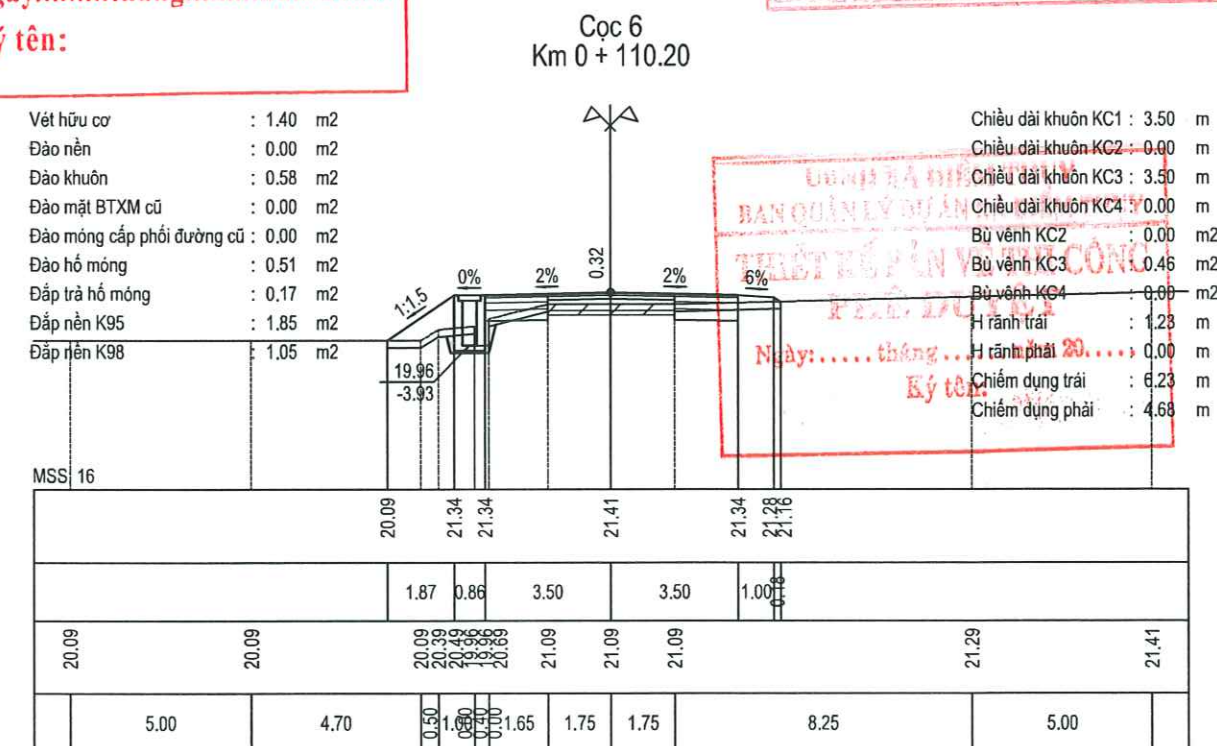
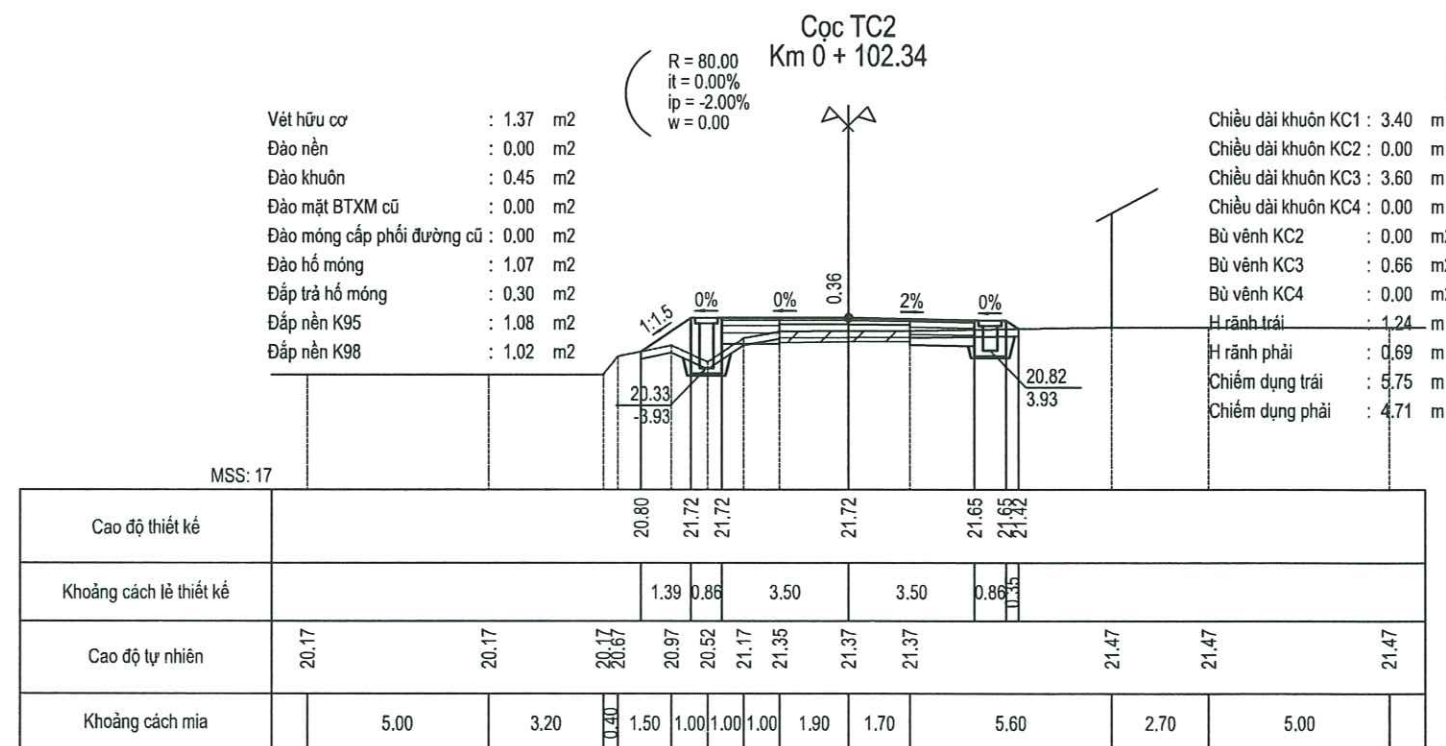
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ:		DỰ ÁN:	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	CHỖ NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	TRÁC NGANG THIẾT KẾ NHÁNH 1	
TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY			CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI		GIÁM ĐỐC		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN KSTK:			THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN			HOÀN THÀNH: /2025	BẢN VẼ SỐ: TN-N1-3
 CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ BÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0957) 118.102			Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI			KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	TỶ LỆ: 1:200
		BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG						

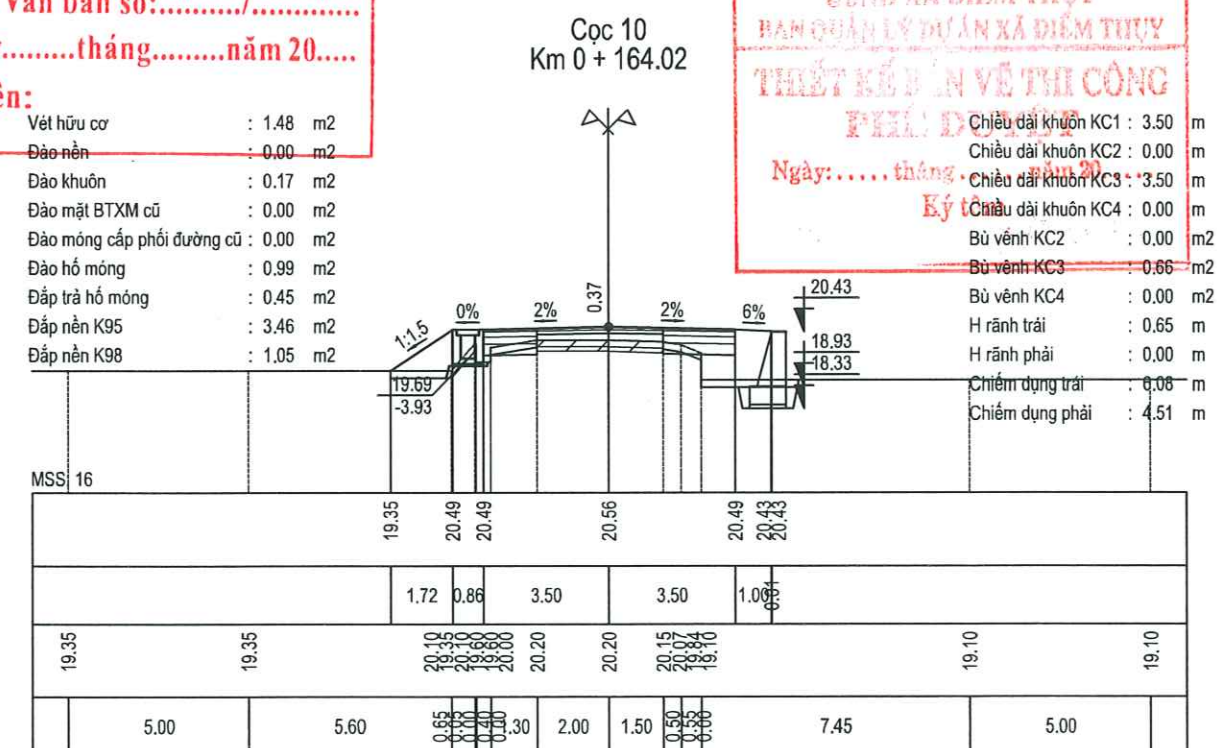
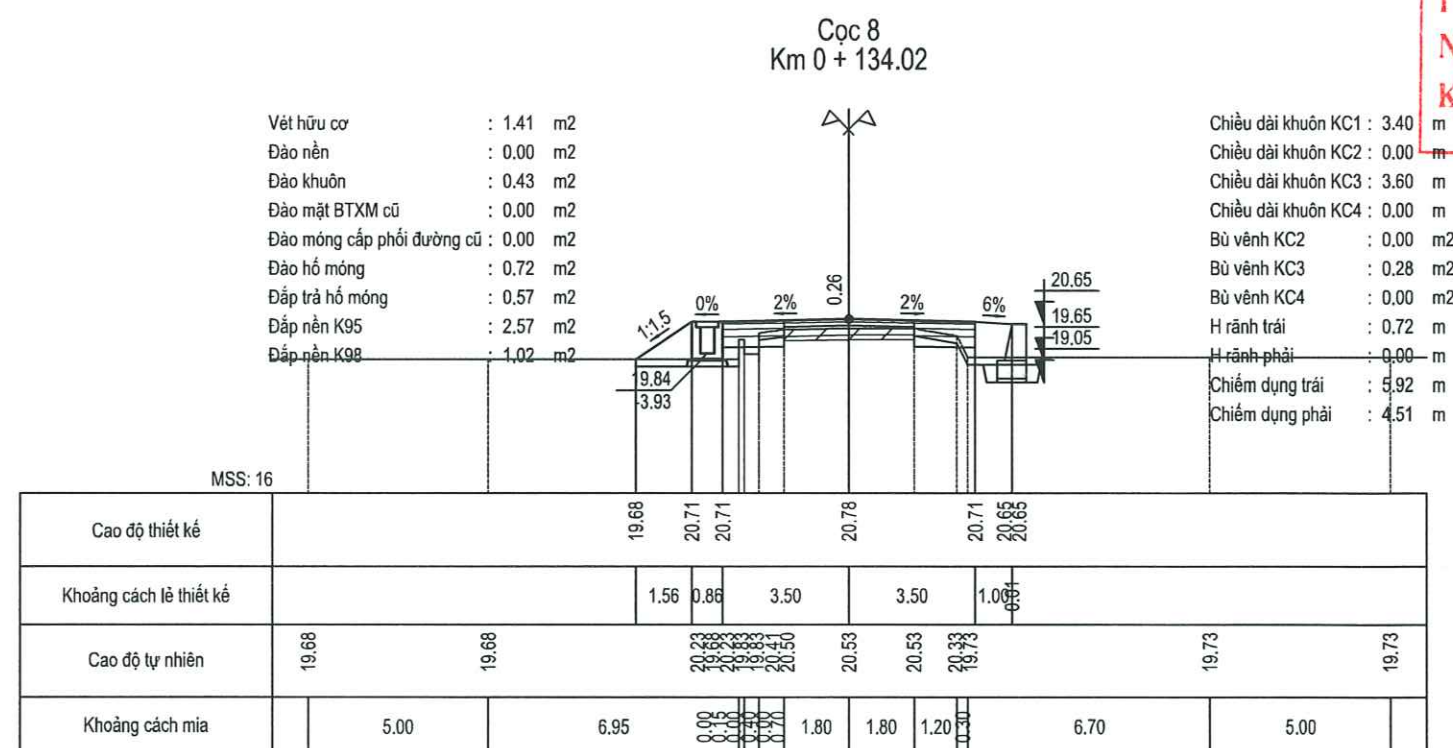
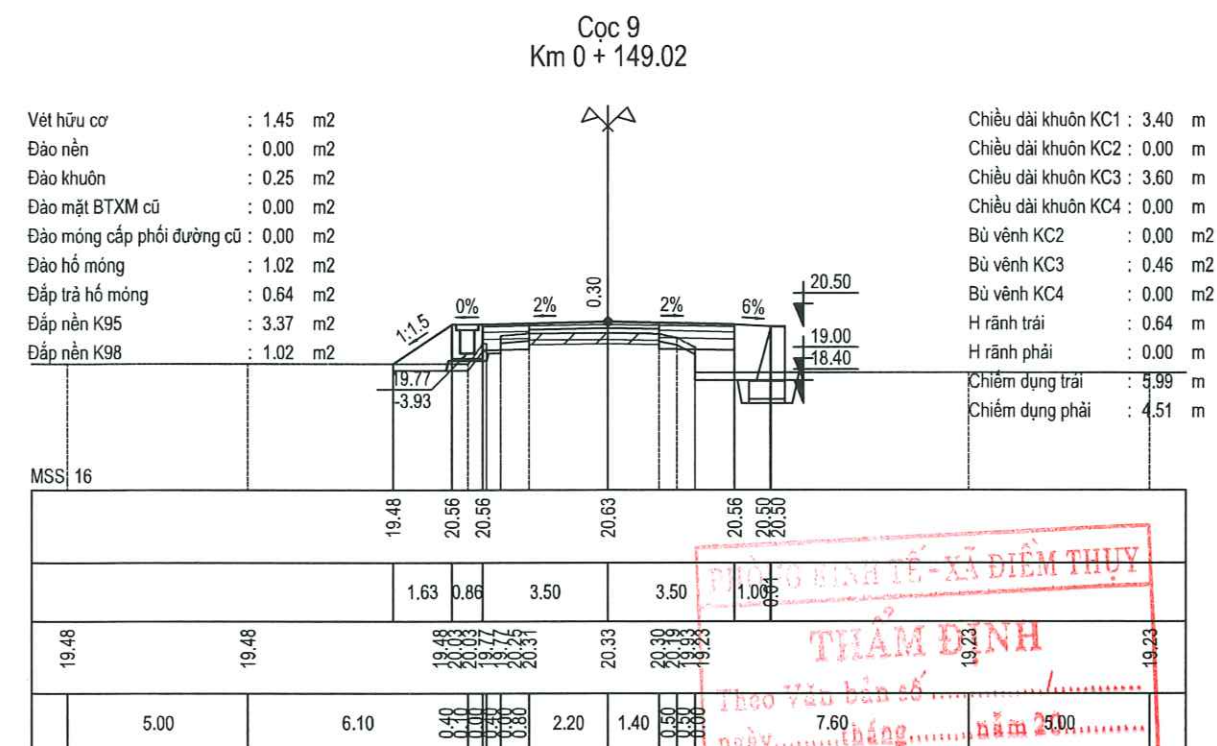
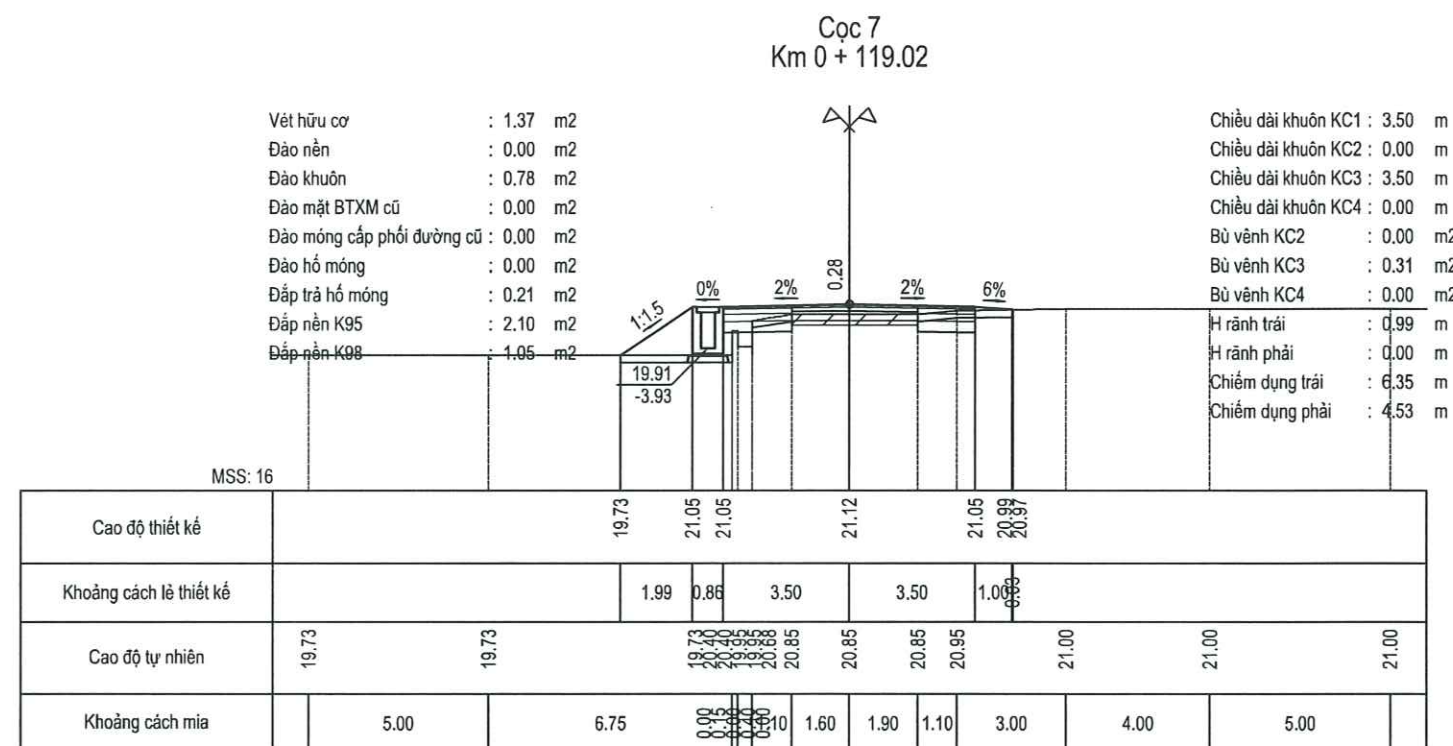


THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

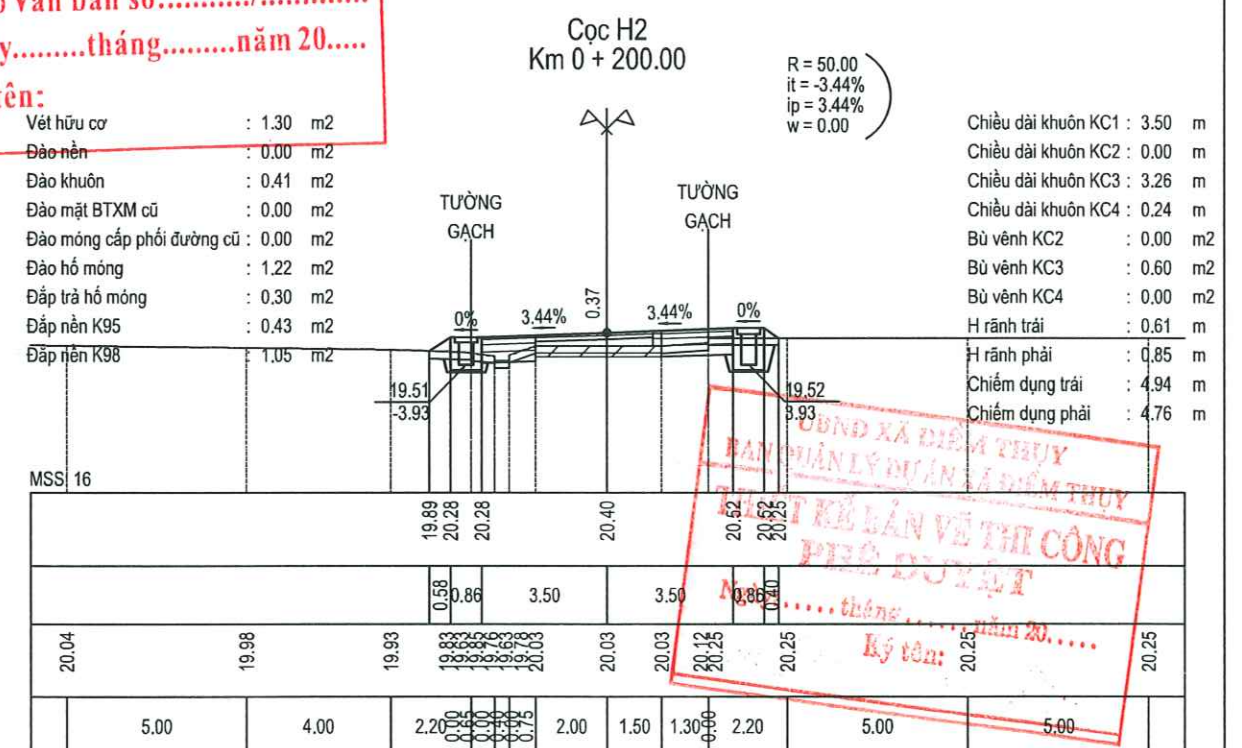
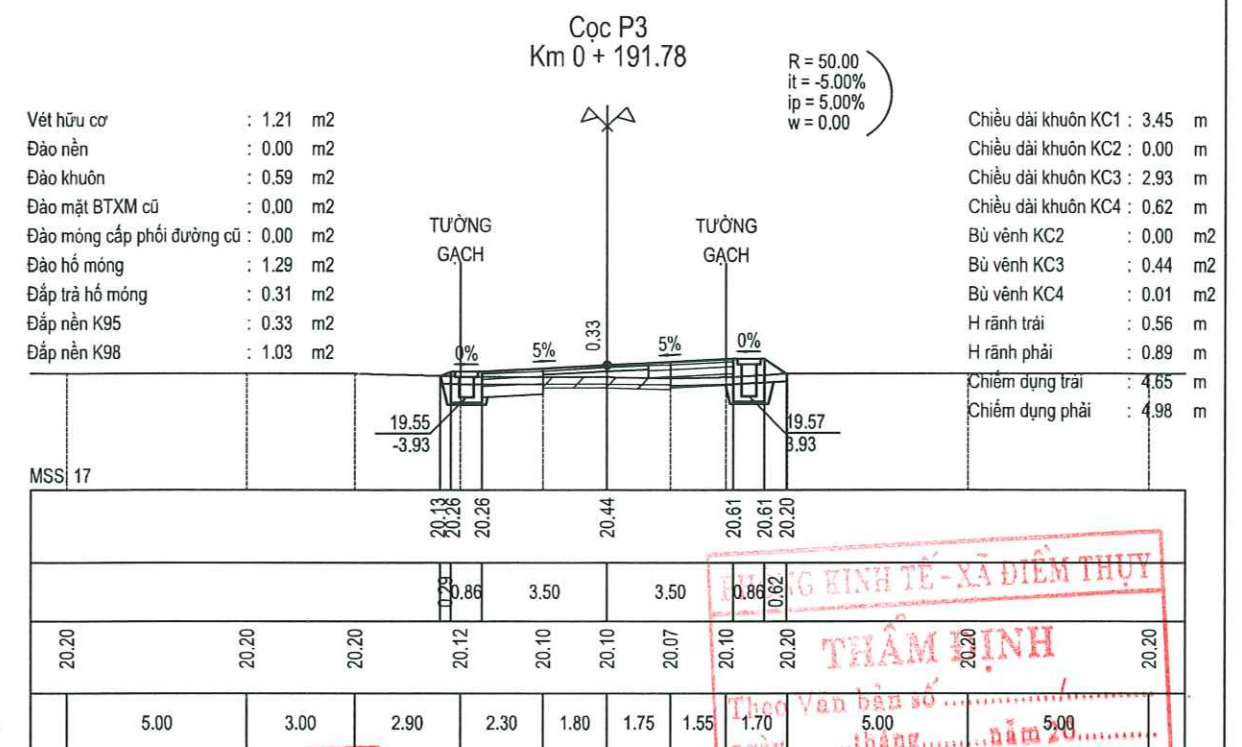
PHÒNG LƯU HÀNH - XÃ ĐIỂM THỤY
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:



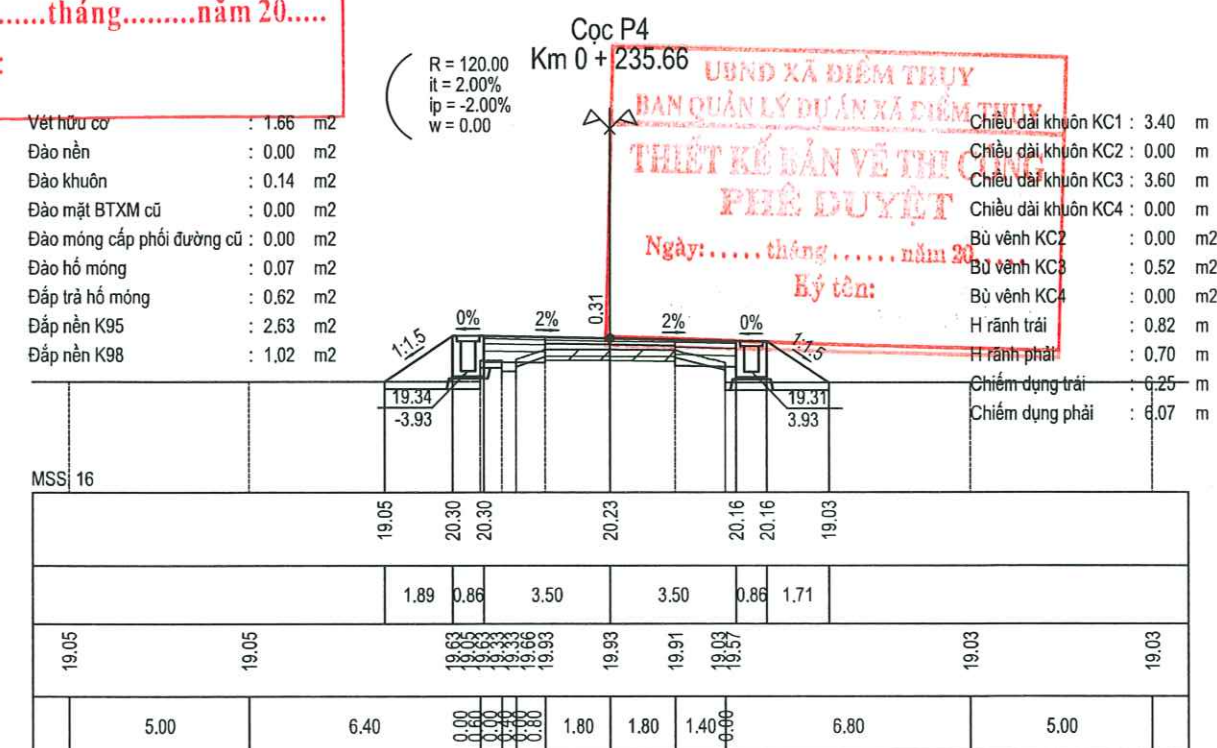
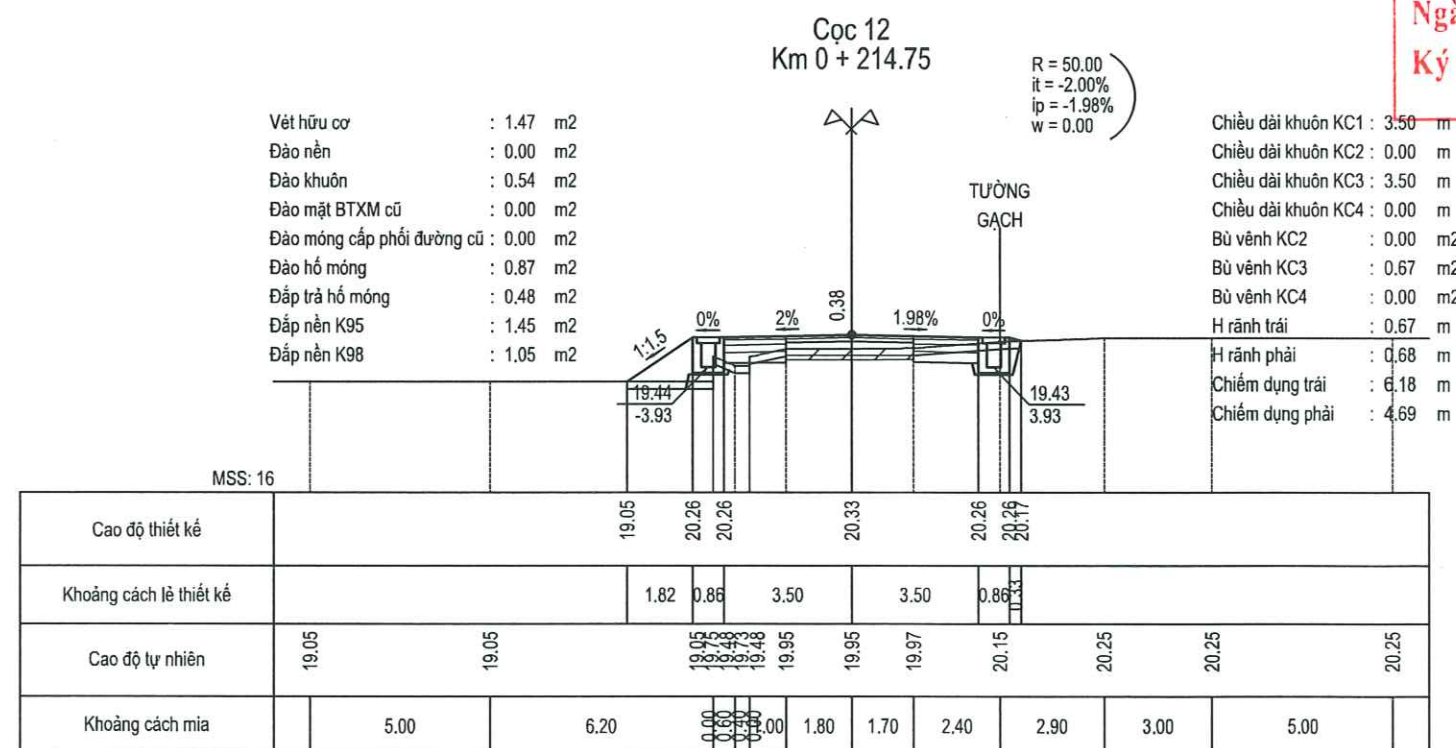
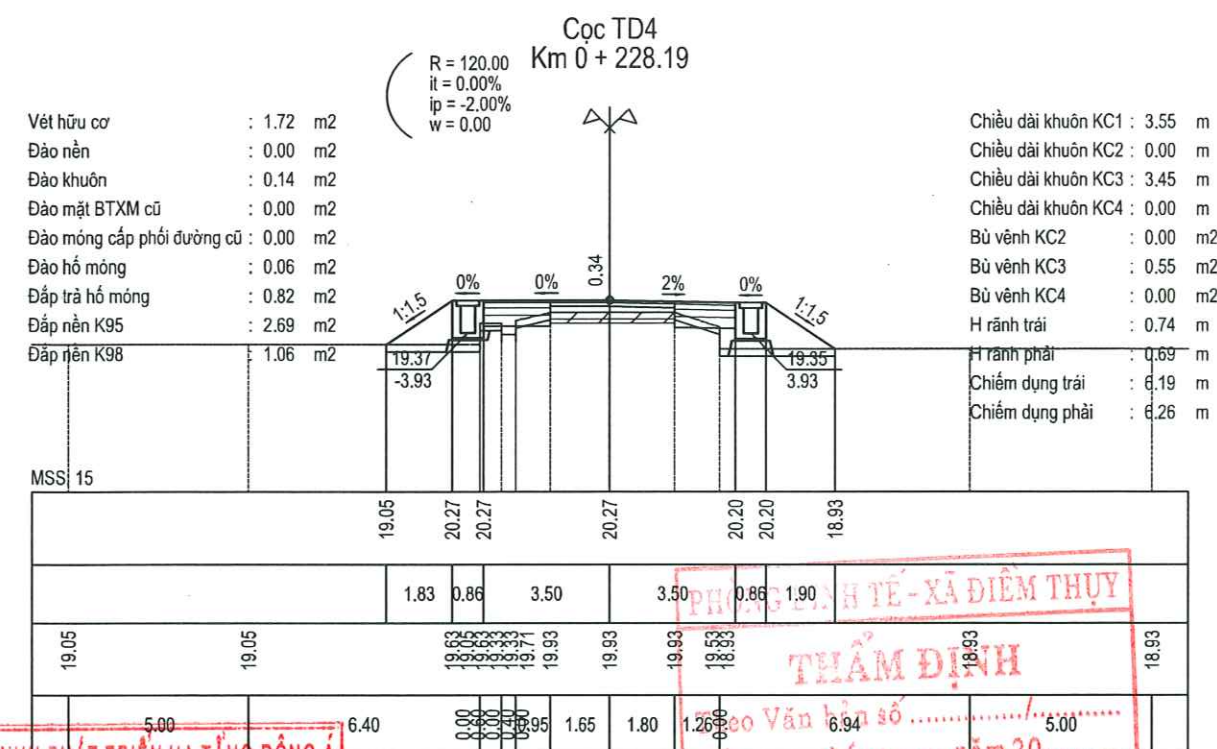
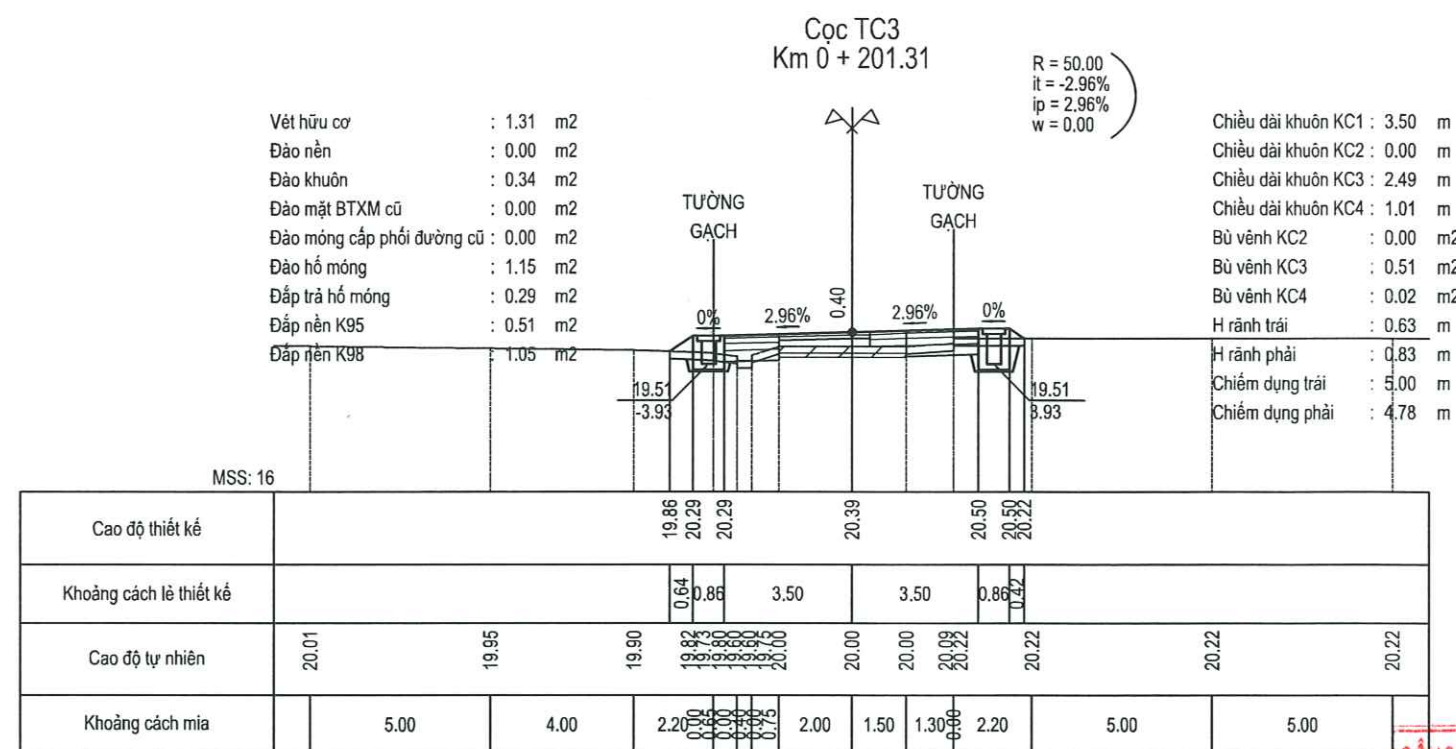
CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY ĐƠN VỊ TV KSTK: CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ ĐÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0957) 118.102	DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYỄN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	TRÁC NGANG THIẾT KẾ NHÁNH 1 HOÀN THÀNH: /2025 BẢN VẼ SỐ: TN-N1-4 TỶ LỆ: 1:200 KY HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3
		CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI	<i>[Signature]</i>	GIÁM ĐỐC	
		THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN	<i>[Signature]</i>		
		Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI	<i>[Signature]</i>	KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	



CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY	DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỨC DANH CHỦ NHIỆM CT: KS. DƯƠNG QUÝ HẢI THIẾT KẾ: KS. NGUYỄN THÁI SƠN Q.L.K.T: KS. NGÔ ĐỨC TÀI	HỌ VÀ TÊN 	CHỮ KÝ 	THÁI NGUYÊN NGÀY THÁNG NĂM 2026 	TRÁC NGANG THIẾT KẾ NHÁNH 1
ĐƠN VỊ TV KSTK: CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ BÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0977) 118.102	BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG					HOÀN THÀNH: /2025 BẢN VẼ SỐ: TN-N1-5 TỶ LỆ: 1:200 KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3



CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY		DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN		CHỨC DANH CHỦ NHIỆM CT	HỌ VÀ TÊN KS. DƯƠNG QUÝ HẢI	CHỮ KÝ 	THÁNG NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026 AN NGỌC DƯƠNG	TRẮC NGANG THIẾT KẾ NHÁNH 1	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN KSTK:  CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ BÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0997) 119.102		ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN		THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN		KIỂM TRA KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	HOÀN THÀNH: /2025	BẢN VẼ SỐ: TN-N1-6
		BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI		T. THÁI NGUYÊN	TỶ LỆ: 1:200	KY HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3

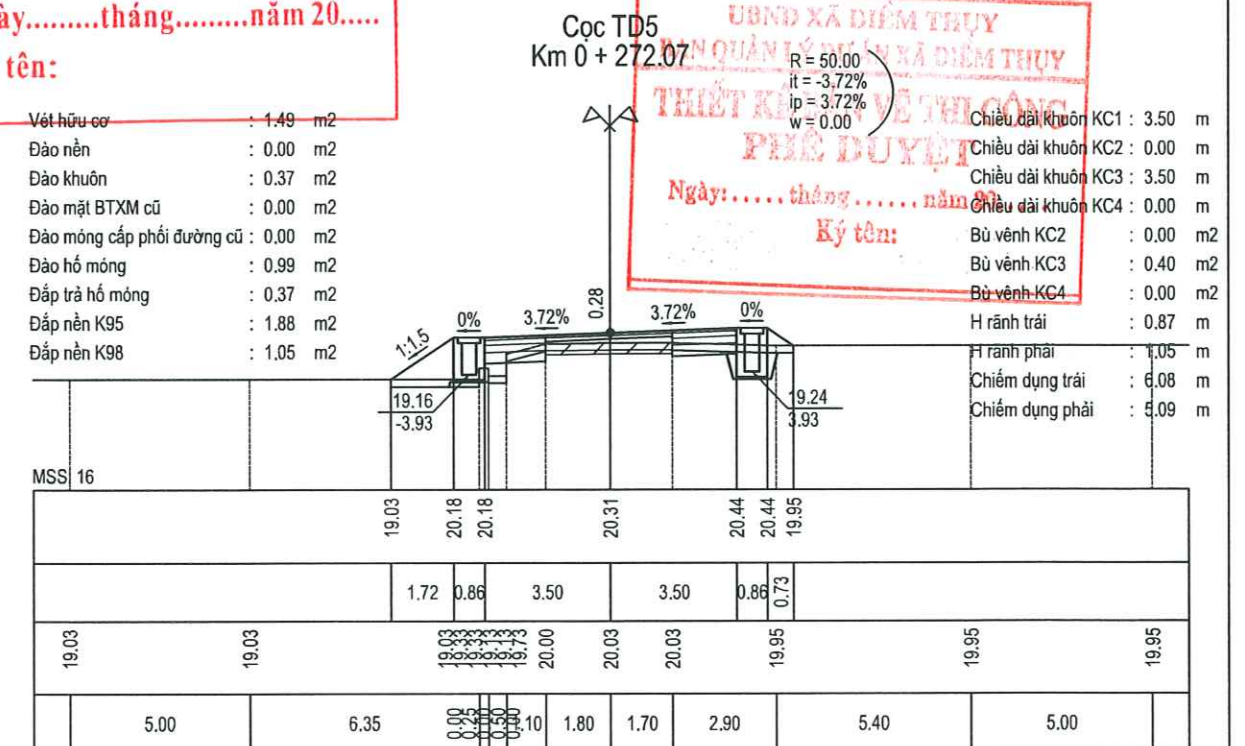
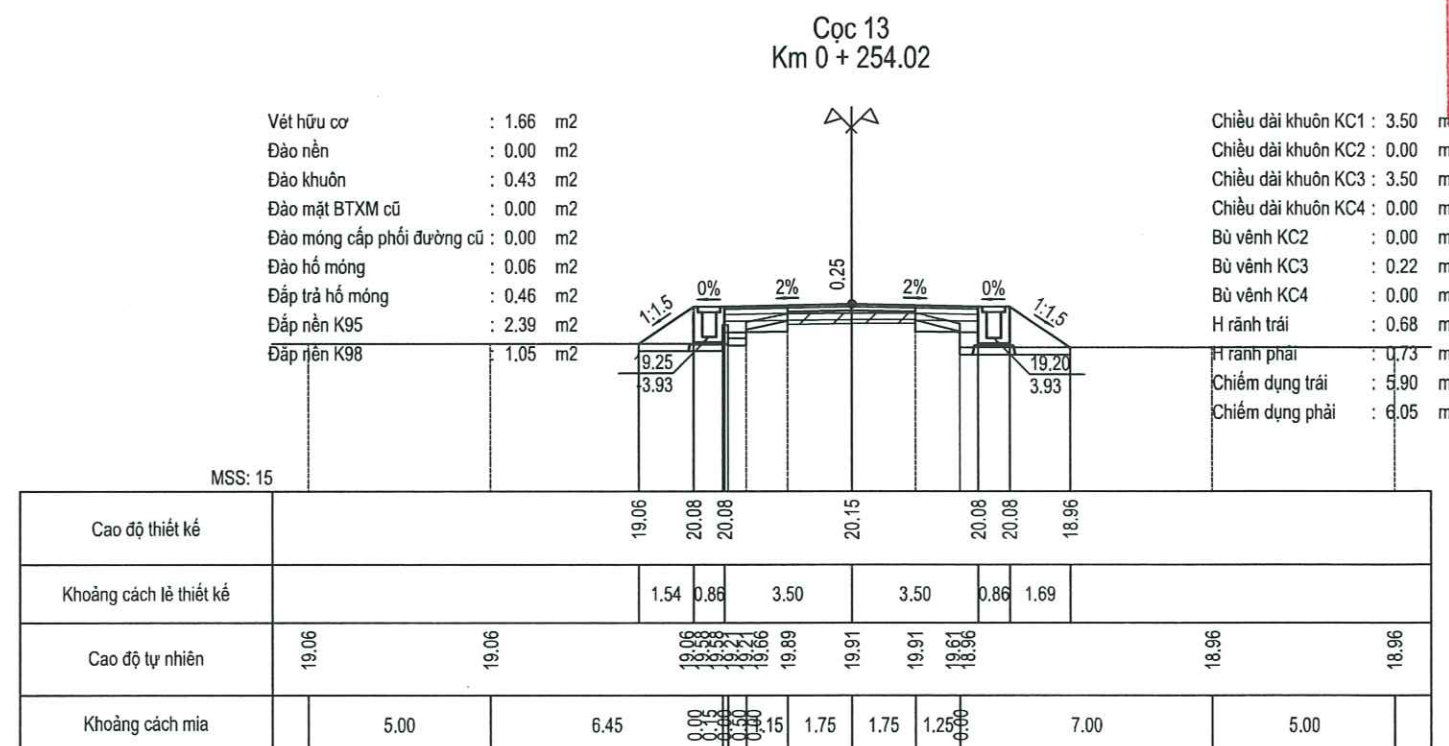
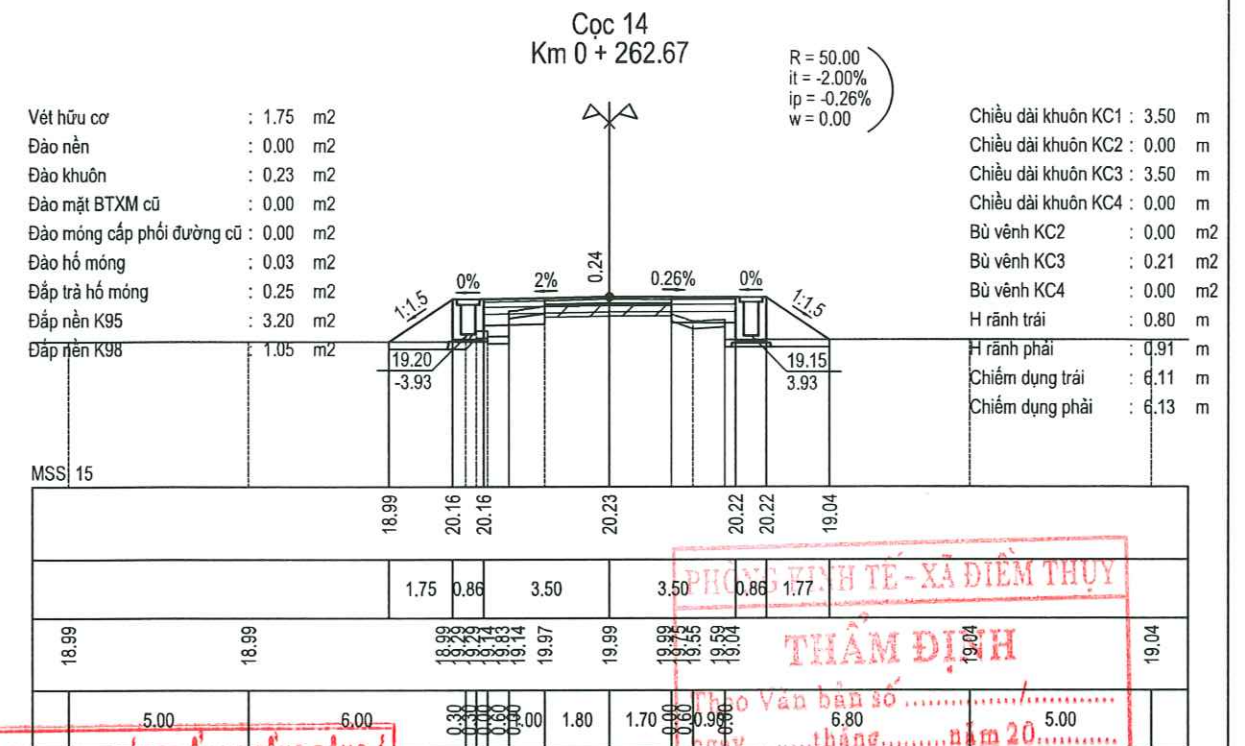
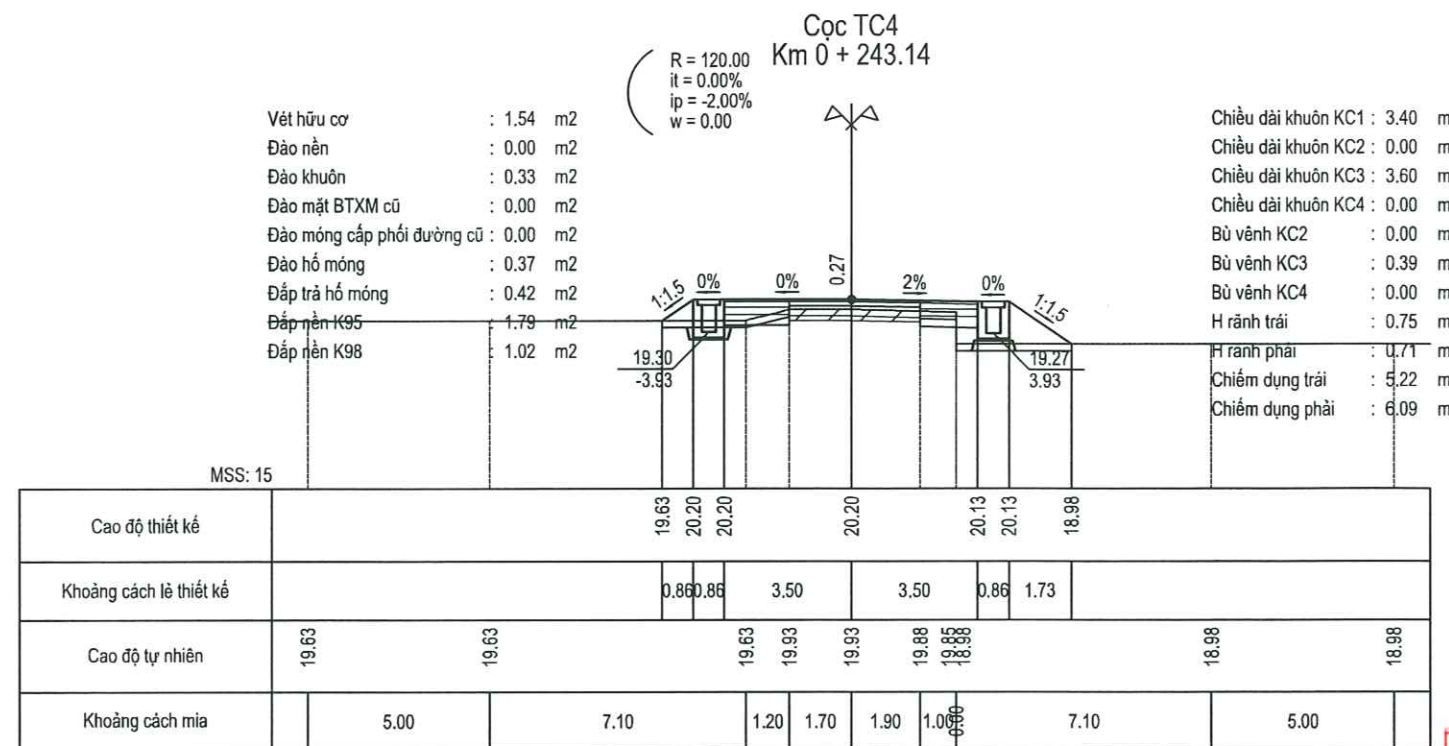


THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

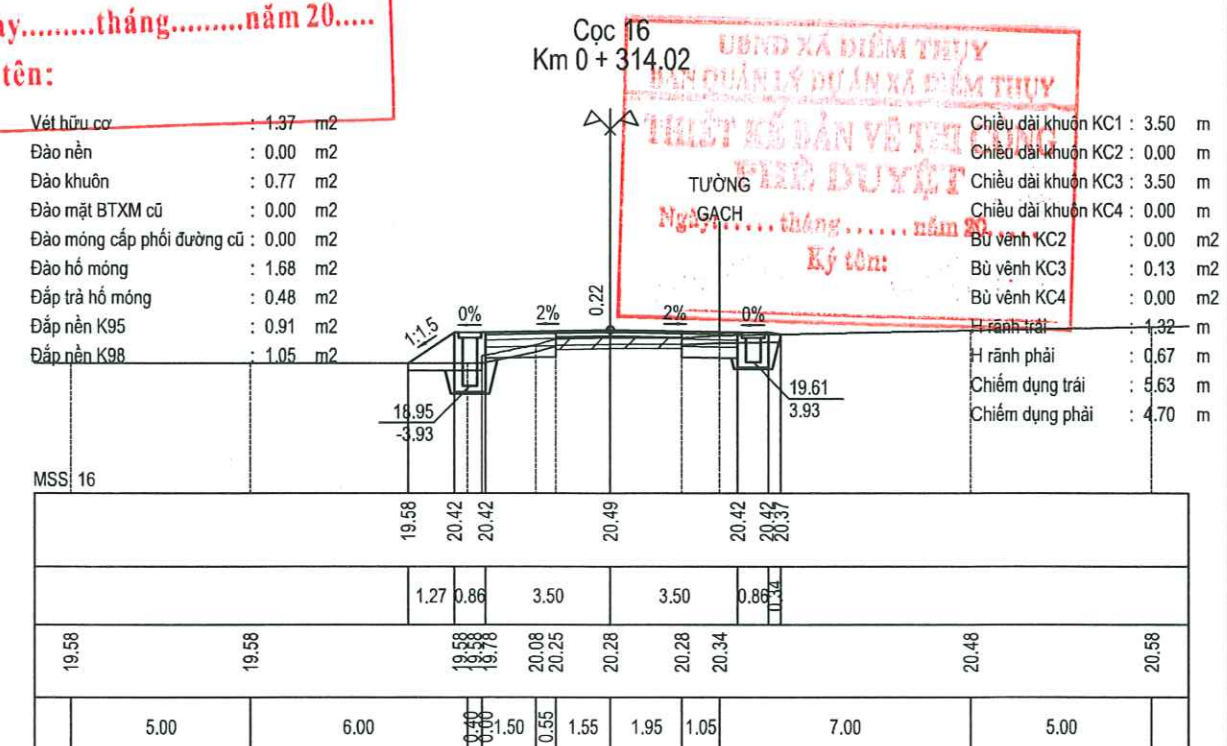
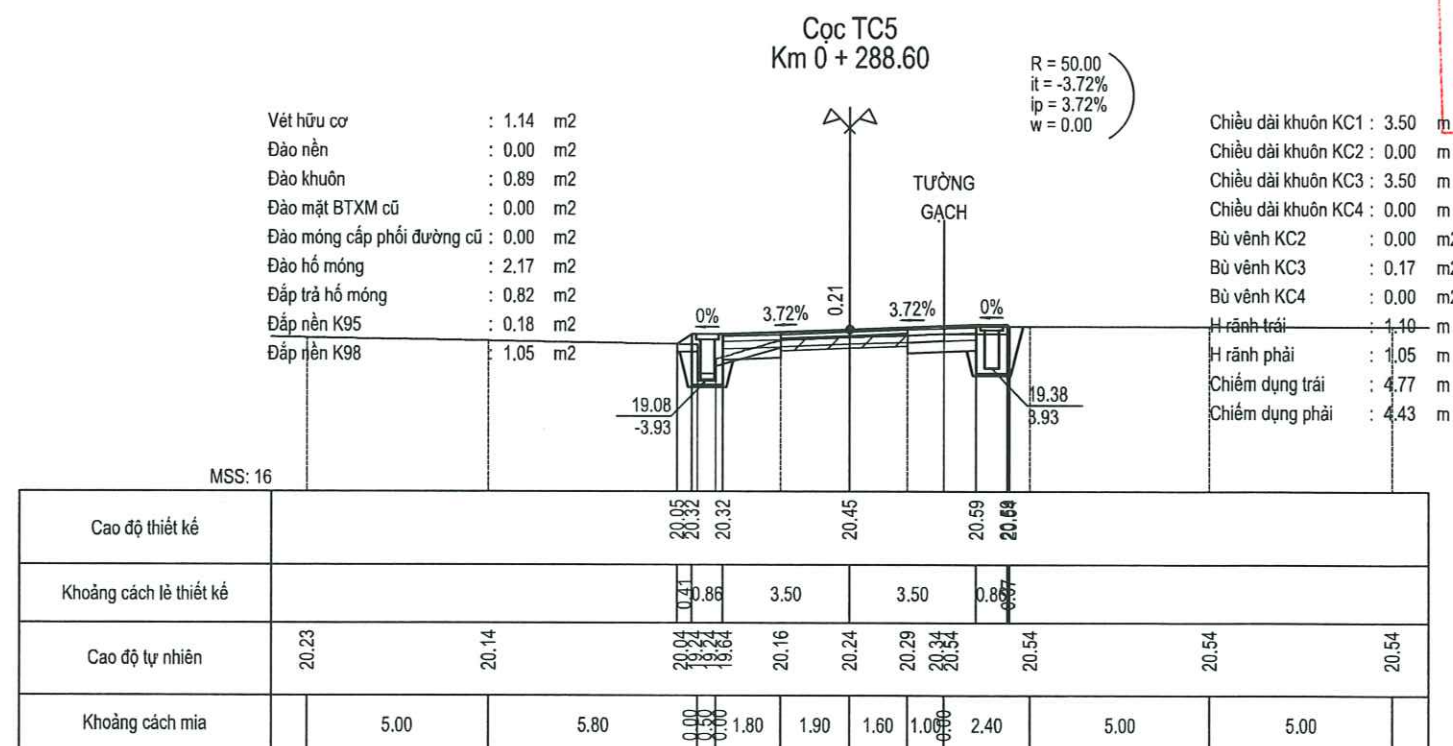
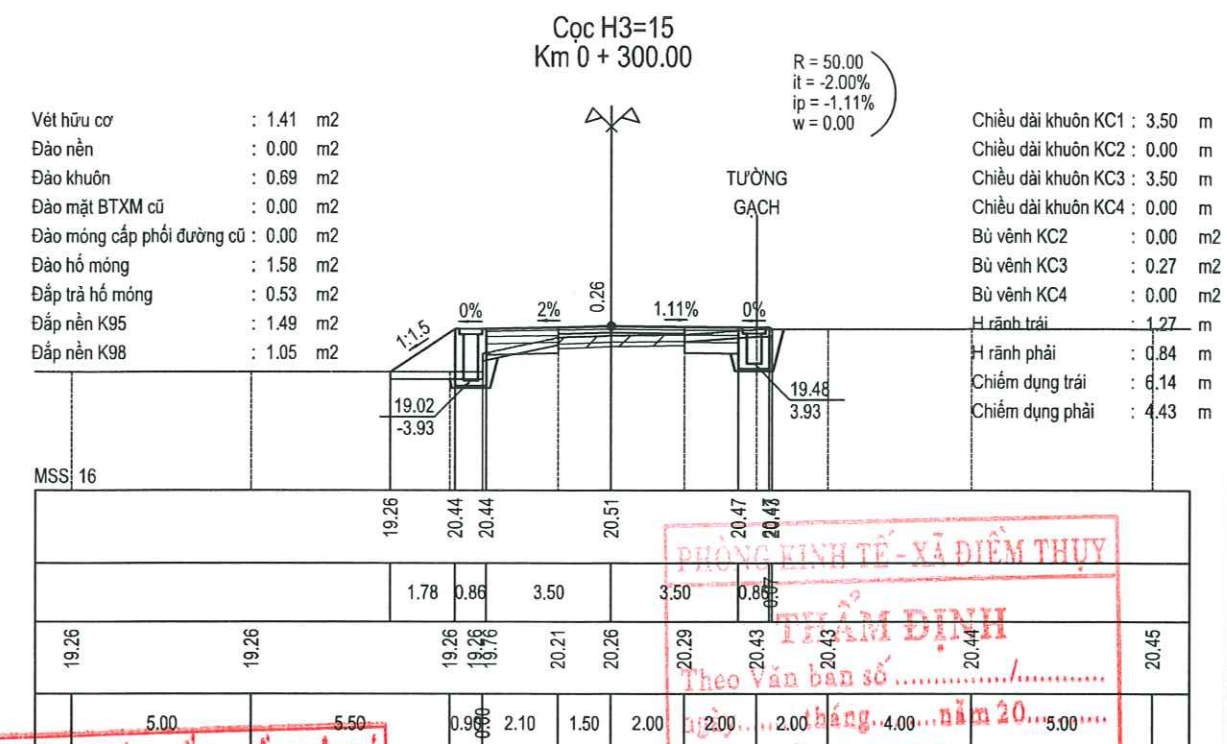
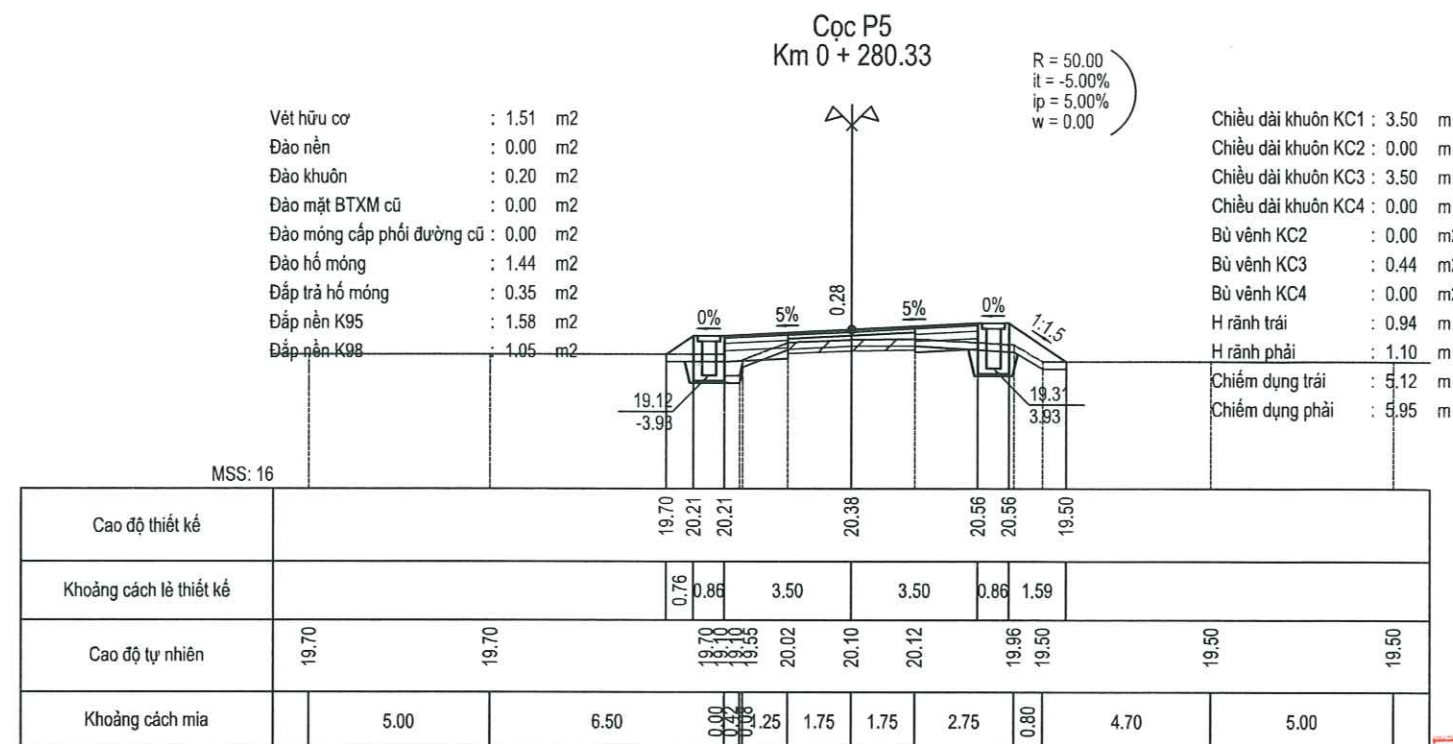
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

PHÊ DUYỆT
Ngày:.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY ĐƠN VỊ TƯ VẤN KSTK:  CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ BÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118 102	DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	CHỨC DANH CHỦ NHIỆM CT THIẾT KẾ Q.L.K.T	HỌ VÀ TÊN KS. DƯƠNG QUÝ HẢI KS. NGUYỄN THÁI SƠN KS. NGÔ ĐỨC TÀI	CHỮ KÝ CHAI NGUYỄN, NGÀY THÁNG NĂM 2026 AN NGỌC DƯƠNG T. THÁI NGUYÊN	GIÁM ĐỐC KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	TRÁC NGANG THIẾT KẾ NHÃN 1 HOÀN THÀNH: /2025 TỶ LỆ: 1:200 BẢN VẼ SỐ: TN-N1-7 KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3



CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY ĐƠN VỊ TƯ VẤN KSTK: CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ ĐÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102	DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	TRÁC NGANG THIẾT KẾ NHÁNH 1 HOÀN THÀNH: /2025 BẢN VẼ SỐ: TN-N1-8 TỶ LỆ: 1:200 KÝ HIỆU: NĐ 01Đ - 26 - T3
		CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI	<i>[Signature]</i>	GIÁM ĐỐC	
		THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN	<i>[Signature]</i>		
		Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI	<i>[Signature]</i>	KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	



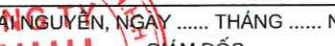
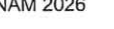
CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY ĐƠN VỊ TƯ VẤN KSTK: CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ ĐÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0997) 118 102	DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	TRÁC NGANG THIẾT KẾ NHÃNH 1 HOÀN THÀNH: /2025 BẢN VẼ SỐ: TN-N1-9 TỶ LỆ: 1:200 KY HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3
		CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI	<i>[Signature]</i>	GIÁM ĐỐC	
		THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN	<i>[Signature]</i>		
		Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI	<i>[Signature]</i>	KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	

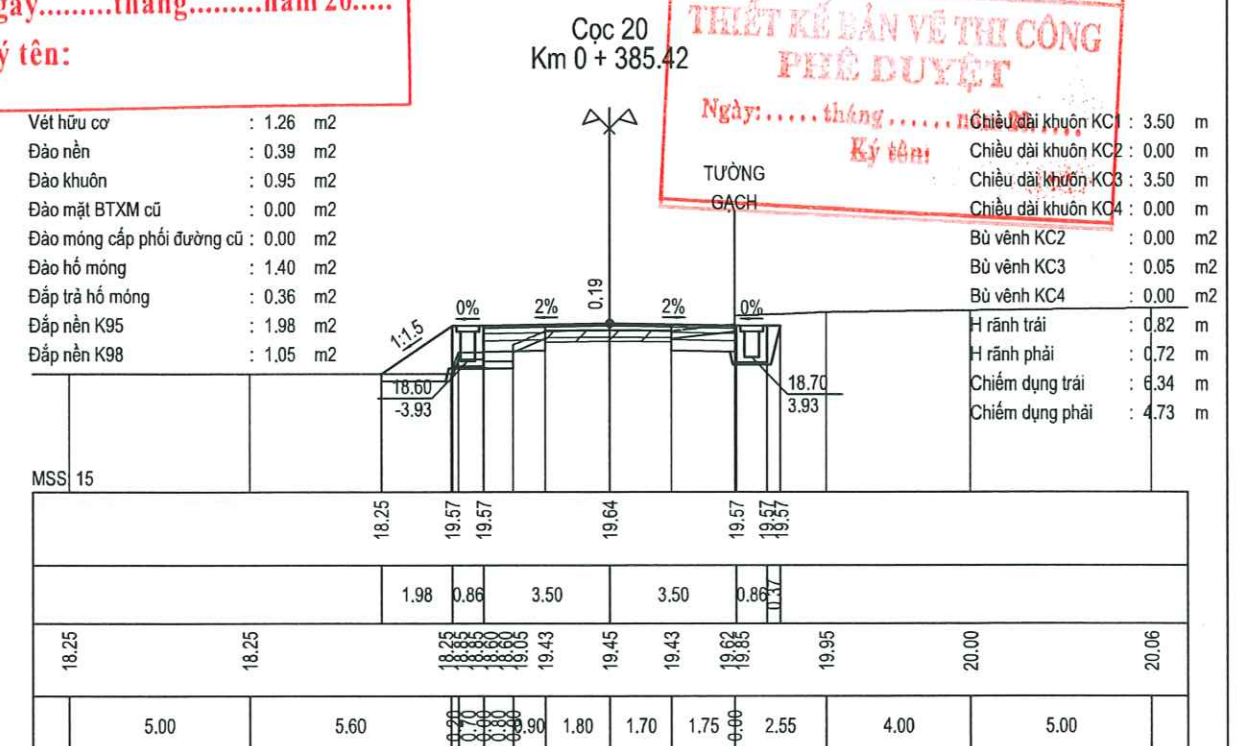
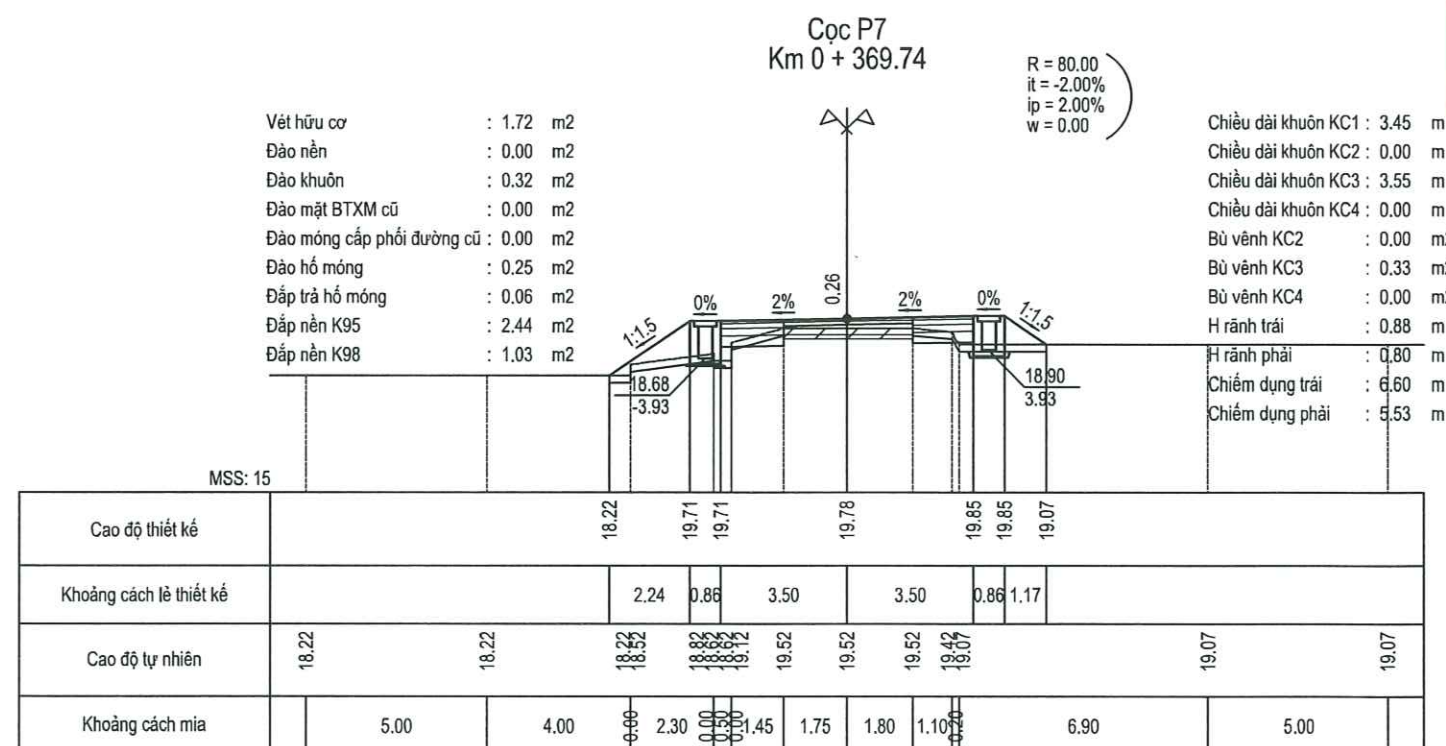
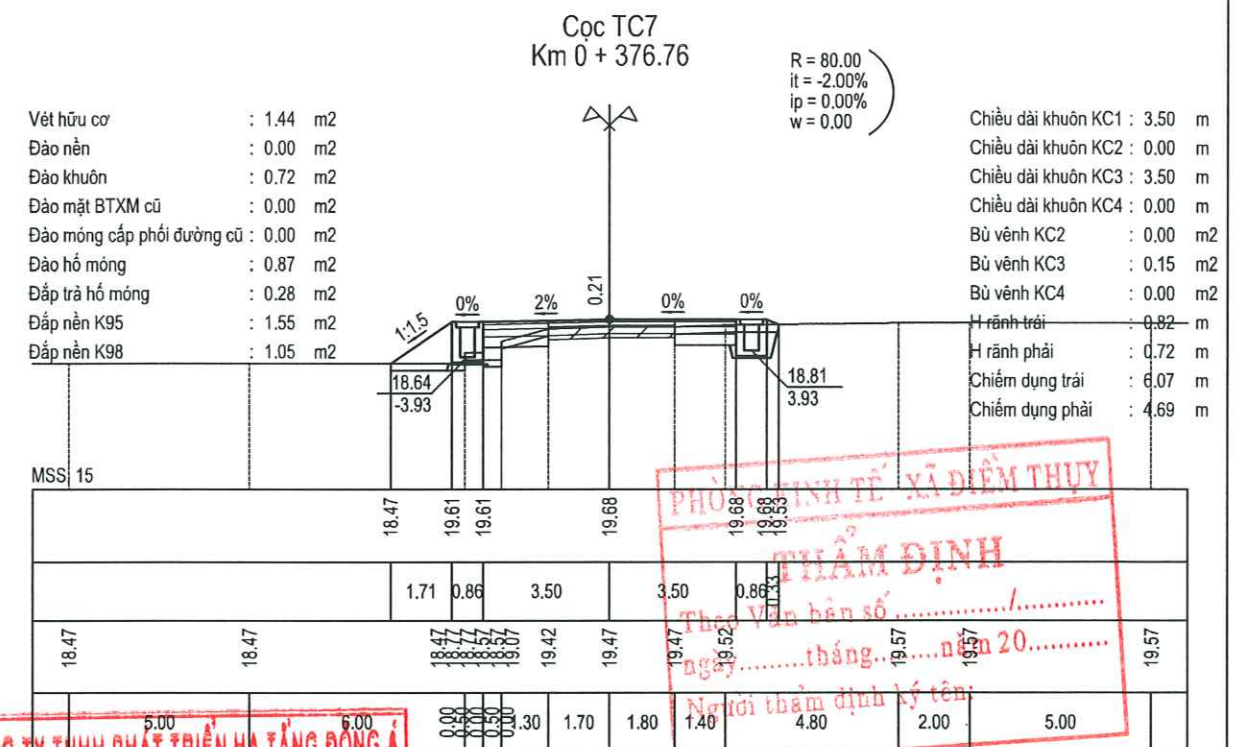
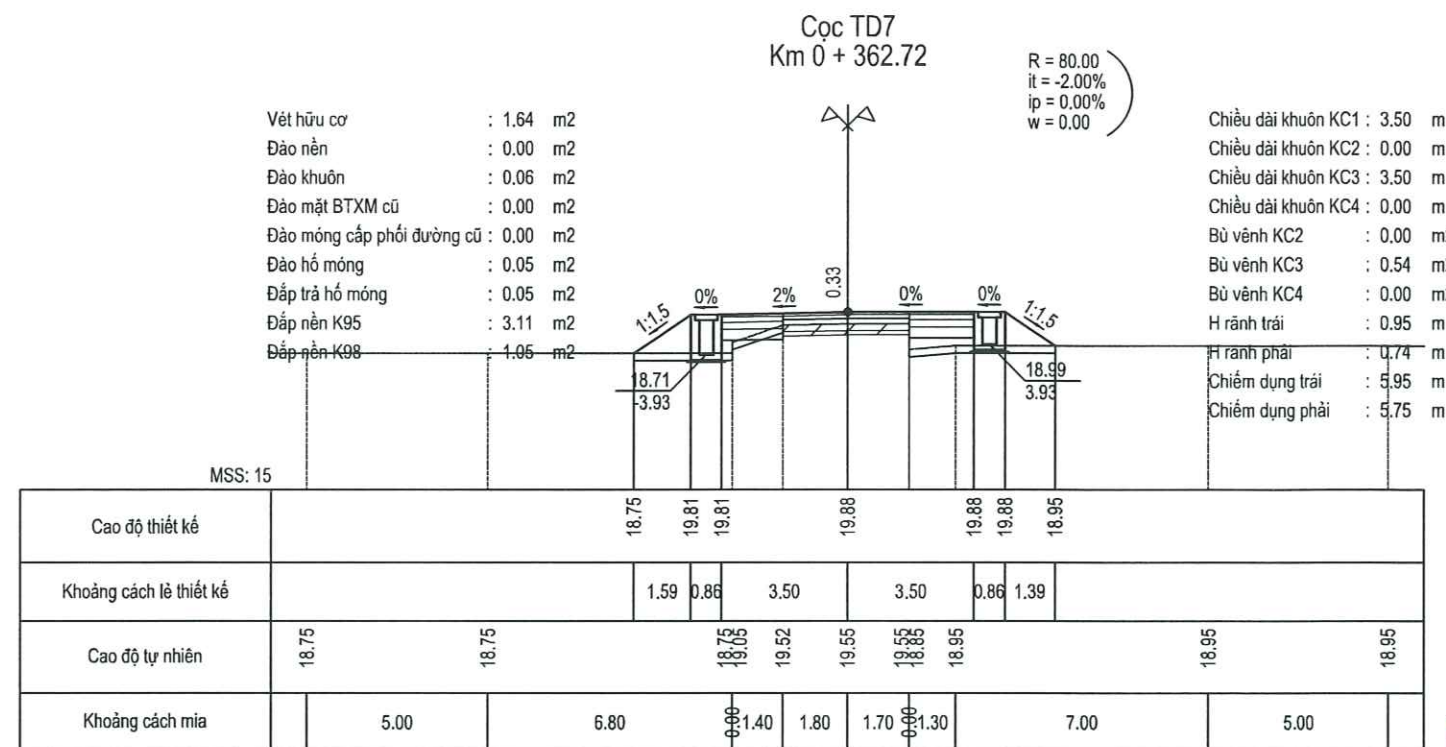
Chiều dài khuôn KC1 :	3.50	m
Chiều dài khuôn KC2 :	0.00	m
Chiều dài khuôn KC3 :	3.50	m
Chiều dài khuôn KC4 :	0.00	m
Bù vênh KC2 :	0.00	m ²
Bù vênh KC3 :	0.17	m ²
Bù vênh KC4 :	0.00	m ²
H rãnh trái :	1.27	m
H rãnh phải :	0.73	m
Chiếm dụng trái :	5.21	m
Chiếm dụng phải :	5.06	m

Vết hữu cơ	: 1.47 m2					Chiều dài khuôn KC1	: 3.50 m
Đào nền	: 0.00 m2					Chiều dài khuôn KC2	: 0.00 m
Đào khuôn	: 0.59 m2					Chiều dài khuôn KC3	: 3.50 m
Đào mặt BTXM cũ	: 0.00 m2					Chiều dài khuôn KC4	: 0.00 m
Đào móng cấp phối đường cũ	: 0.00 m2					Bù vênh KC2	: 0.00 m2
Đào hố móng	: 0.98 m2					Bù vênh KC3	: 0.48 m2
Đắp trả hố móng	: 0.23 m2					Bù vênh KC4	: 0.00 m2
Đắp nền K95	: 2.11 m2					H rãnh trái	: 1.13 m
Đắp nền K98	: 1.05 m2					H rãnh phải	: 0.71 m
						Chiếm dụng trái	: 6.16 m
						Chiếm dụng phải	: 4.72 m

Chiều dài khuôn KC1 :	3.40	m
Chiều dài khuôn KC2 :	0.00	m
Chiều dài khuôn KC3 :	3.60	m
Chiều dài khuôn KC4 :	0.00	m
Bù vênh KC2 :	0.00	m ²
Bù vênh KC3 :	0.35	m ²
Bù vênh KC4 :	0.00	m ²
H rãnh trái :	1.21	m
H rãnh phải :	0.72	m
Chiếm dụng trái :	5.22	m
Chiếm dụng phải :	5.13	m

Vết hữu cơ	: 1.53	m2		Chiều dài khuôn KC1	: 3.50	m
Đào nền	: 0.00	m2		Chiều dài khuôn KC2	: 0.00	m
Đào khuôn	: 0.39	m2		Chiều dài khuôn KC3	: 3.50	m
Đào mặt BTXM cũ	: 0.00	m2		Chiều dài khuôn KC4	: 0.00	m
Đào móng cấp phối đường cũ	: 0.00	m2		Bù vênh KC2	: 0.00	m2
Đào hố móng	: 0.38	m2		Bù vênh KC3	: 0.49	m2
Đắp trả hố móng	: 0.07	m2		Bù vênh KC4	: 0.00	m2
Đắp nền K95	: 1.91	m2		H rãnh trái	: 1.05	m
Đắp nền K98	: 1.05	m2		H rãnh phải	: 0.69	m
			Chiếm dụng trái	: 5.65	m	
			Chiếm dụng phải	: 5.50	m	

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THUY		DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THUY, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026 GIÁM ĐỐC 	TRÁC NGANG THIẾT KẾ NHÁNH 1		
ĐƠN VỊ TV KSTK:  CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ ĐÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102			CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI					
			THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN					
		BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI		KS. DƯƠNG QUỐC LÝ		HOÀN THÀNH: /2025	BẢN VẼ SỐ: TN-N1-10
							TỶ LỆ: 1:200	KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3	



CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐỒNG Á

THẨM TRA

Theo Văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

UBND XÃ ĐIỂM THUY

HẠ TẦNG QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THUY

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

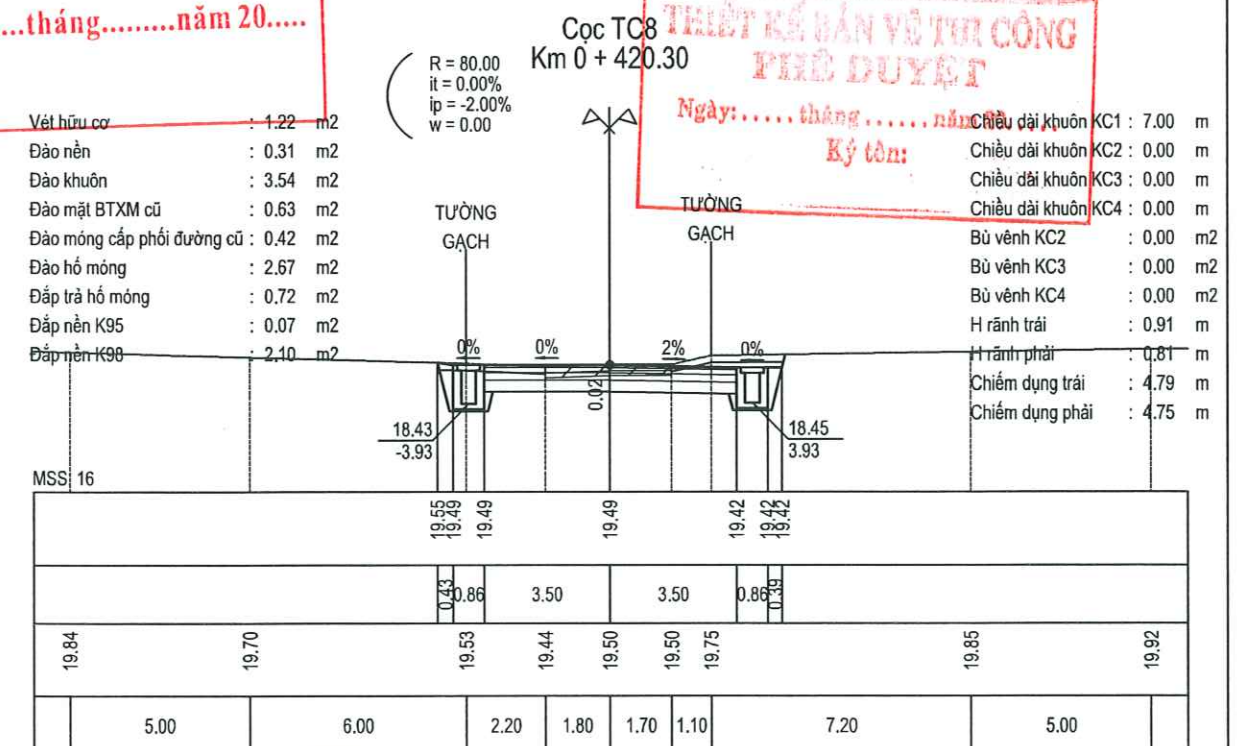
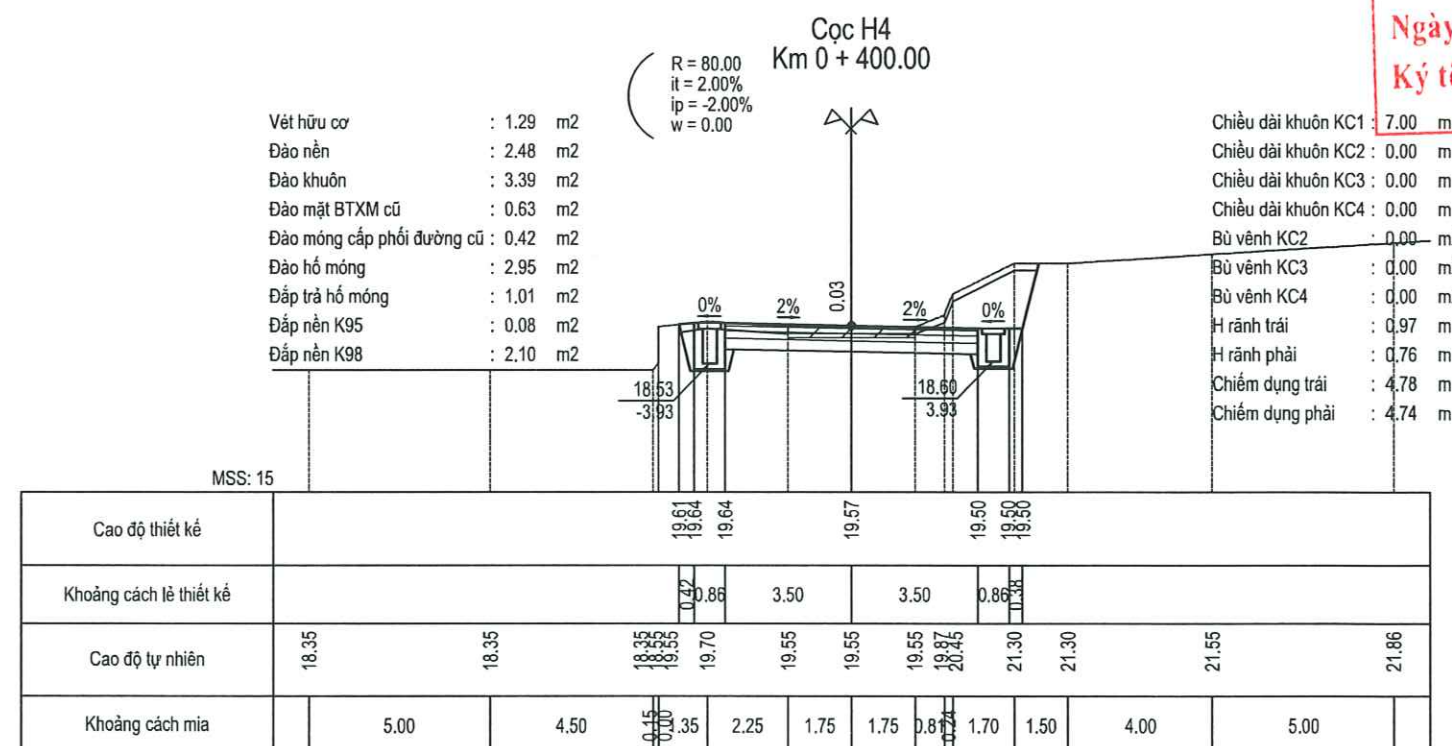
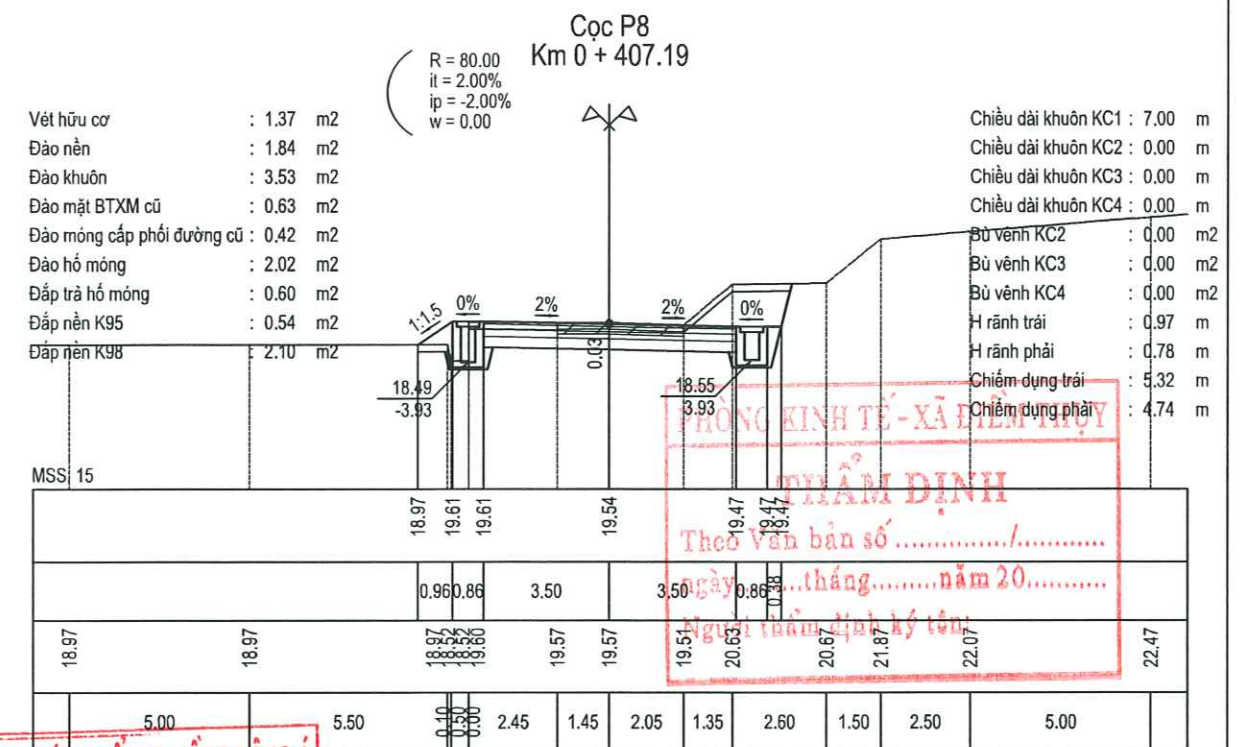
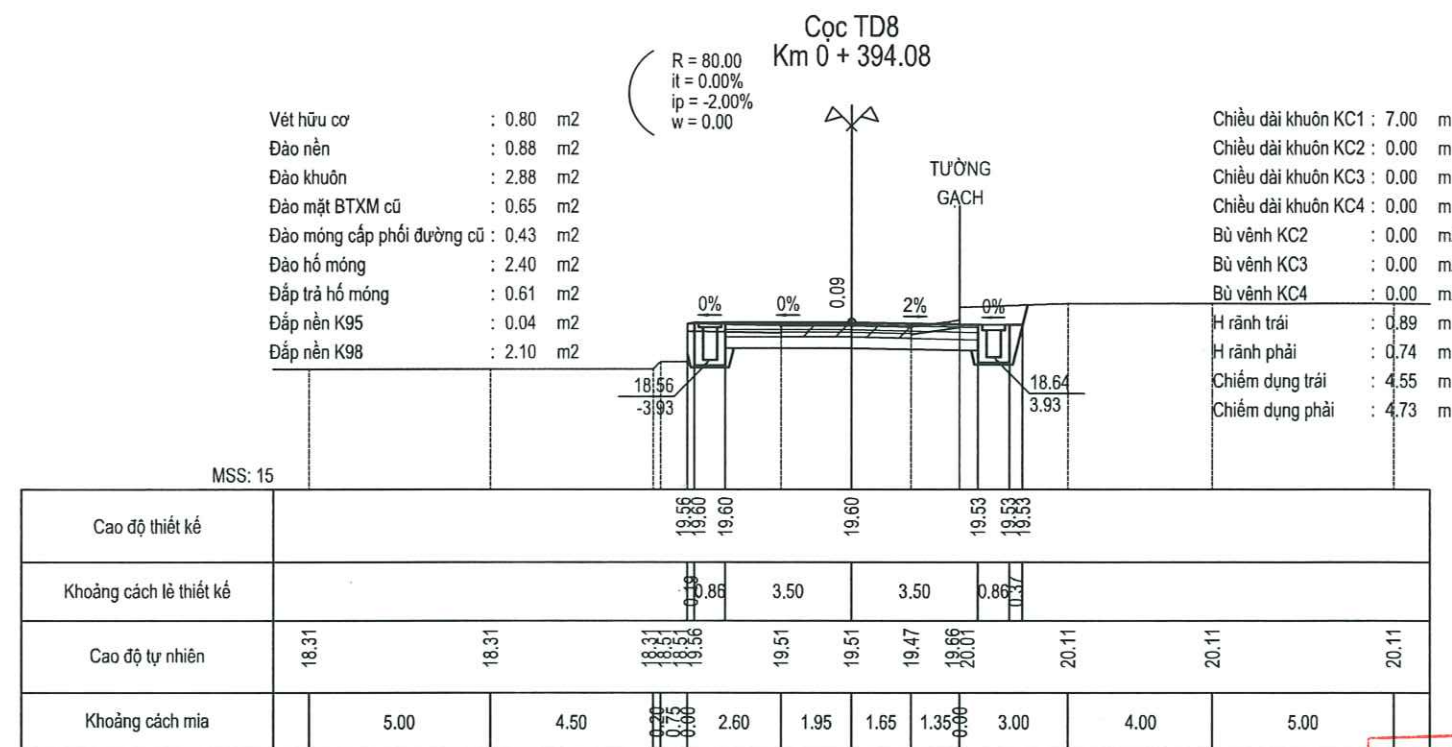
PHÊ DUYỆT

Ngày:.....tháng.....năm.....

Ký tên:

TƯỜNG GẠCH

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THUY		DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THUY, TỈNH THÁI NGUYÊN BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	TRÁC NGANG THIẾT KẾ NHÁNH 1	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN KSTK:  CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ BÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102			CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI		★ GIÁM ĐỐC		
			THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN				
			Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI			KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	
							HOÀN THÀNH: /2025	BẢN VẼ SỐ: TN-N1-11
							TỶ LỆ: 1:200	KY HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3



CONG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TANG ĐÔNG A

THẨM TRA

Theo Văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

UBND XÃ ĐIỂM THỤY

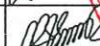
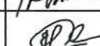
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THỤY

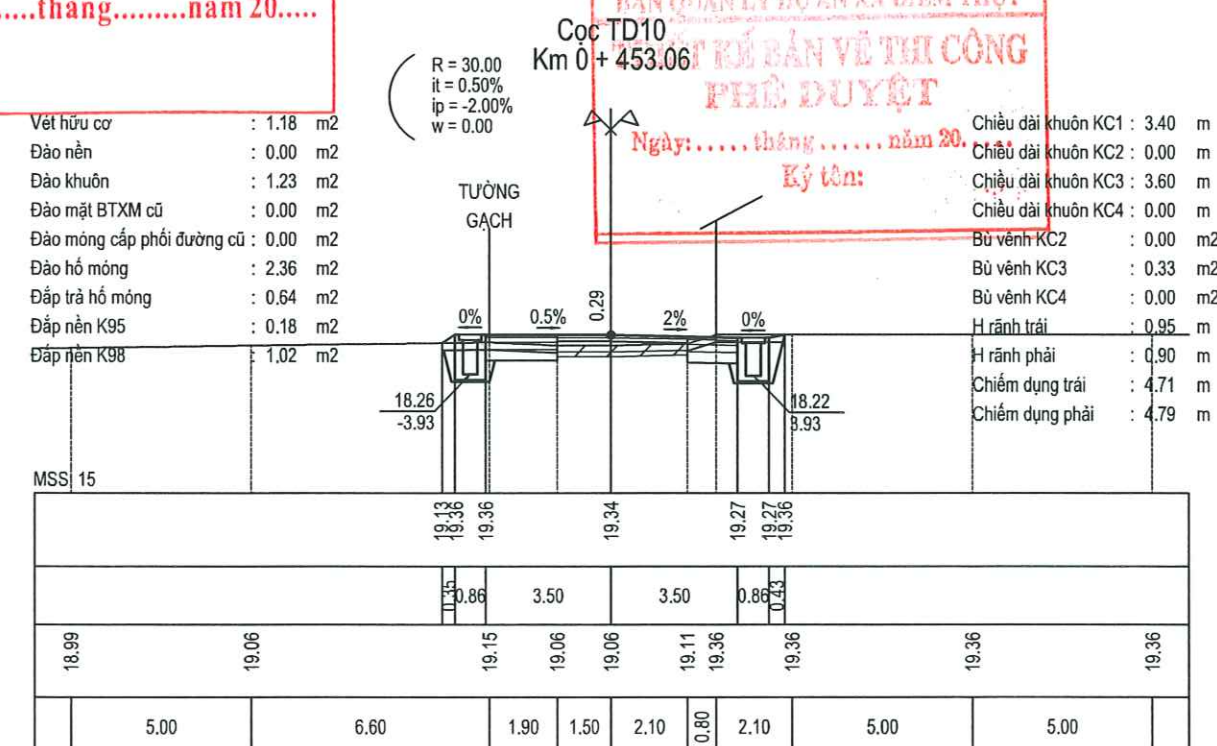
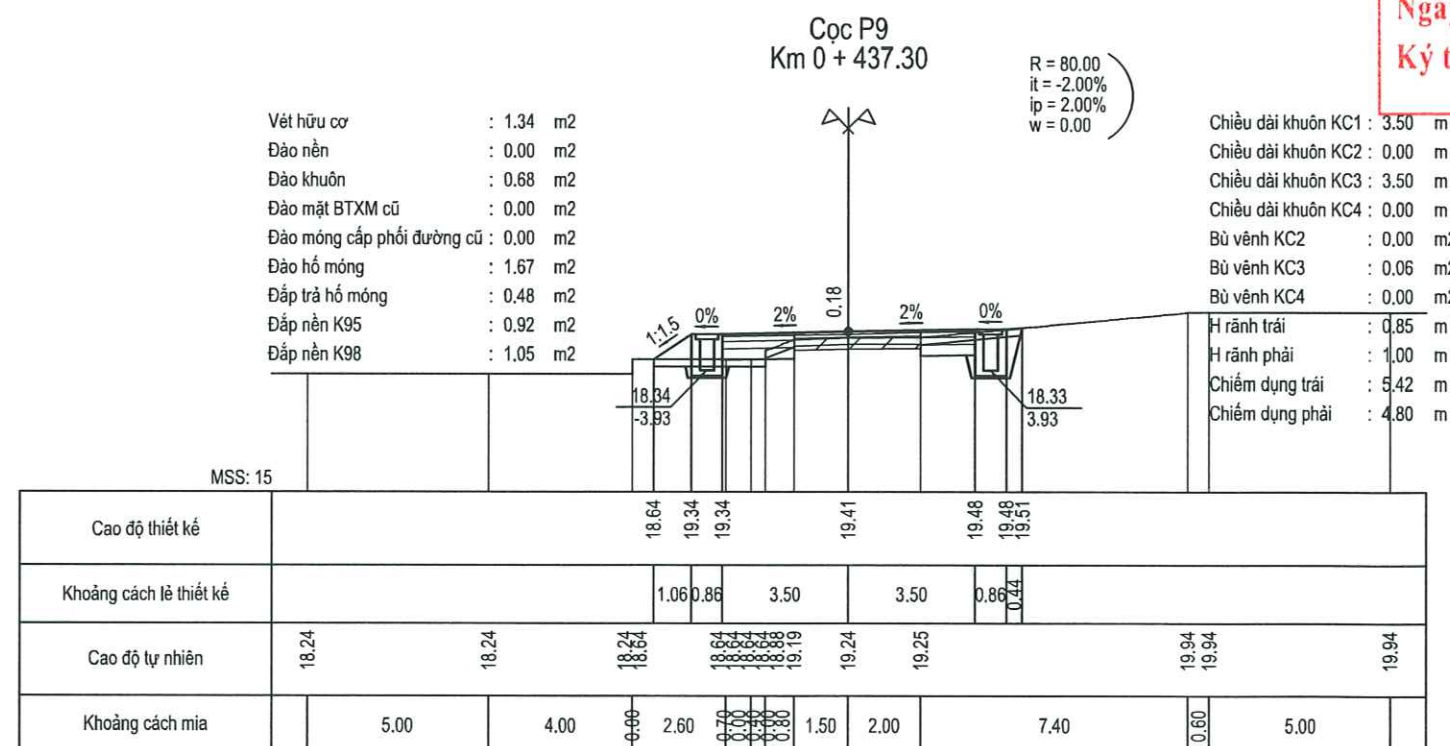
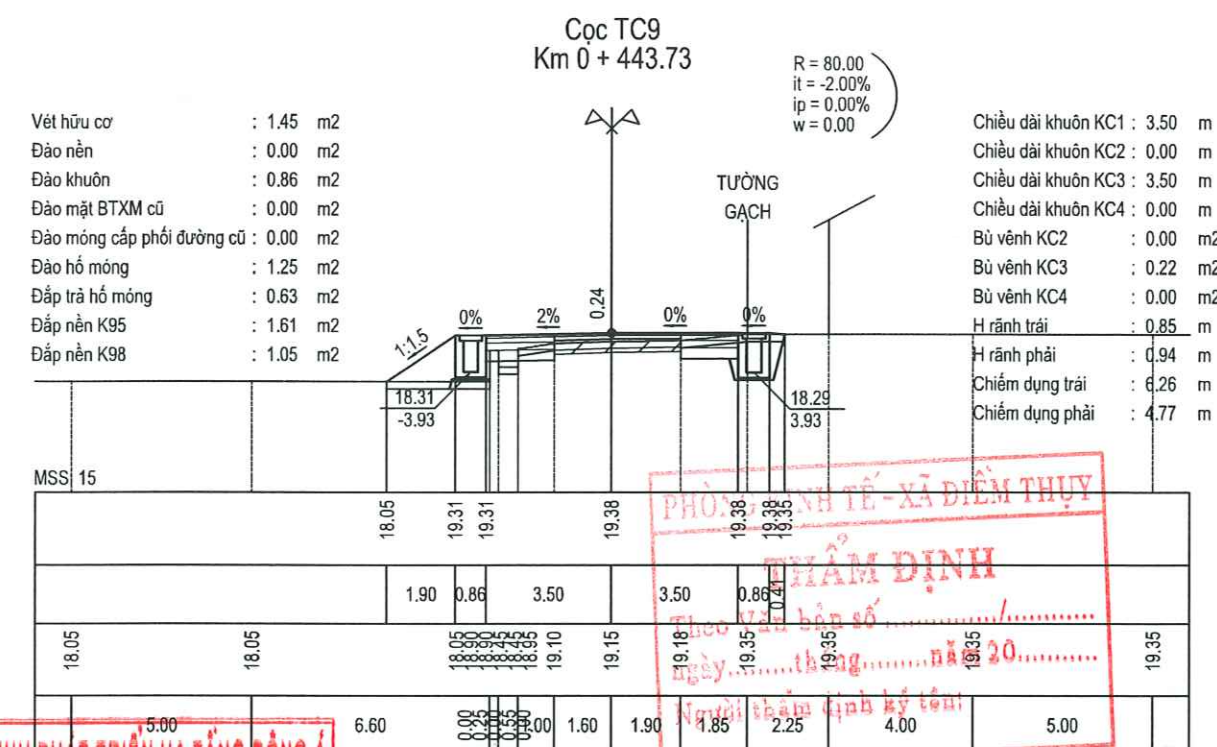
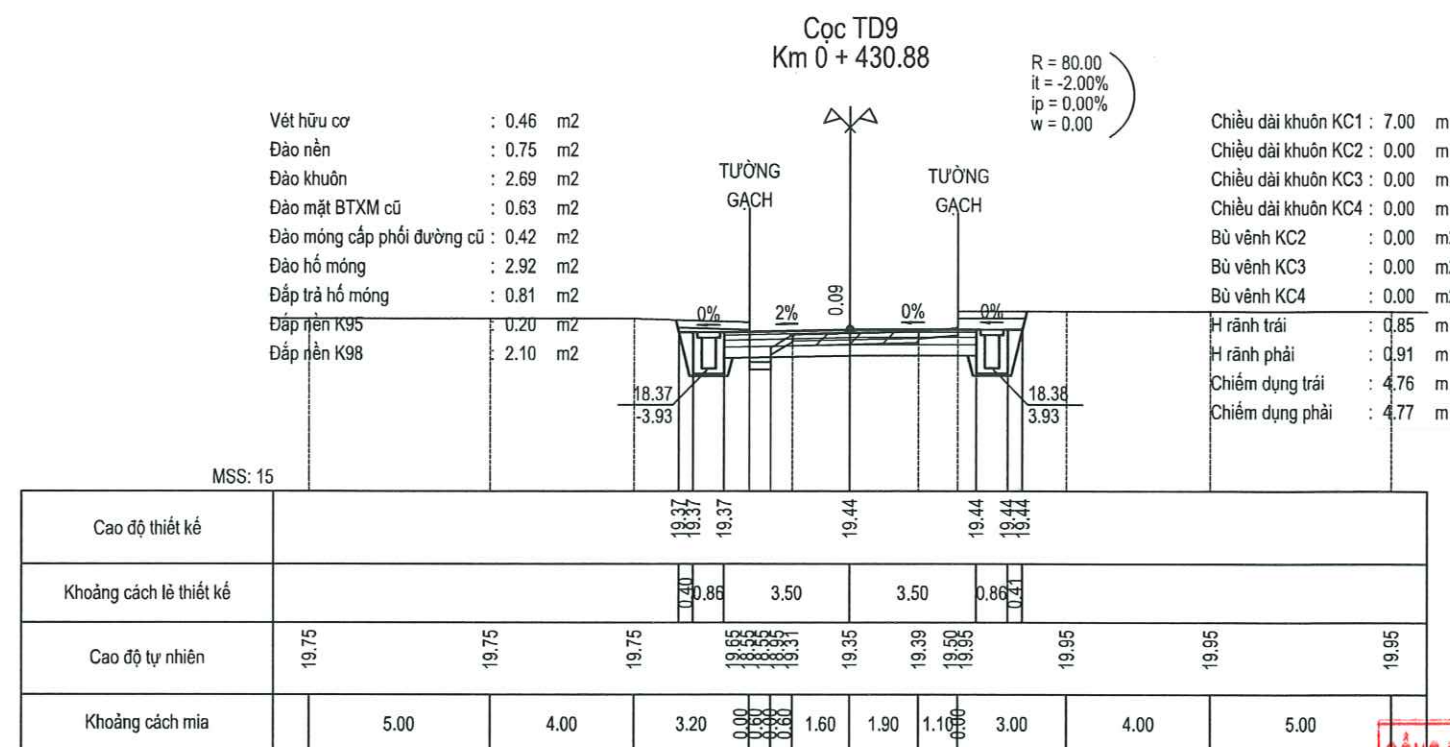
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

PHÊ DUYỆT

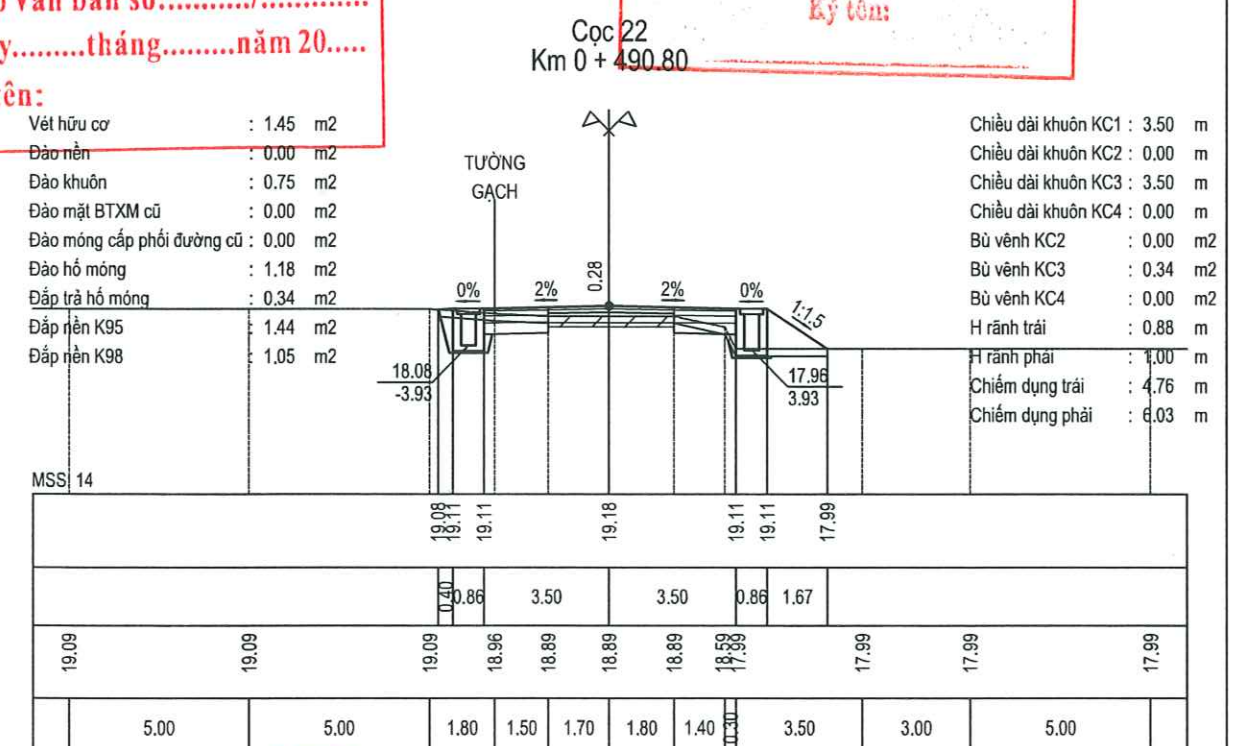
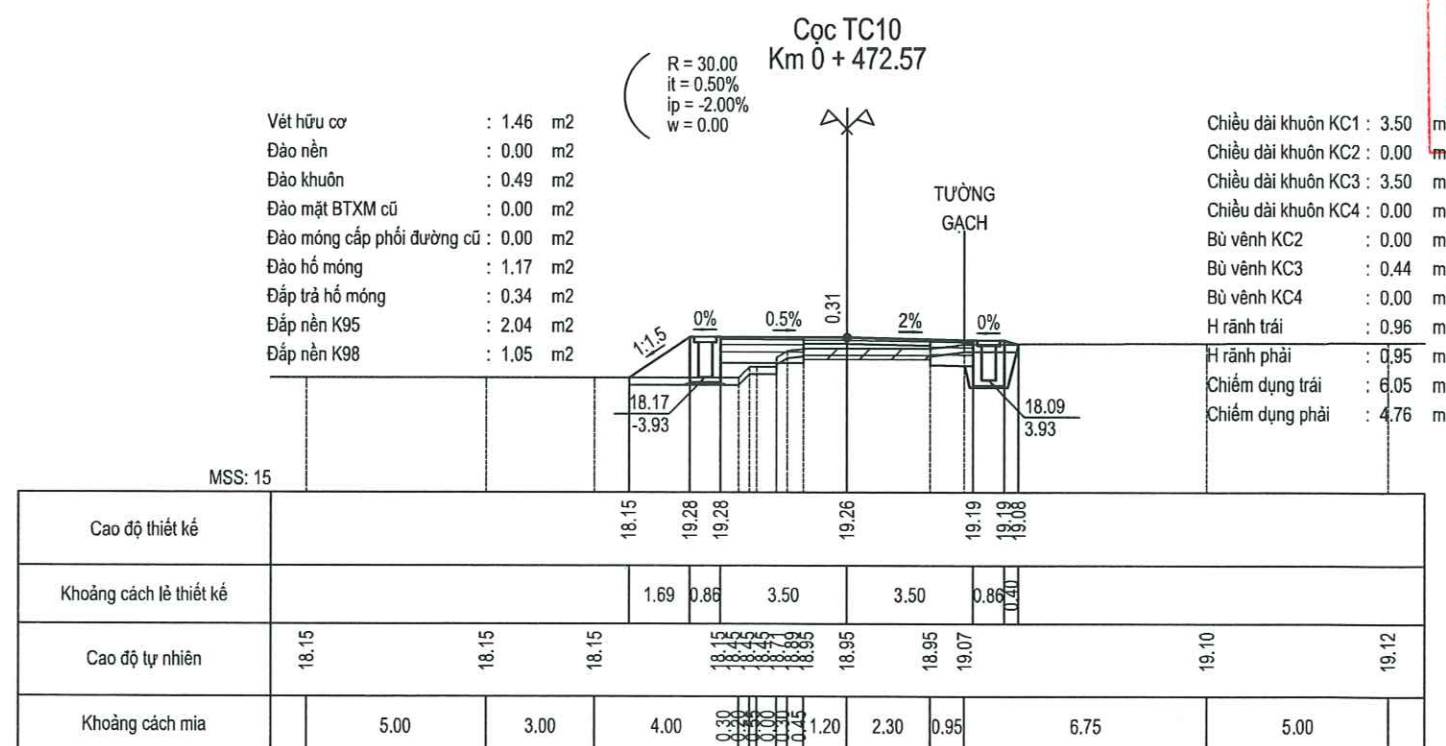
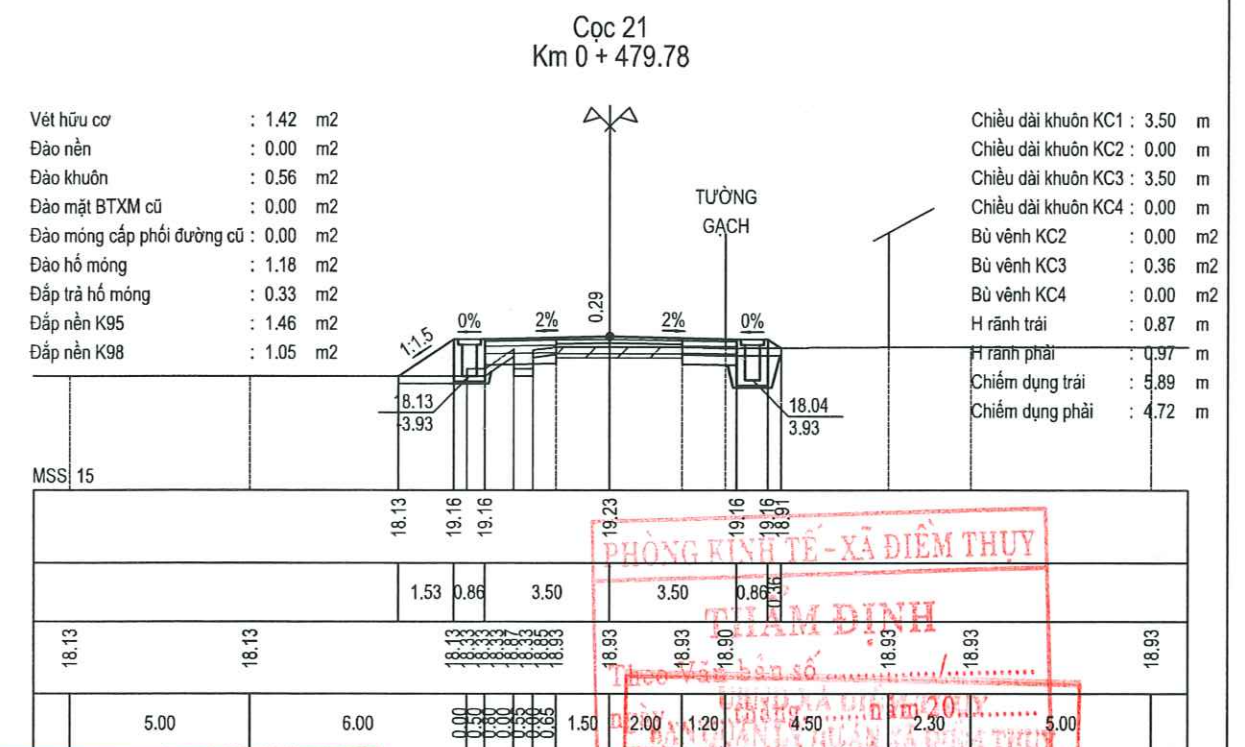
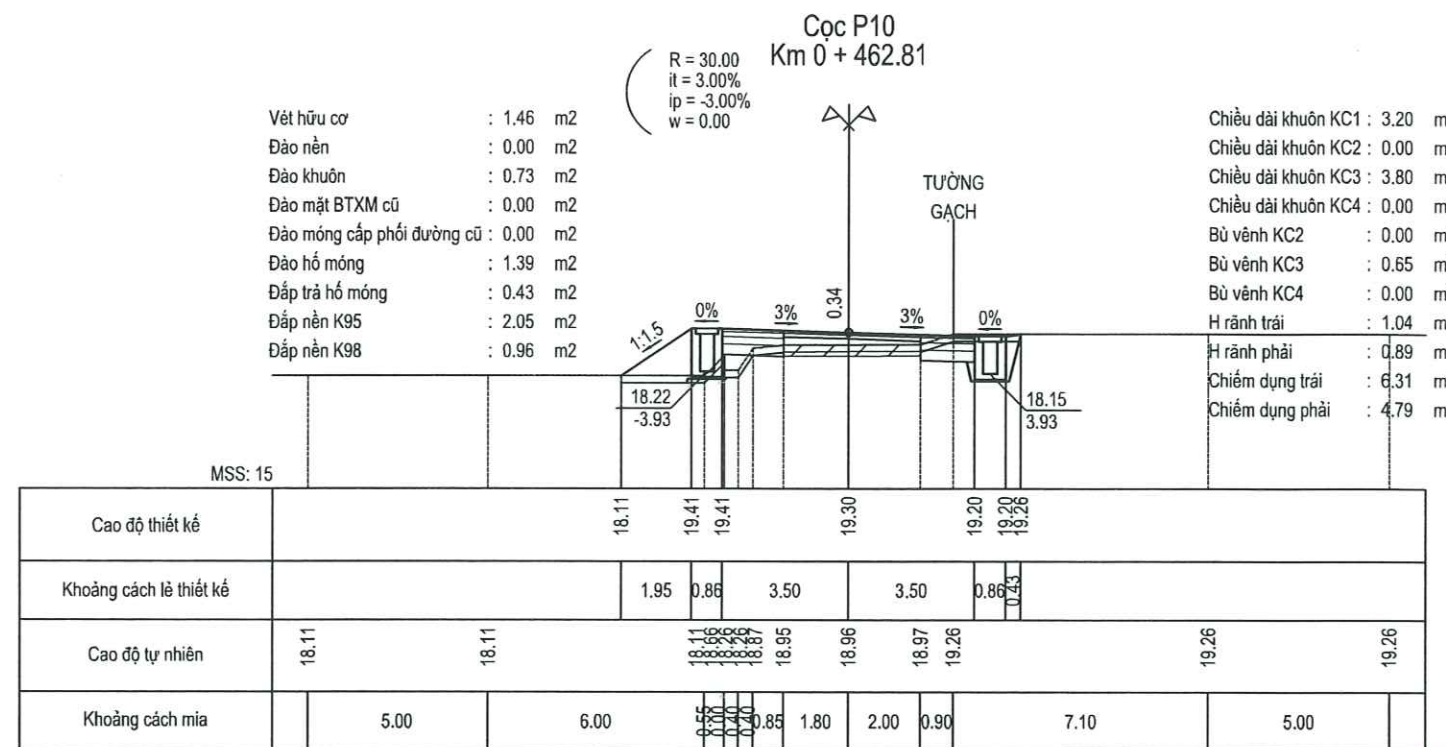
Ngày:.....tháng.....năm.....

Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ:		DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	TRÁC NGANG THIẾT KẾ NHÃN 1	
TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY			CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI		GIÁM ĐỐC		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN KSTK:			THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN			HOÀN THÀNH: /2025	BẢN VẼ SỐ: TN-N1-12
 CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ BÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102			Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI			KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	TỶ LỆ: 1:200



CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ ĐÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0937) 118.102	DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	TRÁC NGANG THIẾT KẾ NHÁNH 1 HOÀN THÀNH: /2025 BẢN VẼ SỐ: TN-N1-13 TỶ LỆ: 1:200 KY HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3
		CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI	<i>[Signature]</i>	GIÁM ĐỐC	
		THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN	<i>[Signature]</i>		
		Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI	<i>[Signature]</i>	KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	



CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐỒNG Á

THẨM TRA

Theo Văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ - XÃ ĐIỂM THỤY

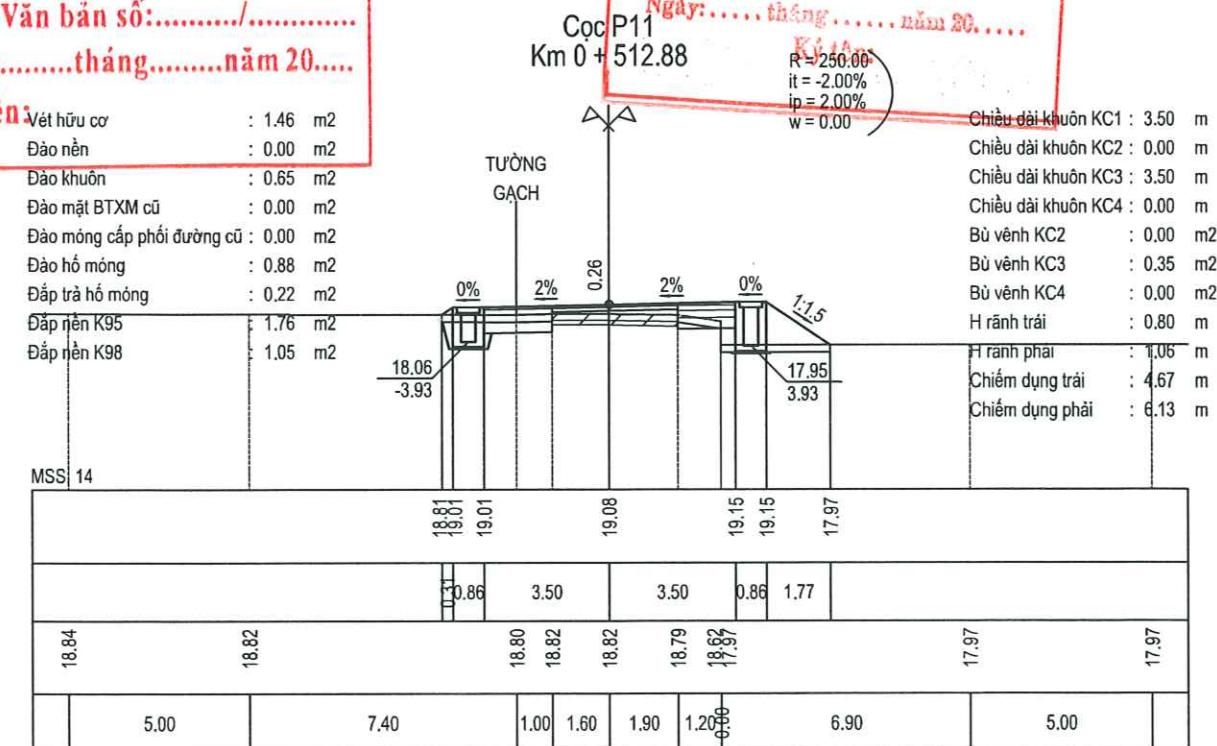
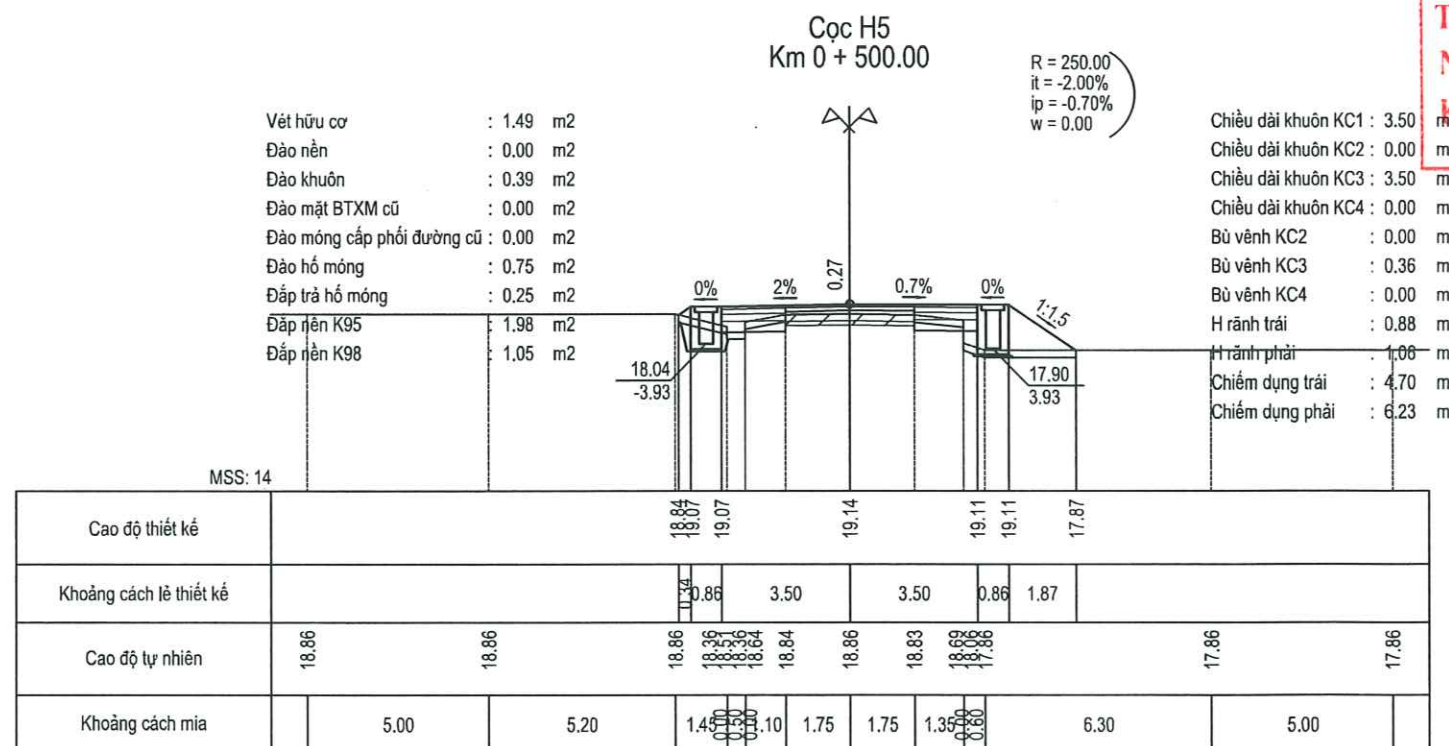
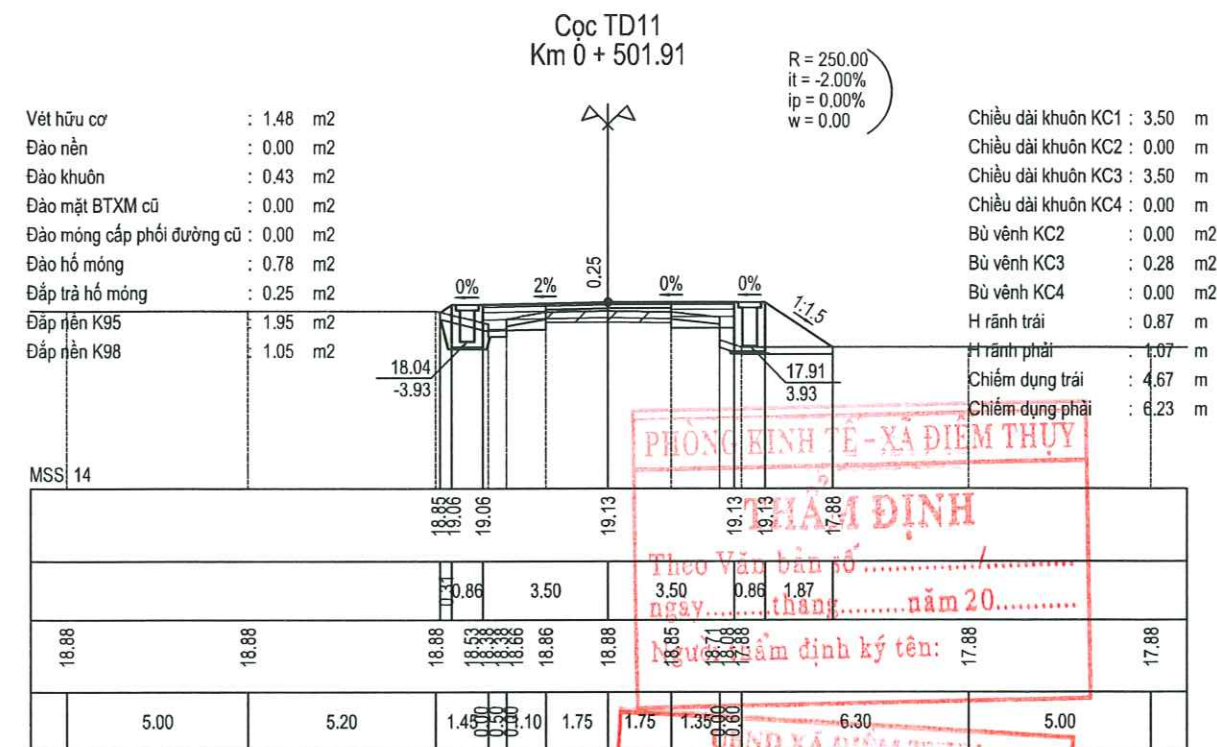
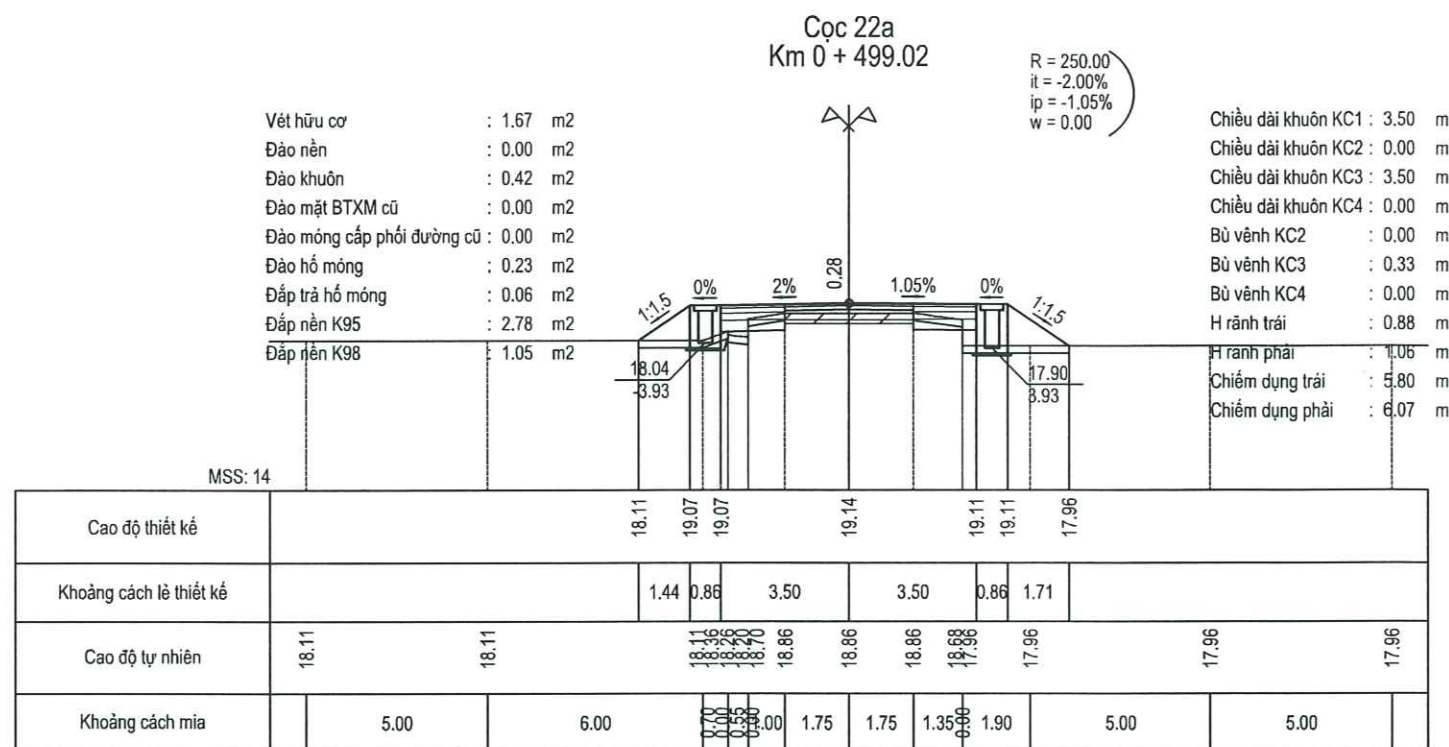
THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY ĐƠN VỊ TƯ VẤN KSTK: CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ BÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102	DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	TRÁC NGANG THIẾT KẾ NHÁNH 1 HOÀN THÀNH: /2025 BẢN VẼ SỐ: TN-N1-14 TỶ LỆ: 1:200 KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3
		CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI	<i>[Signature]</i>	GIÁM ĐỐC	
		THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN	<i>[Signature]</i>		
		Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI	<i>[Signature]</i>	KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	



CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔNG Á

THẨM TRA

Theo Văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:.....

PHÒNG KINH TẾ - XÃ HỘI THUY

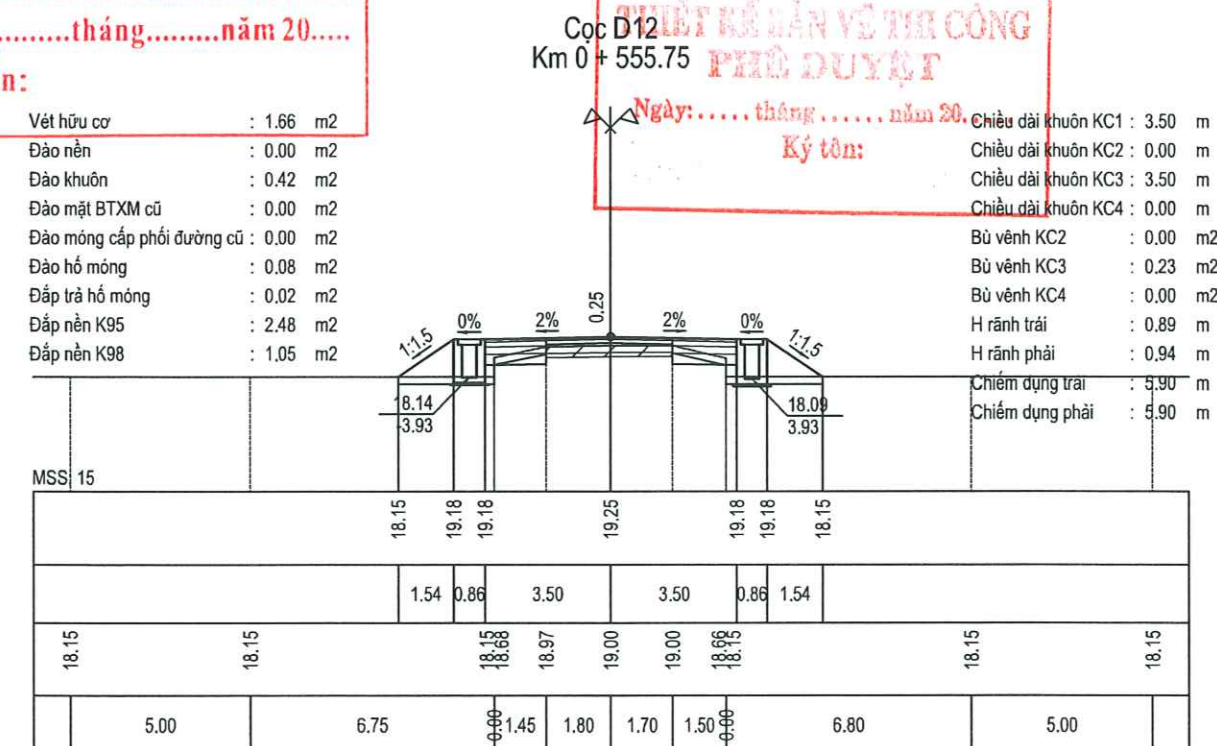
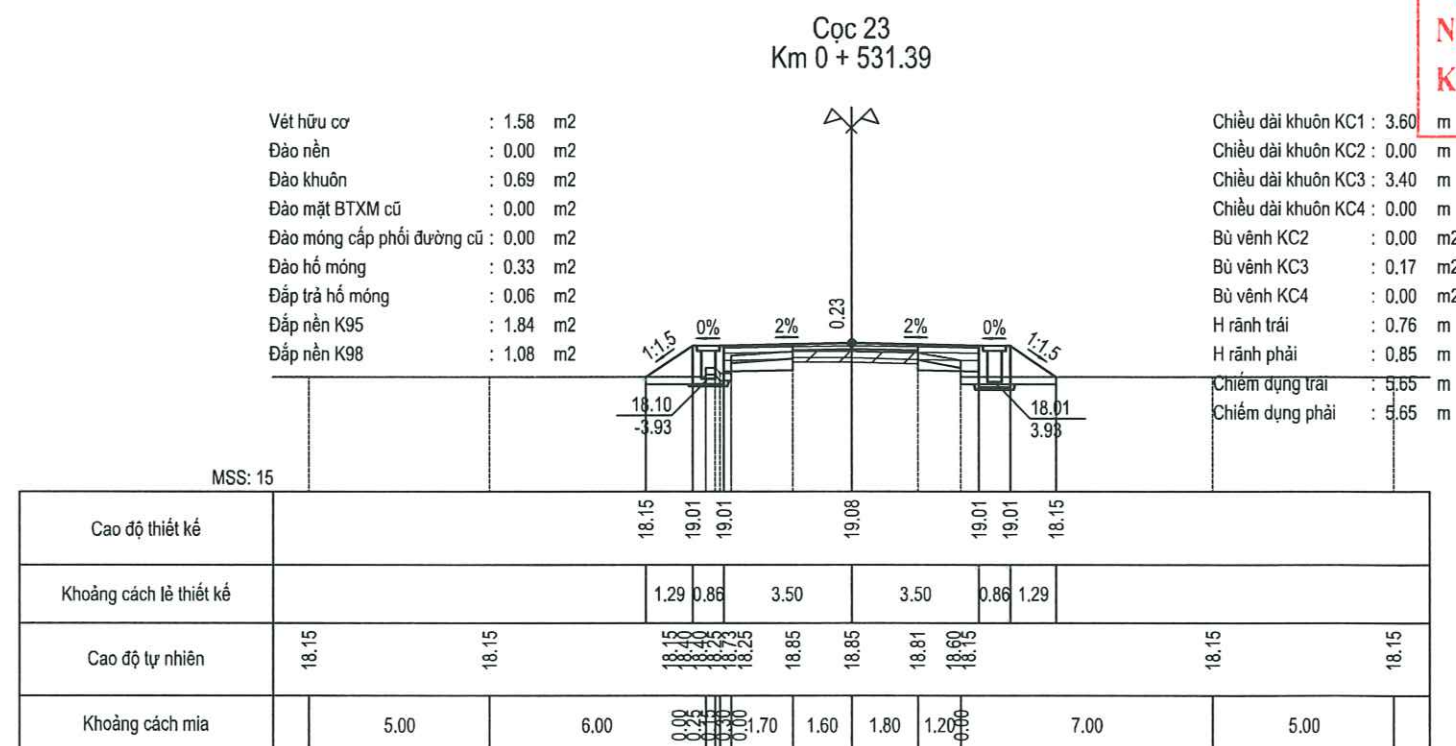
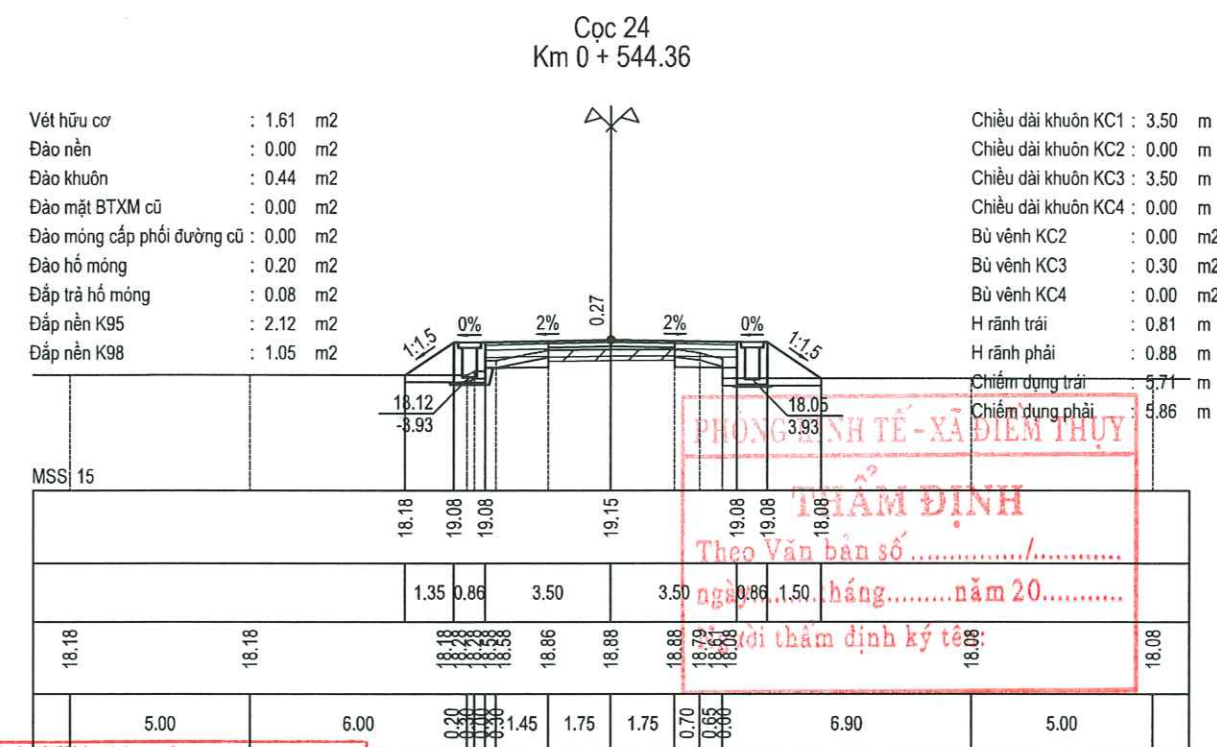
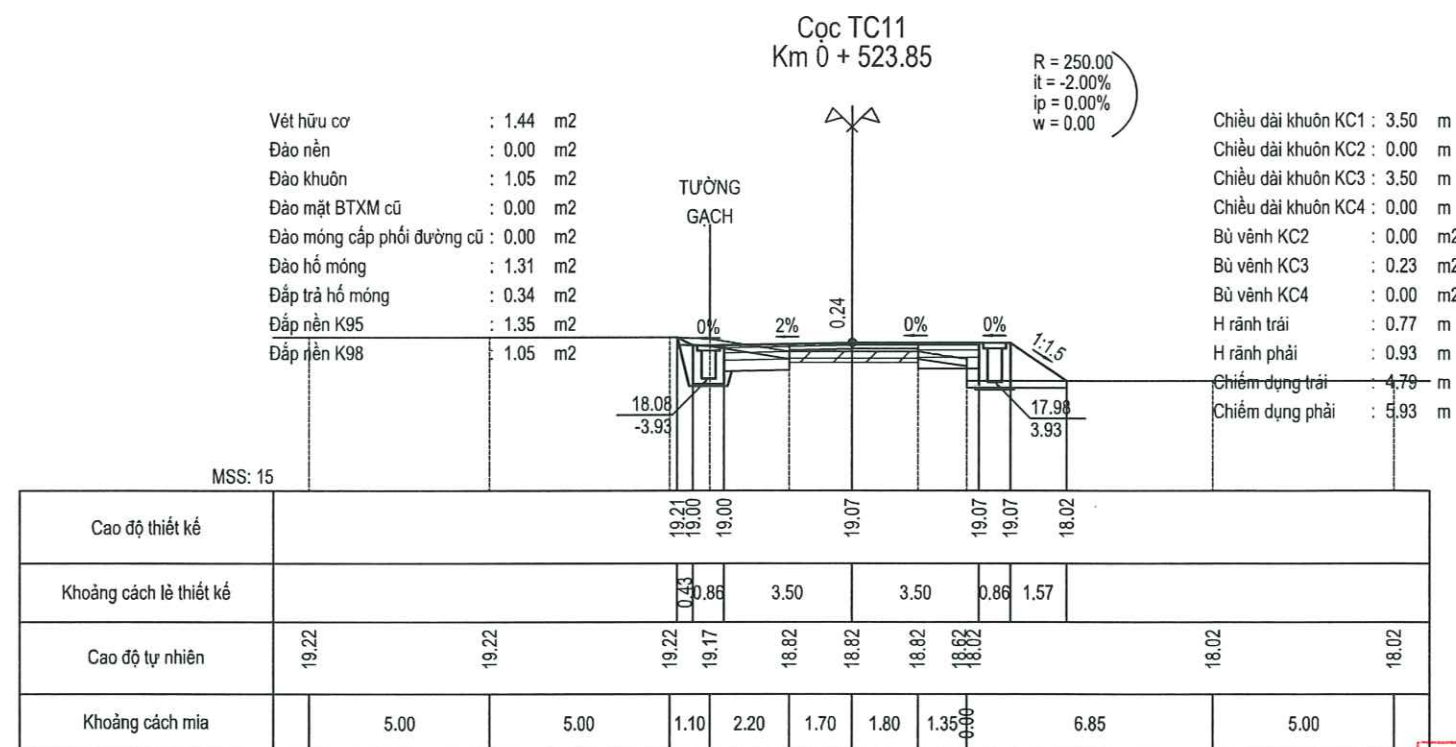
THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:.....

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THUY ĐƠN VỊ TƯ VẤN KSTK: CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ BÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102	DỰÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THUY, TỈNH THÁI NGUYÊN BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	TRÁC NGANG THIẾT KẾ NHÃN 1 HOÀN THÀNH: /2025 BẢN VẼ SỐ: TN-N1-15 TỶ LỆ: 1:200 KY HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3
		CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI	<i>[Signature]</i>	GIÁM ĐỐC	
		THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	
		Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI	<i>[Signature]</i>	KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	



CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐỒNG Á

THẨM TRA

Theo Văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

UBND XÃ ĐIỂM THUY

DANH QUẢN LÝ DỰ ÁN HẠ TẦNG THUY

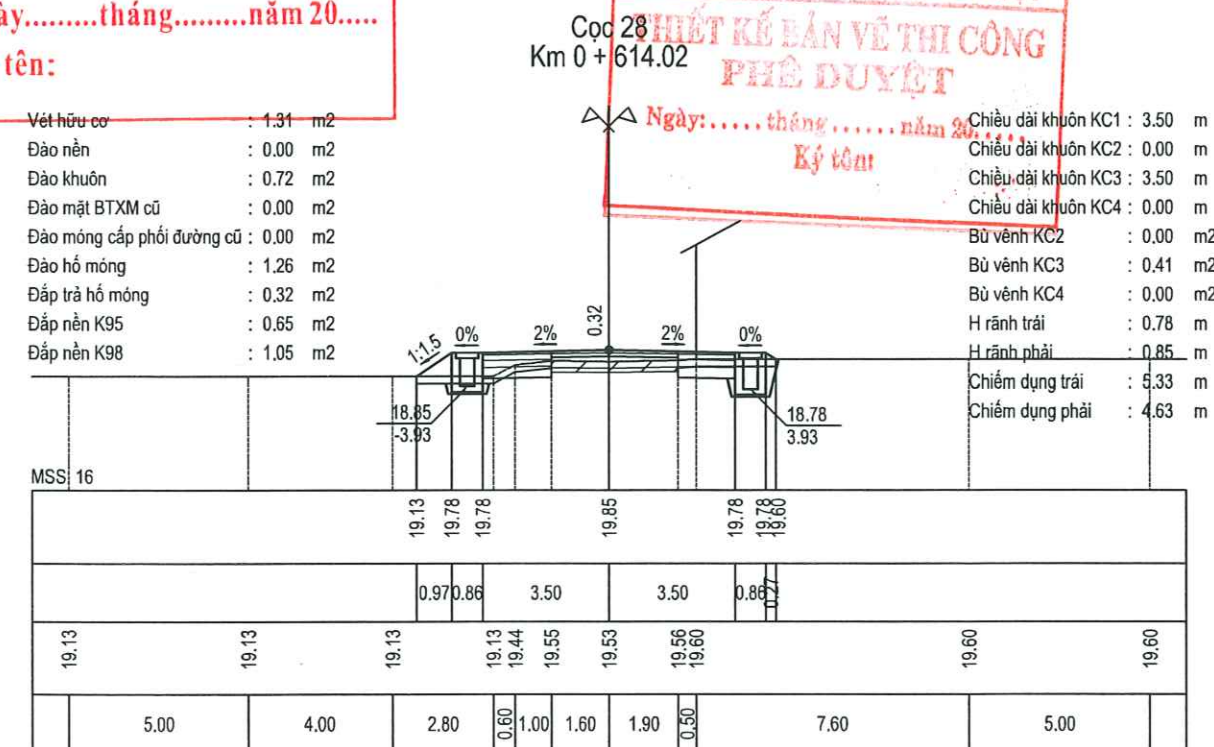
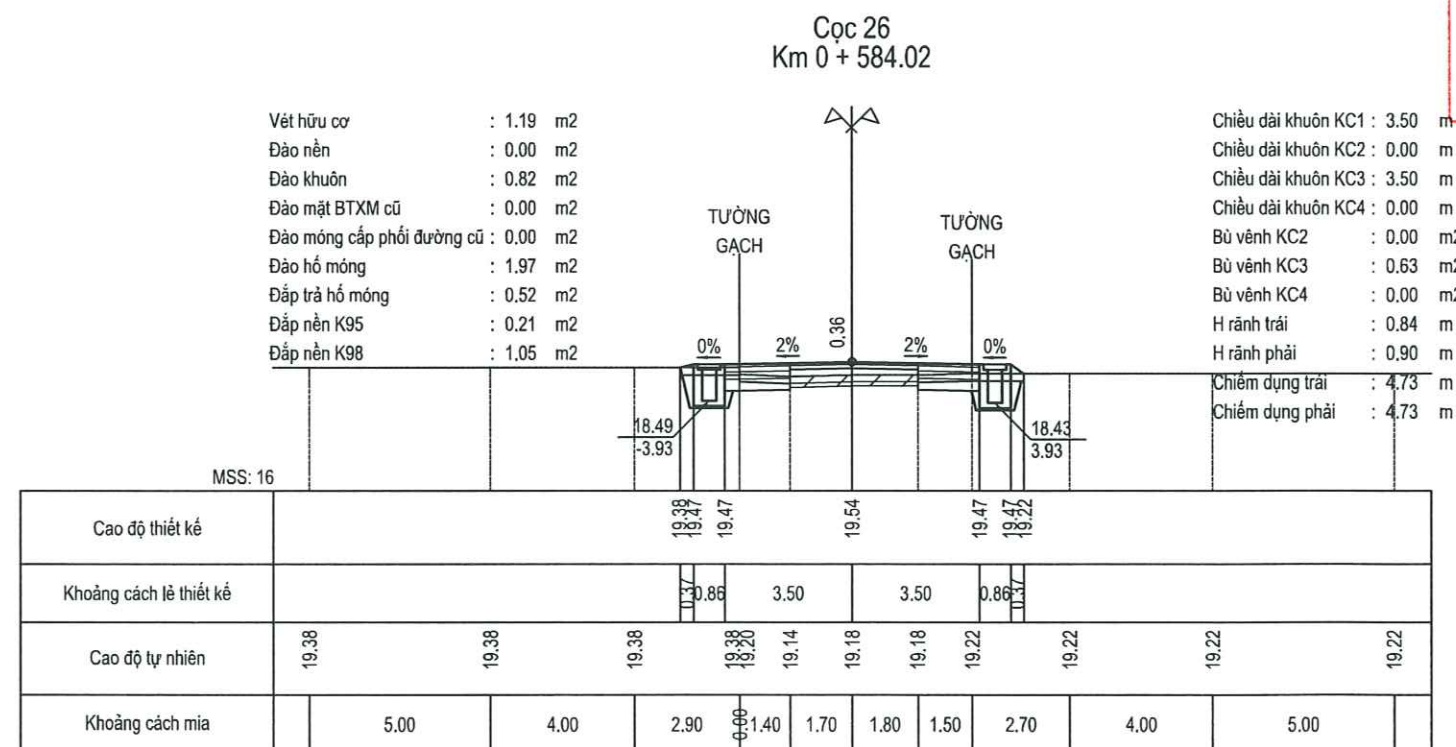
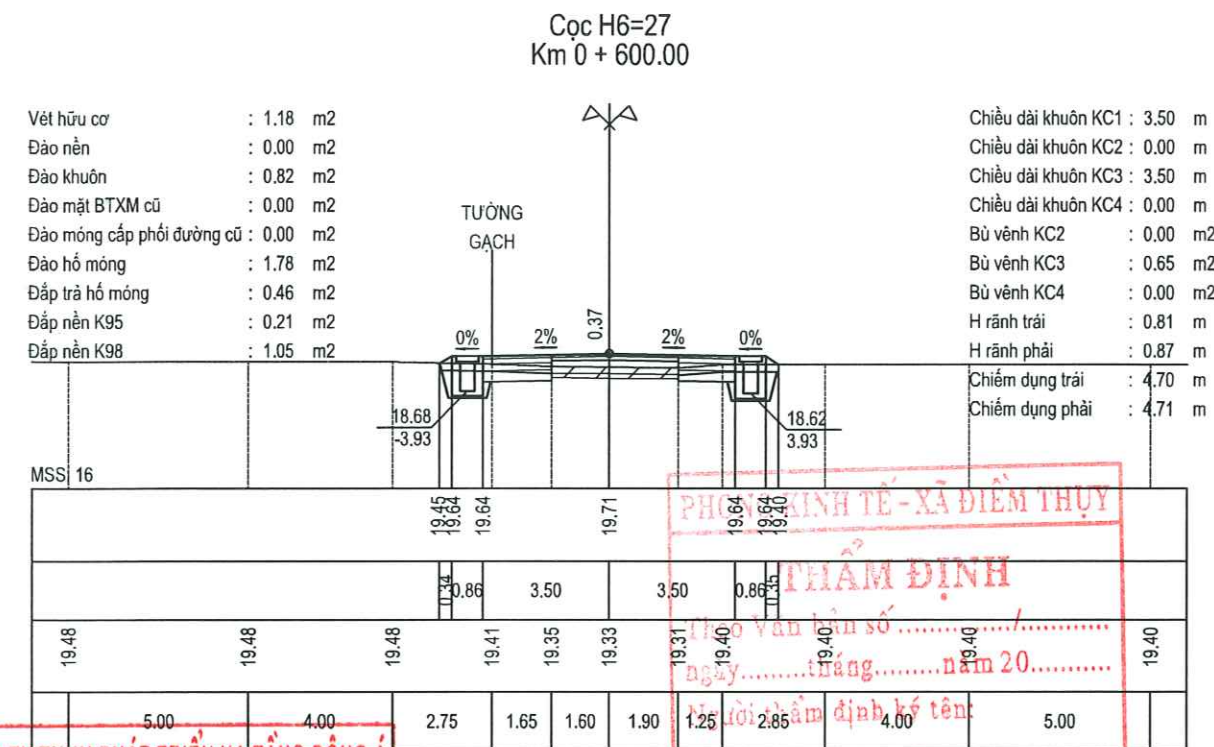
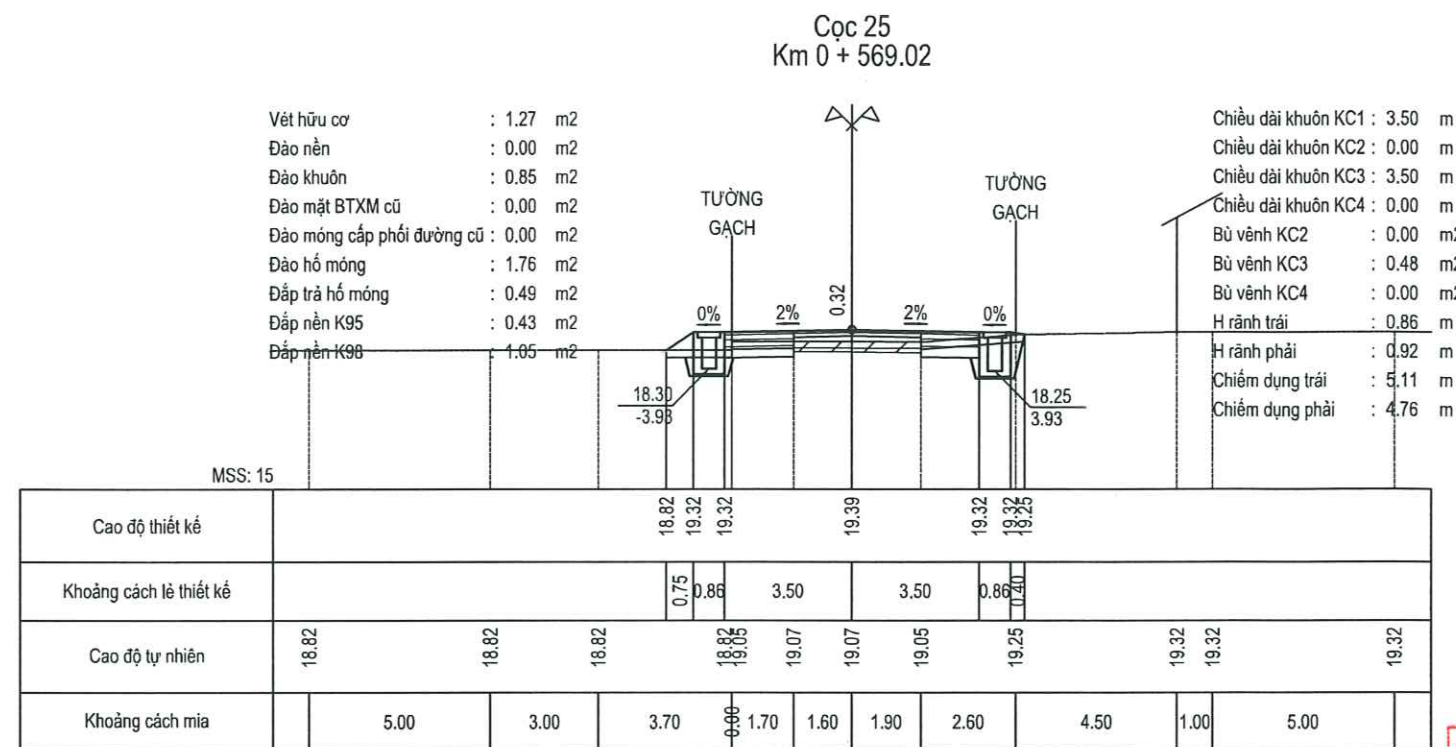
THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....

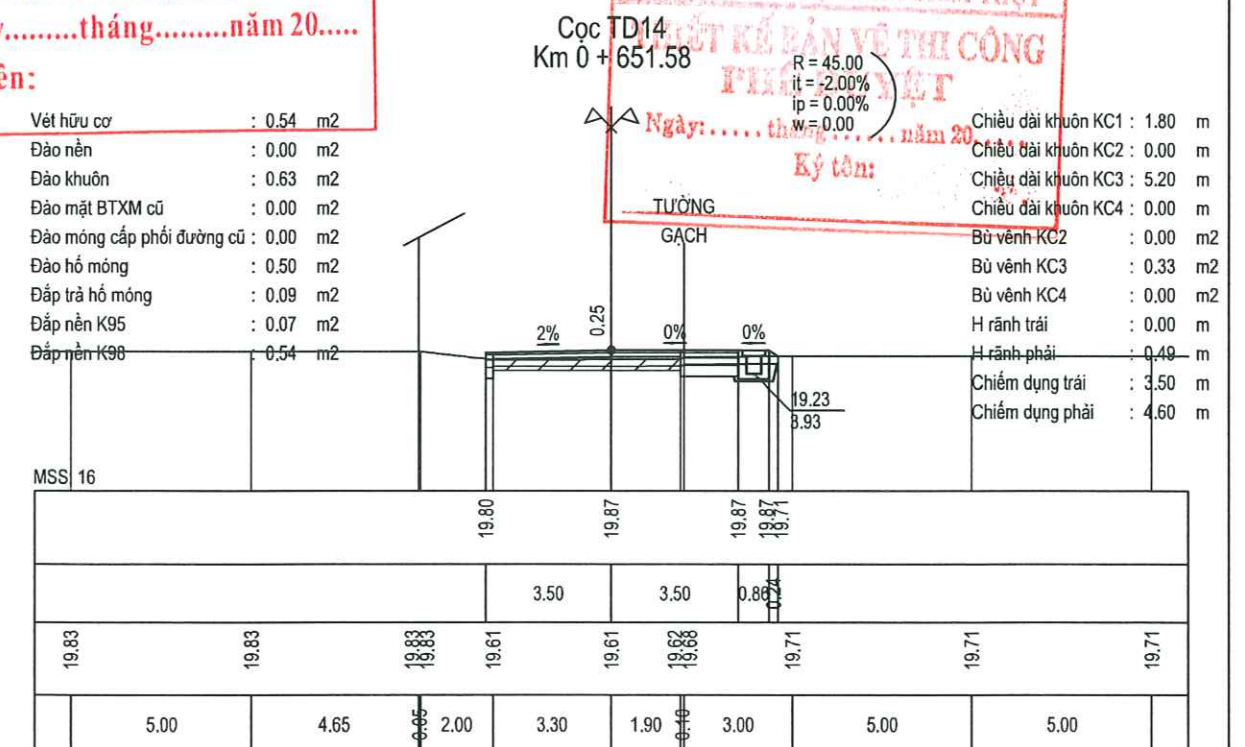
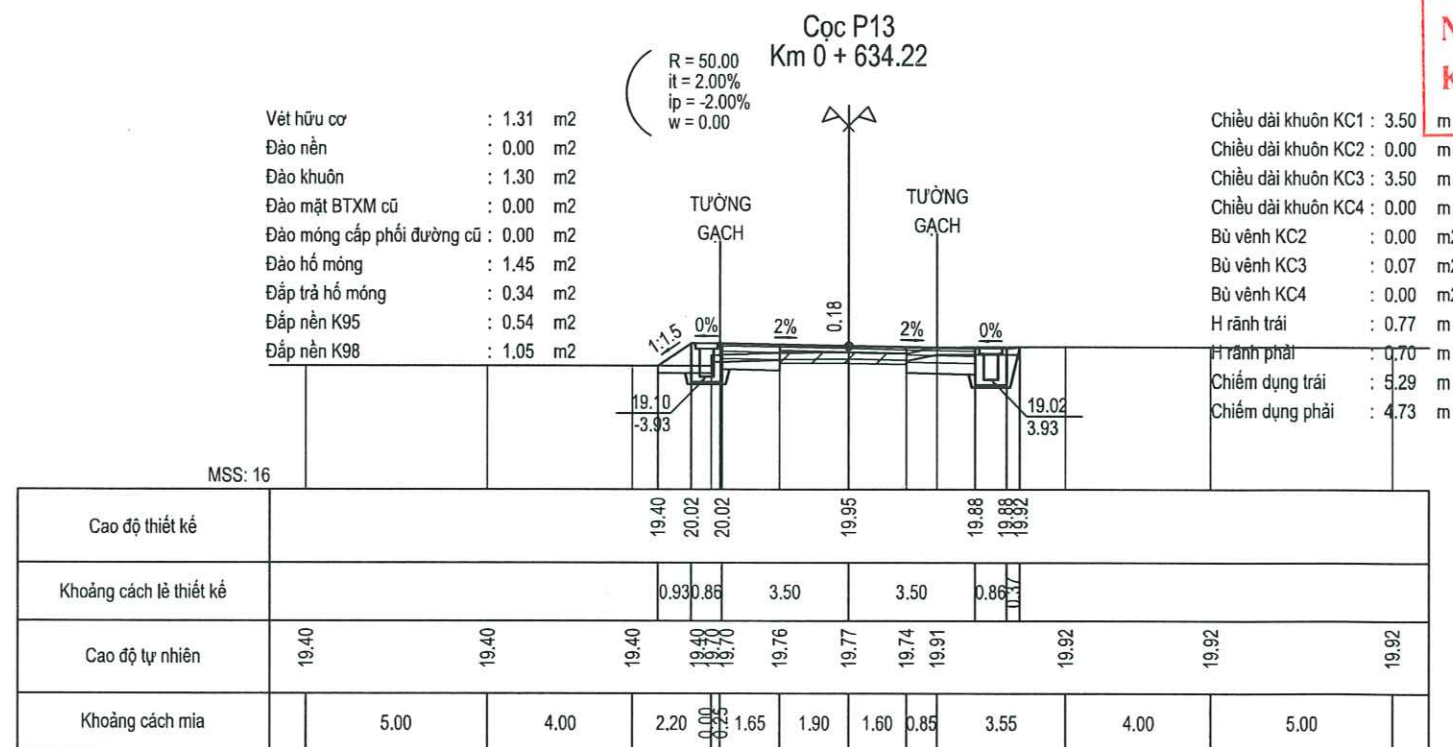
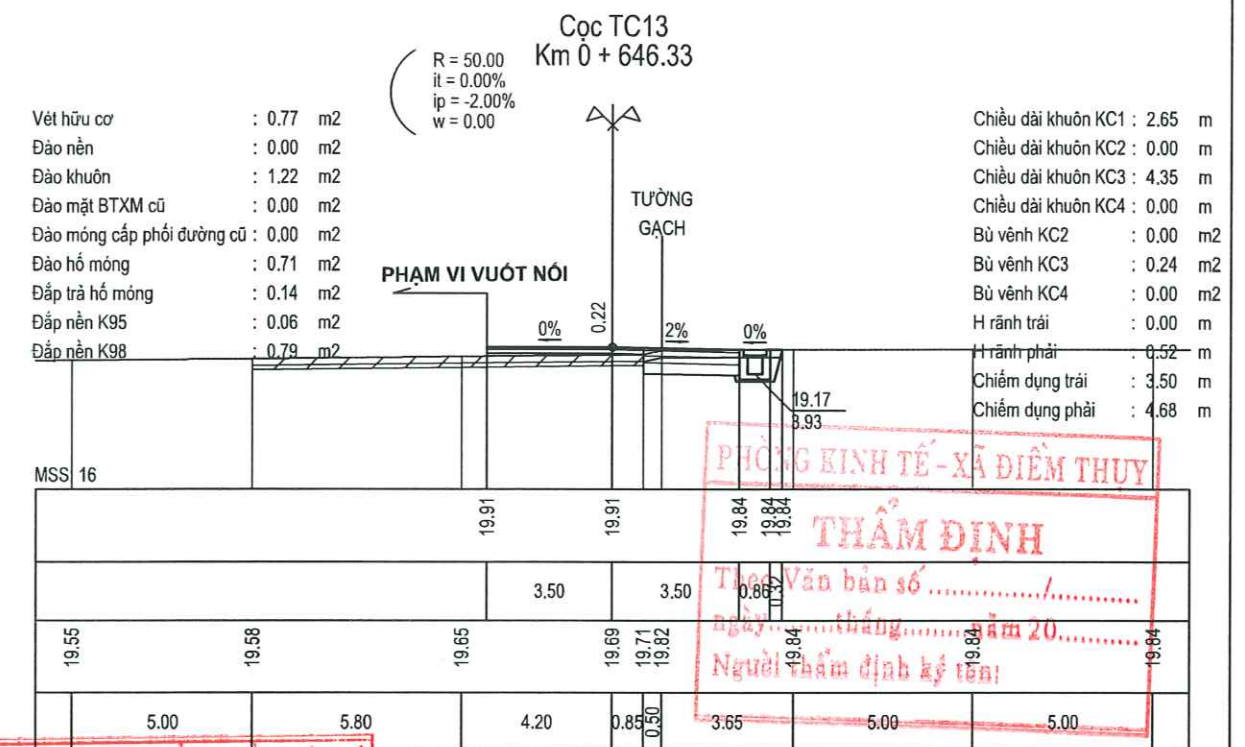
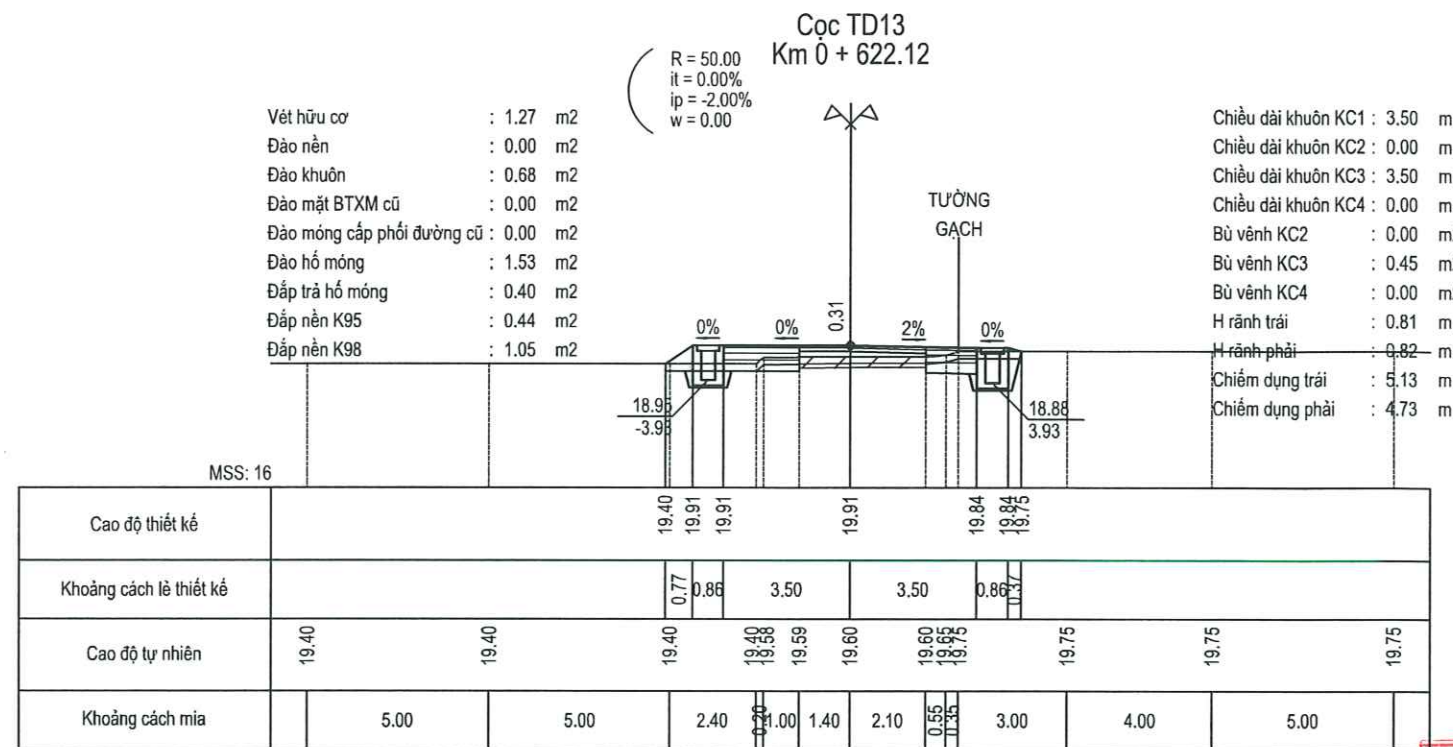
Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

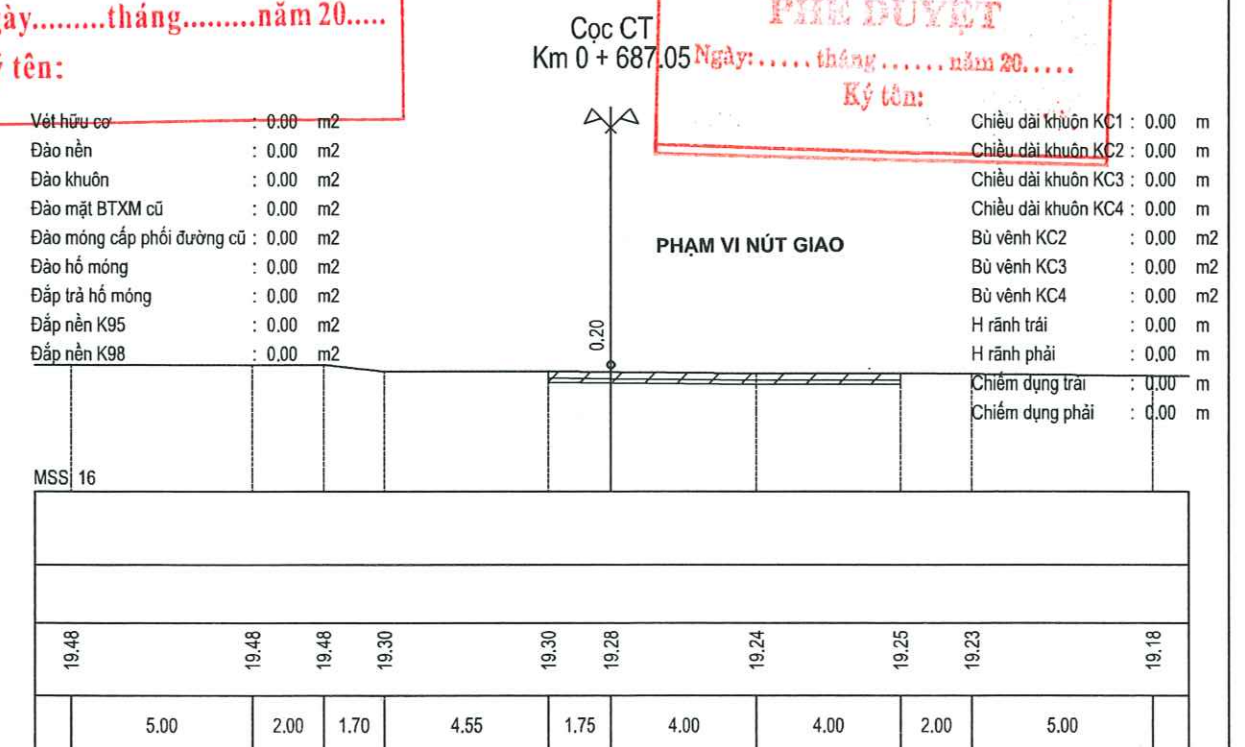
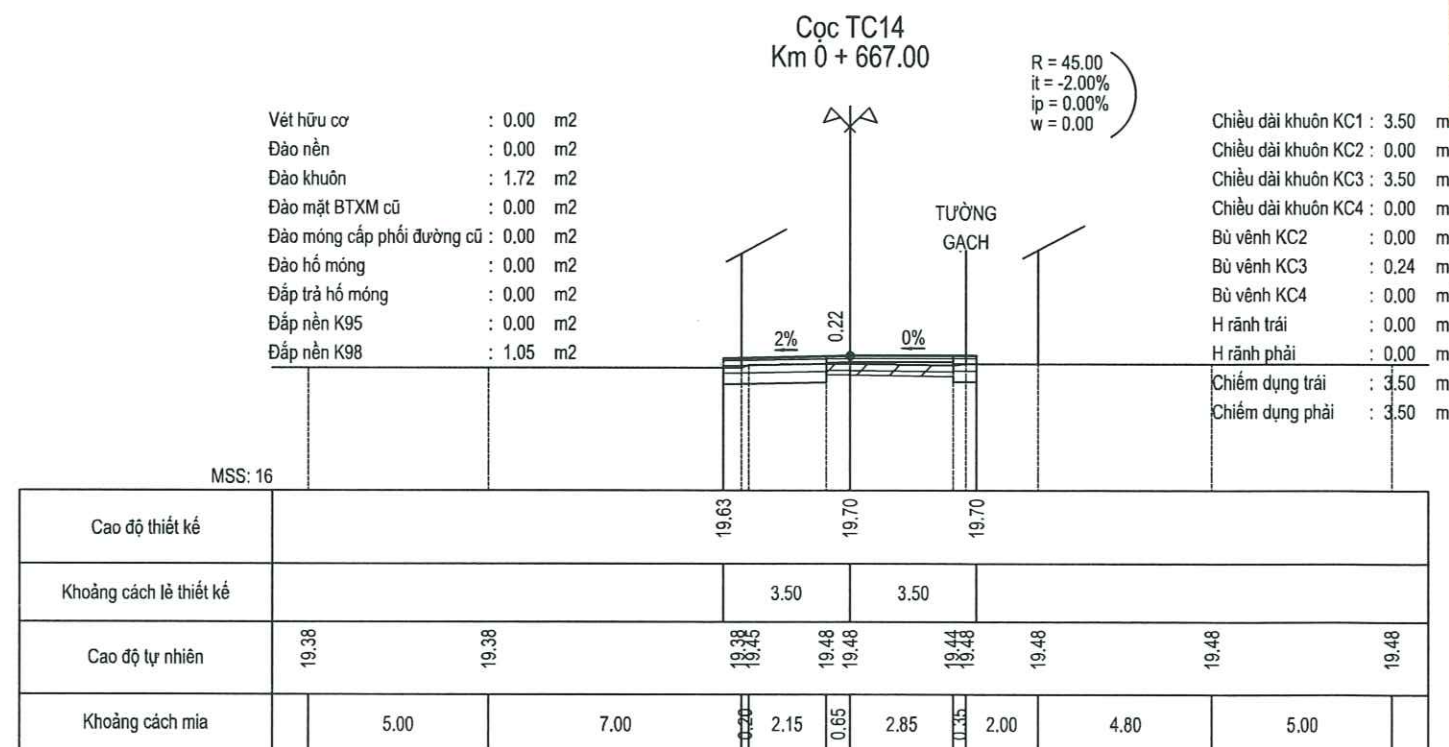
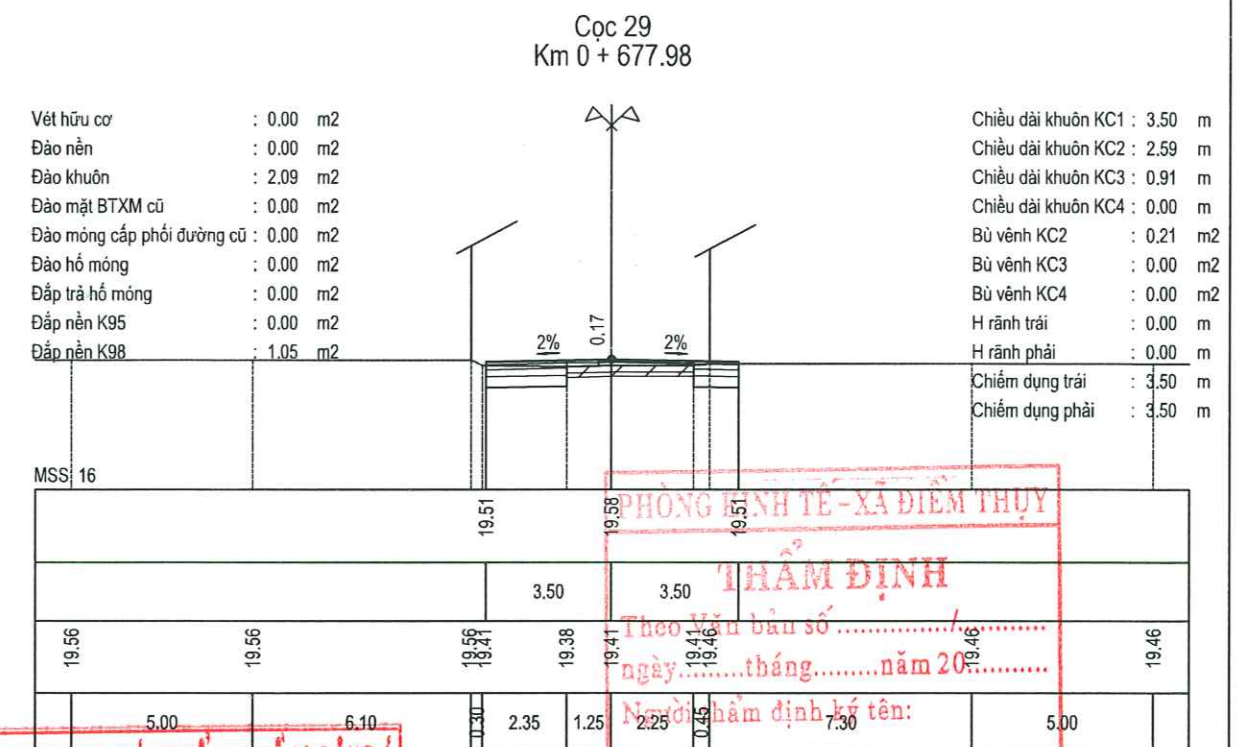
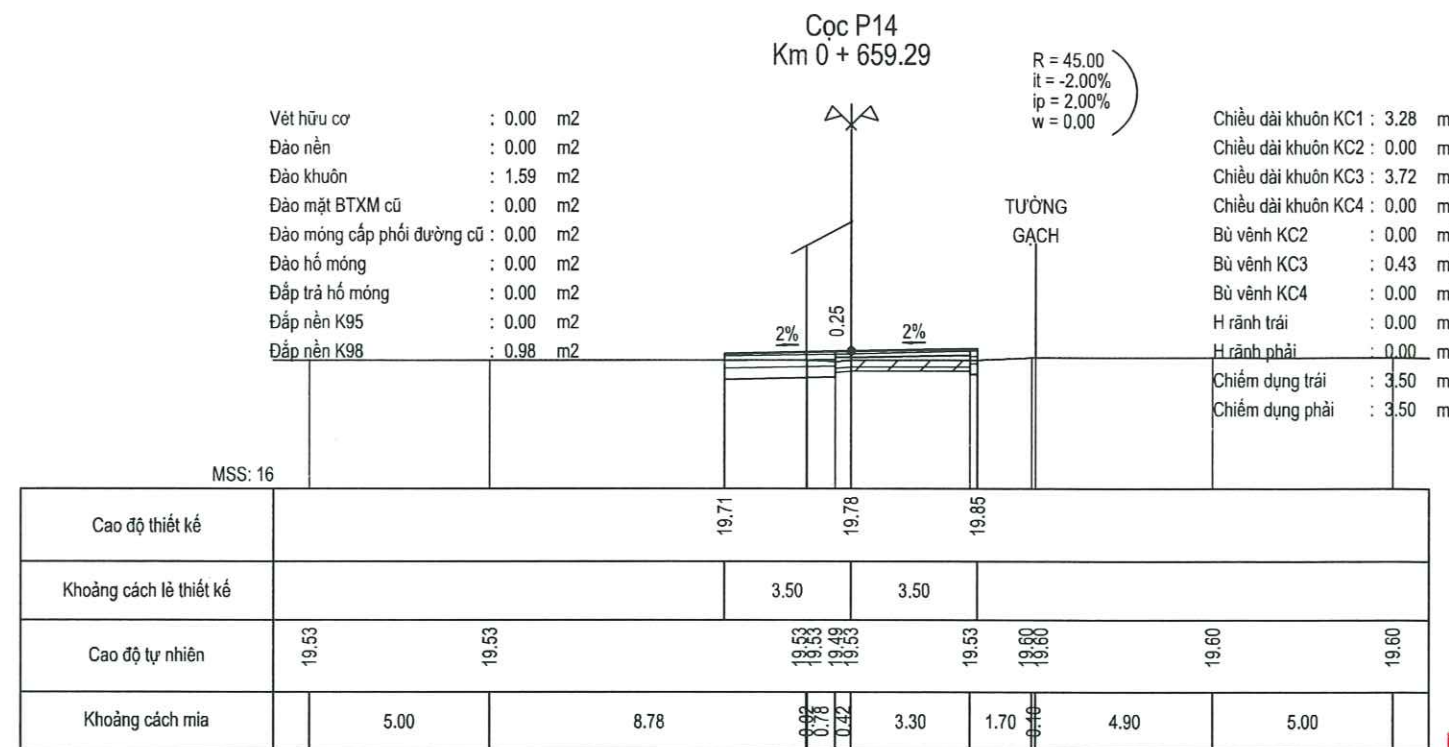
CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THUY ĐƠN VỊ TƯ VẤN KSTK:  CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ BÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102	DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THUY, TỈNH THÁI NGUYÊN BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	TRÁC NGANG THIẾT KẾ NHÃN 1 HOÀN THÀNH: /2025 TỶ LỆ: 1:200 BẢN VẼ SỐ: TN-N1-16 KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3
		CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI		GIÁM ĐỐC	
		THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN		CHỦ ĐẦU TƯ	
		Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI		CHỦ ĐẦU TƯ	



CHỦ ĐẦU TƯ:		DỰ ÁN:	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	TRẮC NGANG THIẾT KẾ NHẢNH 1	
TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY			CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI		GIÁM ĐỐC		
ĐƠN VỊ TV KSTK:			THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN				
 CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ ĐÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102			ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN	Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI			KS. DƯƠNG QUỐC LÝ
			BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG				HOÀN THÀNH: /2025	BẢN VẼ SỐ: TN-N1-17
							TỶ LỆ: 1:200	KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3



CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THUY	DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THUY, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	TRÁC NGANG THIẾT KẾ NHÃN 1
		CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI	<i>[Signature]</i>	GIÁM ĐỐC	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN KSTK:  CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ ĐÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102	BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN	<i>[Signature]</i>		HOÀN THÀNH: /2025 TỶ LỆ: 1:200
		Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI	<i>[Signature]</i>	KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	



CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐỒNG Á

THẨM TRA

Theo Văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

PHÒNG HÀNH CHÍNH - XÃ ĐIỂM THỤY

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

UBND XÃ ĐIỂM THỤY

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THỤY

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

PHÊ DUYỆT

Ngày:.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY	DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYỄN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	TRÁC NGANG THIẾT KẾ NHÁNH 1
		CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI		GIÁM ĐỐC	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN KSTK: CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ BÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102	ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN	THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN			HOÀN THÀNH: /2025 BẢN VẼ SỐ: TN-N1-19 TỶ LỆ: 1:200 KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3
		Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI		KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	

PHÒNG KINH TẾ - XÃ ĐIỂM THUY
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số/.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

II.2 BÌNH ĐỒ – TRẮC DỌC – TRẮC NGANG NHÁNH 2



CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐỒNG Á
THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

UBND XÃ ĐIỂM THUY
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THUY
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
PHÊ DUYỆT
Ngày:..... tháng năm 20.....
Ký tên:

Bảng tọa độ cọc						
S T T	Tên cọc	Lý trình	Tọa độ X	Tọa độ Y	Cao độ TN	Cao độ TK
1	KM0	Km 0+0	2379470.32	438069.25	19.28	19.48
2	1	Km 0+7.9	2379468	438076.80	19.20	19.37
3	2	Km 0+14.59	2379466.04	438083.19	19.04	19.27
4	3	Km 0+24.75	2379463.05	438092.90	18.87	19.12
5	TD1	Km 0+36.45	2379459.61	438104.09	18.70	18.96
6	P1	Km 0+46.59	2379455.91	438113.52	18.55	18.81
7	TC1	Km 0+56.74	2379450.82	438122.29	18.44	18.66
8	4	Km 0+64.51	2379446.42	438128.69	18.32	18.55
9	5	Km 0+79.51	2379437.92	438141.06	18.14	18.34
10	6	Km 0+94.51	2379429.43	438153.42	18.03	18.12
11	H1	Km 0+100	2379426.32	438157.94	17.90	18.04
12	7	Km 0+109.51	2379420.94	438165.79	17.68	17.91
13	8	Km 0+114.51	2379418.10	438169.91	17.59	17.84
14	9	Km 0+124.51	2379412.44	438178.15	17.54	17.78
15	10	Km 0+139.51	2379403.95	438190.51	17.59	17.89
16	11	Km 0+154.51	2379395.46	438202.88	17.60	18.09
17	12	Km 0+157.28	2379393.89	438205.16	17.61	18.12
18	TD2	Km 0+161.64	2379391.42	438208.75	17.69	18.18
19	P2	Km 0+178.37	2379382.60	438222.96	18.31	18.40
20	TC2	Km 0+195.10	2379375.14	438237.93	18.63	18.63
21	H2	Km 0+200	2379373.16	438242.41	18.59	18.68
22	13	Km 0+214.51	2379367.29	438255.69	18.47	18.83
23	TD3	Km 0+228.10	2379361.80	438268.11	18.45	18.97
24	14	Km 0+237.96	2379357.10	438276.76	18.45	19.07
25	P3	Km 0+248.76	2379350.40	438285.21	18.61	19.19
26	15	Km 0+259.51	2379342.33	438292.30	19.03	19.30

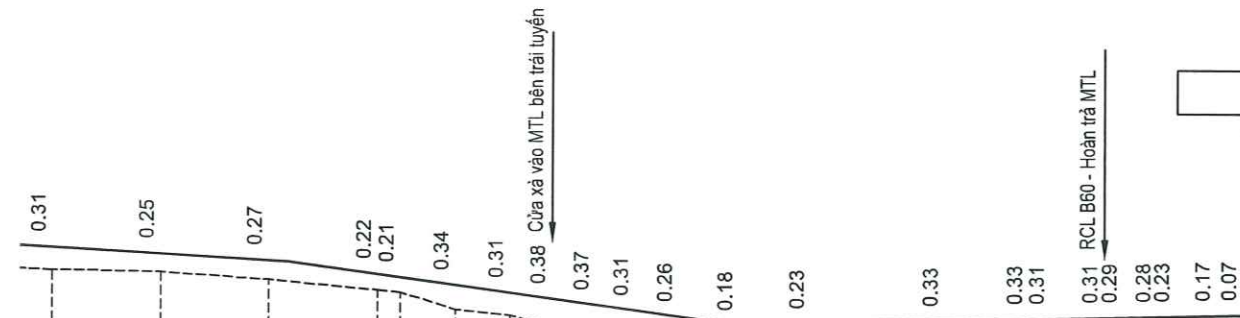
27	TC3	Km 0+269.41	2379333.89	438297.46	19.23	19.40
28	TD4	Km 0+282.10	2379322.56	438303.17	19.27	19.53
29	P4	Km 0+291.68	2379313.87	438307.20	19.34	19.63
30	H3	Km 0+300	2379306.13	438310.24	19.32	19.58
31	TC4	Km 0+301.25	2379304.95	438310.66	19.32	19.58
32	16	Km 0+314.51	2379292.44	438315.07	19.18	19.50
33	17	Km 0+319.51	2379287.73	438316.73	19.16	19.47
34	18	Km 0+334.51	2379273.58	438321.71	19.13	19.38
35	19	Km 0+349.51	2379259.43	438326.69	19.03	19.29
36	20	Km 0+364.51	2379245.28	438331.68	18.89	19.11
37	TD5	Km 0+367.61	2379242.36	438332.70	18.86	19.07
38	P5	Km 0+375.15	2379235.33	438335.43	18.63	18.96
39	TC5	Km 0+382.69	2379228.49	438338.59	18.55	18.86
40	21	Km 0+388.51	2379223.29	438341.20	18.40	18.78
41	22	Km 0+394.51	2379217.92	438343.89	18.33	18.70
42	23	Km 0+400	2379213.01	438346.34	18.31	18.62
43	TD6	Km 0+406.06	2379207.59	438349.06	18.28	18.54
44	H4	Km 0+414.51	2379199.93	438352.63	18.24	18.42
45	P6	Km 0+424.49	2379190.65	438356.28	18.22	18.44
46	TC6	Km 0+442.92	2379172.94	438361.37	18.16	18.49
47	24	Km 0+454.51	2379161.63	438363.88	18.19	18.51
48	TD7	Km 0+457.52	2379158.69	438364.53	18.21	18.52
49	P7	Km 0+464.87	2379152.19	438367.78	18.23	18.54
50	25	Km 0+467.52	2379150.34	438369.68	18.25	18.54
51	TC7	Km 0+472.22	2379147.97	438373.71	18.27	18.55
52	26	Km 0+474.76	2379147.05	438376.09	18.33	18.56
53	27	Km 0+480.47	2379144.97	438381.40	18.43	18.57
54	CT	Km 0+484.10	2379143.65	438384.78	18.51	18.58

PHÒNG KINH TẾ - XÃ ĐIỂM THỤY
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số/.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐỒNG Á
THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

UBND XÃ ĐIỂM THỤY
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THỤY
THẨM KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
PHÊ DUYỆT
Ngày:.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ:		DỰ ÁN:		CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ NHÁNH 2			
TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY		NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN		CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI		GIÁM ĐỐC				
ĐƠN VỊ TƯ VẤN KSTK:		ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN		THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN			HOÀN THÀNH: /2025		BẢN VẼ SỐ:	BD-N2-3
 CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ BÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102		BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI			KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	TỶ LỆ: 1/500	KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3	



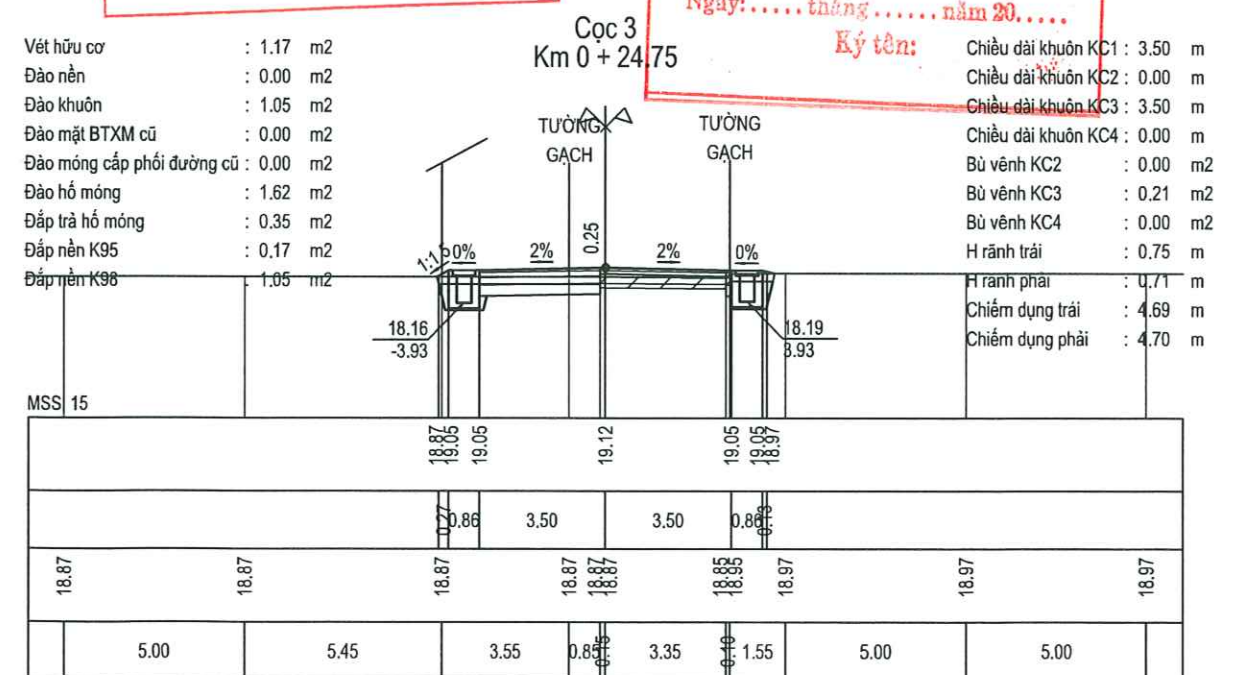
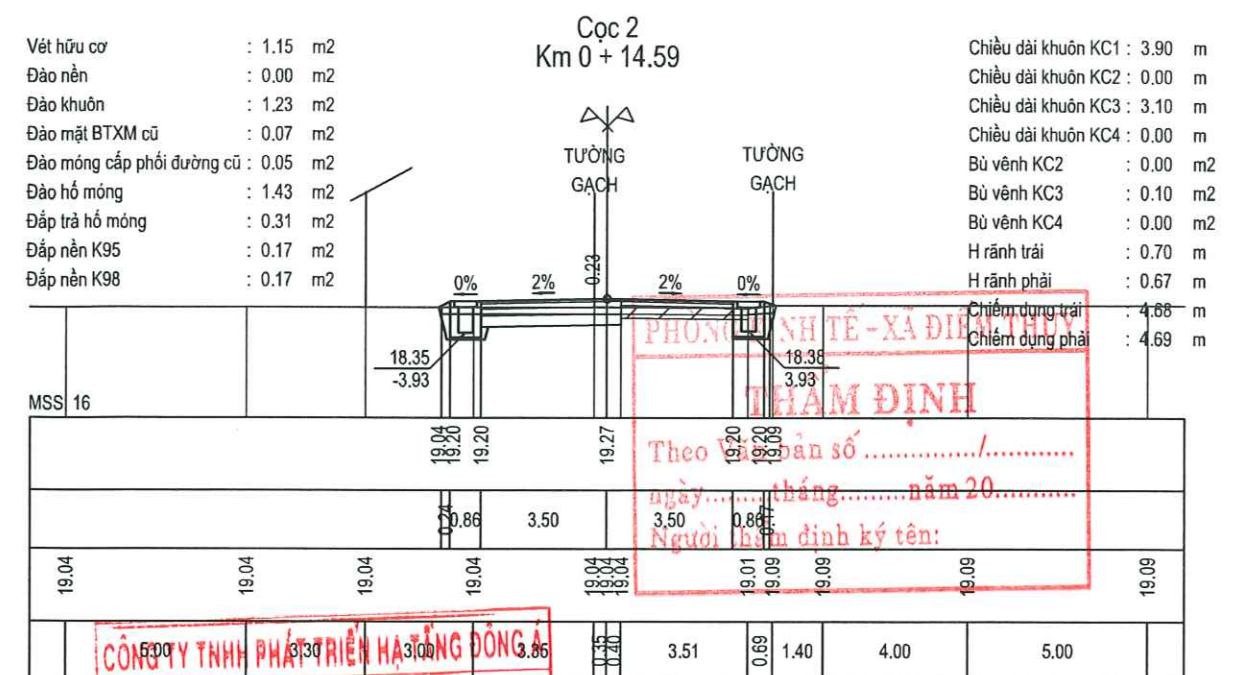
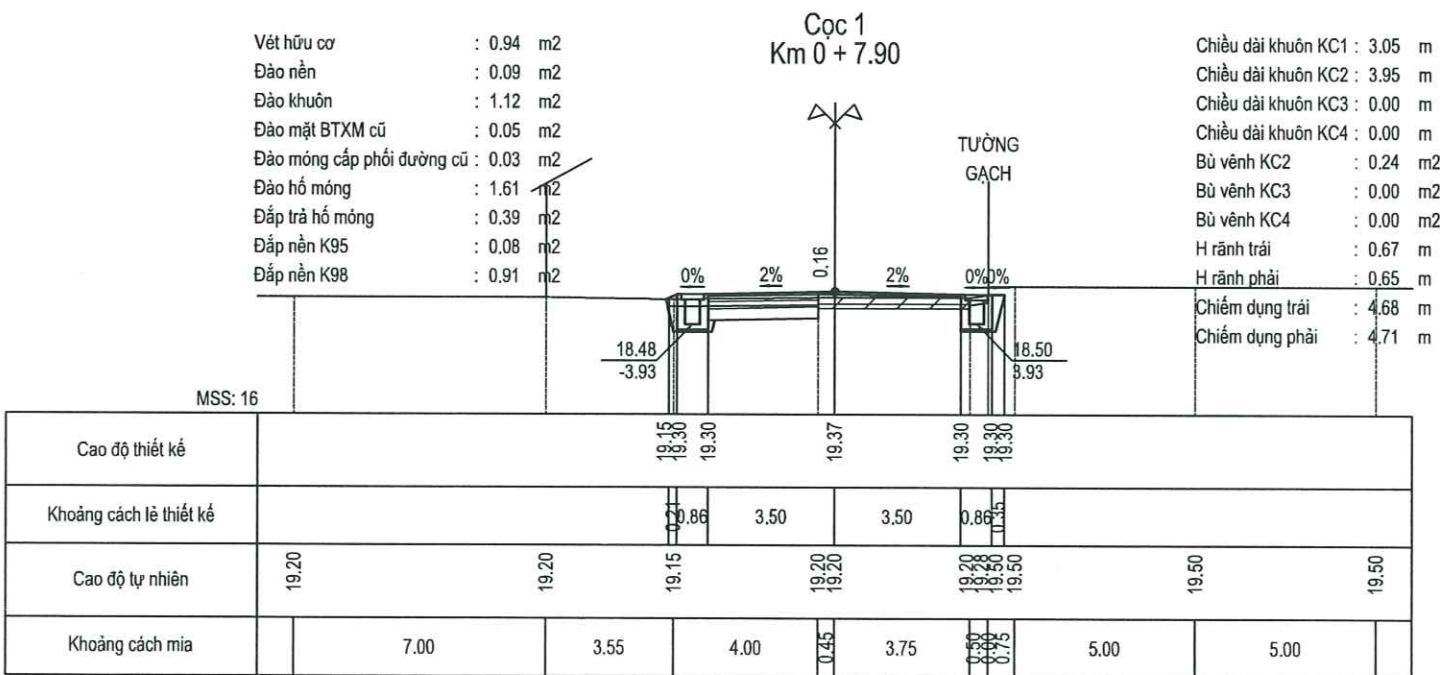
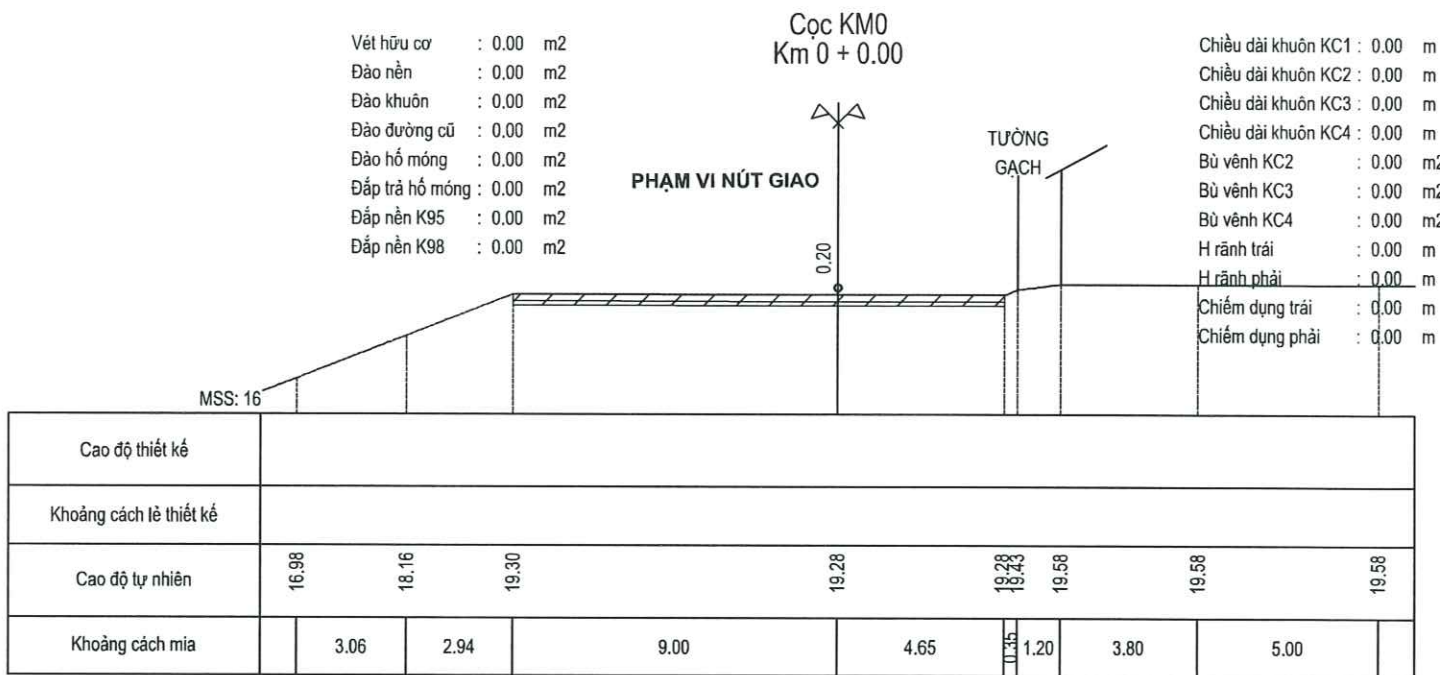
Cao độ thiết kế	19.47	19.38	19.29	19.11	19.07	18.96	18.86	18.78	18.70	18.62	18.54	18.42	18.44	18.49	18.51	18.52	18.54	18.54	18.55	18.56	18.57	18.58
Độ dốc thiết kế	0.59%			1.38%										0.23%								
Cao độ đáy cống dọc trái	18.30	18.15	18.00	17.85	17.82	17.74	17.66	17.29	17.30	17.30	17.31	17.32	17.33	17.35	17.36	17.36	17.37					
Độ dốc đáy cống dọc trái	1.01%													0.10%								
Cao độ đáy cống dọc phải																						
Độ dốc đáy cống dọc phải																						
Cao độ tự nhiên	19.16	19.13	19.03	18.89	18.86	18.63	18.55	18.40	18.33	18.31	18.28	18.24	18.22	18.16	18.19	18.21	18.23	18.25	18.27	18.33	18.40	18.51
Khoảng cách lề	5.00	15.00	15.00	15.00	3.09	7.54	7.54	5.82	6.01	5.49	6.06	8.45	9.98	18.43	11.59	3.01	7.35	2.65	4.70	5.71	3.63	
Khoảng cách cộng dồn	319.51	334.51	349.51	364.51	367.61	375.15	382.69	388.51	394.51	400.00	406.06	414.51	424.49	442.92	454.51	457.52	464.87	467.52	472.22	474.76	480.47	484.10
Tên cọc	17	18	19	20	P5	21	23	H4	P6	TC6	TD7	25	26	CT								
Lý trình	k							H4														Km 0+484.10
Đoạn thẳng - Đoạn cong	A = 172°47'58.97" R = 120.00 D = 0.02 P = 0.24 K = 15.08 T = 7.55 L1 = 11.00 L2 = 11.00 l1 = 2.00 w1 = 0.00 A = -165°55'11.79" R = 150.00 D = 0.19 P = 1.14 K = 36.86 T = 18.52 L1 = 11.00 L2 = 11.00 l1 = 2.00 w1 = 0.00 A = 123°52'10.27" R = 15.00 D = 1.30 P = 2.00 K = 14.70 T = 8.00 L1 = 33.00 L2 = 33.00 l1 = 3.00 w1 = 0.00																					

PHÒNG KINH TẾ - XÃ ĐIỂM THUY
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số/.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

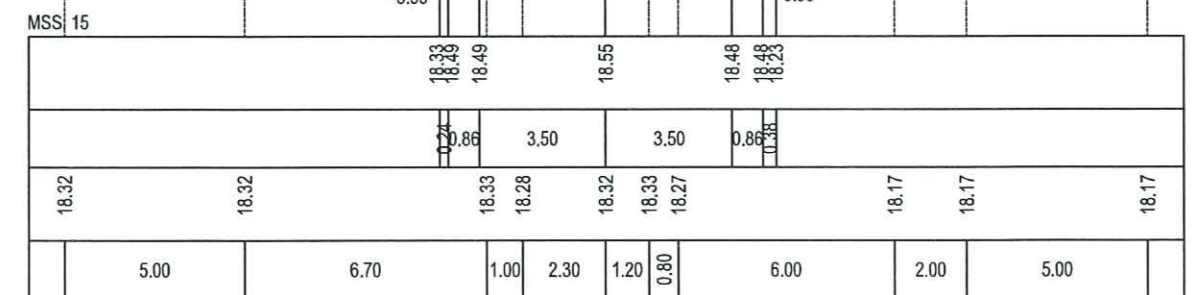
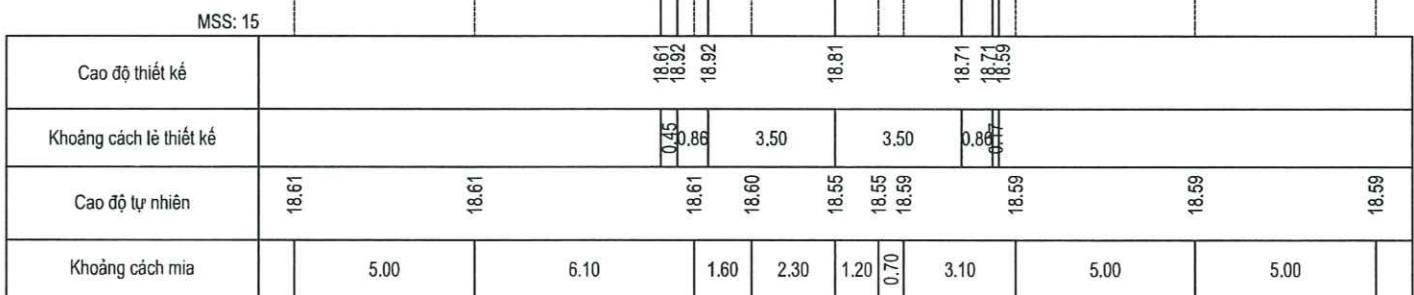
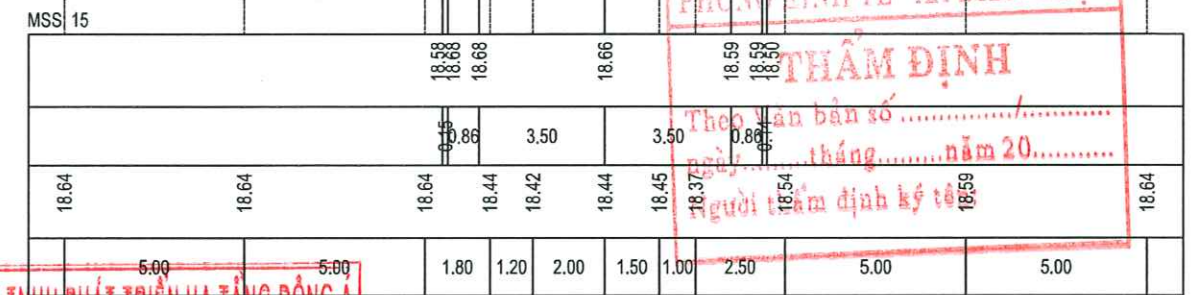
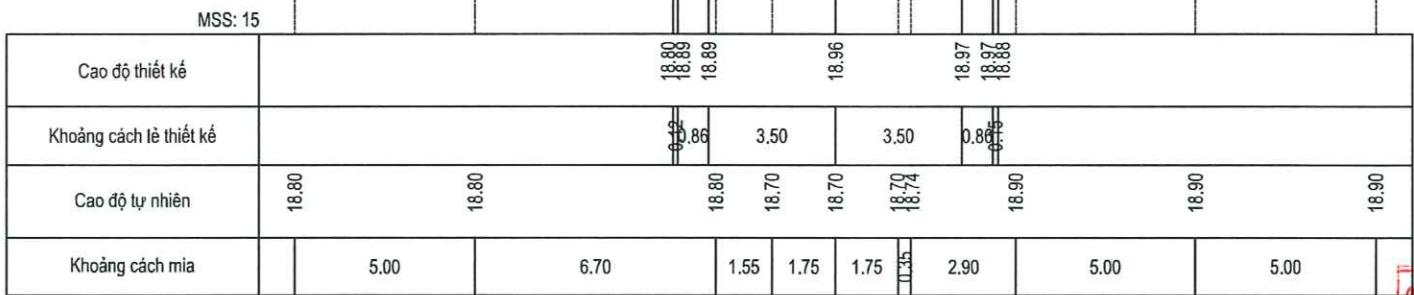
UBND XÃ ĐIỂM THUY
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THUY
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
PHÊ DUYỆT
Ngày:.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐỒNG Á
THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THUY	DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYỄN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	TRẮC DỌC THIẾT KẾ NHÁNH 2
ĐƠN VỊ TƯ VẤN KSTK:	ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THUY, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI		GIÁM ĐỐC	
 CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ BÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102	BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN			
		Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI		KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	
						HOÀN THÀNH: /2025 TỶ LỆ: 1:1000;1:100
						BẢN VẼ SỐ: TD-N2-1 KY HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3



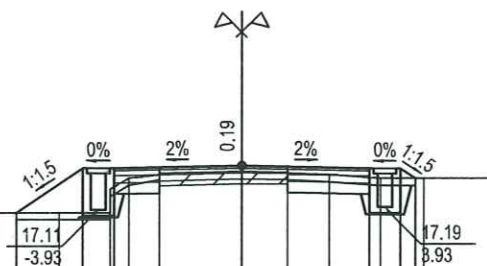
CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY ĐƠN VỊ TƯ VẤN KSTK:  CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ ĐÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102	DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYỄN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	TRÁC NGANG THIẾT KẾ NHÁNH 2	
		CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI		CHẤM ĐỐC	HOÀN THÀNH: /2025	BẢN VẼ SỐ: TN-N2-1
		THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN		ĐẠI TƯ. T. THÁI NGUYÊN	TỶ LỆ: 1:200	KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3
		Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI		KS. DƯƠNG QUỐC LÝ		



CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THUY		DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN		THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CHỨC DANH CHỦ NHIỆM CT KS. DƯƠNG QUÝ HẢI		CHỮ KÝ 				TRÁC NGANG THIẾT KẾ NHẪN 2	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN:  CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ ĐÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102		ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THUY, TỈNH THÁI NGUYÊN		THIẾT KẾ KS. NGUYỄN THÁI SƠN				CHỮ KÝ 		HOÀN THÀNH: /2025 BẢN VẼ SỐ: TN-N2-2	
		BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		Q.L.K.T KS. NGÔ ĐỨC TÀI				CHỮ KÝ KS. DƯƠNG QUỐC LÝ		TỶ LỆ: 1:200 KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3	

Vết hữu cơ	: 1.46	m2
Đào nền	: 0.00	m2
Đào khuôn	: 0.99	m2
Đào mặt BTXM cũ	: 0.00	m2
Đào móng cấp phối đường cũ	: 0.00	m2
Đào hố móng	: 1.12	m2
Đắp trả hố móng	: 0.44	m2
Đắp nền K95	: 1.57	m2
Đắp nền K98	: 1.05	m2

Cọc 5
Km 0 + 79.51



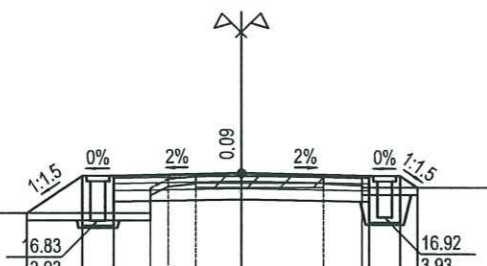
Chiều dài khuôn KC1	: 3.50	m
Chiều dài khuôn KC2	: 0.00	m
Chiều dài khuôn KC3	: 3.50	m
Chiều dài khuôn KC4	: 0.00	m
Bù vênh KC2	: 0.00	m2
Bù vênh KC3	: 0.09	m2
Bù vênh KC4	: 0.00	m2
H rãnh trái	: 1.00	m
H rãnh phải	: 0.92	m
Chiếm dụng trái	: 6.20	m
Chiếm dụng phải	: 4.77	m

MSS: 14

Cao độ thiết kế	17.04	18.27	18.27	18.34	18.27	17.99	17.99
Khoảng cách lề thiết kế	1.84	0.86	3.50	3.50	0.86	0.41	
Cao độ tự nhiên	17.04	17.04	17.04	18.08	18.14	18.13	18.09
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	1.40	0.85	2.25	1.25	1.15

Vết hữu cơ	: 1.44	m2
Đào nền	: 0.00	m2
Đào khuôn	: 2.16	m2
Đào mặt BTXM cũ	: 0.63	m2
Đào móng cấp phối đường cũ	: 0.42	m2
Đào hố móng	: 1.20	m2
Đắp trả hố móng	: 0.33	m2
Đắp nền K95	: 1.77	m2
Đắp nền K98	: 2.10	m2

Cọc 6
Km 0 + 94.51



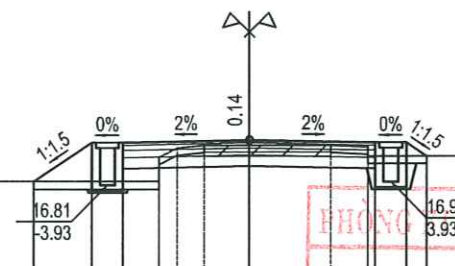
Chiều dài khuôn KC1	: 7.00	m
Chiều dài khuôn KC2	: 0.00	m
Chiều dài khuôn KC3	: 0.00	m
Chiều dài khuôn KC4	: 0.00	m
Bù vênh KC2	: 0.00	m2
Bù vênh KC3	: 0.00	m2
Bù vênh KC4	: 0.00	m2
H rãnh trái	: 1.07	m
H rãnh phải	: 0.98	m
Chiếm dụng trái	: 5.89	m
Chiếm dụng phải	: 4.84	m

MSS: 14

Cao độ thiết kế	17.03	18.05	18.05	18.12	18.05	18.05	17.73
Khoảng cách lề thiết kế	1.53	0.86	3.50	3.50	0.86	0.48	
Cao độ tự nhiên	17.03	17.03	17.03	18.03	18.03	17.73	17.73
Khoảng cách mìa	5.00	7.50	0.80	0.75	1.25	2.25	1.05

Vết hữu cơ	: 1.48	m2
Đào nền	: 0.00	m2
Đào khuôn	: 1.88	m2
Đào mặt BTXM cũ	: 0.63	m2
Đào móng cấp phối đường cũ	: 0.42	m2
Đào hố móng	: 0.94	m2
Đắp trả hố móng	: 0.25	m2
Đắp nền K95	: 1.98	m2
Đắp nền K98	: 2.10	m2

Cọc H1
Km 0 + 100.00



Chiều dài khuôn KC1	: 7.00	m
Chiều dài khuôn KC2	: 0.00	m
Chiều dài khuôn KC3	: 0.00	m
Chiều dài khuôn KC4	: 0.00	m
Bù vênh KC2	: 0.00	m2
Bù vênh KC3	: 0.00	m2
Bù vênh KC4	: 0.00	m2
H rãnh trái	: 1.02	m
H rãnh phải	: 0.93	m
Chiếm dụng trái	: 5.97	m
Chiếm dụng phải	: 4.92	m

MSS: 13

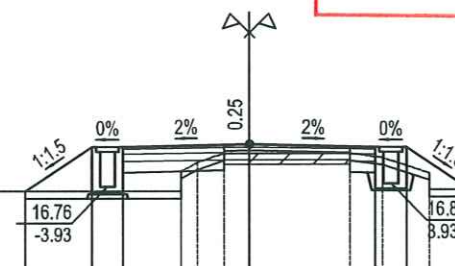
Cao độ thiết kế	16.90	17.97	17.97	18.04	17.97	17.60	17.60
Khoảng cách lề thiết kế	1.61	0.86	3.50	3.50	0.86	0.41	
Cao độ tự nhiên	16.90	16.90	16.90	17.90	17.90	17.60	17.60
Khoảng cách mìa	5.00	7.50	0.80	0.75	1.25	2.25	1.05

THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

Vết hữu cơ	: 1.77	m2
Đào nền	: 0.00	m2
Đào khuôn	: 0.31	m2
Đào mặt BTXM cũ	: 0.00	m2
Đào móng cấp phối đường cũ	: 0.00	m2
Đào hố móng	: 0.69	m2
Đắp trả hố móng	: 0.30	m2
Đắp nền K95	: 3.73	m2
Đắp nền K98	: 1.05	m2

Cọc 7
Km 0 + 109.51

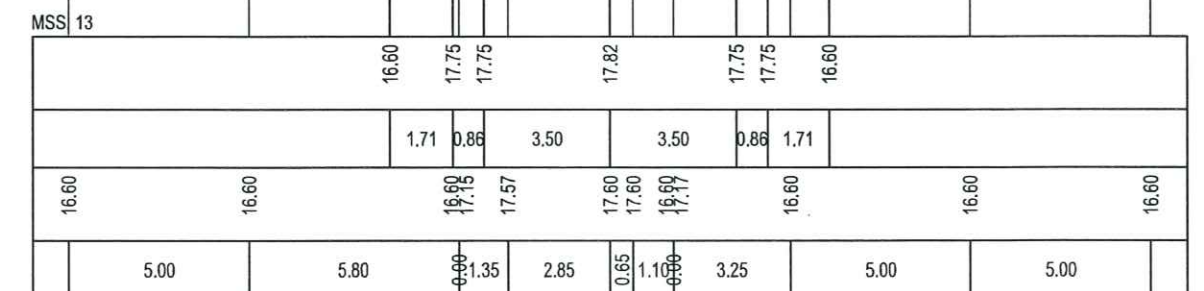
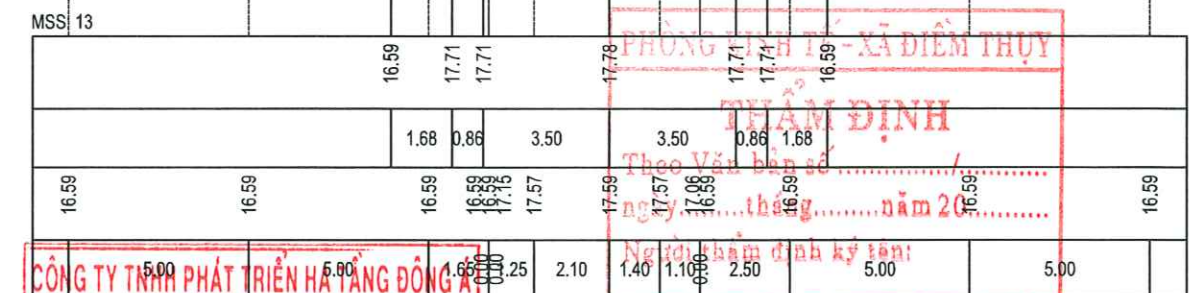
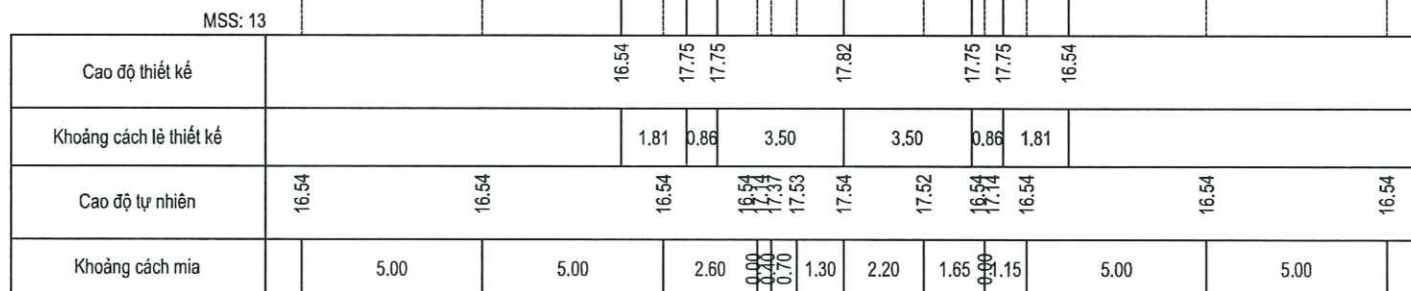
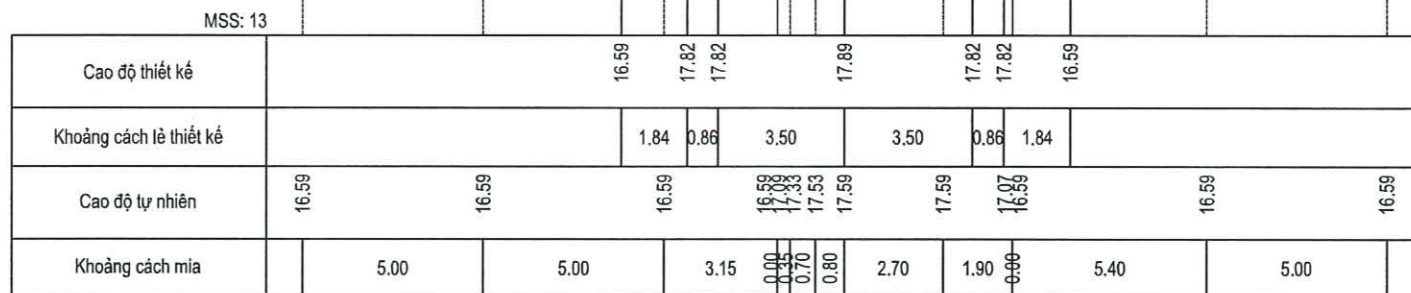


Chiều dài khuôn KC1	: 3.50	m
Chiều dài khuôn KC2	: 0.00	m
Chiều dài khuôn KC3	: 3.50	m
Chiều dài khuôn KC4	: 0.00	m
Bù vênh KC2	: 0.00	m2
Bù vênh KC3	: 0.20	m2
Bù vênh KC4	: 0.00	m2
H rãnh trái	: 0.95	m
H rãnh phải	: 0.86	m
Chiếm dụng trái	: 6.21	m
Chiếm dụng phải	: 6.13	m

MSS: 13

Cao độ thiết kế	16.63	17.86	17.86	17.93	17.86	17.86	16.68
Khoảng cách lề thiết kế	1.85	0.86	3.50	3.50	0.86	1.77	
Cao độ tự nhiên	16.63	16.63	16.63	17.68	17.68	17.56	16.68
Khoảng cách mìa	5.00	8.10	0.80	0.75	0.70	2.80	0.90

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THUY	DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁNG NGUYỄN NGÀY THÁNG NĂM 2026	TRÁC NGANG THIẾT KẾ NHÁNH 2
ĐƠN VỊ TƯ VẤN KSTK:	ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THUY, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI		GIÁM ĐỐC	HOÀN THÀNH: /2025
	CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ BÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0997) 119.102	THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN			BẢN VẼ SỐ: TN-N2-3
	BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI		KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	TỶ LỆ: 1:200
						KY HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3



CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY		DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	TRẮC NGANG THIẾT KẾ NHÁNH 2	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN:  CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ ĐÌNH, XÃ ĐẠI PHƯỚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102			CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI		GIÁM ĐỐC		
			THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN			HOÀN THÀNH: /2025 TỶ LỆ: 1:200	BẢN VẼ SỐ: TN-N2-4 KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3
		BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI		KS. DƯƠNG QUỐC LÝ		

Vết hữu cơ : 1.84 m2
Đào nền : 0.00 m2
Đào khuôn : 0.18 m2
Đào mặt BTXM cũ : 0.00 m2
Đào móng cấp phối đường cũ : 0.00 m2
Đào hố móng : 0.55 m2
Đắp trả hố móng : 0.28 m2
Đắp nền K95 : 5.17 m2
Đắp nền K98 : 1.05 m2

Cọc 12
Km 0 + 157.28

R = 180.00
it = -2.00%
ip = -1.59%
w = 0.00

Chiều dài khuôn KC1 : 3.50 m
Chiều dài khuôn KC2 : 0.00 m
Chiều dài khuôn KC3 : 3.50 m
Chiều dài khuôn KC4 : 0.00 m
Bù vênh KC2 : 0.00 m2
Bù vênh KC3 : 0.13 m2
Bù vênh KC4 : 0.00 m2
H rãnh trái : 1.06 m
H rãnh phải : 0.98 m
Chiếm dụng trái : 6.66 m
Chiếm dụng phải : 6.11 m

MSS: 13

Cao độ thiết kế		16.23	17.76	17.76	17.83	17.78	17.78	16.61	
Khoảng cách lề thiết kế			2.30	0.86	3.50	3.50	0.86	1.75	
Cao độ tự nhiên	16.30	16.26	16.21	16.38	17.59	17.61	17.01	16.61	16.61
Khoảng cách mìa		5.00	5.80	0.90	1.30	2.90	0.60	0.80	0.60

Vết hữu cơ : 1.77 m2
Đào nền : 0.00 m2
Đào khuôn : 0.35 m2
Đào mặt BTXM cũ : 0.00 m2
Đào móng cấp phối đường cũ : 0.00 m2
Đào hố móng : 0.48 m2
Đắp trả hố móng : 0.33 m2
Đắp nền K95 : 4.66 m2
Đắp nền K98 : 1.03 m2

Cọc TD2
Km 0 + 161.64

R = 180.00
it = -2.00%
ip = 0.00%
w = 0.00

Chiều dài khuôn KC1 : 3.45 m
Chiều dài khuôn KC2 : 0.00 m
Chiều dài khuôn KC3 : 3.55 m
Chiều dài khuôn KC4 : 0.00 m
Bù vênh KC2 : 0.00 m2
Bù vênh KC3 : 0.02 m2
Bù vênh KC4 : 0.00 m2
H rãnh trái : 1.02 m
H rãnh phải : 1.00 m
Chiếm dụng trái : 6.31 m
Chiếm dụng phải : 6.27 m

MSS: 13

Cao độ thiết kế		16.49	17.79	17.79	17.86	17.86	17.86	16.59	
Khoảng cách lề thiết kế			1.95	0.86	3.50	3.50	0.86	1.91	
Cao độ tự nhiên	16.49	16.49	16.49	16.49	17.63	17.69	17.66	16.59	16.59
Khoảng cách mìa		5.00	5.00	1.10	1.10	2.80	0.75	0.80	0.60

Vết hữu cơ : 1.25 m2
Đào nền : 1.52 m2
Đào khuôn : 4.85 m2
Đào mặt BTXM cũ : 0.63 m2
Đào móng cấp phối đường cũ : 0.42 m2
Đào hố móng : 3.14 m2
Đắp trả hố móng : 0.89 m2
Đắp nền K95 : 0.01 m2
Đắp nền K98 : 2.10 m2

Cọc P2
Km 0 + 178.37

R = 180.00
it = -2.00%
ip = 2.00%
w = 0.00

Chiều dài khuôn KC1 : 7.00 m
Chiều dài khuôn KC2 : 0.00 m
Chiều dài khuôn KC3 : 0.00 m
Chiều dài khuôn KC4 : 0.00 m
Bù vênh KC2 : 0.00 m2
Bù vênh KC3 : 0.00 m2
Bù vênh KC4 : 0.00 m2
H rãnh trái : 0.92 m
H rãnh phải : 1.00 m
Chiếm dụng trái : 4.78 m
Chiếm dụng phải : 4.80 m

MSS: 13

Cao độ thiết kế		17.96	17.96	18.03	18.10	18.10	18.10	18.10	
Khoảng cách lề thiết kế			0.42	0.86	3.50	3.50	0.86	0.44	
Cao độ tự nhiên	18.61	18.61	18.61	18.61	18.31	18.31	18.31	18.31	18.61
Khoảng cách mìa		5.00	5.00	1.70	1.80	0.50	1.00	2.50	1.90

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔNG A
THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

UBND XÃ ĐIỂM THUY
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THUY
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
PHÊ DUYỆT
R = 180.00
it = -2.00%
ip = 0.00%
w = 0.00
Ngày:.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

Vết hữu cơ : 1.25 m2
Đào nền : 1.99 m2
Đào khuôn : 4.97 m2
Đào mặt BTXM cũ : 0.63 m2
Đào móng cấp phối đường cũ : 0.42 m2
Đào hố móng : 2.98 m2
Đắp trả hố móng : 0.82 m2
Đắp nền K95 : -0.00 m2
Đắp nền K98 : 2.10 m2

Cọc TC2
Km 0 + 195.10

R = 180.00
it = -2.00%
ip = 0.00%
w = 0.00

Chiều dài khuôn KC1 : 7.00 m
Chiều dài khuôn KC2 : 0.00 m
Chiều dài khuôn KC3 : 0.00 m
Chiều dài khuôn KC4 : 0.00 m
Bù vênh KC2 : 0.00 m2
Bù vênh KC3 : 0.00 m2
Bù vênh KC4 : 0.00 m2
H rãnh trái : 0.88 m
H rãnh phải : 0.92 m
Chiếm dụng trái : 4.77 m
Chiếm dụng phải : 4.78 m

MSS: 15

Cao độ thiết kế		18.19	18.19	18.26	18.26	18.26	18.26	18.26	
Khoảng cách lề thiết kế			0.42	0.86	3.50	3.50	0.86	0.42	
Cao độ tự nhiên	19.08	18.93	18.78	18.63	18.63	18.63	18.69	18.73	18.73
Khoảng cách mìa		5.00	5.00	2.90	0.90	1.80	1.70	1.05	2.25

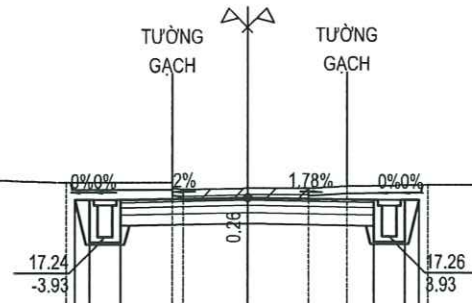
CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THUY		DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THUY, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	TRÁC NGANG THIẾT KẾ NHÁNH 2	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN KSTK:			CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI		GIÁM ĐỐC		
 CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ BÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0997) 119.102			THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN			HOÀN THÀNH: /2025	BẢN VẼ SỐ: TN-N2-5
			Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI		KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	TỶ LỆ: 1:200	KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3

Vết hữu cơ : 1.24 m2
Đào nền : 1.27 m2
Đào khuôn : 4.85 m2
Đào mặt BTXM cũ : 0.63 m2
Đào móng cấp phối đường cũ : 0.42 m2
Đào hố móng : 2.87 m2
Đắp trả hố móng : 0.78 m2
Đắp nền K95 : 0.00 m2
Đắp nền K98 : 2.10 m2

Cọc H2
Km 0 + 200.00

R = 180.00
it = -2.00%
ip = -1.78%
w = 0.00

Chiều dài khuôn KC1 : 7.00 m
Chiều dài khuôn KC2 : 0.00 m
Chiều dài khuôn KC3 : 0.00 m
Chiều dài khuôn KC4 : 0.00 m
Bù vênh KC2 : 0.00 m2
Bù vênh KC3 : 0.00 m2
Bù vênh KC4 : 0.00 m2
H rãnh trái : 0.87 m
H rãnh phải : 0.86 m
Chiếm dụng trái : 4.77 m
Chiếm dụng phải : 4.76 m



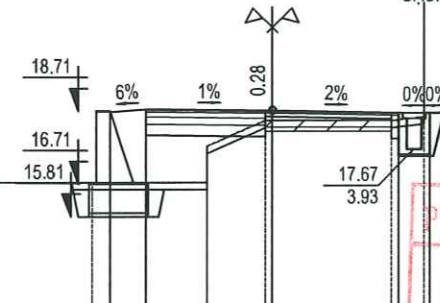
Cao độ thiết kế			18.26	18.26	18.33	18.27	18.27		
Khoảng cách lề thiết kế			0.41	0.86	3.50	3.50	0.86	0.41	
Cao độ tự nhiên	19.04	18.89	18.74	18.74	18.59	18.59	18.65	18.69	18.69
Khoảng cách mìa		5.00	5.00	2.90	0.00	1.80	1.70	1.05	2.25

Vết hữu cơ : 2.97 m2
Đào nền : 0.01 m2
Đào khuôn : 0.12 m2
Đào mặt BTXM cũ : 0.00 m2
Đào móng cấp phối đường cũ : 0.00 m2
Đào hố móng : 2.86 m2
Đắp trả hố móng : 0.96 m2
Đắp nền K95 : 4.14 m2
Đắp nền K98 : 1.06 m2

Cọc TD3
Km 0 + 228.10

R = 60.00
it = 1.00%
ip = -2.00%
w = 0.00

Chiều dài khuôn KC1 : 3.50 m
Chiều dài khuôn KC2 : 0.00 m
Chiều dài khuôn KC3 : 3.50 m
Chiều dài khuôn KC4 : 0.00 m
Bù vênh KC2 : 0.00 m2
Bù vênh KC3 : 0.27 m2
Bù vênh KC4 : 0.00 m2
H rãnh trái : 0.00 m
H rãnh phải : 0.84 m
Chiếm dụng trái : 4.50 m
Chiếm dụng phải : 4.76 m



Cao độ thiết kế			18.71	18.71	18.77	18.73	18.66	18.66	
Khoảng cách lề thiết kế			0.01	1.00	3.50	3.50	0.86	0.41	
Cao độ tự nhiên	16.75	16.75	16.75	16.75	18.45	18.45	18.45	18.95	18.95
Khoảng cách mìa		5.00	5.00	3.20	0.00	1.60	0.00	1.80	4.00

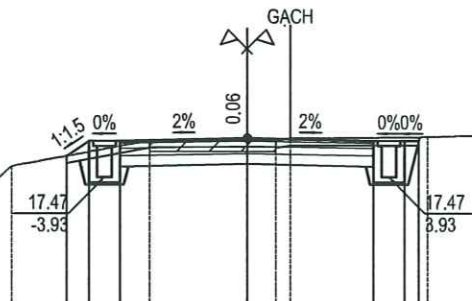
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TANG ĐÔNG Á
THẨM TRA
Theo Văn bản số:/.....
Ngày:thángnăm 20.....
Ký tên:

UBND XÃ ĐIỂM THUY
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THUY
THIẾT KẾ DẪN VỀ THI CÔNG
PHÊ DUYỆT
Ngày:thángnăm 20.....
Ký tên:

Vết hữu cơ : 1.28 m2
Đào nền : 0.00 m2
Đào khuôn : 3.12 m2
Đào mặt BTXM cũ : 0.63 m2
Đào móng cấp phối đường cũ : 0.42 m2
Đào hố móng : 2.13 m2
Đắp trả hố móng : 0.54 m2
Đắp nền K95 : 0.26 m2
Đắp nền K98 : 2.10 m2

Cọc 13
Km 0 + 214.51

Chiều dài khuôn KC1 : 7.00 m
Chiều dài khuôn KC2 : 0.00 m
Chiều dài khuôn KC3 : 0.00 m
Chiều dài khuôn KC4 : 0.00 m
Bù vênh KC2 : 0.00 m2
Bù vênh KC3 : 0.00 m2
Bù vênh KC4 : 0.00 m2
H rãnh trái : 0.85 m
H rãnh phải : 0.85 m
Chiếm dụng trái : 4.98 m
Chiếm dụng phải : 4.76 m



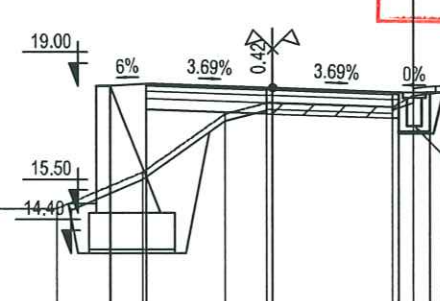
Cao độ thiết kế			18.05	18.47	18.47	18.54	18.47	18.47	
Khoảng cách lề thiết kế			0.62	0.86	3.50	3.50	0.86	0.62	
Cao độ tự nhiên	16.87	16.87	16.87	17.77	18.47	18.47	18.53	18.57	18.87
Khoảng cách mìa		5.00	2.50	1.00	3.80	2.70	0.80	0.40	3.80

Vết hữu cơ : 1.30 m2
Đào nền : 0.04 m2
Đào khuôn : 0.05 m2
Đào mặt BTXM cũ : 0.00 m2
Đào móng cấp phối đường cũ : 0.00 m2
Đào hố móng : 8.03 m2
Đắp trả hố móng : 3.48 m2
Đắp nền K95 : 3.73 m2
Đắp nền K98 : 1.05 m2

Cọc 14
Km 0 + 237.96

R = 60.00
it = 3.69%
ip = -3.69%
w = 0.00

Chiều dài khuôn KC1 : 3.50 m
Chiều dài khuôn KC2 : 0.00 m
Chiều dài khuôn KC3 : 0.00 m
Chiều dài khuôn KC4 : 3.50 m
Bù vênh KC2 : 0.00 m2
Bù vênh KC3 : 0.00 m2
Bù vênh KC4 : 0.01 m2
H rãnh trái : 0.00 m
H rãnh phải : 0.78 m
Chiếm dụng trái : 4.51 m
Chiếm dụng phải : 4.74 m



Cao độ thiết kế			19.00	19.06	18.93	18.80	18.80		
Khoảng cách lề thiết kế			0.01	1.00	3.50	3.50	0.86	0.41	
Cao độ tự nhiên	15.61	15.61	15.61	16.61	18.21	18.51	18.49	19.01	19.01
Khoảng cách mìa		5.00	4.00	2.40	2.30	1.13	3.33	0.57	1.10

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THUY ĐƠN VỊ TV KSTK:  CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ BÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102	DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THUY, TỈNH THÁI NGUYÊN BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	CHỨC DANH CHỦ NHIỆM CT THIẾT KẾ Q.L.K.T	HỌ VÀ TÊN KS. DƯƠNG QUÝ HẢI KS. NGUYỄN THÁI SƠN KS. NGÔ ĐỨC TÀI	CHỮ KÝ: THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026 AN NGỌC DƯƠNG T. THÁI NGUYÊN	GIÁM ĐỐC KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	TRÁC NGANG THIẾT KẾ NHẢNH 2 HOÀN THÀNH: /2025 TỶ LỆ: 1:200 BẢN VẼ SỐ: TN-N2-6 KY HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3
--	--	--	--	--	-------------------------------	---



CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔNG Á

THẨM TRA

Theo Văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

MSS 16

PHÒNG KINH TẾ - XÃ HỘI THUYẾT				
3.50	0.86	0.86		
19.20	19.23	19.23	19.23	
TAM DINH				
Theo Văn bản số/.....				
1.70	0.50	2.80	5.00	năm 20.....5.00
Người thẩm định ký tên:				



UBND XÃ DIỆM THUY
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ DIỆM THUY
THIẾT KẾ BẢN VẼ
PHIẾP Duyệt

Chiều dài khuôn KC1 : 3,50
Chiều dài khuôn KC2 : 0,00
Chiều dài khuôn KC3 : 3,50
Chiều dài khuôn KC4 : 0,00
Bù vênh KC2 : 0,00
Bù vênh KC3 : 0,18
Bù vênh KC4 : 0,00

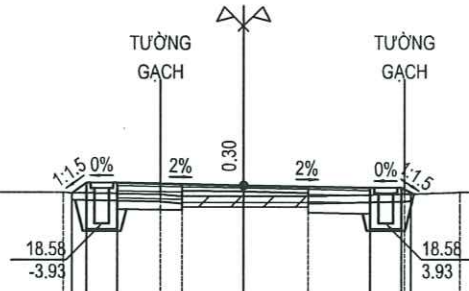
Ngày:.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY		DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN		CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYỄN, NGÀY THÁNG NĂM 2026 GIÁM ĐỐC	TRẮC NGANG THIẾT KẾ NHÁNH 2	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN KSTK:  CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ BÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102		ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN		CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI			HOÀN THÀNH: /2025	BẢN VẼ SỐ: TN-N2-7
		BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN			TỶ LỆ: 1:200	KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3
				Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI		KS. DƯƠNG QUỐC LÝ		

Vết hữu cơ : 1.19 m2
Đào nền : 0.00 m2
Đào khuôn : 0.86 m2
Đào mặt BTXM cũ : 0.00 m2
Đào móng cấp phối đường cũ : 0.00 m2
Đào hố móng : 1.92 m2
Đắp trả hố móng : 0.52 m2
Đắp nền K95 : 0.23 m2
Đắp nền K98 : 1.05 m2

R = 150.00
it = 2.00%
ip = -2.00%
w = 0.00
Cọc P4
Km 0 + 291.68

Chiều dài khuôn KC1 : 3.50 m
Chiều dài khuôn KC2 : 0.00 m
Chiều dài khuôn KC3 : 3.50 m
Chiều dài khuôn KC4 : 0.00 m
Bù vênh KC2 : 0.00 m2
Bù vênh KC3 : 0.43 m2
Bù vênh KC4 : 0.00 m2
H rãnh trái : 0.97 m
H rãnh phải : 0.83 m
Chiếm dụng trái : 4.76 m
Chiếm dụng phải : 4.71 m



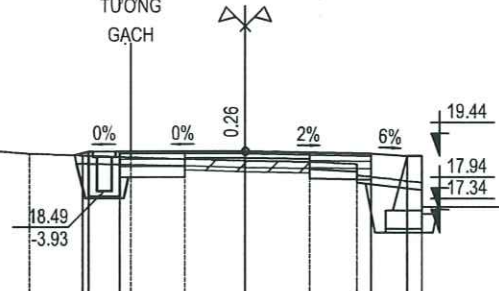
MSS: 16

Cao độ thiết kế			19.43	19.70	19.63	19.56	19.39			
Khoảng cách lề thiết kế			0.40	0.86	3.50	3.50	0.86			
Cao độ tự nhiên	19.44	19.44	19.44	19.39	19.34	19.34	19.34	19.39	19.44	19.44
Khoảng cách mìa		5.00	5.00	2.70	0.80	1.70	1.80	2.65	1.55	4.00

Vết hữu cơ : 1.60 m2
Đào nền : 0.00 m2
Đào khuôn : 0.91 m2
Đào mặt BTXM cũ : 0.00 m2
Đào móng cấp phối đường cũ : 0.00 m2
Đào hố móng : 3.09 m2
Đắp trả hố móng : 1.30 m2
Đắp nền K95 : 0.90 m2
Đắp nền K98 : 1.05 m2

R = 150.00
it = 0.00%
ip = -2.00%
w = 0.00
Cọc TC4
Km 0 + 301.25

Chiều dài khuôn KC1 : 3.50 m
Chiều dài khuôn KC2 : 0.00 m
Chiều dài khuôn KC3 : 3.50 m
Chiều dài khuôn KC4 : 0.00 m
Bù vênh KC2 : 0.00 m2
Bù vênh KC3 : 0.26 m2
Bù vênh KC4 : 0.00 m2
H rãnh trái : 0.94 m
H rãnh phải : 0.00 m
Chiếm dụng trái : 4.76 m
Chiếm dụng phải : 4.50 m



MSS: 15

Cao độ thiết kế			19.46	19.58	19.58	19.51	19.45			
Khoảng cách lề thiết kế			0.40	0.86	3.50	3.50	1.00			
Cao độ tự nhiên	20.19	19.82	19.52	19.42	19.37	19.32	19.29	19.32	19.05	19.05
Khoảng cách mìa		5.00	4.00	2.80	1.50	1.70	1.80	1.30	1.80	5.10

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔNG Á

THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ - XÃ ĐIỂM THỤY

HÀM ĐỊNH

Thao Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

UBND XÃ ĐIỂM THỤY

HẠNG QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THỤY

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

PHÊ DUYỆT

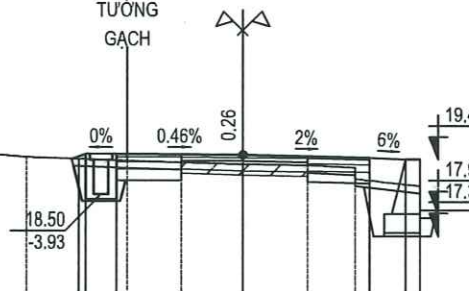
Ngày:.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

Vết hữu cơ : 1.59 m2
Đào nền : 0.00 m2
Đào khuôn : 0.88 m2
Đào mặt BTXM cũ : 0.00 m2
Đào móng cấp phối đường cũ : 0.00 m2
Đào hố móng : 3.09 m2
Đắp trả hố móng : 1.30 m2
Đắp nền K95 : 0.90 m2
Đắp nền K98 : 1.05 m2

R = 150.00
it = 0.46%
ip = -2.00%
w = 0.00
Cọc H3
Km 0 + 300.00

Chiều dài khuôn KC1 : 3.50 m
Chiều dài khuôn KC2 : 0.00 m
Chiều dài khuôn KC3 : 3.50 m
Chiều dài khuôn KC4 : 0.00 m
Bù vênh KC2 : 0.00 m2
Bù vênh KC3 : 0.28 m2
Bù vênh KC4 : 0.00 m2
H rãnh trái : 0.95 m
H rãnh phải : 0.00 m
Chiếm dụng trái : 4.75 m
Chiếm dụng phải : 4.50 m



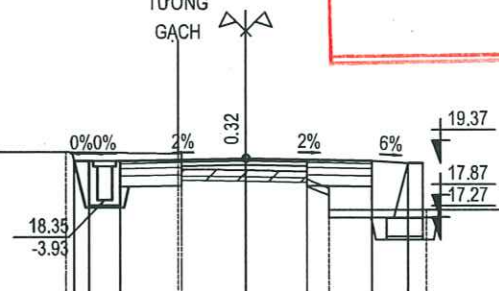
MSS: 15

Cao độ thiết kế			19.47	19.60	19.58	19.51	19.45			
Khoảng cách lề thiết kế			0.40	0.86	3.50	3.50	1.00			
Cao độ tự nhiên	20.20	19.82	19.52	19.42	19.37	19.32	19.29	19.32	18.05	18.05
Khoảng cách mìa		5.00	4.00	2.80	1.50	1.70	1.80	1.30	1.80	5.10

Vết hữu cơ : 2.19 m2
Đào nền : 0.01 m2
Đào khuôn : 1.18 m2
Đào mặt BTXM cũ : 0.00 m2
Đào móng cấp phối đường cũ : 0.00 m2
Đào hố móng : 2.57 m2
Đắp trả hố móng : 0.93 m2
Đắp nền K95 : 2.34 m2
Đắp nền K98 : 1.05 m2

Cọc 16
Km 0 + 314.51

Chiều dài khuôn KC1 : 3.50 m
Chiều dài khuôn KC2 : 0.00 m
Chiều dài khuôn KC3 : 3.50 m
Chiều dài khuôn KC4 : 0.00 m
Bù vênh KC2 : 0.00 m2
Bù vênh KC3 : 0.48 m2
Bù vênh KC4 : 0.00 m2
H rãnh trái : 0.92 m
H rãnh phải : 0.00 m
Chiếm dụng trái : 4.76 m
Chiếm dụng phải : 4.50 m



MSS: 15

Cao độ thiết kế			19.43	19.43	19.50	19.43	19.37			
Khoảng cách lề thiết kế			0.40	0.86	3.50	3.50	1.00			
Cao độ tự nhiên	19.68	19.68	19.68	19.63	19.20	19.18	18.93	18.68	18.08	18.08
Khoảng cách mìa		5.00	5.00	3.10	0.10	1.80	1.70	0.60	2.70	5.00

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY
ĐƠN VỊ TƯ VẤN KSTK:

CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG
ĐỊA CHỈ: PHỐ BÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN
TEL: (0997) 119.102

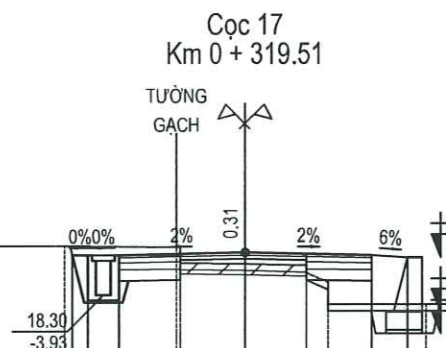
DỰ ÁN:
NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37
ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

CHỨC DANH
HỌ VÀ TÊN
CHỦ NHIỆM CT
THIẾT KẾ
Q.L.K.T

THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026
GIÁM ĐỐC
AN NGỌC DƯƠNG
T. THÁI NGUYÊN
KS. DƯƠNG QUỐC LÝ

TRÁC NGANG THIẾT KẾ NHÃN 2
HOÀN THÀNH: /2025
TỶ LỆ: 1:200
BẢN VẼ SỐ: TN-N2-8
KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3

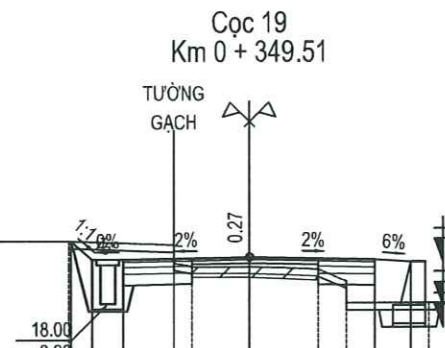
Vết hữu cơ	: 1.41	m2
Đào nền	: 0.00	m2
Đào khuôn	: 1.19	m2
Đào mặt BTXM cũ	: 0.00	m2
Đào móng cấp phối đường cũ	: 0.00	m2
Đào hố móng	: 2.62	m2
Đắp trả hố móng	: 0.95	m2
Đắp nền K95	: 2.32	m2
Đắp nền K98	: 1.05	m2



Chiều dài khuôn KC1	: 3.50	m
Chiều dài khuôn KC2	: 0.00	m
Chiều dài khuôn KC3	: 3.50	m
Chiều dài khuôn KC4	: 0.00	m
Bù vênh KC2	: 0.00	m2
Bù vênh KC3	: 0.45	m2
Bù vênh KC4	: 0.00	m2
H rãnh trái	: 0.95	m
H rãnh phải	: 0.00	m
Chiếm dụng trái	: 4.78	m
Chiếm dụng phải	: 4.50	m

Cao độ thiết kế			19.40	19.40	19.47	19.40	19.34		
Khoảng cách lề thiết kế			0.42	0.86	3.50	3.50	1.00	0.86	0.42
Cao độ tự nhiên	19.66	19.66	19.66	19.61	19.16	19.12	18.66	18.06	18.06
Khoảng cách mìa		5.00	5.00	3.10	0.00	1.80	1.70	0.00	2.70

Vết hữu cơ	: 2.05	m2
Đào nền	: 0.58	m2
Đào khuôn	: 1.22	m2
Đào mặt BTXM cũ	: 0.00	m2
Đào móng cấp phối đường cũ	: 0.00	m2
Đào hố móng	: 2.59	m2
Đắp trả hố móng	: 1.03	m2
Đắp nền K95	: 1.69	m2
Đắp nền K98	: 1.05	m2



Chiều dài khuôn KC1	: 3.50	m
Chiều dài khuôn KC2	: 0.00	m
Chiều dài khuôn KC3	: 3.50	m
Chiều dài khuôn KC4	: 0.00	m
Bù vênh KC2	: 0.00	m2
Bù vênh KC3	: 0.34	m2
Bù vênh KC4	: 0.00	m2
H rãnh trái	: 1.07	m
H rãnh phải	: 0.00	m
Chiếm dụng trái	: 4.94	m
Chiếm dụng phải	: 4.50	m

Cao độ thiết kế			19.72	19.22	19.29	19.22	19.16		
Khoảng cách lề thiết kế			0.58	0.86	3.50	3.50	1.00	0.86	0.58
Cao độ tự nhiên	19.73	19.73	19.73	19.63	19.03	18.63	18.03	18.03	18.03
Khoảng cách mìa		5.00	5.00	2.90	0.00	1.60	1.90	0.00	2.30

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐỒNG Á

THẨM TRA

Theo Văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

PHÒNG TÀI XÃ ĐIỂM THUY

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

UBND XÃ ĐIỂM THUY

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THUY

R = 120.00

it = -2.00%

p = -1.12%

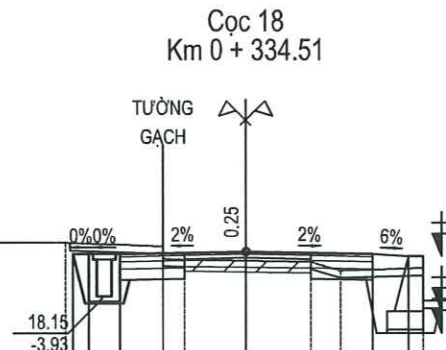
w = 0.00

THẨM Duyệt THI CÔNG

Ngày:.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

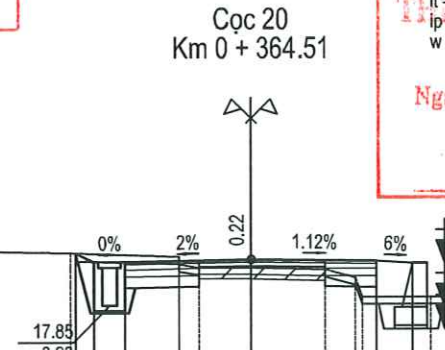
Vết hữu cơ	: 1.35	m2
Đào nền	: 0.14	m2
Đào khuôn	: 1.21	m2
Đào mặt BTXM cũ	: 0.00	m2
Đào móng cấp phối đường cũ	: 0.00	m2
Đào hố móng	: 4.16	m2
Đắp trả hố móng	: 1.79	m2
Đắp nền K95	: 0.54	m2
Đắp nền K98	: 1.05	m2



Chiều dài khuôn KC1	: 3.50	m
Chiều dài khuôn KC2	: 0.00	m
Chiều dài khuôn KC3	: 3.50	m
Chiều dài khuôn KC4	: 0.00	m
Bù vênh KC2	: 0.00	m2
Bù vênh KC3	: 0.24	m2
Bù vênh KC4	: 0.00	m2
H rãnh trái	: 1.01	m
H rãnh phải	: 0.00	m
Chiếm dụng trái	: 4.80	m
Chiếm dụng phải	: 4.50	m

Cao độ thiết kế			19.31	19.31	19.38	19.31	19.23		
Khoảng cách lề thiết kế			0.44	0.86	3.50	3.50	1.00	0.86	0.44
Cao độ tự nhiên	19.63	19.63	19.63	19.53	19.16	19.13	19.10	18.86	18.03
Khoảng cách mìa		5.00	5.00	2.70	0.00	1.70	1.80	0.80	2.30

Vết hữu cơ	: 1.37	m2
Đào nền	: 0.00	m2
Đào khuôn	: 1.33	m2
Đào mặt BTXM cũ	: 0.00	m2
Đào móng cấp phối đường cũ	: 0.00	m2
Đào hố móng	: 2.82	m2
Đắp trả hố móng	: 1.14	m2
Đắp nền K95	: 1.23	m2
Đắp nền K98	: 1.05	m2



Chiều dài khuôn KC1	: 3.50	m
Chiều dài khuôn KC2	: 0.00	m
Chiều dài khuôn KC3	: 3.50	m
Chiều dài khuôn KC4	: 0.00	m
Bù vênh KC2	: 0.00	m2
Bù vênh KC3	: 0.19	m2
Bù vênh KC4	: 0.00	m2
H rãnh trái	: 1.04	m
H rãnh phải	: 0.00	m
Chiếm dụng trái	: 4.87	m
Chiếm dụng phải	: 4.50	m

Cao độ thiết kế			19.28	19.04	19.11	19.07	18.01		
Khoảng cách lề thiết kế			0.51	0.86	3.50	3.50	1.00	0.86	0.51
Cao độ tự nhiên	19.49	19.39	19.29	19.19	18.89	18.84	18.09	18.09	18.09
Khoảng cách mìa		5.00	5.00	3.00	0.00	1.45	2.05	0.80	1.90

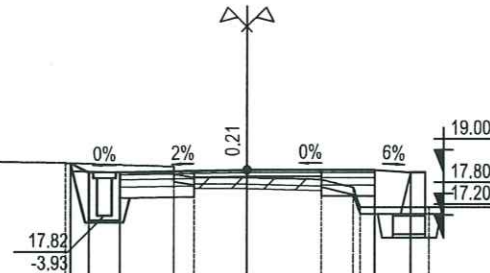
CHỦ ĐẦU TƯ:	DỰ ÁN:	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THAI NGUYEN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	TRÁC NGANG THIẾT KẾ NHÁNH 2
TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THUY	NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37	CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI		GIÁM ĐỐC	HOÀN THÀNH: /2025
ĐƠN VỊ TƯ VẤN KSTK:	ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN	THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN			BẢN VẼ SỐ: TN-N2-9
	ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THUY, TỈNH THÁI NGUYÊN	Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI			TỶ LỆ: 1:200
	BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG					KY HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3

Vết hữu cơ : 1.36 m2
Đào nền : 0.01 m2
Đào khuôn : 1.34 m2
Đào mặt BTXM cũ : 0.00 m2
Đào móng cấp phối đường cũ : 0.00 m2
Đào hố móng : 2.76 m2
Đắp trả hố móng : 1.10 m2
Đắp nền K95 : 1.26 m2
Đắp nền K98 : 1.05 m2

Cọc TD5
Km 0 + 367.61

R = 120.00
it = -2.00%
ip = 0.00%
w = 0.00

Chiều dài khuôn KC1 : 3.50 m
Chiều dài khuôn KC2 : 0.00 m
Chiều dài khuôn KC3 : 3.50 m
Chiều dài khuôn KC4 : 0.00 m
Bù vênh KC2 : 0.00 m2
Bù vênh KC3 : 0.17 m2
Bù vênh KC4 : 0.00 m2
H rãnh trái : 1.03 m
H rãnh phải : 0.00 m
Chiếm dụng trái : 4.87 m
Chiếm dụng phải : 4.50 m



MSS: 15

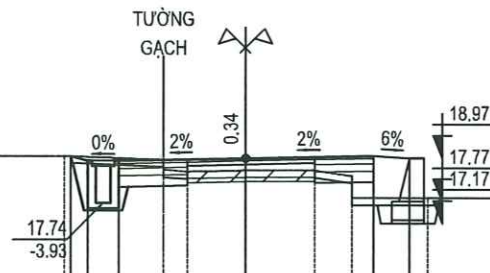
Cao độ thiết kế			19.25	19.00	19.07	19.07	19.00			
Khoảng cách lề thiết kế			0.51	0.86	3.50	3.50	1.00	0.86	0.51	
Cao độ tự nhiên	19.46	19.36	19.26	19.16	18.86	18.81	18.06	18.06	18.06	
Khoảng cách mìa		5.00	5.00	3.00	0.85	1.45	2.05	0.85	1.90	5.00

Vết hữu cơ : 1.94 m2
Đào nền : 0.00 m2
Đào khuôn : 0.89 m2
Đào mặt BTXM cũ : 0.00 m2
Đào móng cấp phối đường cũ : 0.00 m2
Đào hố móng : 2.34 m2
Đắp trả hố móng : 0.92 m2
Đắp nền K95 : 1.49 m2
Đắp nền K98 : 1.05 m2

Cọc P5
Km 0 + 375.15

R = 120.00
it = -2.00%
ip = 2.00%
w = 0.00

Chiều dài khuôn KC1 : 3.50 m
Chiều dài khuôn KC2 : 0.00 m
Chiều dài khuôn KC3 : 3.50 m
Chiều dài khuôn KC4 : 0.00 m
Bù vênh KC2 : 0.00 m2
Bù vênh KC3 : 0.62 m2
Bù vênh KC4 : 0.00 m2
H rãnh trái : 1.00 m
H rãnh phải : 0.00 m
Chiếm dụng trái : 4.83 m
Chiếm dụng phải : 4.50 m



MSS: 14

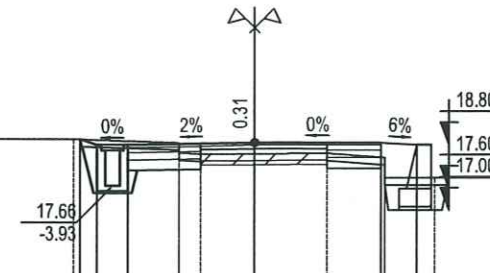
Cao độ thiết kế			19.02	18.89	18.96	19.03	18.97			
Khoảng cách lề thiết kế			0.47	0.86	3.50	3.50	1.00	0.86	0.47	
Cao độ tự nhiên	19.03	19.03	19.03	18.93	18.63	18.63	17.88	17.88	17.88	
Khoảng cách mìa		5.00	5.00	2.75	0.85	1.60	1.90	1.00	2.10	5.00

Vết hữu cơ : 1.33 m2
Đào nền : 0.00 m2
Đào khuôn : 1.19 m2
Đào mặt BTXM cũ : 0.00 m2
Đào móng cấp phối đường cũ : 0.00 m2
Đào hố móng : 2.71 m2
Đắp trả hố móng : 1.08 m2
Đắp nền K95 : 0.93 m2
Đắp nền K98 : 1.05 m2

Cọc TC5
Km 0 + 382.69

R = 120.00
it = -2.00%
ip = 0.00%
w = 0.00

Chiều dài khuôn KC1 : 3.50 m
Chiều dài khuôn KC2 : 0.00 m
Chiều dài khuôn KC3 : 3.50 m
Chiều dài khuôn KC4 : 0.00 m
Bù vênh KC2 : 0.00 m2
Bù vênh KC3 : 0.46 m2
Bù vênh KC4 : 0.00 m2
H rãnh trái : 0.98 m
H rãnh phải : 0.00 m
Chiếm dụng trái : 4.83 m
Chiếm dụng phải : 4.50 m



MSS: 14

Cao độ thiết kế			18.94	18.79	18.86	18.86	18.80			
Khoảng cách lề thiết kế			0.47	0.86	3.50	3.50	1.00	0.86	0.47	
Cao độ tự nhiên	18.95	18.95	18.95	18.85	18.55	18.57	17.90	17.90	17.90	
Khoảng cách mìa		5.00	5.00	2.90	0.80	1.50	2.00	1.60	1.40	5.00

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐỒNG Á
THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ - XÃ ĐIỂM THỤY
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

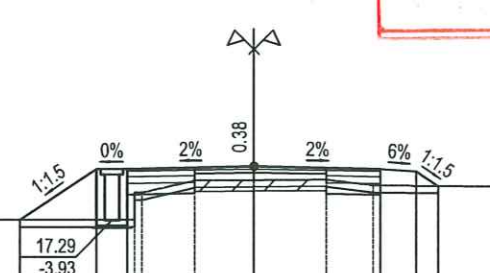
UBND XÃ ĐIỂM THỤY
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THỤY
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
PHÊ DUYỆT
Ngày:.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

Vết hữu cơ : 1.59 m2
Đào nền : 0.00 m2
Đào khuôn : 0.22 m2
Đào mặt BTXM cũ : 0.00 m2
Đào móng cấp phối đường cũ : 0.00 m2
Đào hố móng : 0.01 m2
Đắp trả hố móng : 0.00 m2
Đắp nền K95 : 3.04 m2
Đắp nền K98 : 1.00 m2

Cọc 21
Km 0 + 388.51

R = 120.00
it = -2.00%
ip = 2.00%
w = 0.00

Chiều dài khuôn KC1 : 3.35 m
Chiều dài khuôn KC2 : 0.00 m
Chiều dài khuôn KC3 : 3.65 m
Chiều dài khuôn KC4 : 0.00 m
Bù vênh KC2 : 0.00 m2
Bù vênh KC3 : 0.70 m2
Bù vênh KC4 : 0.00 m2
H rãnh trái : 1.27 m
H rãnh phải : 0.00 m
Chiếm dụng trái : 6.47 m
Chiếm dụng phải : 5.11 m



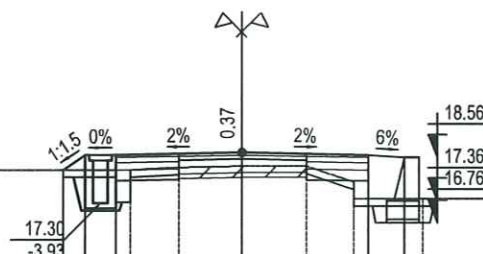
MSS: 14

Cao độ thiết kế			17.30	18.71	18.71	18.78	18.71	18.65	18.24	
Khoảng cách lề thiết kế			2.11	0.86	3.50	3.50	1.00	0.61	0.61	
Cao độ tự nhiên	17.29	17.30	17.31	18.06	18.39	18.40	18.42	18.26	18.20	18.15
Khoảng cách mìa		5.00	6.70	0.85	1.45	1.65	2.00	1.30	6.70	5.00

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY	DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYỄN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	TRÁC NGANG THIẾT KẾ NHẢNH 2
ĐƠN VỊ TƯ VẤN KSTK:  CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ BÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102	ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUỲ HẢI		GIÁM ĐỐC	
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN		CHAI TỰ - T. THÁI NGUYỄN	HOÀN THÀNH: /2025
		Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI		KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	BẢN VẼ SỐ: TN-N2-10
						TỶ LỆ: 1:200
						KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3

Vết hữu cơ : 1.70 m2
Đào nền : 0.00 m2
Đào khuôn : 0.20 m2
Đào mặt BTXM cũ : 0.00 m2
Đào móng cấp phối đường cũ : 0.00 m2
Đào hố móng : 1.75 m2
Đắp trả hố móng : 0.60 m2
Đắp nền K95 : 1.97 m2
Đắp nền K98 : 1.03 m2

Cọc 22
Km 0 + 394.51



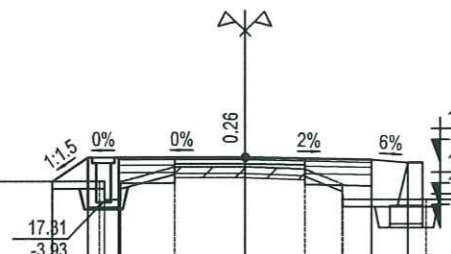
Chiều dài khuôn KC1 : 3.45 m
Chiều dài khuôn KC2 : 0.00 m
Chiều dài khuôn KC3 : 3.55 m
Chiều dài khuôn KC4 : 0.00 m
Bù vênh KC2 : 0.00 m2
Bù vênh KC3 : 0.68 m2
Bù vênh KC4 : 0.00 m2
H rãnh trái : 1.18 m
H rãnh phải : 0.00 m
Chiếm dụng trái : 4.97 m
Chiếm dụng phải : 4.50 m

MSS: 14

Cao độ thiết kế	18.22	18.63	18.63	18.70	18.63	18.56	
Khoảng cách lề thiết kế		0.61	0.86	3.50	3.50	1.00	
Cao độ tự nhiên	18.22	18.22	17.33	18.22	18.29	18.33	17.43
Khoảng cách mìa	5.00	6.50	0.00	0.35	1.75	1.80	1.30

Vết hữu cơ : 1.33 m2
Đào nền : 0.00 m2
Đào khuôn : 0.18 m2
Đào mặt BTXM cũ : 0.00 m2
Đào móng cấp phối đường cũ : 0.00 m2
Đào hố móng : 1.47 m2
Đắp trả hố móng : 0.65 m2
Đắp nền K95 : 2.18 m2
Đắp nền K98 : 1.02 m2

Cọc TD6
Km 0 + 406.06



Chiều dài khuôn KC1 : 3.40 m
Chiều dài khuôn KC2 : 0.00 m
Chiều dài khuôn KC3 : 3.60 m
Chiều dài khuôn KC4 : 0.00 m
Bù vênh KC2 : 0.00 m2
Bù vênh KC3 : 0.35 m2
Bù vênh KC4 : 0.00 m2
H rãnh trái : 1.08 m
H rãnh phải : 0.00 m
Chiếm dụng trái : 5.35 m
Chiếm dụng phải : 4.50 m

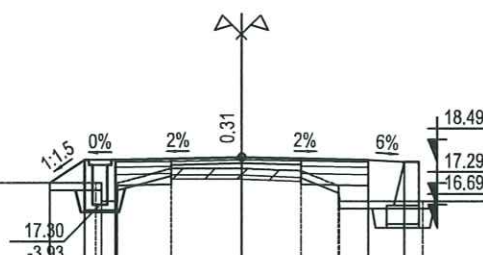
MSS: 14

Cao độ thiết kế	17.88	18.54	18.54	18.54	18.41	18.41	
Khoảng cách lề thiết kế		0.99	0.86	3.50	3.50	1.00	
Cao độ tự nhiên	17.88	17.88	17.88	18.28	18.28	17.38	17.38
Khoảng cách mìa	5.00	5.95	0.15	0.45	1.95	1.65	1.02

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐỒNG Á
THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

Vết hữu cơ : 1.32 m2
Đào nền : 0.00 m2
Đào khuôn : 0.15 m2
Đào mặt BTXM cũ : 0.00 m2
Đào móng cấp phối đường cũ : 0.00 m2
Đào hố móng : 1.43 m2
Đắp trả hố móng : 0.62 m2
Đắp nền K95 : 2.25 m2
Đắp nền K98 : 1.02 m2

Cọc 23
Km 0 + 400.00



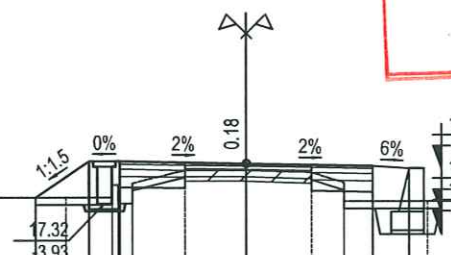
Chiều dài khuôn KC1 : 3.40 m
Chiều dài khuôn KC2 : 0.00 m
Chiều dài khuôn KC3 : 3.60 m
Chiều dài khuôn KC4 : 0.00 m
Bù vênh KC2 : 0.00 m2
Bù vênh KC3 : 0.50 m2
Bù vênh KC4 : 0.00 m2
H rãnh trái : 1.10 m
H rãnh phải : 0.00 m
Chiếm dụng trái : 5.33 m
Chiếm dụng phải : 4.50 m

MSS: 14

Cao độ thiết kế	17.91	18.55	18.55	18.62	18.55	18.49	
Khoảng cách lề thiết kế		0.97	0.86	3.50	3.50	1.00	
Cao độ tự nhiên	17.91	17.91	17.91	18.31	18.31	18.25	17.41
Khoảng cách mìa	5.00	5.95	0.15	0.45	1.95	1.65	1.02

Vết hữu cơ : 2.01 m2
Đào nền : 0.00 m2
Đào khuôn : 0.31 m2
Đào mặt BTXM cũ : 0.00 m2
Đào móng cấp phối đường cũ : 0.00 m2
Đào hố móng : 1.42 m2
Đắp trả hố móng : 0.63 m2
Đắp nền K95 : 2.58 m2
Đắp nền K98 : 1.05 m2

Cọc H4
Km 0 + 414.51



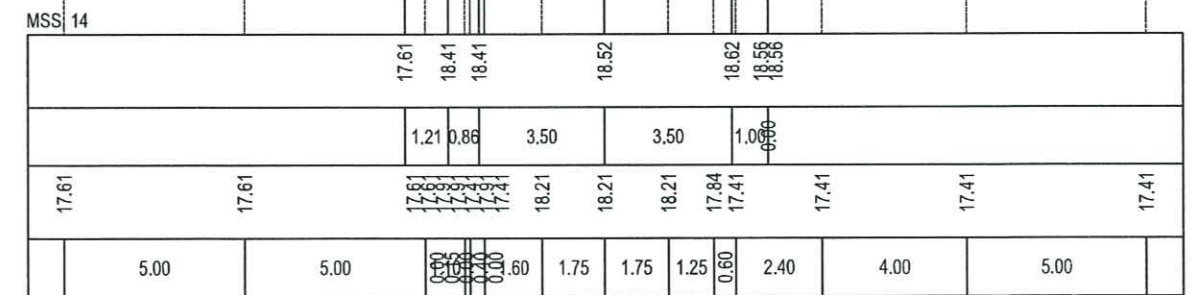
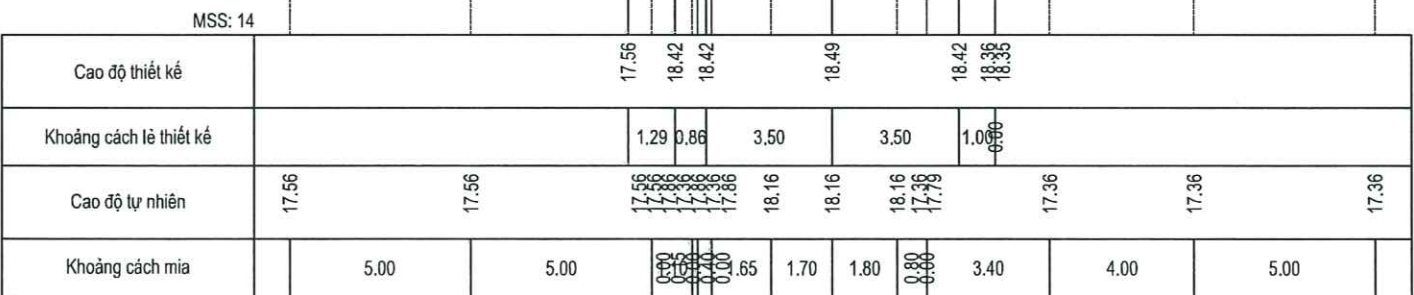
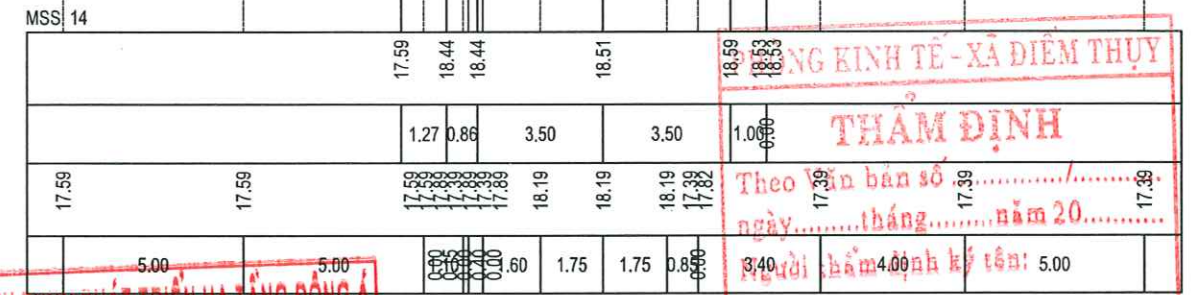
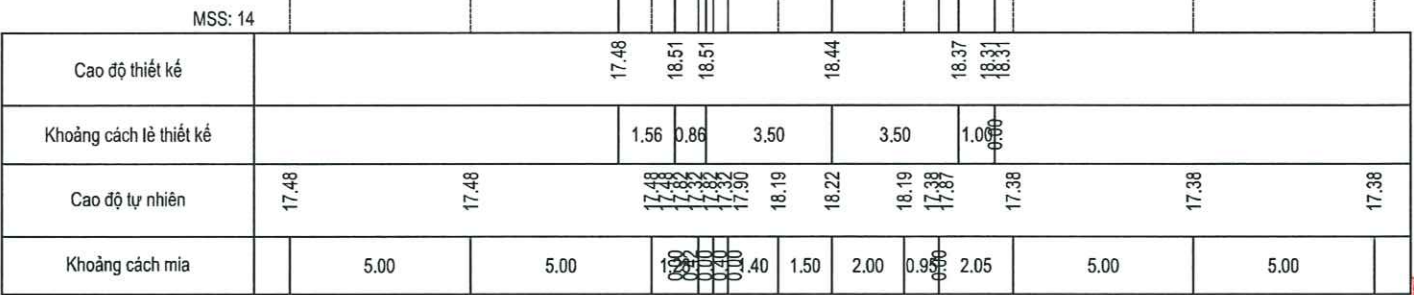
Chiều dài khuôn KC1 : 3.50 m
Chiều dài khuôn KC2 : 0.00 m
Chiều dài khuôn KC3 : 3.50 m
Chiều dài khuôn KC4 : 0.00 m
Bù vênh KC2 : 0.00 m2
Bù vênh KC3 : 0.10 m2
Bù vênh KC4 : 0.00 m2
H rãnh trái : 1.02 m
H rãnh phải : 0.00 m
Chiếm dụng trái : 5.85 m
Chiếm dụng phải : 4.50 m

MSS: 14

Cao độ thiết kế	17.50	18.49	18.49	18.42	18.35	18.29	
Khoảng cách lề thiết kế		1.49	0.86	3.50	3.50	1.00	
Cao độ tự nhiên	17.50	17.50	17.50	18.24	18.24	18.18	17.38
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	0.45	1.70	1.80	0.98	2.30

UBND XÃ ĐIỂM THUY
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THUY
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
PHÊ DUYỆT
Ngày:.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THUY	DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYỄN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	TRÁC NGANG THIẾT KẾ NHÃN 2
ĐƠN VỊ TƯ VẤN KỸ THUẬT:	ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THUY, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI		GIÁM ĐỐC	HOÀN THÀNH: /2025
CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ BÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102	BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN			BẢN VẼ SỐ: TN-N2-11
		Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI		KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	TỶ LỆ: 1:200



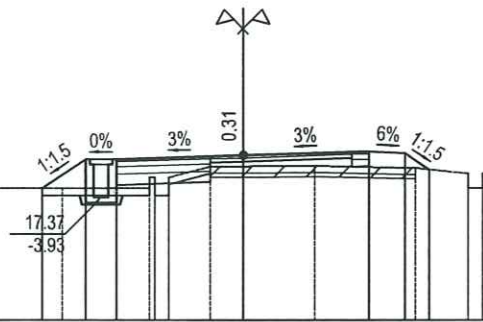
CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY		DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CHỮ KÝ:  KS. DƯƠNG QUÝ HẢI CHỮ KÝ:  KS. NGUYỄN THÁI SƠN CHỮ KÝ:  KS. NGÔ ĐỨC TÀI		TRÁC NGANG THIẾT KẾ NHẸNH 2 HOÀN THÀNH: /2025 BẢN VẼ SỐ: TN-N2-12 TỶ LỆ: 1:200 KÝ HIỆU: NO 01Đ - 26 - T3	
ĐƠN VỊ TV KSTK:  CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ ĐÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102			CHỦ NHIỆM CT	THIẾT KẾ	CHỮ KÝ:  KS. DƯƠNG QUỐC LÝ				
			BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	Q.L.K.T					

Vết hữu cơ : 0.82 m2
Đào nền : 0.00 m2
Đào khuôn : 0.14 m2
Đào mặt BTXM cũ : 0.00 m2
Đào móng cấp phối đường cũ : 0.00 m2
Đào hố móng : 0.29 m2
Đắp trả hố móng : 0.07 m2
Đắp nền K95 : 1.68 m2
Đắp nền K98 : 0.78 m2

Cọc P7
Km 0 + 464.87

R = 15.00
it = -3.00%
ip = 3.00%
w = 0.00

Chiều dài khuôn KC1 : 2.60 m
Chiều dài khuôn KC2 : 0.00 m
Chiều dài khuôn KC3 : 3.92 m
Chiều dài khuôn KC4 : 0.48 m
Bù vênh KC2 : 0.00 m2
Bù vênh KC3 : 0.65 m2
Bù vênh KC4 : 0.01 m2
H rãnh trái : 0.91 m
H rãnh phải : 0.00 m
Chiếm dụng trái : 5.56 m
Chiếm dụng phải : 5.16 m



MSS: 14

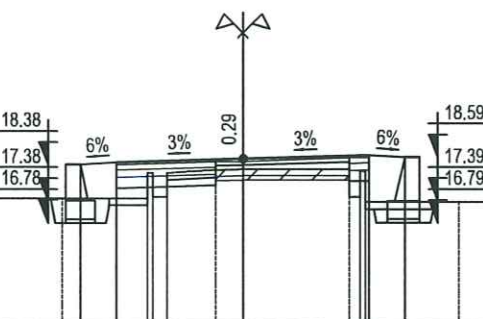
Cao độ thiết kế			17.63	18.43	18.43	18.54	18.64	18.58	18.14		
Khoảng cách lề thiết kế			1.20	0.86	3.50	3.50	1.00	0.66			
Cao độ tự nhiên	17.63	17.63	17.63	17.63	17.63	18.23	18.23	18.24	18.18	18.03	17.43
Khoảng cách mìa		5.00	5.00	2.40	0.86	1.50	0.90	2.00	2.78	1.90	5.00

Vết hữu cơ : 0.86 m2
Đào nền : 0.00 m2
Đào khuôn : 0.37 m2
Đào mặt BTXM cũ : 0.00 m2
Đào móng cấp phối đường cũ : 0.00 m2
Đào hố móng : 1.60 m2
Đắp trả hố móng : 0.81 m2
Đắp nền K95 : 2.82 m2
Đắp nền K98 : 0.99 m2

Cọc 25
Km 0 + 467.52

R = 15.00
it = -3.00%
ip = 3.00%
w = 0.00

Chiều dài khuôn KC1 : 3.30 m
Chiều dài khuôn KC2 : 0.00 m
Chiều dài khuôn KC3 : 3.70 m
Chiều dài khuôn KC4 : 0.00 m
Bù vênh KC2 : 0.00 m2
Bù vênh KC3 : 0.58 m2
Bù vênh KC4 : 0.00 m2
H rãnh trái : 0.00 m
H rãnh phải : 0.00 m
Chiếm dụng trái : 4.50 m
Chiếm dụng phải : 4.50 m



MSS: 14

Cao độ thiết kế			18.38	18.44	18.54	18.65	18.59	18.59		
Khoảng cách lề thiết kế			0.90	1.00	3.50	3.50	1.00	0.90		
Cao độ tự nhiên	17.45	17.45	17.45	17.45	17.45	18.25	18.25	18.25	17.35	17.35
Khoảng cách mìa		5.00	5.00	2.30	0.90	0.35	0.75	2.95	0.90	5.00

Vết hữu cơ : 2.23 m2
Đào nền : 0.00 m2
Đào khuôn : 0.27 m2
Đào mặt BTXM cũ : 0.00 m2
Đào móng cấp phối đường cũ : 0.00 m2
Đào hố móng : 1.91 m2
Đắp trả hố móng : 1.01 m2
Đắp nền K95 : 2.29 m2
Đắp nền K98 : 1.05 m2

Cọc TC7
Km 0 + 472.22

R = 15.00
it = -3.00%
ip = 3.00%
w = 0.00

Chiều dài khuôn KC1 : 3.50 m
Chiều dài khuôn KC2 : 0.00 m
Chiều dài khuôn KC3 : 3.50 m
Chiều dài khuôn KC4 : 0.00 m
Bù vênh KC2 : 0.00 m2
Bù vênh KC3 : 0.48 m2
Bù vênh KC4 : 0.00 m2
H rãnh trái : 0.00 m
H rãnh phải : 0.00 m
Chiếm dụng trái : 4.50 m
Chiếm dụng phải : 4.50 m



MSS: 14

Cao độ thiết kế			18.39	18.45	18.55	18.66	18.60	18.60		
Khoảng cách lề thiết kế			0.90	1.00	3.50	3.50	1.00	0.90		
Cao độ tự nhiên	17.67	17.67	17.67	17.67	17.67	18.27	18.27	18.27	17.47	17.47
Khoảng cách mìa		5.00	5.00	2.90	0.90	1.20	2.30	1.20	0.50	5.00

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TANG ĐỒNG Á

THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

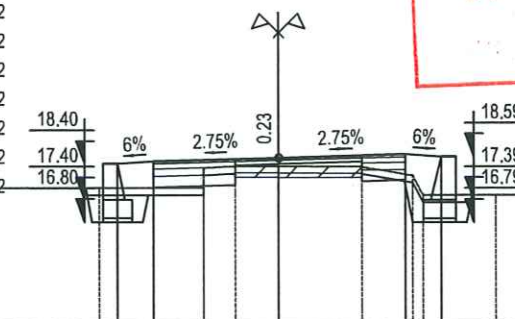
PHÒNG KỸ THUẬT - XÃ ĐIỂM THỤY
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

Vết hữu cơ : 2.24 m2
Đào nền : 0.00 m2
Đào khuôn : 0.37 m2
Đào mặt BTXM cũ : 0.00 m2
Đào móng cấp phối đường cũ : 0.00 m2
Đào hố móng : 2.16 m2
Đắp trả hố móng : 1.27 m2
Đắp nền K95 : 2.06 m2
Đắp nền K98 : 1.05 m2

Cọc 26
Km 0 + 474.76

R = 15.00
it = -2.75%
ip = 2.75%
w = 0.00

Chiều dài khuôn KC1 : 3.50 m
Chiều dài khuôn KC2 : 0.00 m
Chiều dài khuôn KC3 : 3.50 m
Chiều dài khuôn KC4 : 0.00 m
Bù vênh KC2 : 0.00 m2
Bù vênh KC3 : 0.28 m2
Bù vênh KC4 : 0.00 m2
H rãnh trái : 0.00 m
H rãnh phải : 0.00 m
Chiếm dụng trái : 4.50 m
Chiếm dụng phải : 4.50 m



MSS: 14

Cao độ thiết kế			18.40	18.46	18.56	18.65	18.59	18.59		
Khoảng cách lề thiết kế			0.90	1.00	3.50	3.50	1.00	0.90		
Cao độ tự nhiên	17.73	17.73	17.73	17.73	17.73	18.33	18.33	18.31	17.53	17.53
Khoảng cách mìa		5.00	5.00	2.90	0.90	1.20	2.30	1.40	0.30	5.00

QUẬN XÃ ĐIỂM THỤY
BAN QUẢN LÝ THU AN XÃ ĐIỂM THỤY
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY		DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	TRÁC NGANG THIẾT KẾ NHÁNH 2	
ĐƠN VỊ TV KSTK:  CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ ĐÌNH, XÃ ĐAI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102			CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI		GIÁM ĐỐC		
			THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN				
			Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI			KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	

Vết hữu cơ : 1.15 m2
Đào nền : 0.00 m2
Đào khuôn : 1.39 m2
Đào mặt BTXM cũ : 0.00 m2
Đào móng cấp phối đường cũ : 0.00 m2
Đào hố móng : 1.21 m2
Đắp trả hố móng : 0.74 m2
Đắp nền K95 : 1.02 m2
Đắp nền K98 : 1.05 m2

Cọc 27
Km 0 + 480.47

R = 15.00
it = -2.00%
ip = 0.81%
w = 0.00

Chiều dài khuôn KC1 : 3.50 m
Chiều dài khuôn KC2 : 0.00 m
Chiều dài khuôn KC3 : 3.50 m
Chiều dài khuôn KC4 : 0.00 m
Bù vênh KC2 : 0.00 m2
Bù vênh KC3 : 0.01 m2
Bù vênh KC4 : 0.00 m2
H rãnh trái : 0.00 m
H rãnh phải : 0.00 m
Chiếm dụng trái : 4.50 m
Chiếm dụng phải : 4.50 m

MSS: 14

Cao độ thiết kế				18.44	18.50	18.50	18.57	18.60	18.54		
Khoảng cách lề thiết kế				0.00	0.00	3.50	3.50	1.00	0.00		
Cao độ tự nhiên	18.53	18.53	18.53	18.38	18.40	18.41	18.43	17.53	17.53	17.53	17.53
Khoảng cách mìa		5.00	4.00	4.75	1.25	2.25	1.30	0.45	2.00	4.00	5.00

Vết hữu cơ : 0.00 m2
Đào nền : 0.00 m2
Đào khuôn : 0.00 m2
Đào mặt BTXM cũ : 0.00 m2
Đào móng cấp phối đường cũ : 0.00 m2
Đào hố móng : 0.00 m2
Đắp trả hố móng : 0.00 m2
Đắp nền K95 : 0.00 m2
Đắp nền K98 : 0.00 m2

Cọc CT
Km 0 + 484.10

R = 15.00
it = 0.00%
ip = -0.00%
w = 0.00

Chiều dài khuôn KC1 : 0.00 m
Chiều dài khuôn KC2 : 6.15 m
Chiều dài khuôn KC3 : 0.00 m
Chiều dài khuôn KC4 : 0.00 m
Bù vênh KC2 : 0.00 m2
Bù vênh KC3 : 0.00 m2
Bù vênh KC4 : 0.00 m2
H rãnh trái : 0.00 m
H rãnh phải : 0.00 m
Chiếm dụng trái : 3.25 m
Chiếm dụng phải : 2.90 m

MSS: 14

Cao độ thiết kế	18.58				18.58		18.58							
Khoảng cách lề thiết kế					3.25		2.90							
Cao độ tự nhiên	18.56	18.56		18.56	18.51		18.51		18.51	18.51	18.56	17.51		17.51
Khoảng cách mìa		5.00		5.00	1.75	3.25		2.90		1.35	1.60	0.65	3.50	5.00

PHÒNG KINH TẾ - XÃ ĐIỂM THUY

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số/.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔNG Á

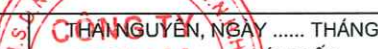
THẨM TRA

Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

UBND XÃ ĐIỂM THUY
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THUY

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
PHÊ DUYỆT

Ngày:.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ:		DỰ ÁN:		CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	TRÁC NGANG THIẾT KẾ NHÁNH 2		
TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THUY		NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN		CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI		GIÁM ĐỐC			
ĐƠN VỊ TƯ VẤN:		ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THUY, TỈNH THÁI NGUYÊN		THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN			HOÀN THÀNH: /2025		BẢN VẼ SỐ: TN-N2-14
 CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ ĐỊNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102		BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI			KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	TỶ LỆ: 1:200	KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3

III. BÌNH ĐỒ AN TOÀN GIAO THÔNG



CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔNG Á

THẨM TRA

Theo Văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ - XÃ ĐIỂM THUY

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số/.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

UBND XÃ ĐIỂM THUY

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THUY

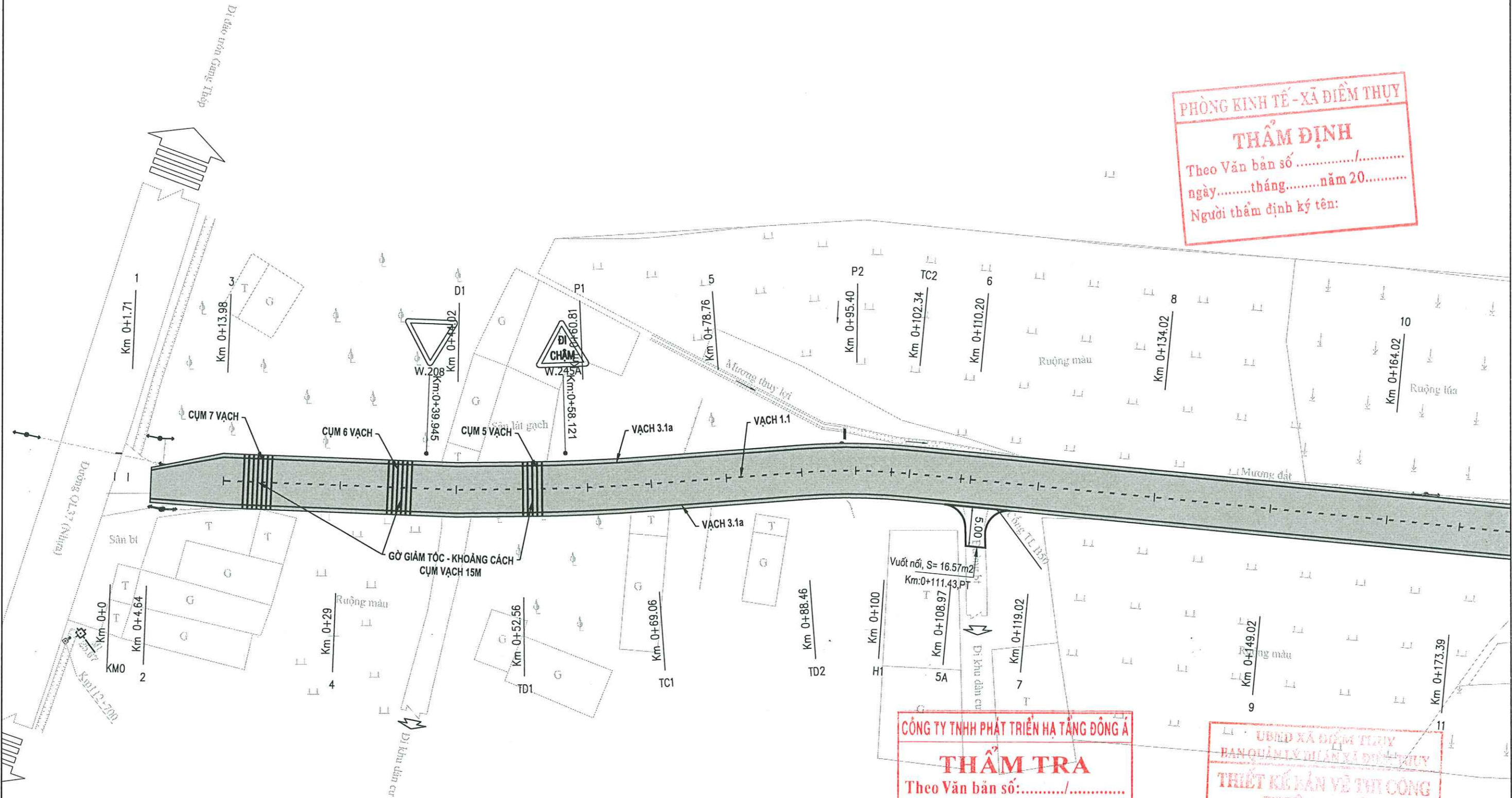
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

PHÊ DUYỆT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

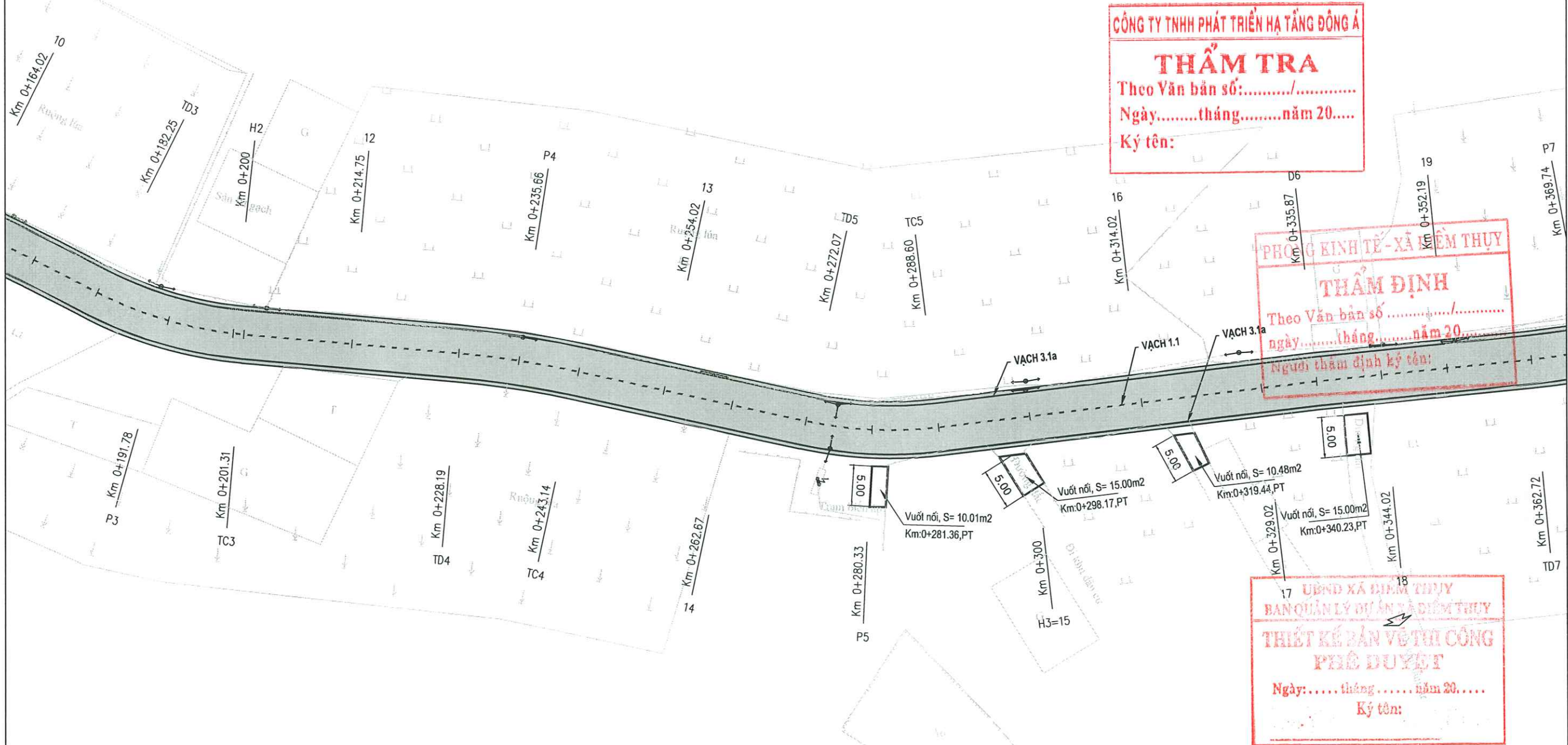
PHÒNG KINH TẾ - XÃ ĐIỂM THỤY
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số/.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:



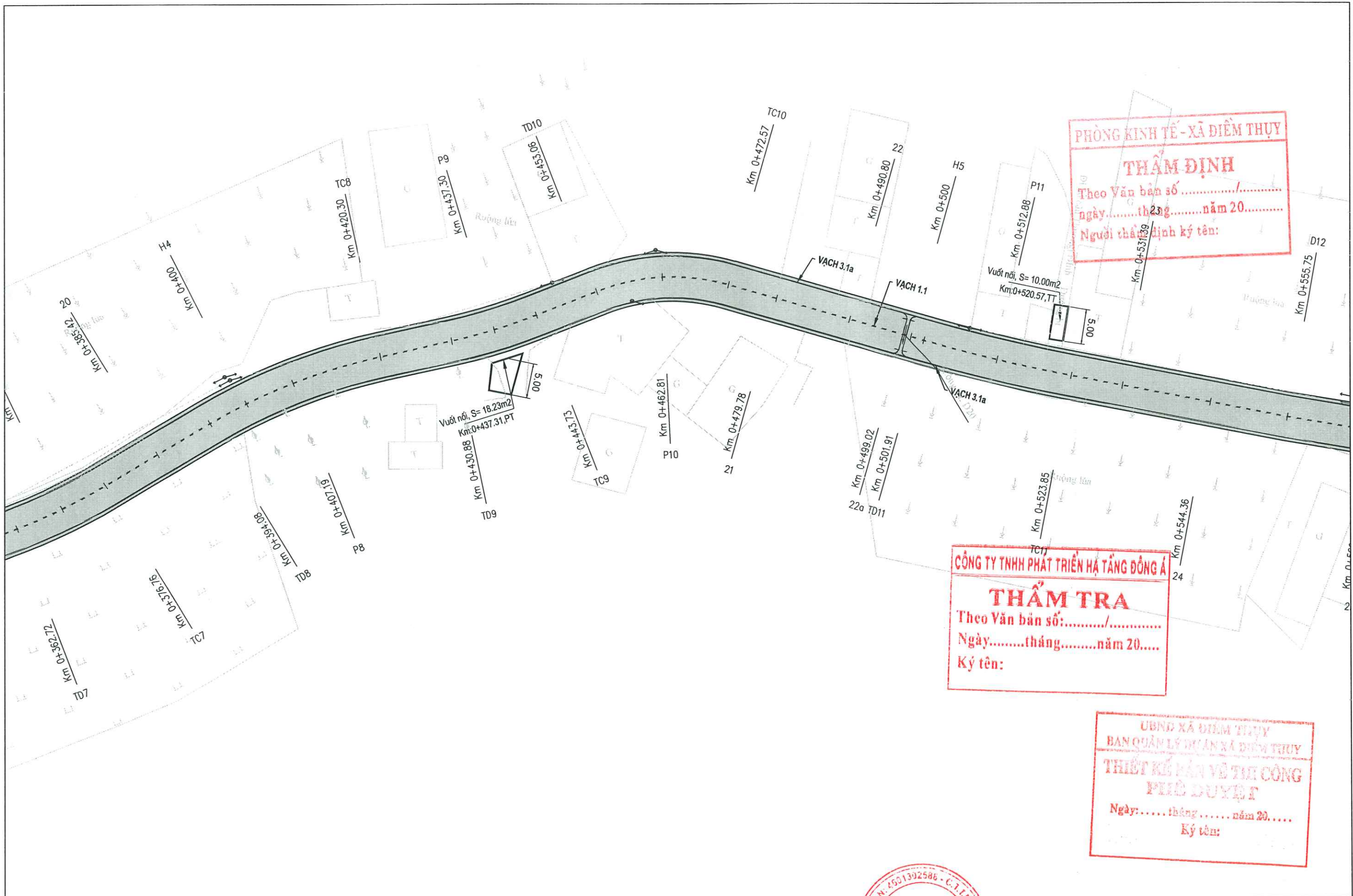
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔNG Á
THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

UBND XÃ ĐIỂM THỤY
BAN QUẢN LÝ MẶT XÃ ĐIỂM THỤY
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
PHÊ DUYỆT
Ngày:..... tháng năm 20.....
Ký tên:

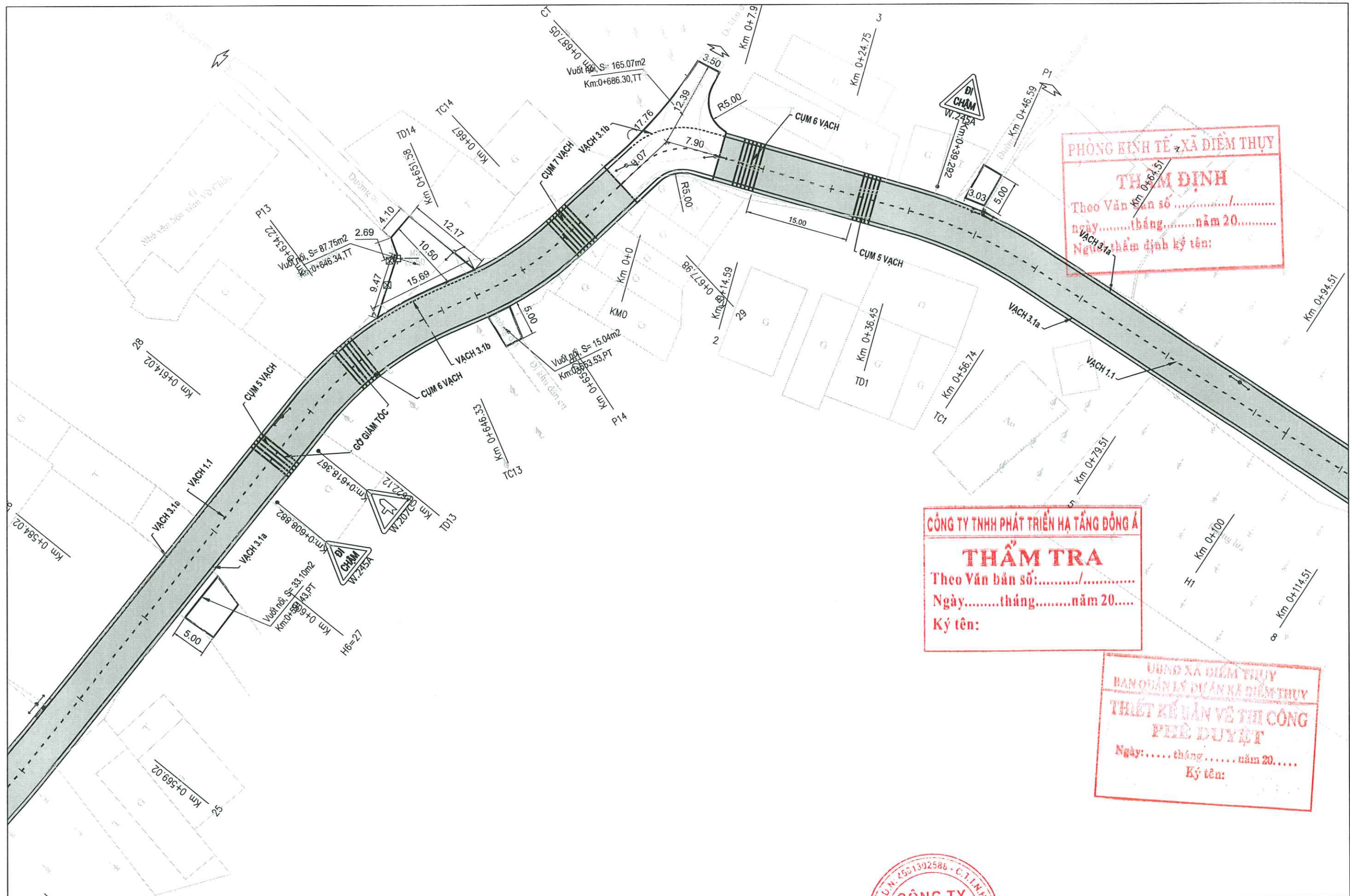
CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY		DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN		CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYỄN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	BD ATGT -1	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN KSTK:		ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN		CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI		GIÁM ĐỐC		
 CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ BÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102		BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN			HOÀN THÀNH: /2025	BẢN VẼ SỐ: BDATGT-01
				Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI		KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	TỶ LỆ: 1/500	KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3



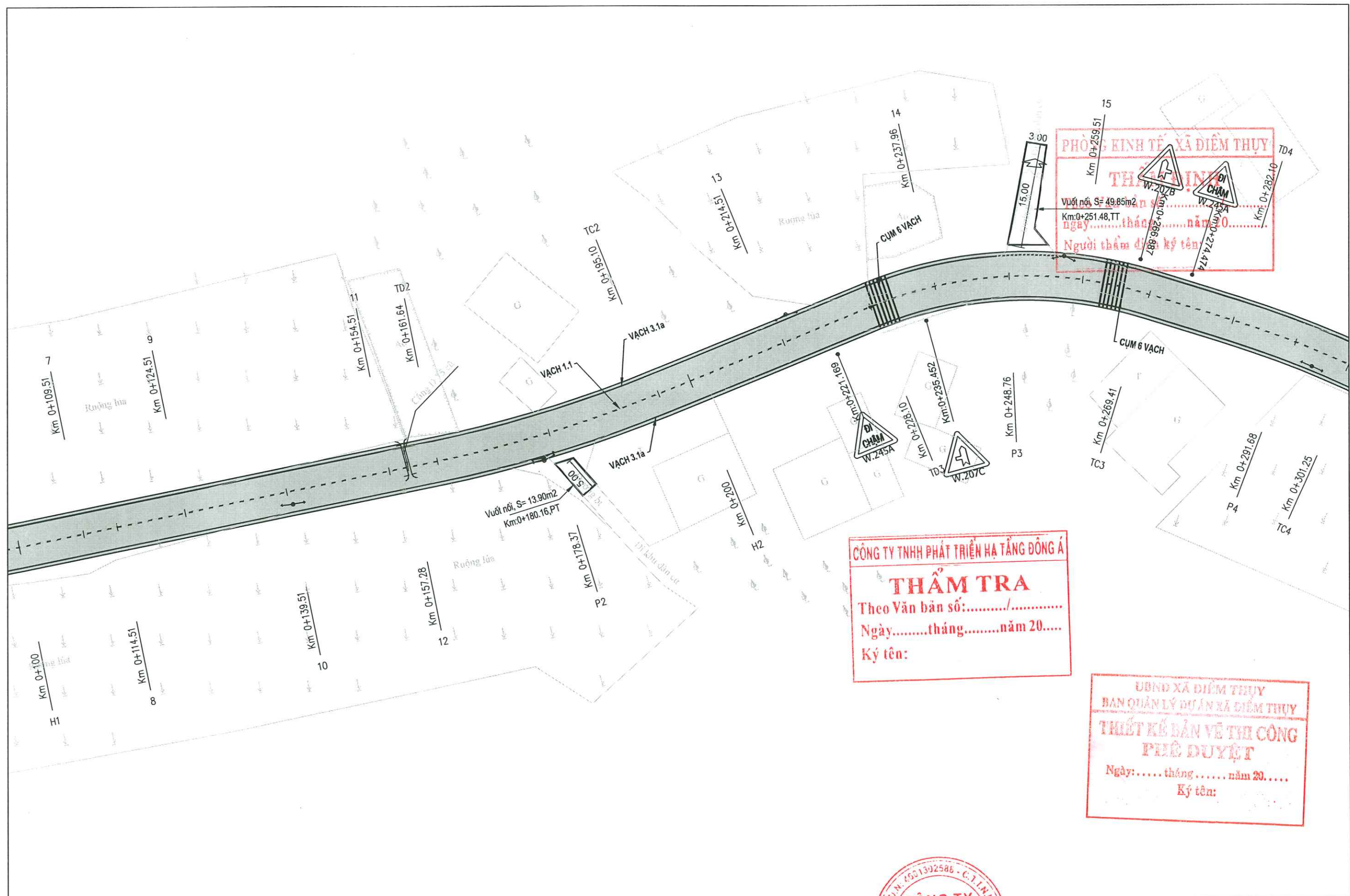
CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THUY	DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THUY, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026 GIÁM ĐỐC CHỦ ĐẦU TƯ - T. THÁI NGUYÊN	BD ATGT - 2	
		CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI				
ĐƠN VỊ TV KSTK: CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ ĐÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102	BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN		KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	HOÀN THÀNH: /2025	BẢN VẼ SỐ: BDATGT-02
		Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI			TỶ LỆ: 1/500	KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3

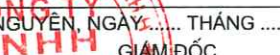


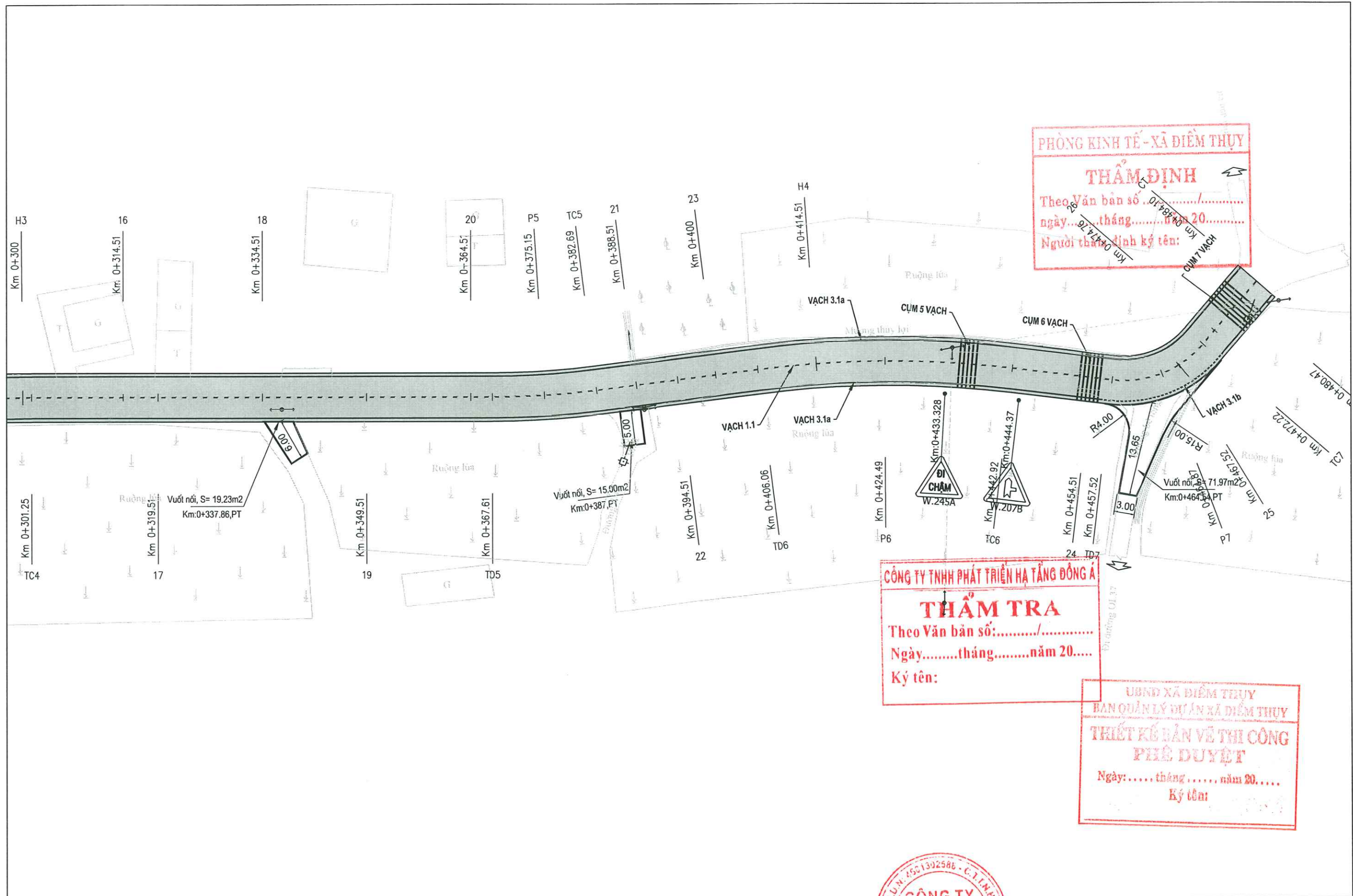
CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THUY		DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN		CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYỄN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	BD ATGT-3	
ĐƠN VỊ TV KSTK:		ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THUY, TỈNH THÁI NGUYÊN		CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUỲ HẢI		GIÁM ĐỐC		
		CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ ĐÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102		THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN			HOÀN THÀNH: /2025	BẢN VẼ SỐ: BDATGT-03
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG				Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI		KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	TỶ LỆ: 1/500	KÝ HIỆU: N0 D1Đ - 26 - T3



CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THUY ĐƠN VỊ TƯ VẤN KSTK:  CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ BÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102		DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THUY, TỈNH THÁI NGUYÊN BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		CHỨC DANH CHỦ NHIỆM CT THIẾT KẾ Q.L.K.T	HỌ VÀ TÊN KS. DƯƠNG QUÝ HẢI KS. NGUYỄN THÁI SƠN KS. NGÔ ĐỨC TÀI	CHỮ KÝ   	THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026 AN NGỌC DƯƠNG ĐẠI TƯỚNG - T. THÁI NGUYÊN  KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	BD ATGT - 4 HOÀN THÀNH: /2025 TỶ LỆ: 1/500 BẢN VẼ SỐ: BDATGT-04 KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3	
---	--	---	--	---	---	--	---	--	--



CHỦ ĐẦU TƯ:		DỰ ÁN:		CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THAI NGUYEN, NGÀY..... THÁNG NĂM 2026		BD ATGT -5		
TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THUY		NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN		CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI		GIÁM ĐỐC				
ĐƠN VỊ TV KSTK:		ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THUY, TỈNH THÁI NGUYÊN		THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN				HOÀN THÀNH: /2025		BẢN VẼ SỐ: BDATGT-05
 CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ BÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102		BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI				KS. DƯƠNG QUỐC LÝ		TỶ LỆ: 1/500



CHỦ ĐẦU TƯ:		DỰ ÁN:		CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYÊN, NGÀY..... THÁNG NĂM 2026		BD ATGT -6	
TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY		NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37		CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI		GIÁM ĐỐC		HOÀN THÀNH: /2025	
ĐƠN VỊ TV KSTK:		ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN		THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN				BẢN VẼ SỐ: BDATGT-06	
 CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ ĐÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102		ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN		Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI		KS. DƯƠNG QUỐC LÝ		TỶ LỆ: 1/500	
		BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG							KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3	

IV. CỐNG NGANG



PHÒNG KINH TẾ - XÃ ĐIỀM THỤY

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số/.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔNG Á

THẨM TRA

Theo Văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

UBND XÃ ĐIỀM THỤY

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỀM THỤY

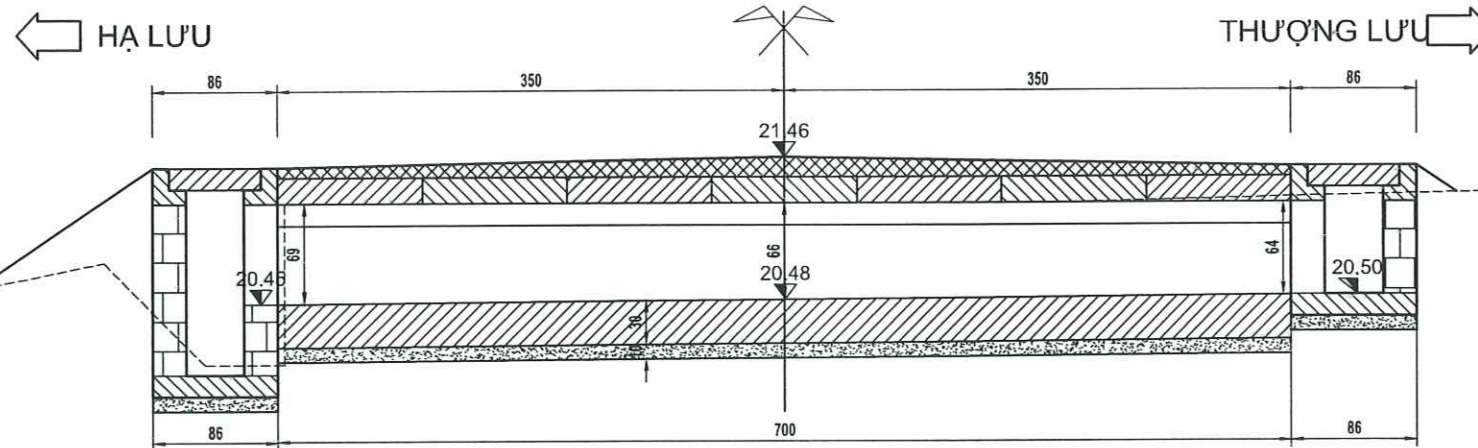
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

PHÊ DUYỆT

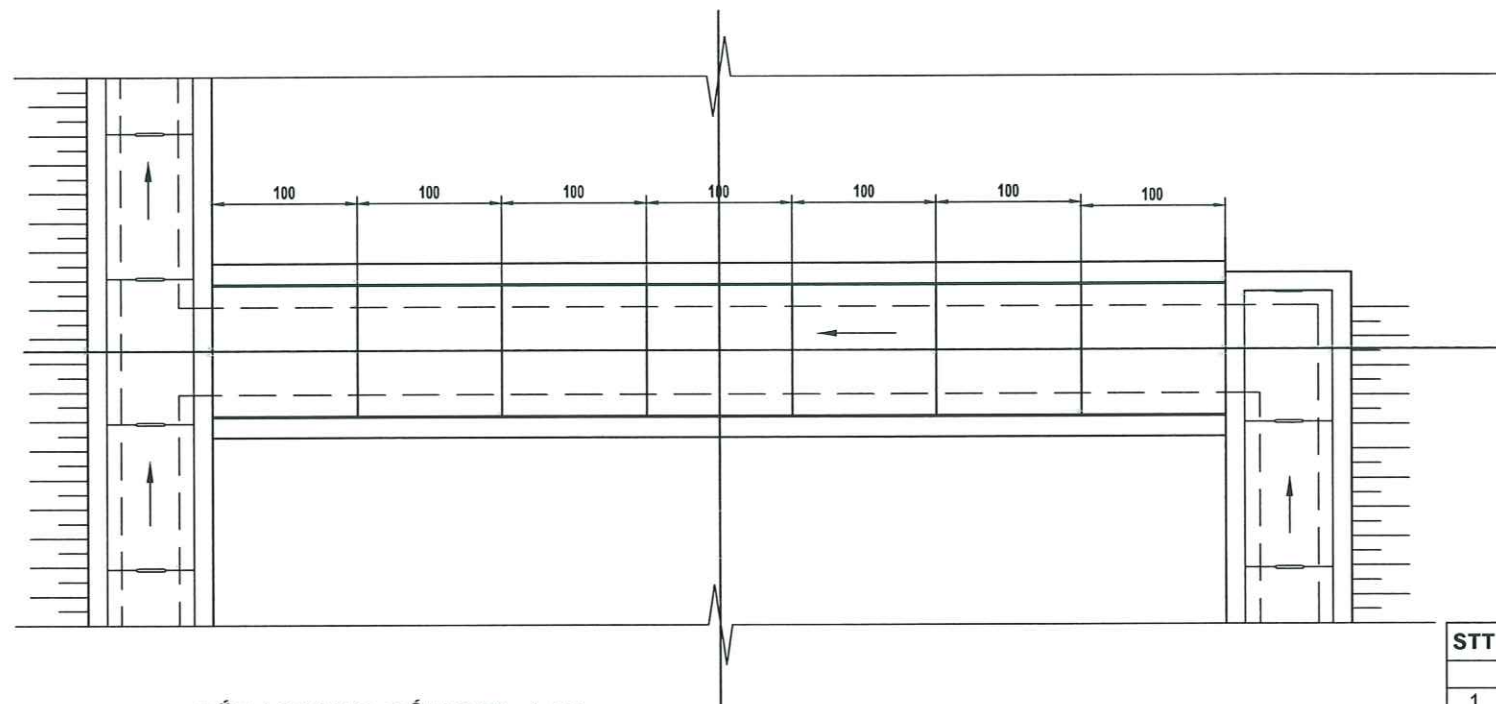
Ngày:..... tháng năm 20.....

Ký tên:

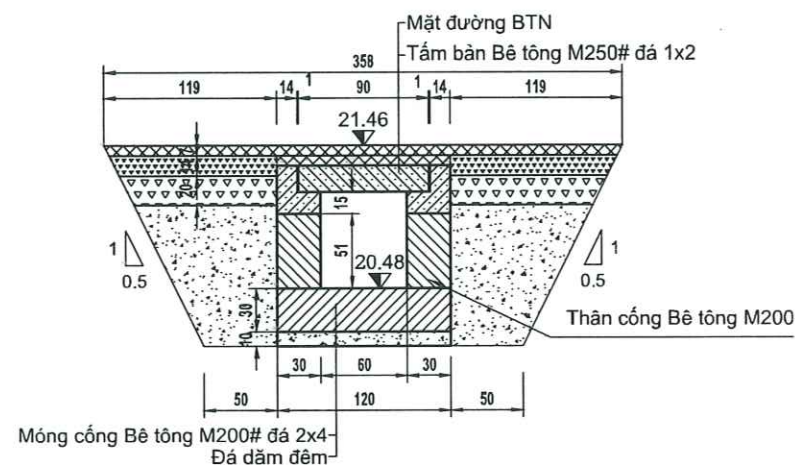
CẮT DỌC CỐNG CỌC 5A - NHÁNH 1 TL 1:50



1/2 MẶT BẰNG CHƯA LẤP ĐẤT



CẮT NGANG CỐNG TL 1:50



THUYẾT MINH :

Cống bản cọc 5a - KM00+108.97 được thiết kế với nội dung sau:

I.Tiêu chuẩn kỹ thuật:

- Quy mô: Vĩnh cửu.
- Tải trọng thiết kế: tải trọng H30-X80.
- Chủng loại: Cống bản lắp ghép khẩu độ nhịp L0 = 0.6m.

II.Giải pháp thiết kế:

- Tấm bản bằng Bê tông cốt thép M250# đá 1x2, đúc sẵn thi công bằng lắp ghép. Chi tiết tấm bản (90x100x18)cm xem bản vẽ điển hình rãnh chịu lực B600.
- Mũ mố bằng Bê tông cốt thép M200# đá 1x2, đổ tại chỗ. Cấu tạo mũ mố xem bản vẽ điển hình rãnh chịu lực B600.
- Thân cống bằng Bê tông M200# đá 2x4, đổ tại chỗ.
- Móng thân cống đặt trên lớp đá dăm dày 10cm.

III.Ghi chú :

- Kích thước bản vẽ ghi cm, cao độ ghi m.
- Trong quá trình thi công nếu có sai khác với bản vẽ thiết kế thì phải báo ngay cho chủ đầu tư hoặc tư vấn thiết kế để phối hợp cùng nhau giải quyết.

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔNG Á

THẨM TRA

Theo Văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

UBND XÃ ĐIỂM THUY

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THUY

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

PHÊ DUYỆT

Ngày:.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

STT	Hạng mục	Đơn vị	Dài	Rộng	Cao	Số lượng	Khối lượng
Tấm bản							
1	Bê tông tấm bản M250# đá 1x2	m3	0,9	1	0,18	7	1,13
2	Ván khuôn bản giữa	m2		0,684		7	4,79
3	Thép D<=10	kg		9,3		7	65,10
4	Thép 10<D<=18	kg		21,04		7	147,28
Mũ mố							
1	Bê tông xà mũ cống bê tông M200# đá 1x2	m3	7	0,07		2	0,98
2	Ván khuôn xà mũ	m2	7	0,66		2	9,24
3	Thép D<=10 xà mũ	kg	7	6,237		2	87,32
Thân cống							
1	Khối lượng thân cống bê tông M200# đá 2x4	m3	7	0,3	0,51	2	2,14
2	Ván khuôn thân cống	m2	7		0,51	4	14,28
3	Khối lượng móng thân cống bê tông M200# đá 2x4	m3	7	1,2	0,3	1	2,52
4	Ván khuôn móng cống	m2	7		0,3	2	4,20
5	Lớp đệm móng cống	m3	7	1,2	0,1	1	0,84
6	Đào đất hố móng thân cống	m3	7		2,83	1	19,81
7	Đắp đất hố móng thân cống	m3	7		0,72	2	10,08
8	Phá dỡ kết cấu mặt đường bê tông cũ	m3	3,5	3,6	0,18	1	2,27
9	Cát bê tông đường cũ	m		3,5		2	7,00
10	Móng cấp phối đá dăm loại 2 trong phạm vi hố móng	m3	1	3,5	0,09	2	0,63
11	Thể tích chiếm chỗ CPDD loại 1	m3	3,5	1,2	0,14	1	0,59
12	Thể tích chiếm chỗ CPDD loại 2	m3	3,5	1,2	0,2	1	0,84
13	Thể tích chiếm chỗ K98	m3	3,5	1,2	0,3	1	1,26

CHỦ ĐẦU TƯ:

TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THUY

ĐƠN VỊ TƯ VẤN KSTK:

CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG

ĐỊA CHỈ: PHỐ BÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN

TEL: (0987) 118.102

DỰ ÁN:

NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37

ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THUY, TỈNH THÁI NGUYÊN

BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

CHỨC DANH

HỌ VÀ TÊN

CHỮ KÝ

CHỦ NHIỆM CT

KS. DƯƠNG QUÝ HẢI

THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN THÁI SƠN

Q.L.K.T

KS. NGÔ ĐỨC TÀI

THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026

AN NGỌC DƯƠNG

GIÁM ĐỐC

KS. DƯƠNG QUỐC LÝ

CỐNG BẢN CỌC 5A - KM0+108.97

NHÁNH 1

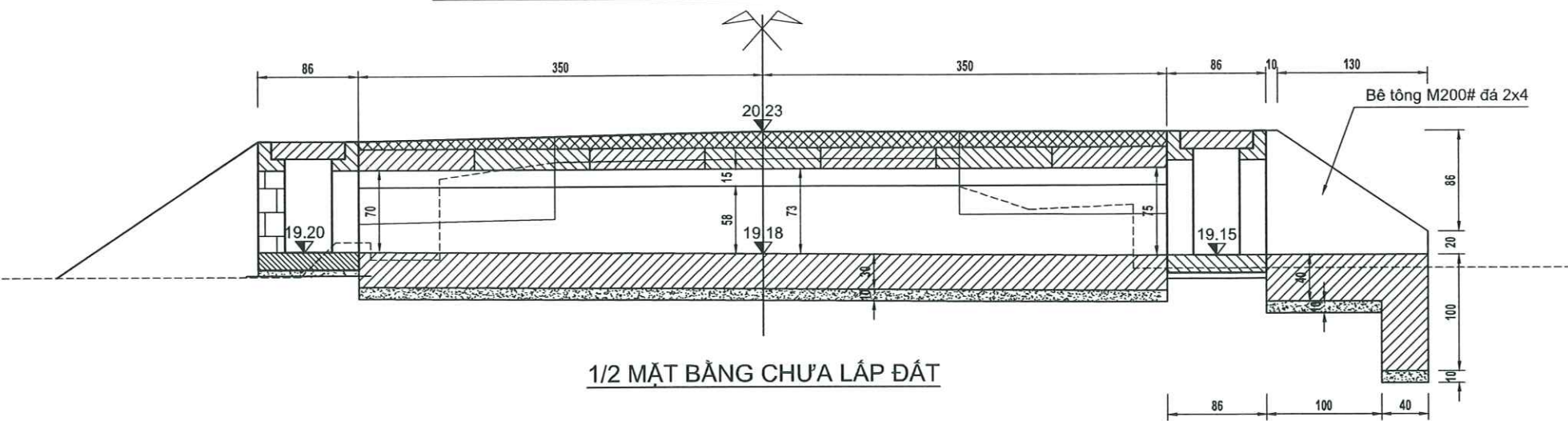
HOÀN THÀNH: /2025

BẢN VẼ SỐ: CB-01

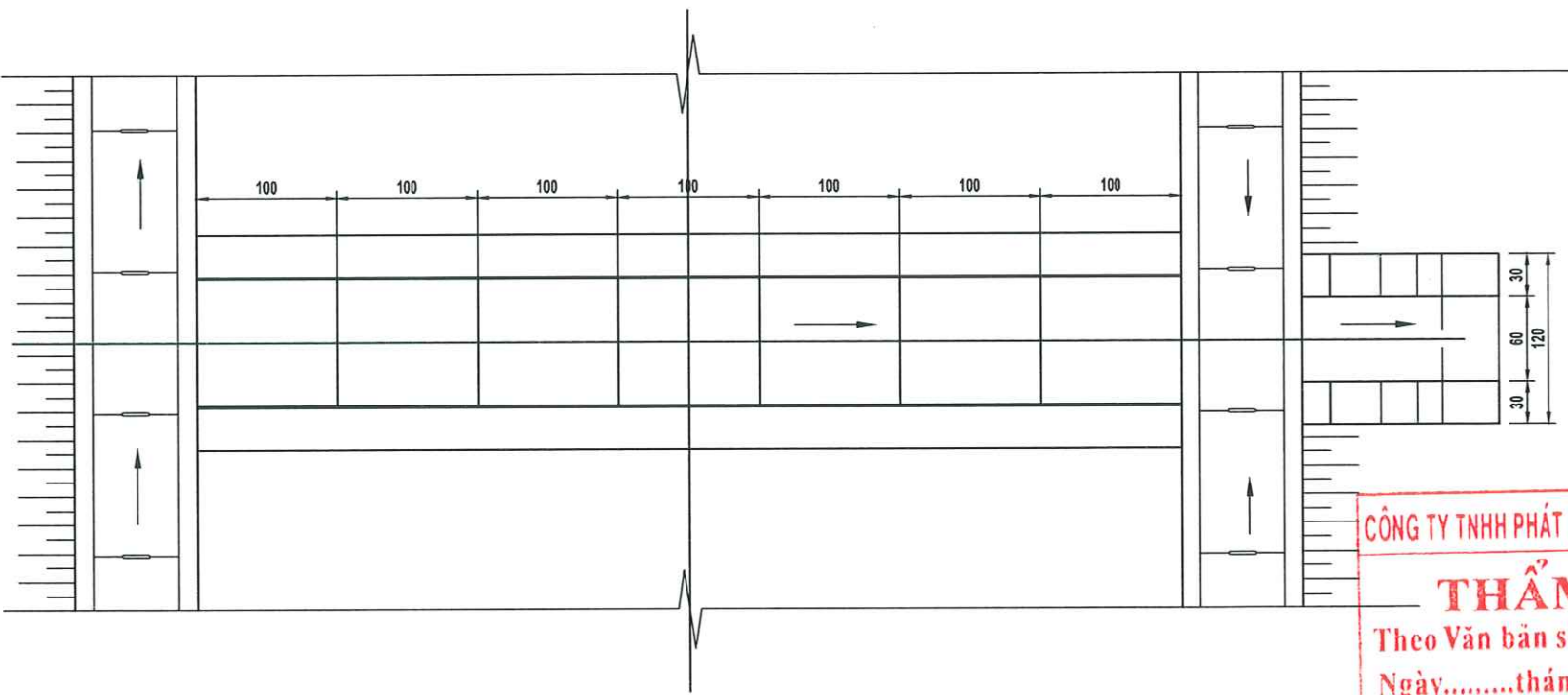
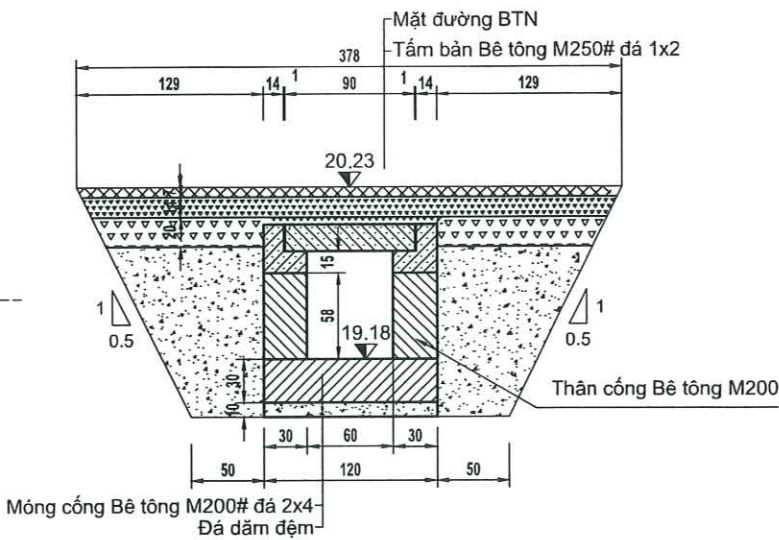
TỶ LỆ: 1/50

KÝ HIỆU: NĐ 01Đ - 26 - T3

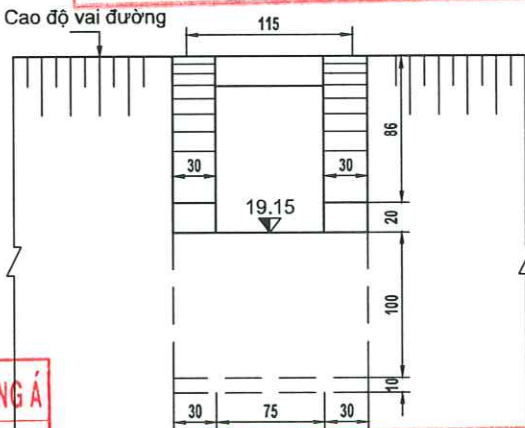
CẮT DỌC CỐNG CỌC 14 - KM0+262.67 - NHÁNH 1 TL 1:50



CẮT NGANG CỐNG TL 1:50



PHÒNG KINH TẾ - XÃ ĐIỂM THỤY
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số/.....
ngày tháng năm 20.....
CHÍNH DIỆN HẠ LƯU TL 1:50
Người thẩm định ký tên:



CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔNG Á
THẨM TRA
Theo Văn bản số/.....
Ngày tháng năm 20.....
Ký tên:

UBND XÃ ĐIỂM THỤY
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THỤY
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
PHÊ DUYỆT
Ngày: tháng năm 20.....
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY ĐƠN VỊ TƯ VẤN KSTK: CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ BÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0957) 118.102	DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	CỐNG BẢN CỌC 14 - KM0+262.67 NHÁNH 1
		CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI		GIÁM ĐỐC	
		THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN			HOÀN THÀNH: /2025 BẢN VẼ SỐ: CB - 02
		Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI		KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	

THUYẾT MINH :

Cống bản cọc 14 - KM0+262.67 được thiết kế với nội dung sau:

I.Tiêu chuẩn kỹ thuật:

- Quy mô: Vĩnh cửu.
- Tải trọng thiết kế: tải trọng H30-X80.
- Chủng loại: Cổng bản lắp ghép khẩu độ nhịp L0 = 0.6m.

II.Giải pháp thiết kế:

- Tấm bản bằng Bê tông cốt thép M250# đá 1x2, đúc sẵn thi công bằng lắp ghép.
Chi tiết tấm bản (90x100x18)cm xem bản vẽ điển hình rãnh chịu lực B600.
- Mũ mố bằng Bê tông cốt thép M200# đá 1x2, đổ tại chỗ.
Cấu tạo mũ mố xem bản vẽ điển hình rãnh chịu lực B600.
- Thân cống bằng Bê tông M200# đá 2x4, đổ tại chỗ.
Móng thân cống đặt trên lớp đá dăm dày 10cm.
- Tường cánh hạ lưu bằng Bê tông M200# đá 2x4, đổ tại chỗ.
Móng tường cánh đặt trên lớp cấp phối đá dăm dày 10cm.
- Sân cống hạ lưu bằng Bê tông M200# đá 2x4, đặt trên lớp đá dăm dày 10cm.

III.Ghi chú :

- Kích thước bản vẽ ghi cm, cao độ ghi m.
- Trong quá trình thi công nếu có sai khác với bản vẽ thiết kế thì phải báo ngay cho chủ đầu tư hoặc tư vấn thiết kế để phối hợp cùng nhau giải quyết.

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

STT	Hạng mục	Đơn vị	Dài	Rộng	Cao	Số lượng	Khối lượng
Tấm bản							
1	Bê tông tấm bản M250# đá 1x2	m3	0,9	1	0,18	7	1,13
2	Ván khuôn bản giữa	m2		0,684		7	4,79
3	Thép D<=10	kg		9,3		7	65,10
4	Thép 10<D<=18	kg		21,04		7	147,28
Mũ mố							
1	Bê tông xà mũ cống bê tông M200# đá 1x2	m3	7	0,07		2	0,98
2	Ván khuôn xà mũ	m2	7	0,66		2	9,24
3	Thép D<=10 xà mũ	kg	7	6,237		2	87,32
Thân cống							
1	Khối lượng thân cống bê tông M200# đá 2x4	m3	7	0,3	0,58	2	2,44
2	Ván khuôn thân cống	m2	7	0,58		4	16,24
3	Khối lượng móng thân cống bê tông M200# đá 2x4	m3	7	1,2	0,3	1	2,52
4	Ván khuôn móng cống	m2	7	0,3		2	4,20
5	Lớp đệm móng cống	m3	7	1,2	0,1	1	0,84
6	Đào đất hố móng thân cống	m3	7	2,63		1	18,41
7	Đắp đất hố móng thân cống	m3	7	0,73		2	10,22
8	Phá dỡ kết cấu mặt đường bê tông cũ	m3	3,5	3,78	0,18	1	2,38
9	Cát bê tông đường cũ	m		3,5		2	7,00
10	Móng cấp phối đá dăm loại 2 trong phạm vi hố móng	m3	1,08	3,5	0,17	2	1,29
11	Thể tích chiếm chỗ CPDD loại 1	m3	3,5	1,2	0,14	1	0,59
12	Thể tích chiếm chỗ CPDD loại 2	m3	3,5	1,2	0,2	1	0,84
13	Thể tích chiếm chỗ K98	m3	3,5	1,2	0,3	1	1,26
Tường cánh							
1	Khối lượng thân tường cánh hạ lưu bê tông M200# đá 2x4	m3	0,3	0,92		2	0,55
2	Ván khuôn thân tường cánh hạ lưu	m2		0,92		4	3,68
3	Khối lượng sân cống hạ lưu bê tông M200# đá 2x4	m3	1	1,2	0,4	1	0,48
4	Khối lượng chân khay hạ lưu bê tông M200# đá 2x4	m3	1,2	0,4	1	1	0,48
5	Ván khuôn chân khay hạ lưu	m2	1,2		0,8	2	1,92
6	Lớp đệm móng sân cống hạ lưu	m3	1,4	1,2	1	1	1,68
7	Đào đất hố móng tường cánh hạ lưu	m3	1,2	1,21		1	1,45
8	Đắp đất tường cánh hạ lưu	m3	1,2	0,52		1	0,62

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐỒNG Á

THẨM TRA

Theo Văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

UBND XÃ ĐIỂM THUY

BAN QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG

THIẾT KẾ BÀN VẼ CÔNG

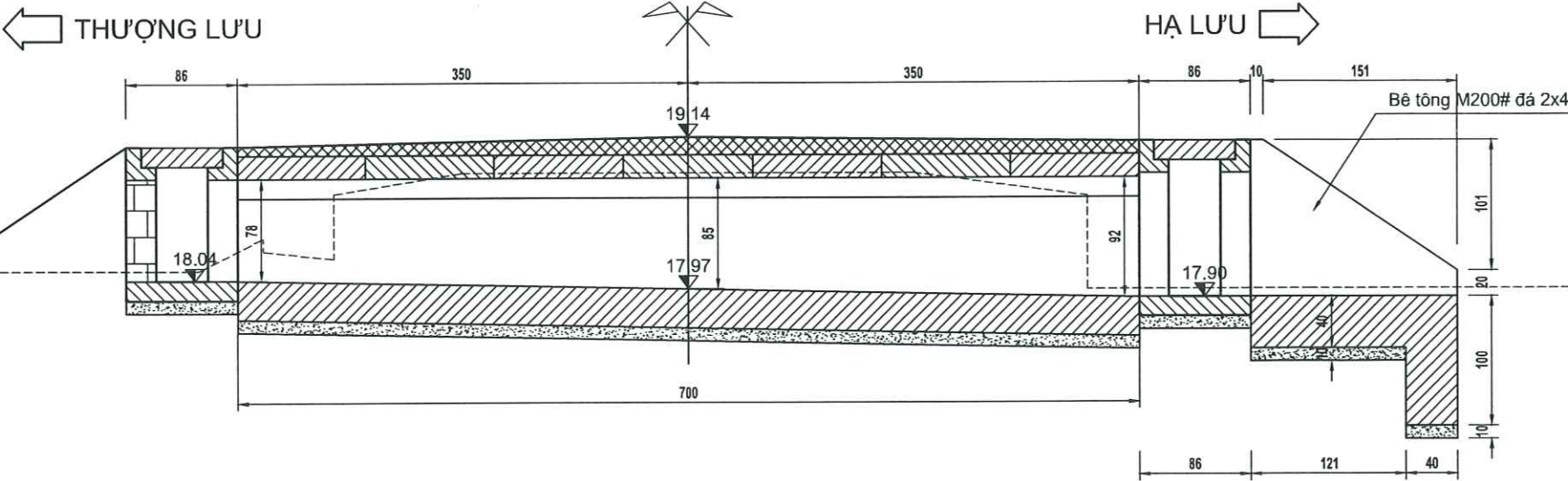
PHÊ DUYỆT

Ngày:..... tháng năm 20.....

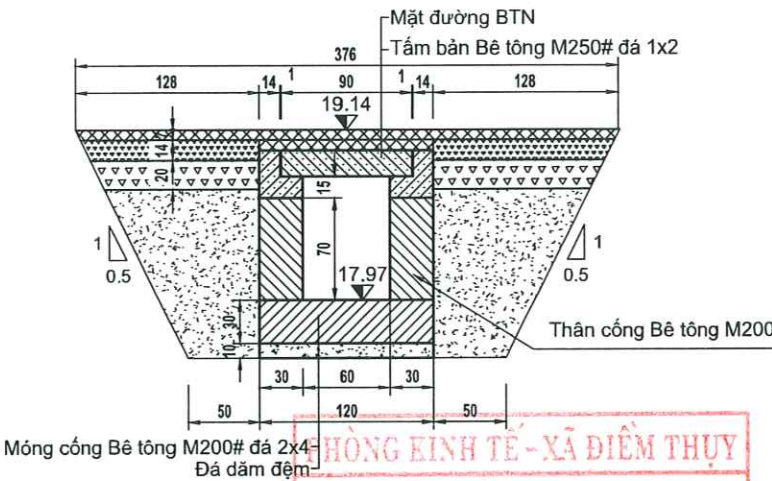
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THUY	DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYỄN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	CỐNG BẢN CỌC 14 - KM0+262.67 NHÁNH 1	
		CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI				
ĐƠN VỊ TƯ VẤN KSTK: CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ ĐÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102	ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THUY, TỈNH THÁI NGUYÊN	THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN		KIỂM ĐỐC KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	HOÀN THÀNH: /2025	BẢN VẼ SỐ: CB - 03
		Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI			TỶ LỆ: 1/50	KY HIỆU: NĐ 01Đ - 26 - T3

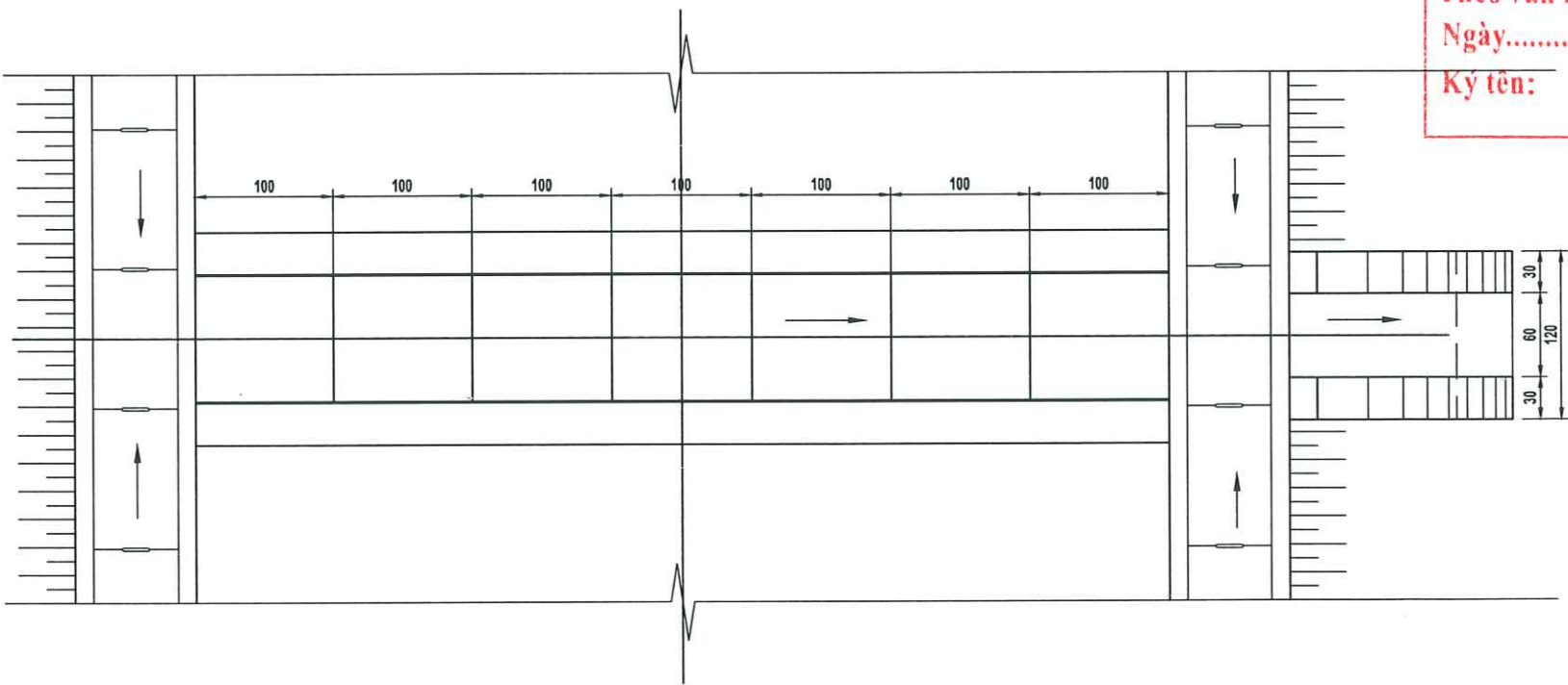
CẮT DỌC CỐNG CỌC 22A - NHÁNH 1 TL 1:50



CẮT NGANG CỐNG TL 1:50



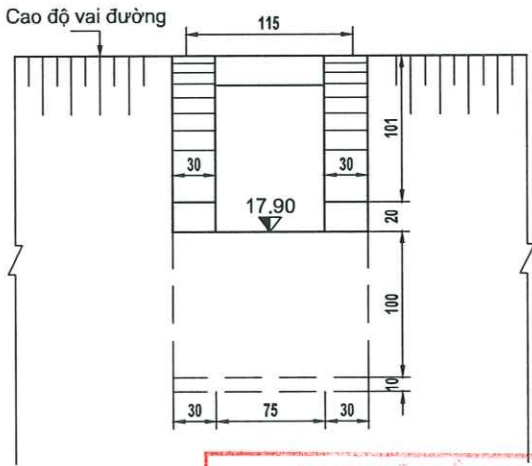
1/2 MẶT BẰNG CHƯA LẤP ĐẤT



CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔNG Á
THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

HỒNG KINH TẾ - XÃ ĐIỂM THỤY
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CHÍNH DIỆN HẠ LƯU TL 1:50



UBND XÃ ĐIỂM THỤY
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THỤY
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
PHÊ DUYỆT
Ngày:.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY ĐƠN VỊ TƯ VẤN KSTK:  CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ BÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL.: (0987) 118.102	DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	CỐNG BẢN CỌC 22A - KM0+499.02 NHÁNH 1
		CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI		GIÁM ĐỐC	
		THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN			HOÀN THÀNH: /2025 BẢN VẼ SỐ: CB - 04 TỶ LỆ: 1/50 KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3
		Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI		KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	

THUYẾT MINH :

Cống bản cọc 22a - KM00+499.02 được thiết kế với nội dung sau:

I.Tiêu chuẩn kỹ thuật:

- Quy mô: Vĩnh cửu.
- Tải trọng thiết kế: tải trọng H30-X80.
- Chủng loại: Cống bản lắp ghép khẩu độ nhịp L0 = 0.6m.

II.Giải pháp thiết kế:

- Tấm bản bằng Bê tông cốt thép M250# đá 1x2, đúc sẵn thi công bằng lắp ghép.
Chi tiết tấm bản (90x100x18)cm xem bản vẽ điển hình rãnh chịu lực B600.
- Mũ mố bằng Bê tông cốt thép M200# đá 1x2, đổ tại chỗ.
Cấu tạo mũ mố xem bản vẽ điển hình rãnh chịu lực B600.
- Thân cống bằng Bê tông M200# đá 2x4, đổ tại chỗ.
Móng thân cống đặt trên lớp đá dăm dày 10cm.
- Tường cánh hạ lưu bằng Bê tông M200# đá 2x4, đổ tại chỗ.
Móng tường cánh đặt trên lớp cấp phối đá dăm dày 10cm.
- Sân cống hạ lưu bằng Bê tông M200# đá 2x4, đặt trên lớp đá dăm dày 10cm.

III.Ghi chú :

- Kích thước bản vẽ ghi cm, cao độ ghi m.
- Trong quá trình thi công nếu có sai khác với bản vẽ thiết kế thì phải báo ngay cho chủ đầu tư hoặc tư vấn thiết kế để phối hợp cùng nhau giải quyết.

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

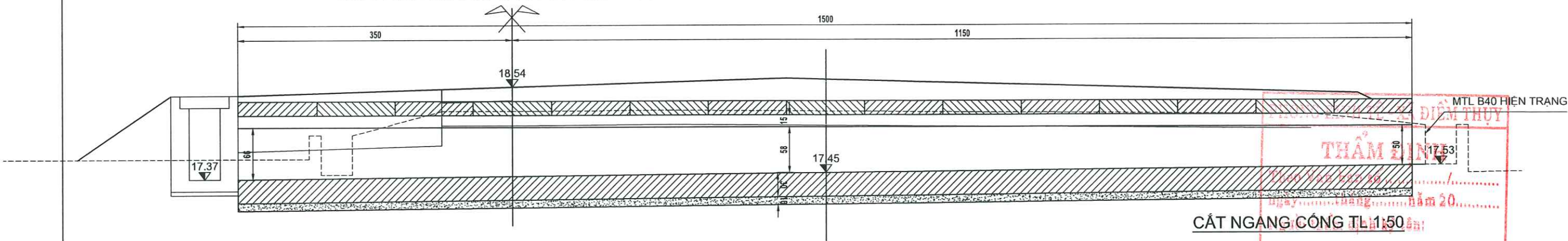
STT	Hạng mục	Đơn vị	Dài	Rộng	Cao	Số lượng	Khối lượng
Tấm bản							
1	Bê tông tấm bản M250# đá 1x2	m3	0.9	1	0.18	7	1.13
2	Ván khuôn bản giữa	m2		0.684		7	4.79
3	Thép D<=10	kg		9.3		7	65.10
4	Thép 10<D<=18	kg		21.04		7	147.28
Mũ mố							
1	Bê tông xà mũ cống bê tông M200# đá 1x2	m3	7	0.07		2	0.98
2	Ván khuôn xà mũ	m2	7	0.66		2	9.24
3	Thép D<=10 xà mũ	kg	7	6.237		2	87.32
Thân cống							
1	Khối lượng thân cống bê tông M200# đá 2x4	m3	7	0.3		2	2.94
2	Ván khuôn thân cống	m2	7			4	19.60
3	Khối lượng móng thân cống bê tông M200# đá 2x4	m3	7	1.2		1	2.52
4	Ván khuôn móng cống	m2	7			2	4.20
5	Lớp đệm móng cống	m3	7	1.2		1	0.84
6	Đào đất hố móng thân cống	m3	7	2.76		1	19.32
7	Đắp đất hố móng thân cống	m3	7	0.77		2	10.78
8	Phá dỡ kết cấu mặt đường bê tông cũ	m3	3.5	3.76	0.18	1	2.37
9	Cắt bê tông đường cũ	m		3.5		2	7.00
10	Móng cấp phối đá dăm loại 2 trong phạm vi hố móng	m3	1	3.5	0.13	2	0.91
11	Thế tích chiếm chỗ CPDD loại 1	m3	3.5	1.2	0.14	1	0.59
12	Thế tích chiếm chỗ CPDD loại 2	m3	3.5	1.2	0.2	1	0.84
13	Thế tích chiếm chỗ K98	m3	3.5	1.2	0.3	1	1.26
Tường cánh							
1	Khối lượng thân tường cánh hạ lưu bê tông M200# đá 2x4	m3	0.3	1.18		2	0.71
2	Ván khuôn thân tường cánh hạ lưu	m2		1.18		4	4.72
3	Khối lượng sân cống hạ lưu bê tông M200# đá 2x4	m3	1.21	1.2	0.4	1	0.58
4	Khối lượng chân khay hạ lưu bê tông M200# đá 2x4	m3	1.2	0.4	1	1	0.48
5	Ván khuôn chân khay hạ lưu	m2	1.2		0.8	2	1.92
6	Lớp đệm móng sân cống hạ lưu	m3	1.61	1.2	1	1	1.93
7	Đào đất hố móng tường cánh hạ lưu	m3	1.2	1.45		1	1.74
8	Đắp đất tường cánh hạ lưu	m3	1.2	0.72		1	0.86

THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

UBND XÃ ĐIỂM THỤY
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THỤY
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
PHÊ DUYỆT
Ngày:..... tháng..... năm 20.....
Ký tên:

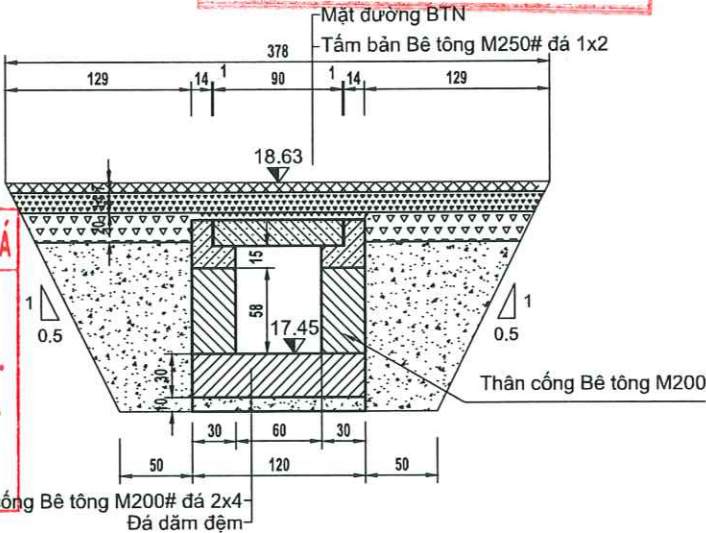
CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY	DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026 GIÁM ĐỐC	CỐNG BẢN CỌC 22A - KM0+499.02 NHÁNH 1	
		CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI				
ĐƠN VỊ TƯ VẤN KSTK: CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ BÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102	BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN			HOÀN THÀNH: /2025	BẢN VẼ SỐ: CB - 05
		Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI			TỶ LỆ: 1/50	KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3

CẮT DỌC CỐNG KM0+462.62 - NHÁNH 2 TL 1:50
HOÀN TRẢ MƯƠNG THỦY LỢI QUA ĐƯỜNG



STT	Hạng mục	Đơn vị	Dài	Rộng	Cao	Số lượng	Khối lượng
Tấm bản							
1	Bê tông tấm bản M250# đá 1x2	m3	0,9	1	0,18	15	2,43
2	Ván khuôn bản giữa	m2		0,684		15	10,26
3	Thép D<=10	kg		9,3		15	139,50
4	Thép 10<D<=18	kg		21,04		15	315,60
Mũ mố							
1	Bê tông xà mũ cống bê tông M200# đá 1x2	m3	15	0,07		2	2,10
2	Ván khuôn xà mũ	m2	15	0,66		2	19,80
3	Thép D<=10 xà mũ	kg	15	6,237		2	187,11
Thân cống							
1	Khối lượng thân cống bê tông M200# đá 2x4	m3	15	0,3	0,58	2	5,22
2	Ván khuôn thân cống	m2	15		0,58	4	34,80
3	Khối lượng móng thân cống bê tông M200# đá 2x4	m3	15	1,2	0,3	1	5,40
4	Ván khuôn móng cống	m2	15		0,3	2	9,00
5	Lớp đệm móng cống	m3	15	1,2	0,1	1	1,80
6	Đào đất hố móng thân cống	m3	15		2,63	1	39,45
7	Đắp đất hố móng thân cống	m3	15		0,73	2	21,90
8	Phá dỡ kết cấu mặt đường bê tông cũ	m3	11,1	3,78	0,18	1	7,55
9	Cắt bê tông đường cũ	m		11,1		2	22,20
10	Móng cấp phối đá dăm loại 2 trong phạm vi hố móng	m3	1,08	12,4	0,17	2	4,55
11	Thể tích chiếm chỗ CPDD loại 1	m3	2,6	1,2	0,14	1	0,44
12	Thể tích chiếm chỗ CPDD loại 2	m3	2,6	1,2	0,2	1	0,62
13	Thể tích chiếm chỗ K98	m3	2,6	1,2	0,3	1	0,94

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔNG Á
THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

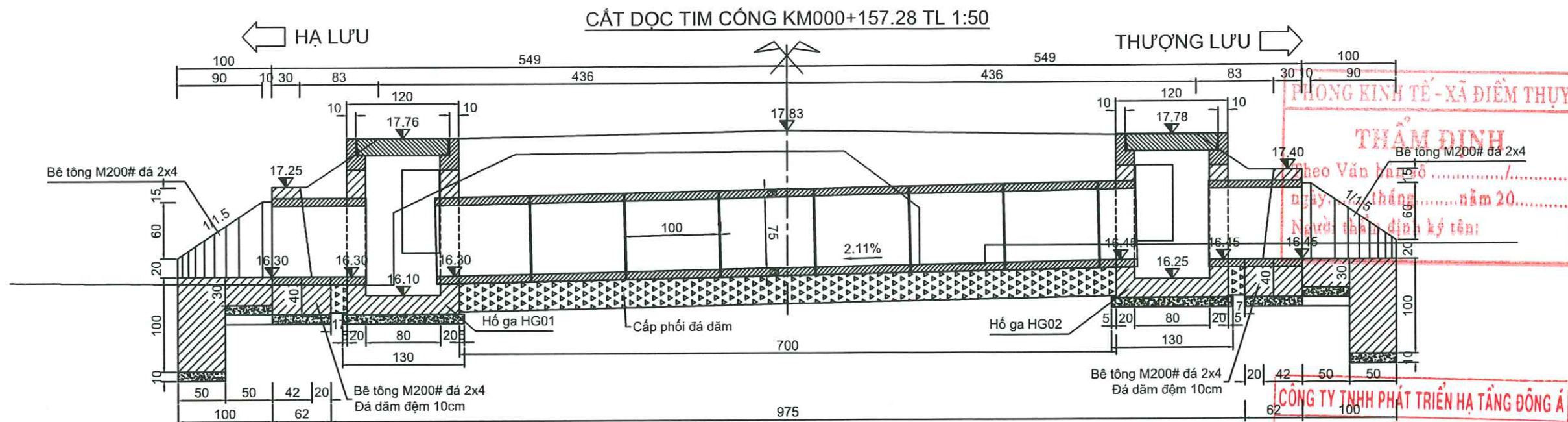


THUYẾT MINH :

Cống bản Km0+462.62 được thiết kế hoàn trả mương thủy lợi ngang đường với nội dung sau:

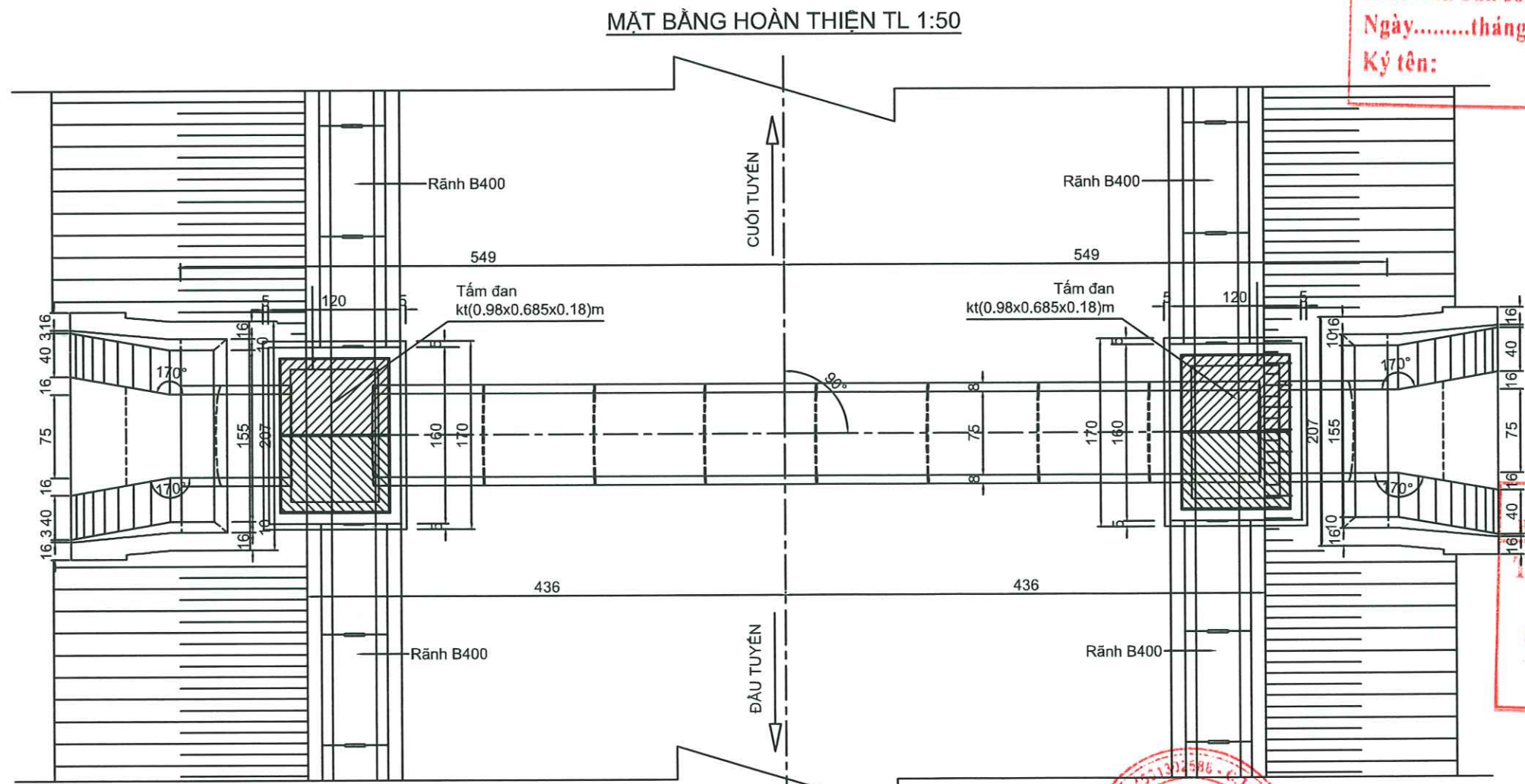
- I.Tiêu chuẩn kỹ thuật:
- Quy mô: Vĩnh cửu.
 - Tải trọng thiết kế: tải trọng H30-X80.
 - Chung loại: Cống bản lắp ghép khẩu độ nhịp L0 = 0.6m.
- II.Giải pháp thiết kế:
- Tấm bản bằng Bê tông cốt thép M250# đá 1x2, đúc sẵn thi công bằng lắp ghép.
 - Chi tiết tấm bản (90x100x18)cm xem bản vẽ diễn hình rãnh chịu lực B600.
 - Mũ mố bằng Bê tông cốt thép M200# đá 1x2, đổ tại chỗ.
 - Cấu tạo mũ mố xem bản vẽ diễn hình rãnh chịu lực B600.
 - Thân cống bằng Bê tông M200# đá 2x4, đổ tại chỗ.
 - Móng thân cống đặt trên lớp đá dăm dày 10cm.
- III.Ghi chú :
- Kích thước bản vẽ ghi cm, cao độ ghi m.
 - Trong quá trình thi công nếu có sai khác với bản vẽ thiết kế thì phải báo ngay cho chủ đầu tư hoặc tư vấn thiết kế để phối hợp cùng nhau giải quyết.

CHỦ ĐẦU TƯ:		DỰ ÁN:		CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	CỐNG BẢN HOÀN TRẢ MƯƠNG THỦY LỢI	
TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THUY		NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN		CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI		GIÁM ĐỐC	KM0+462.62 - NHÁNH 2	
ĐƠN VỊ TV KSTK:		ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THUY, TỈNH THÁI NGUYÊN		THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN			HOÀN THÀNH: /2025	
 CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ ĐÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102		BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI			BẢN VẼ SỐ: CB - 06	
							KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	TỶ LỆ: KY HIỆU: NĐ 01Đ - 26 - T3	



PHÒNG KINH TẾ - XÃ ĐIỂM THỤY
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:/.....
Ngày: tháng năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

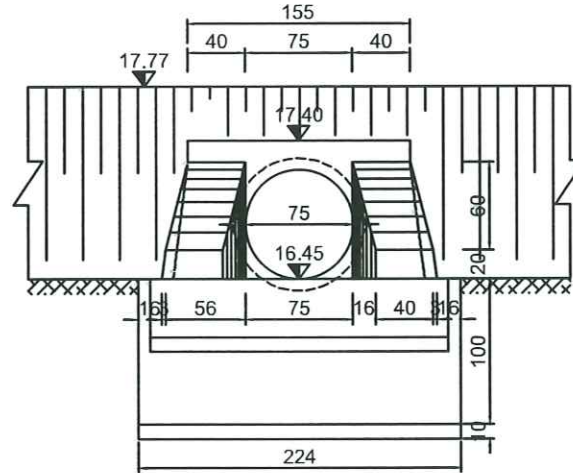
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔNG Á
THẨM TRA
Theo Văn bản số:/.....
Ngày: tháng năm 20.....
Ký tên:



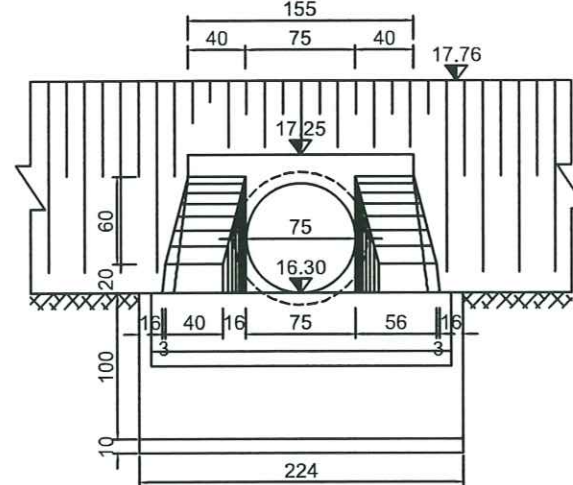
UBND XÃ ĐIỂM THỤY
HỘI QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THỤY
THIẾT KẾ KẢN VÊ THI CÔNG
PHÊ DUYỆT
Ngày: tháng năm 20.....
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THUY		DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THUY, TỈNH THÁI NGUYÊN BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	BỐ TRÍ CHUNG CỐNG TRÒN D75 CỘC 12 - KM0+157.28 - NHÁNH 2	
ĐƠN VỊ TV KSTK:  CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ BÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102			CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI		GIÁM ĐỐC		
			THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN			HOÀN THÀNH: /2025	BẢN VẼ SỐ: CT - 01
			Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI		KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	TỶ LỆ: TL	KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3

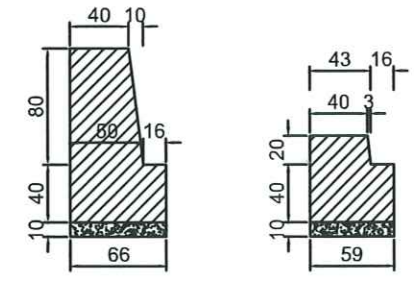
CHÍNH DIỆN THƯỢNG LƯU TL 1:50



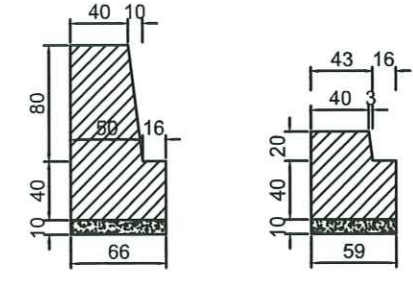
CHÍNH DIỆN HẠ LƯU TL 1:50



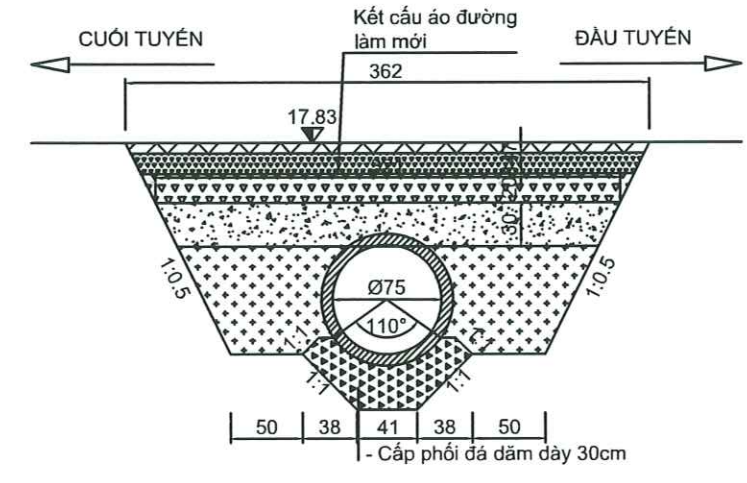
MẶT CẮT TƯỜNG CÁNH TL 1:50



MẶT CẮT TƯỜNG CÁNH TL 1:50



CẮT NGANG THÂN CỐNG TL 1:50



CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔNG Á
THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

THUYẾT MINH :

Cống KM000+157.28 được thiết kế với nội dung sau:

I.Tiêu chuẩn kỹ thuật:

- Quy mô: Vĩnh cửu
- Tải trọng thiết kế: H30-XB80
- Loại cống: Cống tròn

II.Giải pháp thiết kế:

- Cống được thiết kế với độ dốc thân cống 2,11%, tổng cộng có 10 đốt cống lắp ghép khẩu diện D75cm, dày 8cm, dài 1m.
- Các đốt cống được đặt trên móng bằng CPDD đầm chặt K95 dày 30cm.
- Thượng lưu : tường đầu bê tông M200# đá 2x4, tường cánh bê tông M200# đá 2x4, sân gia cố bê tông M200# đá 2x4, tất cả đặt trên lớp lót đá dăm đệm dày 10 cm.
- Hạ lưu : tường đầu bê tông m200# đá 2x4, tường cánh bê tông M200# đá 2x4, sân gia cố bê tông M200# đá 2x4, tất cả đặt trên lớp lót đá dăm đệm dày 10 cm.

III.Ghi chú :

- Kích thước bản vẽ ghi cm, cao độ ghi m.
- Trong quá trình thi công nếu có sai khác với bản vẽ thiết kế thì phải báo ngay cho chủ đầu tư hoặc tư vấn thiết kế để phối hợp cùng nhau giải quyết.

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
Thân cống			
1	Đốt cống đường kính D75cm	ống	10,00
2	Số mối nối thân cống	mối nối	7,00
3	Cắt ống cống D75	ống	1,00
4	Móng thân cống - Đá dăm đệm	m3	2,35
Tường đầu			
1	Thân tường đầu bê tông M200# đá 2x4	m3	0,66
2	Ván khuôn thân tường đầu	m2	5,12
3	Móng tường đầu bê tông M200# đá 2x4	m3	1,02
4	Ván khuôn móng tường đầu	m2	4,30
5	Lót móng tường đầu - Đá dăm đệm	m3	0,26
Tường cánh			
1	Thân tường cánh bê tông M200# đá 2x4	m3	0,94
2	Ván khuôn thân tường cánh	m2	4,60
3	Móng tường cánh bê tông M200# đá 2x4	m3	0,52
4	Ván khuôn móng tường cánh	m2	1,64
5	Sân cống chân khay tường cánh bê tông M200# đá 2x4	m3	2,48
6	Ván khuôn sân cống chân khay tường cánh	m2	10,96
7	Lót móng tường cánh - Đá dăm đệm	m3	0,40
Hố ga			
1	Khối lượng thân hố ga bê tông M200# đá 2x4	m3	1,63
2	Ván khuôn thân hố ga	m2	17,39
3	Khối lượng móng hố ga bê tông M200# đá 2x4	m3	0,76
4	Ván khuôn móng hố ga	m2	2,24
5	Khối lượng cổ ga bê tông M200# đá 1x2	m3	0,46
6	Ván khuôn cổ ga	m2	6,34
7	Cốt thép đường kính D<=10 cổ ga	kg	18,50
8	Số tấm đan hố ga	tấm	4,00
9	Khối lượng đan hố ga bê tông M200# đá 1x2	m3	0,48
10	Ván khuôn đan hố ga	m2	2,40
11	Cốt thép D<=10 tấm đan hố ga	kg	1,84
12	Cốt thép 10<D<=18 tấm đan hố ga	kg	84,64
13	Thép góc bọc quanh đan hố ga	kg	133,46
14	Lót móng hố ga - Đá dăm đệm	m3	0,44
Đào đắp + Hoàn trả			
1	Đào hố móng	m3	28,87
2	Đắp hố móng	m3	12,23
3	Cất đường bê tông	m	7,00
4	Đào đường BTXM cũ	m3	2,2806
5	Đắp CPDD loại 2 trong phạm vi đào đường cũ	m3	2,247
6	Đắp K98 trong phạm vi đào đường cũ	m3	3,3705

UBND XÃ ĐIỂM THUY
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THUY
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
PHÊ DUYỆT
Ngày:.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THUY		DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THUY, TỈNH THÁI NGUYÊN BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	BỐ TRÍ CHUNG CỐNG TRÒN D75 CỘC 12 - KM0+157.28 - NHÁNH 2
ĐƠN VỊ TƯ VẤN KSTK:  CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ BÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102			CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI		GIÁM ĐỐC	
			THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÁI SƠN			HOÀN THÀNH: /2025 BẢN VẼ SỐ: CT - 02
			Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI		KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	TỶ LỆ: TL KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3

Technical drawing of a reinforced concrete slab (bản sàn) showing dimensions and elevation points. The drawing includes a plan view and a cross-section view (Chi tiết A).

Plan View Dimensions:

- Overall width: 120
- Overall height: 166
- Central rectangular opening: 400 (width) x 16.55 (height)
- Bottom edge dimensions: 10, 20, 80, 20, 5
- Bottom edge total width: 130
- Left edge dimensions: 10, 166, 20
- Right edge dimensions: 10, 166, 20

Elevation Points:

- Top left corner: 17.76
- Top right corner: 16.55
- Bottom left corner: 16.30
- Bottom right corner: 16.30
- Bottom center: 16.10

Other Labels:

- Mặt đường (Road surface)
- Chi tiết A (Detail A)
- D750 (Diameter 750 mm)

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔNG Á

THẨM TRA

Theo Văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20....

Ký tên:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Số tấm đan	tấm	2
2	Khối lượng tấm đan	m ³	0.24
3	Ván khuôn tấm đan	m ²	1.2
4	Thép D<=10mm tấm đan	kg	0.92
5	Thép 10mm<D<=18mm tấm đan	kg	42.32
6	Thép 18mm<D<=25mm tấm đan	kg	0
7	Thép góc tấm đan	kg	66.73
8	Bê tông xà mũ	m ³	0.23
9	Ván khuôn xà mũ	m ²	3.17
10	Thép D<=10mm xà mũ	kg	9.25
11	Thép 10mm<D<=18mm xà mũ	kg	0
12	Khối lượng thành bên	m ³	0.86
13	Ván khuôn thành bên	m ²	9.11
14	Khối lượng móng ga	m ³	0.38
15	Ván khuôn móng ga	m ²	1.12
16	Khối lượng đệm lót	m ³	0.22
17	Khối lượng đào đất	m ³	3.41
18	Khối lượng đắp đất	m ³	1.05

Technical drawing of a reinforced concrete slab (Tấm đan) showing dimensions and reinforcement details. The drawing includes a cross-section and a plan view. The cross-section shows a slab with a total thickness of 170 mm and a clear height of 160 mm. The reinforcement consists of a top layer (B400) and a bottom layer (B400). The plan view shows a square slab with a side length of 1200 mm. The reinforcement is provided with a spacing of 180 mm (0.18 m) in both directions. The slab is supported by a central column and four corner supports. The drawing is labeled with dimensions and reinforcement details.

1. Chi tiết hồ ga mang số hiệu HG01
2. Chi tiết tấm đan xem bản vẽ riêng.
3. Kích thước bản vẽ ghi mm.

m3	3.41
m3	1.05

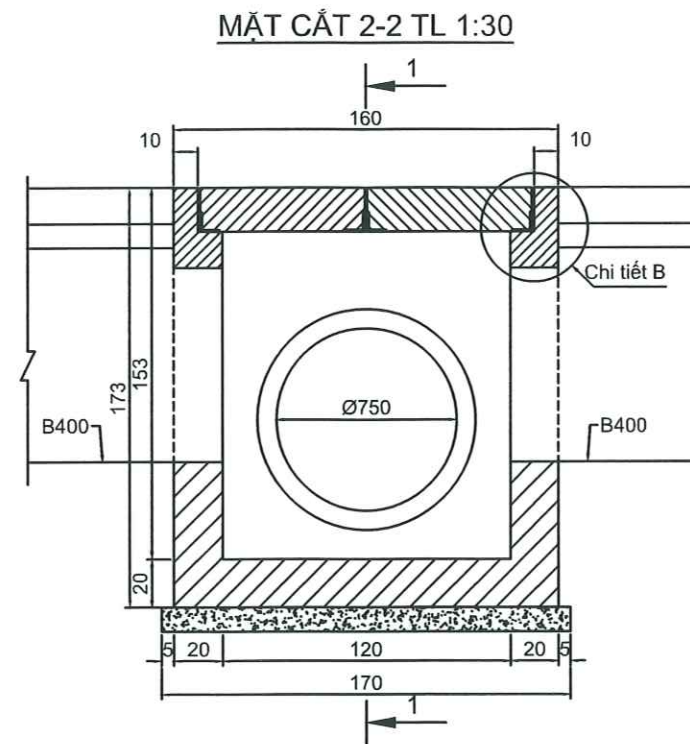
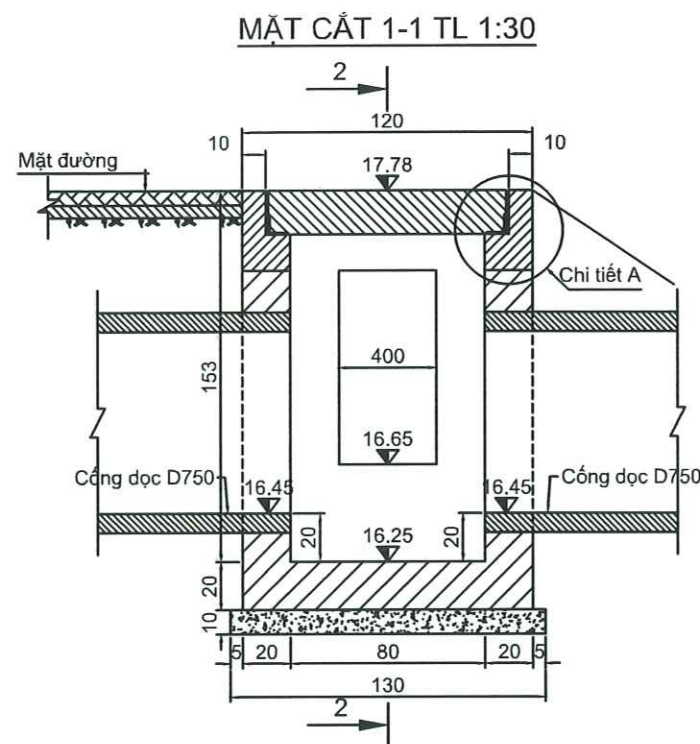
BAN QUAN LÝ DỰ ÁN XÂY DỰNG THUY
THIẾT KẾ BẢN VẼ TÀI CÔNG
PHÊ DUYỆT

Ngày:..... tháng năm 20.....

Ký tên:

TỶ LỆ: TL	KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3
-----------	---------------------------

KS. DƯƠNG QUỐC LÝ



PHÒNG KINH TẾ - XÃ ĐIỂM THUY

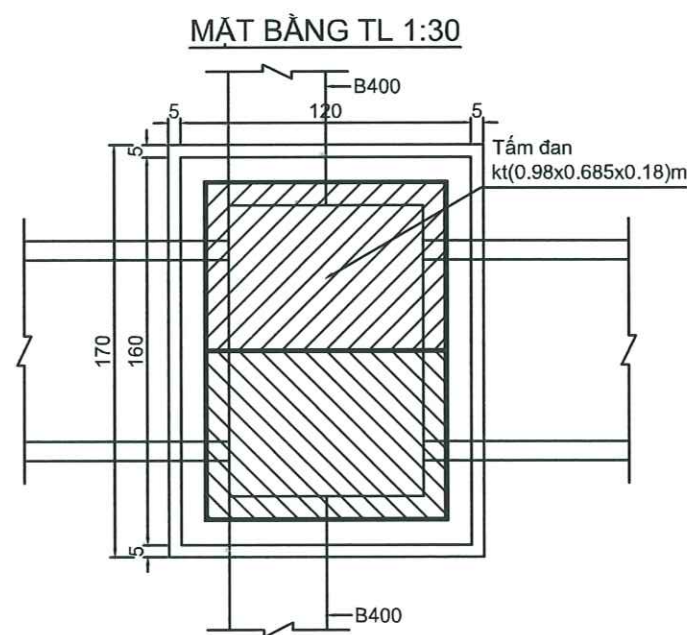
THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số/.....
 ngày.....tháng.....năm 20.....
 Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔNG Á

THẨM TRA

Theo Văn bản số...../.....
 Ngày.....tháng.....năm 20.....
 Ký tên:



GHI CHÚ

1. Chi tiết hồ ga mang số hiệu HG02
2. Chi tiết tấm đan xem bản vẽ riêng.
3. Kích thước bản vẽ ghi mm.

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG HỒ GA HG02

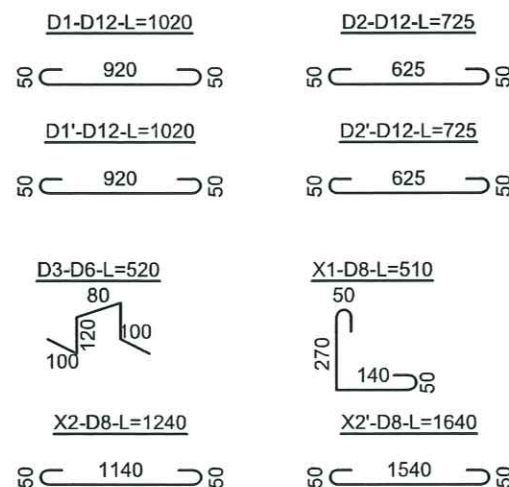
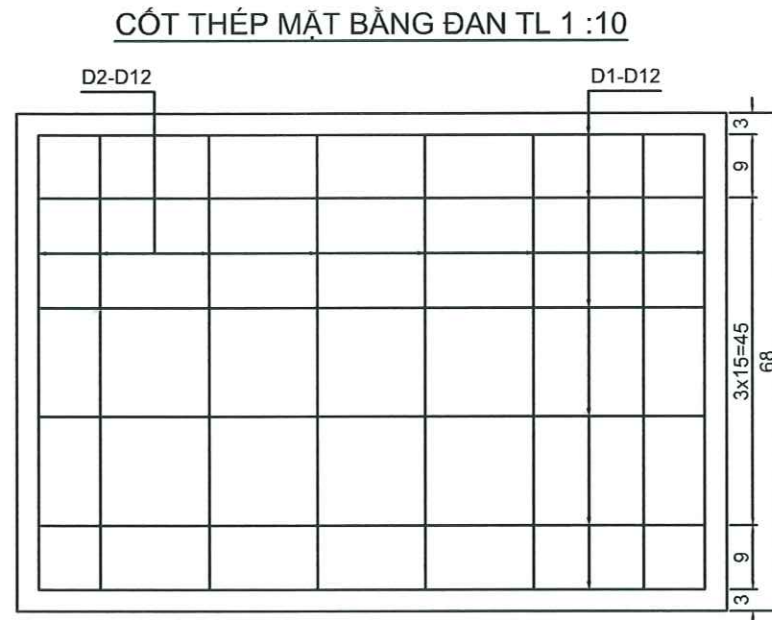
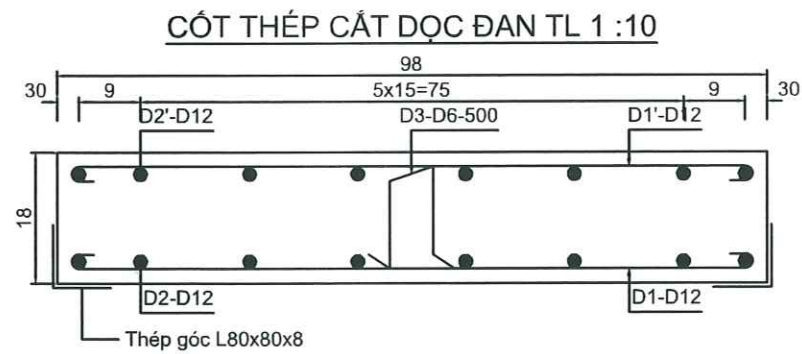
TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Số tấm đan	tấm	2
2	Khối lượng tấm đan	m3	0.24
3	Ván khuôn tấm đan	m2	1.2
4	Thép D<=10mm tấm đan	kg	0.92
5	Thép 10mm<D<=18mm tấm đan	kg	42.32
6	Thép 18mm<D<=25mm tấm đan	kg	0
7	Thép góc tấm đan	kg	66.73
8	Bê tông xà mũ	m3	0.23
9	Ván khuôn xà mũ	m2	3.17
10	Thép D<=10mm xà mũ	kg	9.25
11	Thép 10mm<D<=18mm xà mũ	kg	0
12	Khối lượng thành bên	m3	0.77
13	Ván khuôn thành bên	m2	8.28
14	Khối lượng móng ga	m3	0.38
15	Ván khuôn móng ga	m2	1.12
16	Khối lượng đệm lót	m3	0.22
17	Khối lượng đào đất	m3	1.61
18	Khối lượng đắp đất	m3	0.34

PHÒNG KINH TẾ - XÃ ĐIỂM THUY

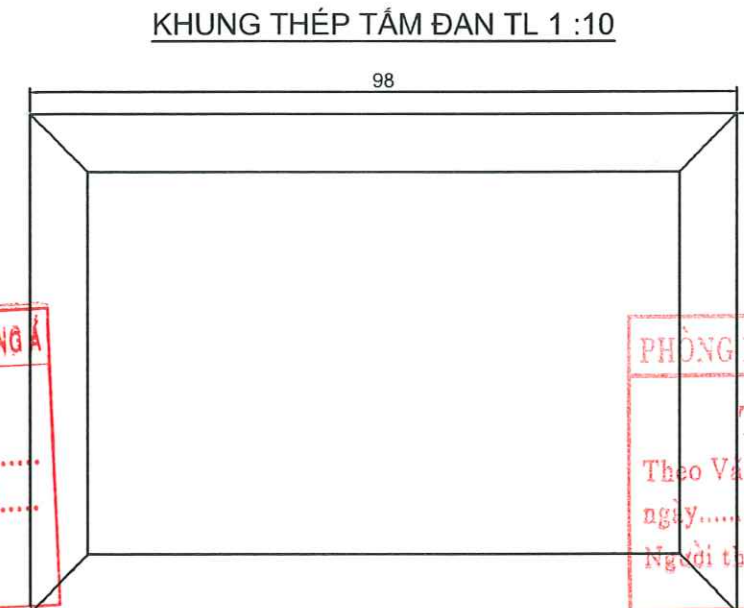
THẨM TRA

Theo Văn bản số/.....
 Ngày.....tháng.....năm 20.....
 Ký tên:

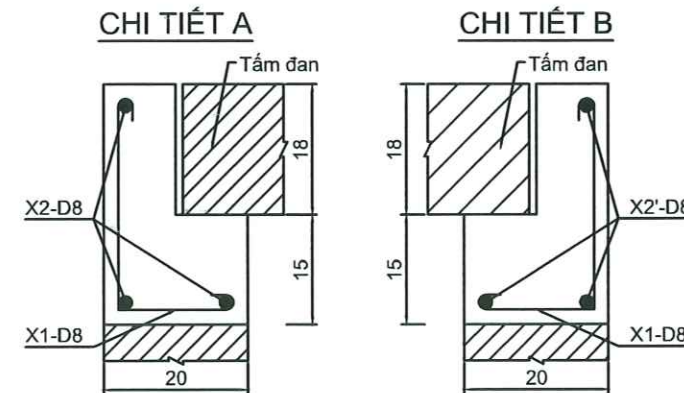
CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY ĐƠN VỊ TƯ VẤN KSTK:  CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ ĐÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102		DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		CHỨC DANH CHỦ NHIỆM CT THIẾT KẾ Q.L.K.T		HỌ VÀ TÊN KS. DƯƠNG QUÝ HẢI KS. NGUYỄN THÁI SƠN KS. NGÔ ĐỨC TÀI		CHỮ KÝ   		THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026 GIÁM ĐỐC   KS. DƯƠNG QUỐC LÝ		HỒ GA HG02 - CỐNG TRÒN D75 CỘC 12 - KM0+157.28 - NHÁNH 2 HOÀN THÀNH: /2025 BẢN VẼ SỐ: CT - 04 TỶ LỆ: TL KÝ HIỆU: N0 01D - 26 - T3	
---	--	---	--	---	--	---	--	--	--	--	--	---	--



CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔNG ANH
THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:



PHÒNG KINH TẾ - XÃ ĐIỂM THỤY
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

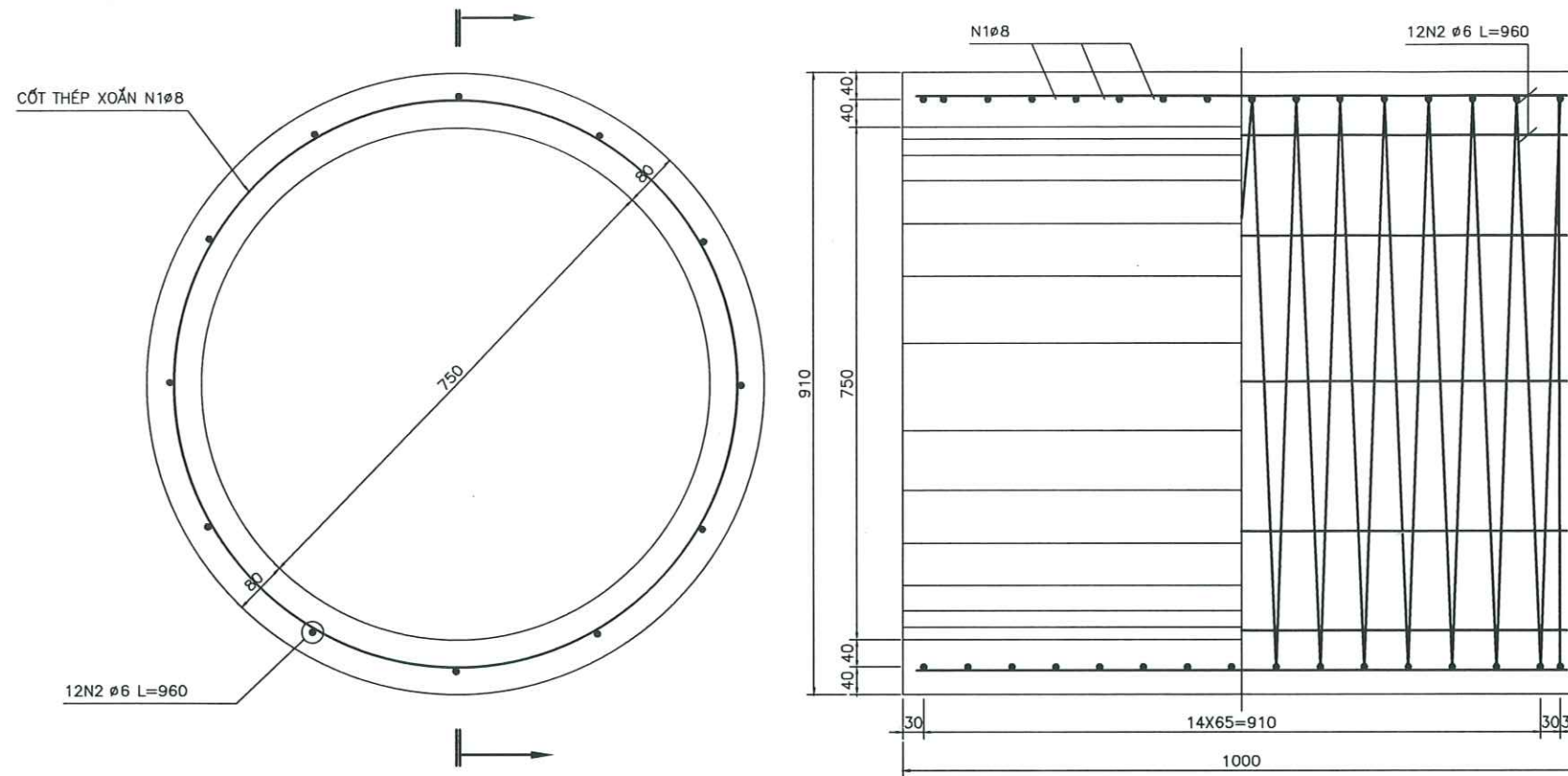


BẢNG THÔNG KÊ CÓT THÉP							
STT	TÊN THANH	ĐƯỜNG KÍNH	CHIỀU DÀI (mm)	SỐ THANH (thanh)	CHIỀU DÀI TỔNG CỘNG (m)	KHỐI LƯỢNG ĐƠN VỊ (kg/m)	KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG (kg)
ĐƠN GA (tính cho 1 tấm)							21.62
1	D1	12	1020	6	6.12	0.888	5.43
2	D1'	12	1020	6	6.12	0.888	5.43
3	D2	12	725	8	5.8	0.888	5.15
4	D2'	12	725	8	5.8	0.888	5.15
5	D3	6	520	4	2.08	0.222	0.46
XÃ MŨ							9.25
1	X1	8	510	12	6.12	0.395	2.42
2	X2	8	1240	6	7.44	0.395	2.94
3	X2'	8	1640	6	9.84	0.395	3.89

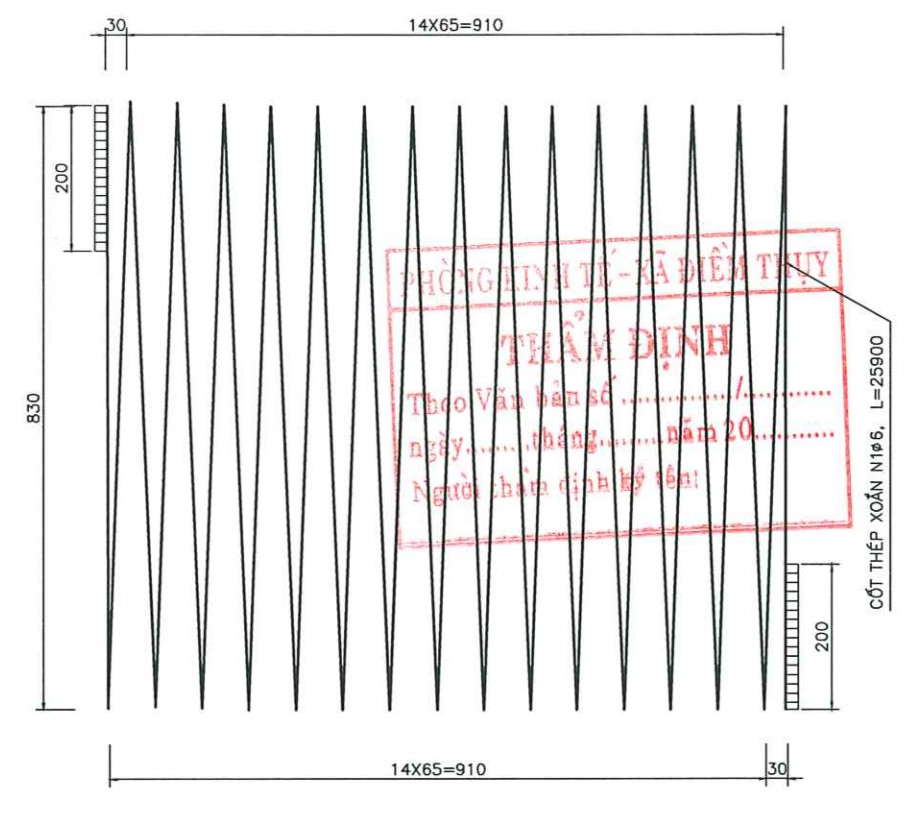
UBND XÃ ĐIỂM THỤY
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THỤY
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
PHÊ DUYỆT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY ĐƠN VỊ TV KSTK: CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ BÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102	DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	CHỨC DANH HỌ VÀ TÊN CHỮ KÝ	THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026 AN NGỌC DƯƠNG GIÁM ĐỐC THÁI NGUYÊN H. ĐẠI TƯ - T. THÁI NGUYÊN	TẦM ĐƠN, MŨ MỐ - CỐNG TRÒN D75 CỌC 12 - KM0+157.28 - NHÁNH 2
		CHỦ NHIỆM CT THIẾT KẾ Q.L.K.T	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI KS. NGUYỄN THÁI SƠN KS. NGÔ ĐỨC TÀI KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	HOÀN THÀNH: /2025 BẢN VẼ SỐ: CT - 05 TỶ LỆ: TL KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3

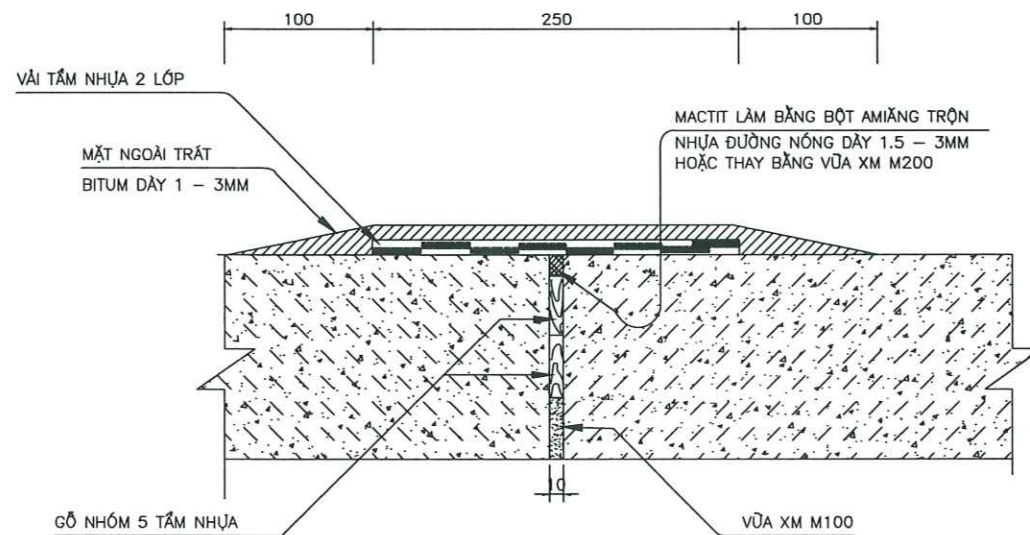
CHI TIẾT CỐT THÉP TL 1:10



QUY CÁCH CỐT THÉP TL 1:10



CHI TIẾT MỖI NỐI CỐNG TL 1:5



KHỐI LƯỢNG 01 MỖI NỐI CỐNG

VỮA XM M100 (M3)	GỖ NHÓM 5 TẤM NHỰA (M3)	VẢI TẤM NHỰA ĐƯỜNG (M2)	MẮTTIT BITUM (M2)
0.00075	0.0023	1.43	1.290

KHỐI LƯỢNG 01 ĐỐT CỐNG

SỐ HIỆU	ĐƯỜNG KÍNH (MM)	CHIỀU DÀI 1 THANH (MM)	SỐ LƯỢNG (THANH)	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	KHỐI LƯỢNG (KG)
N1	Ø8 CT3	43350	01	43.35	17.11
N2	Ø6 CT3	960	12	11.52	2.56

- BT M200 ĐÓT CỐNG : 0.21 M3
- QUÉT NHỰA ĐƯỜNG NÓNG 2 LỚP BÊN NGOÀI ĐÓT CỐNG : 2.86 M2

GHI CHÚ

- ĐỐT CỐNG ĐƯỢC THIẾT KẾ THEO ĐỊNH HÌNH 533 - 01 - 01
- TÀI TRỌNG THIẾT KẾ H30-XB80
- BT ĐỐT CỐNG M200, LƯỢNG XM >270 KG/M3
- LIÊN KẾT GIỮA CÁC THANH BẰNG HÀN HOẶC BUỘC
- CHIỀU CAO ĐẤT ĐẮP $0.5M < H < 4M$
- KÍCH THƯỚC BÀN VÉ GHI MM

Ngày:.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THUY

ĐƠN VỊ TV KSTK:



CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG
 ĐỊA CHỈ: PHỐ ĐÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN
 TEL: (0987) 118.102

DỰ ÁN:
NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37
ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THUY, TỈNH THÁI NGUYÊN

BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

CHỨC DANH

HO VÀ TÊN

CHỮ KÝ

THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026

GIÁM ĐỐC

AN NGỌC DUONG

THAI
KS. DƯƠNG QUỐC LÝ

CHI TIẾT ĐỐT CỔNG D750

HOÀN THÀNH: 1/2023

BẢN VẼ SỐ:

TỶ LỆ:

KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3

V. TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG



PHÒNG KINH TẾ - XÃ ĐIỂM THUY

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số/.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐỒNG Á

THẨM TRA

Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

UBND XÃ ĐIỂM THUY
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THUY

THIẾT KẾ AN VỆ THI CÔNG
PHÊ DUYỆT

Ngày:..... tháng năm 20.....
Ký tên:

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

CÔNG TRÌNH: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHÁN

TT	Hạng mục công việc	Diễn giải	Đơn vị	Nhánh 1	Nhánh 2	Khối lượng	Ghi chú
I	NỀN ĐƯỜNG						
1	Vết hữu cơ đất C1					1.482,29	
	Khối lượng theo tuyến	Bảng THKL tuyến	m3	875,11	723,94	1.599,05	
	Giảm trừ khối lượng phá dỡ					- 116,76	
2	Đào nền đất C3	Bảng THKL tuyến	m3	69,63	70,64	140,27	
3	Đào khuôn đất C3	Bảng THKL tuyến	m3	591,50	571,22	1.162,71	
4	Đào mặt bê tông đường cũ	Bảng THKL tuyến	m3	28,07	51,37	79,44	
5	Đào móng cấp phối đường cũ	Bảng THKL tuyến	m3	18,69	34,26	52,96	
6	Đào hố móng đất C3	Bảng THKL tuyến	m3	893,77	930,72	1.824,48	
7	Đắp đất hố móng K95	Bảng THKL tuyến	m3	893,77	337,27	1.231,04	
8	Đắp nền K95	Bảng THKL tuyến	m3	1.134,69	776,64	1.911,32	
9	Đắp nền K98		m3			1.311,29	
	Phân tuyến	Bảng THKL tuyến		740,41	575,60	1.316,01	
	Giảm trừ cống bản chiếm chỗ	Bảng THKL cống bản				- 4,72	
II	TƯỜNG CHẴN BTXM						
1	Đá dăm đệm	Bảng THKL tường chắn	m3	6,76	22,58	29,34	
2	Ván khuôn móng tường chắn	Bảng THKL tường chắn	m2	73	245,4	318,40	
3	Bê tông móng tường chắn M200 đá 2x4	Bảng THKL tường chắn	m3	33,8	140,83	174,63	
4	Ván khuôn thân tường chắn	Bảng THKL tường chắn	m2	194,84	650,6	845,44	
5	Bê tông thân tường chắn M200 đá 2x4	Bảng THKL tường chắn	m3	54,9	209,14	264,04	
6	Làm khe lún bằng giấy dầu nhựa đường (5m/khe)	Bảng THKL tường chắn	m2	17,1	72,94	90,04	
7	Ống nhựa PVC D100mm (khoảng cách 2m/ống)	Bảng THKL tường chắn	m	23,8	78,8	102,60	
8	Ván khuôn gờ chắn bánh (Nhánh 2)	14*0.5*(1+0.4)*2	m2		19,6	19,60	
9	Bê tông gờ chắn bánh (Nhánh 2)	14*0.5*1*0.4			2,8	2,80	
10	Sơn phản quang (Nhánh 2)	14*(0.5*(0.4*2+1)+0.4*1)			18,2	18,20	
III	MẶT ĐƯỜNG						
III.1	Phân tuyến						
1	Diện tích mặt đường		m2	4.701,45	3.332,07	8.033,52	S
	Diện tích khuôn KC1	Bảng THKL tuyến		2.469,01	1.919,10	4.388,11	S1
	Diện tích khuôn KC2	Bảng THKL tuyến		35,19	24,38	59,56	S2
	Diện tích khuôn KC3	Bảng THKL tuyến		2.177,45	1.314,70	3.492,15	S3
	Diện tích khuôn KC4	Bảng THKL tuyến		19,80	73,90	93,69	S4
2	Khối lượng bù vênh		m3	230,45	118,51	348,96	
	Khối lượng bù vênh khuôn KC2	Bảng THKL tuyến		1,29	1,47	2,76	
	Khối lượng bù vênh khuôn KC3	Bảng THKL tuyến		228,83	113,66	342,49	
	Khối lượng bù vênh khuôn KC4	Bảng THKL tuyến		0,33	3,37	3,70	
3	Móng cấp phối đá dăm loại 2		m3			896,92	
	Kết cấu KC1	S1*0.2		493,80	383,82	877,62	
	Kết cấu KC4	S4*0.2		3,96	14,78	18,74	
	Bù vênh KC4	Bảng THKL tuyến		0,33	3,37	3,70	
	Giảm trừ phần cống bản chiếm chỗ	Bảng THKL cống bản				- 3,14	
4	Móng cấp phối đá dăm loại 1		m3			1.316,96	
	Kết cấu KC1	S1*0.14		345,66	268,67	614,34	
	Kết cấu KC3	S3*0.1		217,74	131,47	349,21	
	Kết cấu KC4	S4*0.14		2,77	10,35	13,12	
	Bù vênh KC3	Bảng THKL tuyến		228,83	113,66	342,49	

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

CÔNG TRÌNH: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN

TT	Hạng mục công việc	Diễn giải	Đơn vị	Nhánh 1	Nhánh 2	Khối lượng	Ghi chú
	Giảm trừ phần cống bản chiếm chỗ	Bảng THKL cống bản				2,20	
4	Tưới nhựa thấm bảm 1kg/m2	S1+S3+S4	m2			7.973,95	
5	Tưới nhựa dính bảm 0.5kg/m2					83,96	
	Diện tích khuôn KC2	S2		35,19	24,38	59,56	
	Vuốt về hiện trạng đầu tuyến nhánh 1			9,00		9,00	
	Vuốt về hiện trạng cuối tuyến nhánh 2				15,4	15,40	
6	Bù vênh kết cấu KC2 bằng BTN C16 dày trung bình 4,46cm		m2	35,19	24,38	59,56	
7	Vuốt nổi hiện trạng đầu và cuối tuyến BTN C16 dày trung bình 3.5cm		m2	9,00	15,40	24,40	
8	Làm mặt đường BTN C16 dày 7cm	S	m2			8.033,52	
III.2	Phần vuốt nổi đường ngang						
1	Tổng diện tích mặt đường vuốt nổi	Bảng THKL vuốt nổi	m2	396,24	185,64	581,88	
2	Làm lớp móng cấp phối đá dăm loại I dày trung bình 14cm	Bảng THKL vuốt nổi	m3	55,47	25,99	81,46	
3	Tưới nhựa thấm bảm 1kg/m2	Bảng THKL vuốt nổi	m2	396,24	185,64	581,88	
4	Làm mặt đường BTN C16 dày 7cm	Bảng THKL vuốt nổi	m2	396,24	185,64	581,88	
IV	CÔNG TRÌNH TRÊN TUYẾN						
IV.1	Cống tròn						
IV.2	Cống bản	BTHKL riêng					
IV.3	Rãnh thoát nước dọc B400	BTHKL riêng					
1	Tổng chiều dài rãnh dọc xây:	Bảng tổng chiều dài xây rãnh B400	m	1181	705	1.886,00	LrB400
2	Chiều cao xây gạch trung bình	Bảng THKL rãnh dọc B400	m	0,81	0,87	0,83	Htb
3	Làm lớp cát đệm	LrB400 * 0,043	m3			81,10	
4	Ván khuôn bê tông móng	LrB400 * 0,3	m2			565,80	
5	Bê tông móng rãnh M150 đá 2x4	LrB400 * 0,129	m3			243,29	
6	Xây thân rãnh gạch xây VXM M75	LrB400 * Htb * 0,22 * 2	m3			690,78	
7	Trát lòng rãnh vữa xi măng M75 dày 1 cm	LrB400 * Htb * 2	m2			3.139,92	
8	Gia công cốt thép mũ mố rãnh loại D <= 10 mm	LrB400 * 3,222	kg			6.076,69	
9	Ván khuôn mũ mố rãnh	LrB400 * 1	m2			1.886,00	
10	Bê tông mũ mố rãnh M200 đá 1x2	LrB400 * 0,082	m3			154,65	
11	Gia công cốt thép tấm đan loại D <= 10 mm	LrB400 * 5,702	kg			10.753,97	
12	Gia công cốt thép tấm đan loại 10 < D <= 18 mm	LrB400 * 5,95	kg			11.221,70	
13	Ván khuôn đổ bê tông tấm đan	LrB400 * 0,48	m2			905,28	
14	Bê tông tấm đan M250 đá 1x2	LrB400 * 0,089	m3			167,85	
15	Lắp đặt tấm đan KT 60x100x15 cm; P = 223 kg/tấm	LrB400 * 1	tấm			1.886,00	
IV.4	Hoàn trả hạ tầng						
1	Hỗ trợ di chuyển cột điện		cột			40,00	
2	Phá kết cấu bê tông hai bên lề đường	Thống kê phá dỡ lề	m3			89,43	
3	Phá dỡ mương xây gạch (thành cao 0.5m, dày 0.22m)	79*0.22*0.5*2				17,38	Phá dỡ MTL cũ nhánh 2 từ cọc 21 (Km0+388.51 đến Km0+467.52).
4	Phá dỡ bê tông móng mương (rộng 0,84m, dày 0.15m)	79*0.15*0.84				9,95	Chiều dài 79m
V	AN TOÀN GIAO THÔNG						
1	Biển báo						
	Biển báo phản quang tam giác (Chiều dài cạnh 0,7m)	Bảng thống kê biển báo	cái			11,00	
	Bê tông móng cột biển báo M200	=0,5x0,5x0,8x(11)	m3			2,20	
	Đào hố móng biển báo	=0,5x0,5x0,8x(11)	m3			2,20	
	Cột biển báo	Bảng thống kê biển báo	cột			11,00	

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

CÔNG TRÌNH: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN

TT	Hạng mục công việc	Diễn giải	Đơn vị	Nhánh 1	Nhánh 2	Khối lượng	Ghi chú
2	Vạch sơn						
	Vạch sơn dẻo nhiệt dày 2mm	Bảng thống kê vạch sơn				399,09	
	Vạch sơn dẻo nhiệt gờ giảm tốc dày 4mm	Bảng thống kê vạch sơn				107,79	



CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔNG Á

THẨM TRA

Theo Văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ - XÃ ĐIỂM THỤY

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số/.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG TUYẾN NHÁNH 1
CÔNG TRÌNH: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHÁN

Tên cọc	Kc.lê	Diện tích																Khối lượng															
		Vết hữu cơ	Đào nền	Đào khuôn	Đào mặt BTXM cũ	Đào móng cấp phối đường cũ	Đào hố móng	Đắp trả hố móng	Đắp nền K95	Đắp nền K98	Chiều dài khuôn KC1	Chiều dài khuôn KC2	Chiều dài khuôn KC3	Chiều dài khuôn KC4	Bù vênh KC2	Bù vênh KC3	Bù vênh KC4	Vết hữu cơ	Đào nền	Đào khuôn	Đào mặt BTXM cũ	Đào móng cấp phối đường cũ	Đào hố móng	Đắp trả hố móng	Đắp nền K95	Đắp nền K98	Chiều dài khuôn KC1	Chiều dài khuôn KC2	Chiều dài khuôn KC3	Chiều dài khuôn KC4	Bù vênh KC2	Bù vênh KC3	Bù vênh KC4
		m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m	m	m	m	m2	m2	m2	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m2	m2	m2	m2	m3	m3	m3
KM0		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-																
	1,71																																
1	2,93	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-																
2	9,34	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,49	-	-	0,03	-	-																
3	15,02	0,97	1,16	1,52	-	-	0,28	0,07	0,35	1,08	3,60	-	3,40	-	-	0,05	-	4,53	5,42	7,10	-	-	1,31	0,33	1,63	5,04	16,81	20,97	15,88	-	0,14	0,23	-
4	15,02	1,16	-	1,09	-	-	0,30	0,16	0,46	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,50	-	16,00	8,71	19,60	-	-	4,36	1,73	6,08	16,00	53,32	-	51,82	-	-	4,13	-
D1	8,54	1,18	-	1,36	-	-	0,32	0,13	0,45	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,16	-	17,57	-	18,40	-	-	4,66	2,18	6,83	15,77	52,57	52,57	-	-	4,96	-	
TD1	8,25	1,18	-	1,74	-	-	0,52	0,22	0,74	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,30	-	10,08	-	13,24	-	-	3,59	1,49	5,08	8,97	29,89	-	29,89	-	1,96	-	
P1	8,25	1,33	-	1,44	-	-	0,45	1,39	1,84	1,15	3,85	-	3,15	-	-	0,42	-	10,35	-	13,12	-	-	4,00	6,64	10,64	9,08	30,32	-	27,43	-	2,97	-	
TC1	9,7	1,31	-	0,92	-	-	0,43	1,42	1,84	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,32	-	10,89	-	9,74	-	-	3,63	11,59	15,18	9,08	30,32	-	27,43	-	3,05	-	
5	9,7	1,34	-	1,10	-	-	0,37	1,56	1,93	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,35	-	12,85	-	9,80	-	-	3,88	14,45	18,28	10,19	33,95	-	33,95	-	3,25	-	
TD2	6,94	1,28	0,09	1,53	-	-	0,81	0,07	0,87	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,41	-	12,71	0,44	12,76	-	-	5,72	7,91	13,58	10,19	33,95	-	33,95	-	3,69	-	
P2	4,6	1,27	-	0,63	-	-	0,36	1,06	1,42	1,00	3,35	-	3,65	-	-	0,52	-	8,85	0,31	7,50	-	-	4,06	3,92	7,95	7,11	23,77	-	24,81	-	3,23	-	
H1	2,34	1,21	-	0,63	-	-	0,35	0,64	1,00	1,02	3,40	-	3,60	-	-	0,40	-	5,70	-	2,90	-	-	1,63	3,91	5,57	4,65	15,53	-	16,68	-	2,12	-	
TC2	6,63	1,37	-	0,45	-	-	0,30	1,08	1,39	1,02	3,40	-	3,60	-	-	0,66	-	3,02	-	1,26	-	-	0,76	2,01	2,80	2,39	7,96	-	8,42	-	1,24	-	
5A	1,23	1,32	-	0,85	-	-	0,41	0,82	1,23	1,03	3,45	-	3,55	-	-	0,48	-	8,92	-	4,31	-	-	2,35	6,30	8,69	6,80	22,71	-	23,70	-	3,78	-	
6	8,81	1,40	-	0,58	-	-	0,17	1,85	2,02	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,46	-	1,67	-	0,88	-	-	0,36	1,64	2,00	1,28	4,27	-	4,34	-	0,58	-	
7	15	1,37	-	0,78	-	-	0,21	2,10	2,31	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,31	-	12,20	-	5,99	-	-	1,67	17,40	19,07	9,25	30,84	-	30,84	-	3,39	-	
8	15	1,41	-	0,43	-	-	0,57	2,57	2,73	1,02	3,40	-	3,60	-	-	0,28	-	20,85	-	9,08	-	-	5,85	35,03	37,80	15,53	51,75	-	53,25	-	4,43	-	
9	15	1,45	-	0,25	-	-	0,64	3,37	3,61	1,02	3,40	-	3,60	-	-	0,46	-	21,45	-	5,10	-	-	9,08	44,55	47,55	15,30	51,00	-	54,00	-	5,55	-	
10	9,37	1,48	-	0,17	-	-	0,45	3,46	3,62	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,66	-	21,98	-	3,15	-	-	8,18	51,23	54,23	15,53	51,75	-	53,25	-	8,40	-	
11	8,87	1,56	-	0,11	-	-	0,42	3,64	3,78	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,61	-	14,24	-	1,31	-	-	4,08	33,26	34,67	9,84	32,80	-	32,80	-	5,95	-	
TD3	9,53	1,55	-	0,09	-	-	0,43	3,21	3,37	1,05	3,50	-	2,88	0,62	-	0,51	0,01	13,79	-	0,89	-	-	3,77	30,38	31,71	9,31	31,05	-	28,30	2,75	4,97	0,04	
P3	8,22	1,20	-	0,59	-	-	0,31	0,33	0,65	1,03	3,45	-	2,93	0,62	-	0,44	0,01	13,10	-	3,24	-	-	3,53	16,87	19,16	9,91	33,12	-	27,68	5,91	4,53	0,10	
H2	1,31	1,30	-	0,41	-	-	0,30	0,43	0,73	1,05	3,50	-	3,26	0,24	-	0,60	-	10,28	-	4,11	-	-	2,51	3,12	5,67	8,55	28,56	-	25,44	3,53	4,27	0,04	
TC3	13,44	1,31	-	0,34	-	-	0,29	0,51	0,80	1,05	3,50	-	2,49	1,01	-	0,51	0,02	1,71	-	0,49	-	-	0,39	0,62	1,00	1,38	4,59	-	3,77	0,82	0,73	0,01	
12	13,44	1,47	-	0,54	-	-	0,48	1,45	1,93	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,67	-	18,68	-	5,91	-	-	5,17	13,17	18,35	14,11	47,04	-	40,25	6,79	7,93	0,13	
TD4	7,48	1,72	-	0,14	-	-	0,82	2,69	3,51	1,06	3,55	-	3,45	-	-	0,55	-	21,44	-	4,57	-	-	27,82	36,56	14,18	47,38	-	46,70	-	-	8,20	-	
P4	7,48	1,66	-	0,14	-	-	0,62	2,63	3,26	1,02	3,40	-	3,60	-	-	0,52	-	12,64	-	1,05	-	-	5,39	19,90	25,32	7,78	25,99	-	26,37	-	4,00	-	
TC4	10,87	1,54	-	0,33	-	-	0,42	1,79	2,22	1,02	3,40	-	3,60	-	-	0,39	-	11,97	-	1,76	-	-	3,89	16,56	20,50	7,63	25,43	-	26,93	-	3,40	-	
13	8,66	1,66	-	0,43	-	-	0,46	2,39	2,85	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,22	-	17,39	-	4,13	-	-	4,78	22,72	27,56	11,25	37,50	-	38,59	-	3,32	-	
14		1,75	-	0,23	-	-	0,25	3,20	3,45	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,21	-	14,77	-	2,86	-	-	3,07	24,20	27,28	9,09	30,31	-	30,31	-	1,86	-	

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG TUYỂN NHÁNH 1
CÔNG TRÌNH: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN

Tên cọc	Kc.lẽ	Diện tích																Khối lượng															
		Vết hữu cơ	Đào nền	Đào khuôn	Đào mặt BTXM cũ	Đào móng cấp phối đường cũ	Đào hố móng	Đắp trả hố móng	Đắp nền K95	Đắp nền K98	Chiều dài khuôn KC1	Chiều dài khuôn KC2	Chiều dài khuôn KC3	Chiều dài khuôn KC4	Bù vênh KC2	Bù vênh KC3	Bù vênh KC4	Vết hữu cơ	Đào nền	Đào khuôn	Đào mặt BTXM cũ	Đào móng cấp phối đường cũ	Đào hố móng	Đắp trả hố móng	Đắp nền K95	Đắp nền K98	Chiều dài khuôn KC1	Chiều dài khuôn KC2	Chiều dài khuôn KC3	Chiều dài khuôn KC4	Bù vênh KC2	Bù vênh KC3	Bù vênh KC4
	9,4																15,23	-	2,82	-	-	2,91	23,88	26,79	9,87	32,90	-	32,90	-	-	2,87	-	
TD5		1,49	-	0,37	-	-	0,37	1,88	2,25	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,40	-																
	8,26																12,39	-	2,35	-	-	2,97	14,29	17,30	8,67	28,91	-	28,91	-	-	3,47	-	
P5		1,51	-	0,20	-	-	0,35	1,58	1,94	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,44	-																
	8,26																10,94	-	4,50	-	-	4,83	7,27	12,14	8,67	28,91	-	28,91	-	-	2,52		
TC5		1,14	-	0,89	-	-	0,82	0,18	1,00	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,17	-																
	11,4																14,54	-	9,01	-	-	7,70	9,52	17,21	11,97	39,90	-	39,90	-	-	2,51	-	
H3=15		1,41	-	0,69	-	-	0,53	1,49	2,02	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,27	-																
	14,02																19,49	-	10,23	-	-	7,08	16,82	23,90	14,72	49,07	-	49,07	-	-	2,80	-	
16		1,37	-	0,77	-	-	0,48	0,91	1,39	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,13	-																
	15																19,73	-	8,78	-	-	7,13	16,88	24,00	15,75	52,50	-	52,50	-	-	2,25	-	
17		1,26	-	0,40	-	-	0,47	1,34	1,81	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,17	-																
	6,85																8,94	-	1,85	-	-	3,05	9,32	12,36	7,09	23,63	24,32				1,78	-	
D6		1,35	-	0,14	-	-	0,42	1,38	1,80	1,02	3,40	-	3,60	-	-	0,35	-																
	8,15																11,49	-	2,97	-	-	2,65	14,22	16,87	8,44	28,12	28,93				3,38	-	
18		1,47	-	0,59	-	-	0,23	2,11	2,34	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,48	-																
	8,17																12,26	-	4,00	-	-	1,23	16,42	17,69	8,58	28,60	28,60				3,96	-	
19		1,53	-	0,39	-	-	0,07	1,91	1,99	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,49	-																
	10,53																16,69	-	2,37	-	-	0,63	26,43	27,11	11,06	36,86	-	36,86	-	-	5,42	-	
TD7		1,64	-	0,06	-	-	0,05	3,11	3,16	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,54	-																
	7,02																11,79	-	1,33	-	-	0,39	19,48	19,87	7,30	24,39	-	24,75	-	-	3,05	-	
P7		1,72	-	0,32	-	-	0,06	2,44	2,50	1,03	3,45	-	3,55	-	-	0,33	-																
	7,02																11,09	-	3,65	-	-	1,19	14,00	15,20	7,30	24,39	-	24,75	-	-	1,68	-	
TC7		1,44	-	0,72	-	-	0,28	1,55	1,83	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,15	-																
	8,66																11,69	1,69	7,23	-	-	2,77	15,28	18,06	9,09	30,31	30,31	-	-	0,87	-		
20		1,26	0,39	0,95	-	-	0,36	1,98	2,34	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,05	-																
	8,66																8,92	5,50	16,58	2,81	1,86	4,20	8,75	12,99	13,64	45,47	-	15,16	-	-	0,22		
TD8		0,80	0,88	2,88	0,65	0,43	0,61	0,04	0,66	2,10	7,00	-	-	-	-	-	-																
	5,91																6,18	9,93	18,53	3,78	2,51	4,79	0,35	5,17	12,41	41,87	-	-	-	-	-	-	
H4		1,29	2,48	3,39	0,63	0,42	1,01	0,08	1,09	2,10	7,00	-	-	-	-	-	-																
	7,19																9,56	15,53	24,88	4,53	3,02	5,79	2,23	8,02	15,10	50,33	-	-	-	-	-	-	
P8		1,37	1,84	3,53	0,63	0,42	0,60	0,54	1,14	2,10	7,00	-	-	-	-	-	-																
	13,11																16,98	14,09	46,34	8,26	5,51	8,65	4,00	12,65	27,53	91,77	-	-	-	-	-	-	
TC8		1,22	0,31	3,54	0,63	0,42	0,72	0,07	0,79	2,10	7,00	-	-	-	-	-	-																
	10,58																8,89	5,61	32,96	6,67	4,44	8,09	1,43	9,52	22,22	74,06	-	-	-	-	-	-	
TD9		0,46	0,75	2,69	0,63	0,42	0,81	0,20	1,01	2,10	7,00	-	-	-	-	-	-																
	6,42																5,78	2,41	10,82	2,02	1,35	4,14	3,60	7,74	10,11	33,71	-	11,24	-	-	0,19	-	
P9		1,34	-	0,68	-	-	0,48	0,92	1,40	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,06	-																
	6,42																8,96	-	4,94	-	-	3,56	8,12	11,68	6,74	22,47	-	22,47	-	-	0,90	-	
TC9		1,45	-	0,86	-	-	0,63	1,61	2,24	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,22	-																
	9,33																12,27	-	9,75	-	-	5,92	8,35	14,27	9,66	32,19	-	33,12	-	-	2,57	-	
TD10		1,18	-	1,23	-	-	0,64	0,18	0,82	1,02	3,40	-	3,60	-	-	0,33	-																
	9,76																12,88	-	9,56	-	-	5,22	10,88	16,10	9,66	32,21	-	36,11	-	-	4,78	-	
P10		1,46	-	0,73	-	-	0,43	2,05	2,48	0,96	3,20	-	3,80	-	-	0,65	-																
	9,76																14,25	-	5,95	-	-	3,76	19,96	23,77	9,81	32,70	-	35,62	-	-	5,32	-	
TC10		1,46	-	0,49	-	-	0,34	2,04	2,39	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,44	-																
	7,21																10,38	-	3,79	-	-	2,42	12,62	15,07	7,57	25,24	-	25,24	-	-	2,88	-	
21		1,42	-	0,56	-	-	0,33	1,46	1,79	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,36	-																
	11,02																15,81	-	7,22	-	-	3,69	15,98	19,67	11,57	38,57	-	38,57	-	-	3,86	-	
22		1,45	-	0,75	-	-	0,34	1,44	1,78	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,34	-																
	8,22																12,82	-	4,81	-	-	1,64	17,34	18,99	8,63	28,77	-	28,77	-	-	2,75	-	
22a		1,67	-	0,42	-	-	0,06	2,78	2,84	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,33	-																
	0,98																1,55	-	0,40	-	-	0,15	2,33	2,48	1,03	3,43	-	3,43	-	-	0,34	-	
H5		1,49	-	0,39	-	-	0,25	1,98	2,23	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,36	-																
	1,91																2,84	-	0,78	-	-	0,48	3,75	4,23	2,01	6,69	-	6,69	-	-	0,61	-	
TD11		1,48	-	0,43	-	-	0,25	1,95	2,20	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,28	-																
	10,97																16,13	-	5,92	-	-	2,58	20,35	22,87	11,52	38,40	-	38,40	-	-	3,46	-	
P11		1,46	-	0,65	-	-	0,22	1,76	1,97	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,35	-																
	10,97																15,91	-	9,32	-	-	3,07	17,06	20,13	11,52	38,40	-	38,40	-	-	3,18	-	
TC11		1,44	-	1,05	-	-	0,34	1,35	1,70	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,23	-																
	7,54																11,39	-	6,56	-	-	1,51	12,03	13,57	8,03	26,77	-	26,01	-	-	1,51	-	
23		1,58	-	0,69	-	-	0,06	1,84	1,90	1,08	3,60	-</																					

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG TUYẾN NHÁNH 1
CÔNG TRÌNH: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHÁN

Tên cọc	Kc.lẽ	Diện tích																Khối lượng															
		Vết hữu cơ	Đào nền	Đào khuôn	Đào mặt BTXM cũ	Đào móng cấp phối đường cũ	Đào hố móng	Đắp trả hố móng	Đắp nền K95	Đắp nền K98	Chiều dài khuôn KC1	Chiều dài khuôn KC2	Chiều dài khuôn KC3	Chiều dài khuôn KC4	Bù vênh KC2	Bù vênh KC3	Bù vênh KC4	Vết hữu cơ	Đào nền	Đào khuôn	Đào mặt BTXM cũ	Đào móng cấp phối đường cũ	Đào hố móng	Đắp trả hố móng	Đắp nền K95	Đắp nền K98	Chiều dài khuôn KC1	Chiều dài khuôn KC2	Chiều dài khuôn KC3	Chiều dài khuôn KC4	Bù vênh KC2	Bù vênh KC3	Bù vênh KC4
	12,96																	20,67	-	7,32	-	-	0,91	25,66	26,57	13,80	46,01	-	44,71	-	-	3,05	-
24		1,61	-	0,44	-	-	0,08	2,12	2,20	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,30	-																
	11,39																	18,62	-	4,90	-	-	0,57	26,20	26,77	11,96	39,87	-	39,87	-	-	3,02	-
D12		1,66	-	0,42	-	-	0,02	2,48	2,50	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,23	-																
	13,27																	19,44	-	8,43	-	-	3,38	19,31	22,63	13,93	46,45	-	46,45	-	-	4,71	-
25		1,27	-	0,85	-	-	0,49	0,43	0,91	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,48	-																
	15																	18,45	-	12,53	-	-	7,58	4,80	12,23	15,75	52,50	-	52,50	-	-	8,33	-
26		1,19	-	0,82	-	-	0,52	0,21	0,72	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,63	-																
	15,98																	18,94	-	13,10	-	-	7,83	3,36	11,11	16,78	55,93	-	55,93	-	-	10,23	-
H6=27		1,18	-	0,82	-	-	0,46	0,21	0,67	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,65	-																
	14,02																	17,45	-	10,80	-	-	5,47	6,03	11,50	14,72	49,07	-	49,07	-	-	7,43	-
28		1,31	-	0,72	-	-	0,32	0,65	0,97	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,41	-																
	8,1																	10,45	-	5,67	-	-	2,92	4,41	7,29	8,51	28,35	-	28,35	-	-	3,48	-
TD13		1,27	-	0,68	-	-	0,40	0,44	0,83	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,45	-																
	12,1																	15,61	-	11,98	-	-	4,48	5,93	10,35	12,71	42,35	-	42,35	-	-	3,15	-
P13		1,31	-	1,30	-	-	0,34	0,54	0,88	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,07	-																
	12,1																	12,58	-	15,25	-	-	2,90	3,63	6,53	11,13	37,21	-	37,21	-	-	1,88	-
TC13		0,77	-	1,22	-	-	0,14	0,06	0,20	0,79	2,65	-	4,35	-	-	0,24	-																
	5,25																	3,44	-	4,86	-	-	0,60	0,34	0,95	3,49	11,68	-	11,68	-	-	1,50	-
TD14		0,54	-	0,63	-	-	0,09	0,07	0,16	0,54	1,80	-	5,20	-	-	0,33	-																
	7,71																	2,08	-	8,56	-	-	0,35	0,27	0,62	5,86	19,58	-	19,58	-	-	2,93	-
P14		-	-	1,59	-	-	-	-	-	0,98	3,28	-	3,72	-	-	0,43	-																
	7,71																	-	-	12,76	-	-	-	-	-	7,83	26,14	-	26,14	-	-	2,58	-
TC14		-	-	1,72	-	-	-	-	-	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,24	-																
	10,98																	-	-	20,92	-	-	-	-	-	11,53	38,43	14,22	24,21	-	1,15	1,32	-
29		-	-	2,09	-	-	-	-	-	1,05	3,50	2,59	0,91	-	0,21	-	-																
	9,07																																
CT		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NHÀ TẮNG ĐỒNG A																			
																		875,11	69,63	591,50	28,07	18,69	261,56	893,77	1134,69	740,41	2.469,01	35,19	2.177,45	19,80	1,29	228,83	0,33

THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:



CÔNG TRÌNH: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN

3,00	2,00	7,75	2,62	27,15	14,9
-	-	2,98	1,45	19,50	5,2
-	-	3,43	3,40	38,50	10,5
-	-	1,58	4,50	50,25	15,7
-	-	4,73	2,93	51,38	15,7
-	-	1,63	0,65	12,40	2,9

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG TUYẾN NHÁNH 2
CÔNG TRÌNH: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHÁN

Tên cọc	Kc.lê	Diện tích																Khối lượng															
		Vết hữu cơ	Đào nền	Đào khuôn	Đào mặt BTXM cũ	Đào móng cấp phối đường cũ	Đào hố móng	Đắp trả hố móng	Đắp nền K95	Đắp nền K98	Chiều dài khuôn KC1	Chiều dài khuôn KC2	Chiều dài khuôn KC3	Chiều dài khuôn KC4	Bù vênh KC2	Bù vênh KC3	Bù vênh KC4	Vết hữu cơ	Đào nền	Đào khuôn	Đào mặt BTXM cũ	Đào móng cấp phối đường cũ	Đào hố móng	Đắp trả hố móng	Đắp nền K95	Đắp nền K98	Chiều dài khuôn KC1	Chiều dài khuôn KC2	Chiều dài khuôn KC3	Chiều dài khuôn KC4	Bù vênh KC2	Bù vênh KC3	Bù vênh KC4
	13,26																	25,13	0,07	13,86	-	-	37,53	14,78	21,48	13,92	46,41	-	46,41	-	-	4,91	-
16		2,19	0,01	1,18	-	-	2,57	0,93	2,34	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,48	-																
	5																	9,00	0,03	5,93	-	-	12,98	4,70	11,65	5,25	17,50	-	17,50	-	-	2,33	-
17		1,41	-	1,19	-	-	2,62	0,95	2,32	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,45	-																
	15																	20,70	1,05	18,00	-	-	50,85	20,55	21,45	15,75	52,50	-	52,50	-	-	5,18	-
18		1,35	0,14	1,21	-	-	4,16	1,79	0,54	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,24	-																
	15																	25,50	5,40	18,23	-	-	50,63	21,15	16,73	15,75	52,50	-	52,50	-	-	4,35	-
19		2,05	0,58	1,22	-	-	2,59	1,03	1,69	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,34	-																
	15																	25,65	4,35	19,13	-	-	40,58	16,28	21,90	15,75	52,50	-	52,50	-	-	3,98	-
20		1,37	-	1,33	-	-	2,82	1,14	1,23	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,19	-																
	3,09																	4,22	0,02	4,13	-	-	8,62	3,46	3,85	3,24	10,82	-	10,82	-	-	0,56	-
TD5		1,36	0,01	1,34	-	-	2,76	1,10	1,26	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,17	-																
	7,54																	12,44	0,04	8,41	-	-	19,23	7,62	10,37	7,92	26,39	-	26,39	-	-	2,98	-
P5		1,94	-	0,89	-	-	2,34	0,92	1,49	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,62	-																
	7,54																	12,33	-	7,84	-	-	19,04	7,54	9,12	7,92	26,39	-	26,39	-	-	4,07	-
TC5		1,33	-	1,19	-	-	2,71	1,08	0,93	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,46	-																
	5,82																	8,50	-	4,10	-	-	7,92	3,14	11,55	5,97	19,93	-	20,81	-	-	3,38	-
21		1,59	-	0,22	-	-	0,01	-	3,04	1,00	3,35	-	3,65	-	-	0,70	-																
	6,01																	9,89	-	1,26	-	-	5,29	1,80	15,06	6,10	20,43	-	21,64	-	-	4,15	-
22		1,70	-	0,20	-	-	1,75	0,60	1,97	1,03	3,45	-	3,55	-	-	0,68	-																
	5,49																	8,29	-	0,96	-	-	8,73	3,35	11,58	5,63	18,80	-	19,63	-	-	3,24	-
23		1,32	-	0,15	-	-	1,43	0,62	2,25	1,02	3,40	-	3,60	-	-	0,50	-																
	6,06																	8,03	-	1,00	-	-	8,79	3,85	13,42	6,18	20,60	-	21,82	-	-	2,58	-
TD6		1,33	-	0,18	-	-	1,47	0,65	2,18	1,02	3,40	-	3,60	-	-	0,35	-																
	8,45																	14,11	-	2,07	-	-	12,2	5,4	20,1	8,75	29,15	-	30,00	-	-	1,90	-
H4		2,01	-	0,31	-	-	1,42	0,63	2,58	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,10	-																
	9,98																	19,46	-	2,79	-	-	14,3	6,59	25,90	10,48	34,93	-	34,93	-	-	1,65	-
P6		1,89	-	0,25	-	-	1,46	0,69	2,61	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,23	-																
	18,43																	36,68	-	4,15	-	-	25,34	11,52	46,63	19,35	64,51	-	64,51	-	-	6,73	-
TC6		2,09	-	0,20	-	-	1,29	0,56	2,45	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,50	-																
	11,59																	24,17	-	2,14	-	-	13,68	5,85	29,61	12,17	40,57	-	40,57	-	-	6,08	-
24		2,08	-	0,17	-	-	1,07	0,45	2,66	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,55	-																
	3,01																	5,19	-	0,60	-	-	3,21	1,34	7,37	3,16	10,54	-	10,54	-	-	1,58	-
TD7		1,37	-	0,23	-	-	1,06	0,44	2,24	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,50	-																
	7,35																	8,05	-	1,36	-	-	4,96	1,87	14,41	6,73	22,42	-	27,27	1,76	-	4,23	0,04
P7		0,82	-	0,14	-	-	0,29	0,07	1,68	0,78	2,60	-	3,92	0,48	-	0,65	0,01																
	2,65																	2,23	-	0,68	-	-	2,50	1,17	5,96	2,35	7,82	-	10,10	0,64	-	1,63	0,01
25		0,86	-	0,37	-	-	1,60	0,81	2,82	0,99	3,30	-	3,70	-	-	0,58	-																
	4,7																	7,26	-	1,50	-	-	8,25	4,28	12,01	4,79	15,98	-	16,92	-	-	2,49	-
TC7		2,23	-	0,27	-	-	1,91	1,01	2,29	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,48	-																
	2,55																	5,70	-	0,82	-	-	5,19	2,91	5,55	2,68	8,93	-	8,93	-	-	0,97	-
26		2,24	-	0,37	-	-	2,16	1,27	2,06	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,28	-																
	5,71																	9,68	-	5,02	-	-	9,62	5,74	8,79	6,00	19,99	-	19,99	-	-	0,83	-
27		1,15	-	1,39	-	-	1,21	0,74	1,02	1,05	3,50	-	3,50	-	-	0,01	-																
	3,63																	2,09	-	2,52	-	-	2,20	1,34	1,85	1,91	6,35	11,16	6,35	-	-	0,02	-
CT		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,15	-	-	-	-	-																
		TỔNG CỘNG																723,94	70,64	571,22	51,37	34,26	930,72	337,27	776,64	575,60	1.919,10	24,38	1.314,70	73,90	1,47	113,66	3,37

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TANG ĐÔNG A
THẨM TRA
 Theo Văn bản số/.....
 Ngày tháng năm 20.....
 Ký tên:

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TANG ĐÔNG A
THẨM TRA
 Theo Văn bản số/.....
 Ngày tháng năm 20.....
 Ký tên:

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG TƯỜNG CHẠY BÊ TÔNG XI MĂNG - NHẢNH 1

CÔNG TRÌNH: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VẠN HÒA XOM VŨ CHẠM

TỔNG CỘNG																
STT	Đoàn	Lý trình đầu	Lý trình cuối	Vị trí so với tuyến	Chiều dài	Chiều cao	Bê tông M200 thân tường chắn	Bê tông M200 móng tường chắn	Ván khuôn thân tường chắn	Ván khuôn móng tường chắn	Đã đầm đệm móng	Khe lún	Ông nhả PVC	Ghi chú	Người lập biên bản	
1	1P	Km0+119,95	Km0+146,95	Phải	1,00	13,50	10,80	54,54	27,00	2,16	m3	m	m2	4,50	14 ông nhả PVC	1
2	2P	Km0+146,95	Km0+185,63	Phải	1,50	41,40	23,00	140,30	46,00	4,60	m3	m	m2	12,60	23 ông nhả PVC	2
					73,00	54,90	33,80	194,84	73,00	6,76				23,80		
														17,10		

KHOI LÒNG IM DẠI TƯỜNG CHẠM

Chiều cao (H)	Bê tông M200	Bê tông M200 móng chân	Ván khuôn thân tường chân	Ván khuôn móng tường chân	Hà khuân đệm móng tường	ông nhựa PVC D100mm	Khe lún gỗ dày nửa đường
m	m ³	m ³	m ²	m ²	m ³	m	m ²
1	0,50	0,40	2,02	1,00	0,08	0,55	0,90
1,2	0,66	0,45	2,44	1,00	0,09	0,61	1,11
1,5	0,90	0,50	3,05	1,00	0,10	0,70	1,40
2	1,45	1,32	4,10	1,60	0,11	0,95	2,77
3,5	3,85	2,40	7,27	2,00	0,24	1,62	6,25

Ký tên:

Ngày.....tháng.....năm 20....

...../.....: Theo Văn Ban So: 123456789



BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG TƯỜNG CHẮN BÊ TÔNG XI MẮNG - NHÁNH 2
CÔNG TRÌNH: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN

STT	Đoạn	Lý trình đầu	Lý trình cuối	Vị trí so với tuyến	Chiều dài	Chiều cao	Bê tông M200 thân tường chắn	Bê tông M200 móng tường chắn	Ván khuôn thân tường chắn	Ván khuôn móng tường chắn	Đá dăm đệm móng tường	ống nhựa PVC D100mm	Khe lún giấy dầu nhựa đường	Ghi chú
					m	m	m ³	m ³	m ²	m ²	m ³	m	m ²	
1	4P	Km0+294,65	Km0+332,86	Phải	38,00	1,50	34,20	19,00	115,90	38,00	3,80	13,300	11,20	19 ống nhựa PVC
2	5P	Km0+341,07	Km0+384,48	Phải	44,00	1,20	29,04	19,80	107,36	44,00	3,96	13,420	9,99	22 ống nhựa PVC
3	6P	Km0+390,12	Km0+458,86	Phải	72,00	1,20	47,52	32,40	175,68	72,00	6,48	21,960	15,54	36 ống nhựa PVC
4	7P	Km0+463,02	Km0+481,49	Phải	23,00	1,20	15,18	10,35	56,12	23,00	2,07	7,320	5,55	12 ống nhựa PVC
5	1T	Km0+215,54	Km0+229,43	Trái	14,00	2,00	20,30	18,48	57,40	22,40	1,47	6,510	8,31	7 ống nhựa PVC
6	2T	Km0+229,43	Km0+242,42	Trái	14,00	3,50	53,90	33,60	101,78	28,00	3,36	11,340	18,75	7 ống nhựa PVC
7	3T	Km0+463,17	Km0+484,01	Trái	18,00	1,00	9,00	7,20	36,36	18,00	1,44	4,950	3,60	9 ống nhựa PVC
TỔNG CỘNG					223,00		209,14	140,83	650,60	245,40	22,58	78,80	72,94	

KHỐI LƯỢNG 1M DÀI TƯỜNG CHẮN

Chiều cao (H)	Bê tông M200 thân tường chắn	Bê tông M200 móng tường chắn	Ván khuôn thân tường chắn	Ván khuôn móng tường chắn	Đá dăm đệm móng tường	ống nhựa PVC D100mm	Khe lún giấy dầu nhựa đường
m	m ³	m ³	m ²	m ²	m ³	m	m ²
1	0,50	0,40	2,02	1,00	0,08	0,55	0,90
1,2	0,66	0,45	2,44	1,00	0,09	0,61	1,11
1,5	0,90	0,50	3,05	1,00	0,10	0,70	1,40
2	1,45	1,32	4,10	1,60	0,11	0,93	2,77
3,5	3,85	2,40	7,27	2,00	0,24	1,62	6,25

BẢNG TÍNH CHIỀU CAO TRUNG BÌNH RÃNH B400 - NHÁNH 1
CÔNG TRÌNH: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHÁN

Tên cọc	K/C lỗ	Rãnh trái					Rãnh phải				
		H rãnh trái	Chiều cao xây gạch thân rãnh	Htb	Lđ (Chiều dài theo lý trình)	Htb*Lđ	H rãnh phải	Chiều cao xây gạch thân rãnh	Htb	Lđ (Chiều dài theo lý trình)	Htb*Lđ
		(m)	(m)				(m)	(m)			
KM0		-	-				-	-			
	1,71		-	-		-		-	-		-
1		-	-			-	-	-	-		-
	2,93		-	-		-		-	-		-
2		-	-			-	-	-	-		-
	9,34		-			-		-	-		-
3		0,47	0,37			-	0,47	0,37	-		-
	15,02		-	0,46	15,02	15,48		-	0,46	15,02	6,83
4		0,64	0,54			-	0,64	0,54	-		-
	15,02		-	0,52	15,02	15,54		-	0,52	15,02	7,81
D1		0,60	0,50			-	0,60	0,50	-		-
	8,54		-	0,61	8,54	9,15		-	0,61	8,54	5,17
TD1		0,81	0,71			-	0,81	0,71	-		-
	8,25		-	0,78	8,25	9,03		-	0,78	8,25	6,44
P1		0,95	0,85			-	0,95	0,85	-		-
	8,25		-	0,88	8,25	9,13		-	0,82	8,25	6,72
TC1		1,01	0,91			-	0,88	0,78	-		-
	9,7		-	0,93	9,70	10,63		-	0,72	9,70	6,94
5		1,04	0,94			-	0,75	0,65	-		-
	9,7		-	0,99	9,70	10,69		-	0,63	9,70	6,06
TD2		1,13	1,03			-		-	-		-
	6,94		-	1,09	6,94	8,03		-	0,59	6,94	4,06
P2		1,24	1,14			-	0,67	0,57	-		-
	4,6		-	1,14	4,60	5,74		-	0,58	4,60	2,65
H1		1,24	1,14			-	0,68	0,58	-		-
	2,34		-	1,14	2,34	3,48		-	0,59	2,34	1,37
TC2		1,24	1,14			-	0,69	0,59	-		-
	6,63		-	1,16	6,63	7,79		-	0,62	6,63	4,08
5A		1,27	1,17			-	0,74	0,64	-		-
	1,23		-	1,15	1,23	2,38		-	-		-
6		1,23	1,13			-	-	-	-		-
	8,81		-	1,01	8,81	9,82		-	-		-
7		0,99	0,89			-	-	-	-		-
	15		-	0,76	15,00	15,76		-	-		-
8		0,72	0,62			-	-	-	-		-
	15		-	0,58	15,00	15,58		-	-		-
9		0,64	0,54			-	-	-	-		-
	15		-	0,55	15,00	15,55		-	-		-
10		0,65	0,55			-	-	-	-		-
	9,37		-	0,55	9,37	9,92		-	-		-
11		0,65	0,55			-	-	-	-		-
	8,87		-	0,54	8,87	9,41		-	-		-
TD3		0,62	0,52			-	-	-	-		-
	9,53		-	0,49	9,53	10,02		-	-		-

PHÒNG KINH TẾ - XÃ ĐIỂM THUY
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số/.....
 ngày tháng năm 20..
 Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ SANG ĐÔNG Á
THẨM TRA
 Theo Văn bản số:/.....
 Ngày tháng năm 20..
 Ký tên:



Tên cọc	K/C lỗ	Rãnh trái					Rãnh phải				
		H rãnh trái	Chiều cao xây gạch thân rãnh	Htb	Lđ (Chiều dài theo lý trình)	Htb*Lđ	H rãnh phải	Chiều cao xây gạch thân rãnh	Htb	Lđ (Chiều dài theo lý trình)	Htb*Lđ
		(m)	(m)				(m)	(m)			
P3		0,56	0,46		-	-	0,89	0,79	-		-
	8,22		-	0,49	8,22	8,71		-	0,77	8,22	6,33
H2		0,61	0,51		-	-	0,85	0,75	-		-
	1,31		-	0,52	1,31	1,83		-	0,74	1,31	0,97
TC3		0,63	0,53		-	-	0,83	0,73	-		-
	13,44		-	0,55	13,44	13,99		-	0,66	13,44	8,80
12		0,67	0,57		-	-	0,68	0,58	-		-
	13,44		-	0,61	13,44	8,13		-	0,59	13,44	7,86
TD4		0,74	0,64		-	-	0,69	0,59	-		-
	7,48		-	0,68	7,48	5,09		-	0,60	7,48	4,45
P4		0,82	0,72		-	-	0,70	0,60	-		-
	7,48		-	0,69	7,48	5,12		-	0,61	7,48	4,53
TC4		0,75	0,65		-	-	0,71	0,61	-		-
	10,87		-	0,62	10,87	6,69		-	0,62	10,87	6,74
13		0,68	0,58		-	-	0,73	0,63	-		-
	8,66		-	0,64	8,66	5,54		-	0,72	8,66	6,24
14		0,80	0,70		-	-	0,91	0,81	-		-
	9,4		-	0,74	9,40	6,91		-	0,88	9,40	8,27
TD5		0,87	0,77		-	-	1,05	0,95	-		-
	8,26		-	0,81	8,26	6,65		-	0,98	8,26	8,05
P5		0,94	0,84		-	-	1,10	1,00	-		-
	8,26		-	0,92	8,26	7,60		-	0,98	8,26	8,05
TC5		1,10	1,00		-	-	1,05	0,95	-		-
	11,4		-	1,09	11,40	12,37		-	0,85	11,40	9,63
H3=15		1,27	1,17		-	-	0,84	0,74	-		-
	14,02		-	1,20	14,02	16,75		-	0,66	14,02	9,18
16		1,32	1,22		-	-	0,67	0,57	-		-
	15		-	1,20	15,00	17,93		-	0,60	15,00	9,00
17		1,27	1,17		-	-	0,73	0,63	-		-
	6,85		-	1,14	6,85	7,81		-	0,63	6,85	4,28
D6		1,21	1,11		-	-	0,72	0,62	-		-
	8,15		-	1,07	8,15	8,72		-	0,62	8,15	5,01
18		1,13	1,03		-	-	0,71	0,61	-		-
	8,17		-	0,99	8,17	8,09		-	0,60	8,17	4,90
19		1,05	0,95		-	-	0,69	0,59	-		-
	10,53		-	0,90	10,53	9,48		-	0,62	10,53	6,48
TD7		0,95	0,85		-	-	0,74	0,64	-		-
	7,02		-	0,82	7,02	5,72		-	0,67	7,02	4,70
P7		0,88	0,78		-	-	0,80	0,70	-		-
	7,02		-	0,75	7,02	5,27		-	0,66	7,02	4,63
TC7		0,82	0,72		-	-	0,72	0,62	-		-
	8,66		-	0,72	8,66	6,24		-	0,62	8,66	5,37
20		0,82	0,72		-	-	0,72	0,62	-		-
	8,66		-	0,76	8,66	6,54		-	0,63	8,66	5,46
TD8		0,89	0,79		-	-	0,74	0,64	-		-
	5,91		-	0,83	5,91	4,91		-	0,65	5,91	3,84

Tên cọc	K/C lỗ	Rãnh trái					Rãnh phải				
		H rãnh trái	Chiều cao xây gạch thân rãnh	Htb	Lỗ (Chiều dài theo lý trình)	Htb*Lỗ	H rãnh phải	Chiều cao xây gạch thân rãnh	Htb	Lỗ (Chiều dài theo lý trình)	Htb*Lỗ
		(m)	(m)				(m)	(m)			
H4		0,97	0,87		-	-	0,76	0,66	-		-
	7,19		-	0,87	7,19	6,26		-	0,67	7,19	4,82
P8		0,97	0,87		-	-	0,78	0,68	-		
	13,11		-	0,84	13,11	11,01		-	0,70	13,11	9,11
TC8		0,91	0,81		-	-	0,81	0,71	-		
	10,58		-	0,78	10,58	8,25		-	0,76	10,58	8,04
TD9		0,85	0,75		-	-	0,91	0,81	-		
	6,42		-	0,75	6,42	4,82		-	0,86	6,42	5,49
P9		0,85	0,75		-	-	1,00	0,90	-		
	6,42		-	0,75	6,42	4,82		-	0,87	6,42	5,59
TC9		0,85	0,75		-	-	0,94	0,84	-		
	9,33		-	0,80	9,33	7,46		-	0,82	9,33	7,65
TD10		0,95	0,85		-	-	0,90	0,80	-		
	9,76		-	0,90	9,76	8,74		-	0,80	9,76	7,76
P10		1,04	0,94		-	-	0,89	0,79	-		
	9,76		-	0,90	9,76	8,78		-	0,82	9,76	8,00
TC10		0,96	0,86		-	-	0,95	0,85	-		
	7,21		-	0,82	7,21	5,88		-	0,86	7,21	6,20
21		0,87	0,77		-	-	0,97	0,87	-		
	11,02		-	0,78	11,02	8,54		-	0,89	11,02	9,75
22		0,88	0,78		-	-	1,00	0,90	-		
	8,22		-	0,78	8,22	6,41		-	0,93	8,22	7,64
22a		0,88	0,78		-	-	1,06	0,96	-		
	0,98		-	0,78	0,98	0,76		-	0,96	0,98	0,94
H5		0,88	0,78		-	-	1,06	0,96	-		
	1,91		-	0,78	1,91	1,48		-	0,97	1,91	1,84
TD11		0,87	0,77		-	-	1,07	0,97	-		
	10,97		-	0,74	10,97	8,06		-	0,97	10,97	10,59
P11		0,80	0,70		-	-	1,06	0,96	-		
	10,97		-	0,69	10,97	7,51		-	0,90	10,97	9,82
TC11		0,77	0,67		-	-	0,93	0,83	-		
	7,54		-	0,67	7,54	5,01		-	0,79	7,54	5,96
23		0,76	0,66		-	-	0,85	0,75	-		
	12,96		-	0,69	12,96	8,88		-	0,77	12,96	9,91
24		0,81	0,71		-	-	0,88	0,78	-		
	11,39		-	0,75	11,39	8,54		-	0,81	11,39	9,23
D12		0,89	0,79		-	-	0,94	0,84	-		
	13,27		-	0,78	13,27	10,28		-	0,83	13,27	11,01
25		0,86	0,76		-	-	0,92	0,82	-		
	15		-	0,75	15,00	11,25		-	0,81	15,00	12,15
26		0,84	0,74		-	-	0,90	0,80	-		
	15,98		-	0,73	15,98	11,59		-	0,79	15,98	12,54
H6=27		0,81	0,71		-	-	0,87	0,77	-		
	14,02		-	0,70	14,02	9,74		-	0,76	14,02	10,66
28		0,78	0,68		-	-	0,85	0,75	-		
	8,1		-	0,70	8,10	5,63		-	0,74	8,10	5,95

Tên cọc	K/C lẻ	Rãnh trái					Rãnh phải				
		H rãnh trái	Chiều cao xây gạch thân rãnh	Htb	Lđ (Chiều dài theo lý trình)	Htb*Lđ	H rãnh phải	Chiều cao xây gạch thân rãnh	Htb	Lđ (Chiều dài theo lý trình)	Htb*Lđ
		(m)	(m)				(m)	(m)			
TD13		0,81	0,71		-	-	0,82	0,72	-		-
	12,1		-	0,69	12,10	8,35		-	0,66	12,10	7,99
P13		0,77	0,67			-	0,70	0,60	-		-
	12,1		-			-		-	0,51	12,10	6,17
TC13		-	-			-	0,52	0,42	-		-
	5,25		-	-		-		-	0,41	5,25	2,13
TD14		-	-			-	0,49	0,39	-		-
	7,71		-	-		-		-			-
P14		-	-			-	-	-	-		-
	7,71		-	-		-		-	-		-
TC14		-	-			-	-	-	-		-
	10,98		-	-		-		-	-		-
29		-	-			-	-	-	-		-
	9,07		-	-		-		-	-		-
CT		-	-			-	-	-	-		-
Tổng					620,22	557,20				554,76	397,84

+ Chiều cao trung bình xây rãnh trái tuyến (Htb*Lđ/Lđ):

0,90 m m

* Tổng hợp chiều cao xây rãnh trung bình toàn tuyến

- Chiều cao trung bình xây gạch thân rãnh toàn tuyến:

0,81 m m

+ Chiều cao trung bình xây rãnh phải tuyến (Htb*Lđ/Lđ):

0,72 m

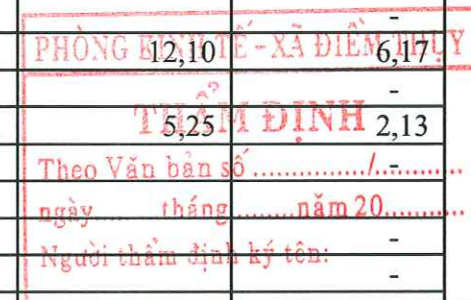
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔNG Á

THẨM TRA

Theo Văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:



BẢNG TỔNG HỢP CHIỀU CAO TRUNG BÌNH RÃNH B400 - NHÁNH 2
CÔNG TRÌNH: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHÁN

Tên cọc	K/C lỗ	Rãnh trái					Rãnh phải				
		H rãnh trái	Chiều cao xây gạch thân rãnh	Htb	Lđ (Chiều dài theo lý trình)	Htb*Lđ	H rãnh phải	Chiều cao xây gạch thân rãnh	Htb	Lđ (Chiều dài theo lý trình)	Htb*Lđ
		(m)	(m)				(m)	(m)			
KM0		-	-				-	-			
	7,9		-			-		-			
1		0,67	0,57	-	-	-	0,65	0,55	-	-	-
	6,69		-	0,59	6,69	3,91		-	0,56	6,69	3,75
2		0,70	0,60	-	-	-	0,67	0,57	-	-	-
	10,16		-	0,63	10,16	6,35		-	0,59	10,16	5,99
3		0,75	0,65	-	-	-	0,71	0,61	-	-	-
	11,7		-	0,68	11,70	7,90		-	0,68	11,70	7,90
TD1		0,80	0,70	-	-	-	0,84	0,74	-	-	-
	10,15		-	0,81	10,15	10,96		-	0,70	10,15	7,11
P1		1,02	0,92	-	-	-	0,76	0,66	-	-	-
	10,15		-	0,90	10,15	11,05		-	0,70	10,15	7,11
TC1		0,98	0,88	-	-	-	0,84	0,74	-	-	-
	7,78		-	0,86	7,78	8,64		-	0,76	7,78	5,87
4		0,94	0,84	-	-	-	0,87	0,77	-	-	-
	15		-	0,87	15,00	15,87		-	0,80	15,00	11,93
5		1,00	0,90	-	-	-	0,92	0,82	-	-	-
	15		-	0,94	15,00	15,94		0,85	-	15,00	12,75
6		1,07	0,97	-	-	-	0,98	0,88	-	-	-
	5,49		-	0,95	5,49	6,44		0,86	-	5,49	4,69
H1		1,02	0,92	-	-	-	0,93	0,83	-	-	-
	9,51		-	0,89	9,51	10,40		0,80	-	9,51	7,56
7		0,95	0,85	-	-	-	0,86	0,76	-	-	-
	5		-	0,84	5,00	5,84		-	0,75	5,00	3,73
8		0,93	0,83	-	-	-	0,83	0,73	-	-	-
	10		-	0,82	10,00	10,82		-	0,72	10,00	7,20
9		0,90	0,80	-	-	-	0,81	0,71	-	-	-
	15		-	0,82	15,00	15,82		-	0,72	15,00	10,80
10		0,93	0,83	-	-	-	0,83	0,73	-	-	-
	15		-	0,88	15,00	15,88		-	0,78	15,00	11,70
11		1,03	0,93	-	-	-	0,93	0,83	-	-	-
	2,77		-	0,95	2,77	3,72		-	0,86	2,77	2,37
12		1,06	0,96	-	-	-	0,98	0,88	-	-	-
	4,36		-	0,94	4,36	5,30		-	0,89	4,36	3,88
TD2		1,02	0,92	-	-	-	1,00	0,90	-	-	-
	16,73		-	0,87	16,73	17,60		-	0,90	16,73	15,06
P2		0,92	0,82	-	-	-	1,00	0,90	-	-	-
	16,73		-	0,80	16,73	17,53		-	0,86	16,73	14,39
TC2		0,88	0,78	-	-	-	0,92	0,82	-	-	-
	4,9		-	0,78	4,90	5,68		0,79	-	4,90	3,87
H2		0,87	0,77	-	-	-	0,86	0,76	-	-	-
	14,51		-	0,76	14,51	15,27		0,76	-	14,51	10,96
13		0,85	0,75	-	-	-	0,85	0,75	-	-	-
	13,59		-			-		-	0,75	13,59	10,12

PHÒNG KINH TẾ - XÃ ĐIỂM - THỦY
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số
 ngày.....tháng.....năm 20.....
 Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐỒNG Á
THẨM TRA
 Theo Văn bản số
 Ngày.....tháng.....năm 20.....
 Ký tên:

5531302586 - C.Đ.86
 CÔNG TY TNHH
 HẠNG CỤC ĐƯỜNG
 T. T. THÁI NGUYÊN

Tên cọc	K/C lẻ	Rãnh trái					Rãnh phải				
		H rãnh trái	Chiều cao xây gạch thân rãnh	Htb	Lđ (Chiều dài theo lý trình)	Htb*Lđ	H rãnh phải	Chiều cao xây gạch thân rãnh	Htb	Lđ (Chiều dài theo lý trình)	Htb*Lđ
		(m)	(m)				(m)	(m)			
TD3		-	-	-	-	-	0,84	0,74	-	-	-
	9,85		-	-		-		-	0,71	9,85	6,99
14		-	-	-	-	-	0,78	0,68	-	-	-
	10,8		-			-		-	0,68	10,80	7,29
P3		0,96	0,86	-	-	-	0,77	0,67	-	-	-
	10,76		-	0,87	10,76	9,31		-	0,68	10,76	7,26
15		0,97	0,87	-	-	-	0,78	0,68	-	-	-
	9,9		-	0,82	9,90	8,12		-	0,71	9,90	7,03
TC3		0,87	0,77	-	-	-	0,84	0,74	-	-	-
	12,69		-	0,76	12,69	9,64		-	0,74	12,69	9,33
TD4		0,85	0,75	-	-	-	0,83	0,73	-	-	-
	9,58		-	0,81	9,58	7,76		-	0,73	9,58	6,99
P4		0,97	0,87	-	-	-	0,83	0,73	-	-	-
	8,32		-	0,86	8,32	7,16		-	-	-	-
H3		0,95	0,85	-	-	-	-	-	-	-	-
	1,25		-	0,85	1,25	1,06		-	-	-	-
TC4		0,94	0,84	-	-	-	-	-	-	-	-
	13,26		-	0,83	13,26	11,01		-	-	-	-
16		0,92	0,82	-	-	-	-	-	-	-	-
	5		-	0,84	5,00	4,18		-	-	-	-
17		0,95	0,85	-	-	-	-	-	-	-	-
	15		-	0,88	15,00	13,20		-	-	-	-
18		1,01	0,91	-	-	-	-	-	-	-	-
	15		-	0,94	15,00	14,10		-	-	-	-
19		1,07	0,97	-	-	-	-	-	-	-	-
	15		-	0,96	15,00	14,33		-	-	-	-
20		1,04	0,94	-	-	-	-	-	-	-	-
	3,09		-	0,94	3,09	2,89		-	-	-	-
TD5		1,03	0,93	-	-	-	-	-	-	-	-
	7,54		-	0,92	7,54	6,90		-	-	-	-
P5		1,00	0,90	-	-	-	-	-	-	-	-
	7,54		-	0,89	7,54	6,71		-	-	-	-
TC5		0,98	0,88	-	-	-	-	-	-	-	-
	5,82		-	0,87	5,82	5,06		-	-	-	-
21		0,96	0,86	-	-	-	-	-	-	-	-
21		1,27	1,17	-	-	-	-	-	-	-	-
	6,01		-	1,13	6,01	6,76		-	-	-	-
22		1,18	1,08	-	-	-	-	-	-	-	-
	5,49		-	1,04	5,49	5,71		-	-	-	-
23		1,10	1,00	-	-	-	-	-	-	-	-
	6,06		-	0,99	6,06	6,00		-	-	-	-
TD6		1,08	0,98	-	-	-	-	-	-	-	-
	8,45		-	0,95	8,45	8,03		-	-	-	-
H4		1,02	0,92	-	-	-	-	-	-	-	-
	9,98		-	0,93	9,98	9,23		-	-	-	-
P6		1,03	0,93	-	-	-	-	-	-	-	-

Tên cọc	K/C lỗ	Rãnh trái					Rãnh phải				
		H rãnh trái	Chiều cao xây gạch thân rãnh	Htb	Lđ (Chiều dài theo lý trình)	Htb*Lđ	H rãnh phải	Chiều cao xây gạch thân rãnh	Htb	Lđ (Chiều dài theo lý trình)	Htb*Lđ
		(m)	(m)				(m)	(m)			
	18,43		-	0,88	18,43	16,13		-	-		-
TC6		0,92	0,82	-	-	-	-	-	-		-
	11,59		-	0,83	11,59	9,56		-	-		-
24		0,93	0,83	-	-	-	-	-	-		-
	3,01		-	0,82	3,01	2,45		-	-		-
TD7		0,90	0,80	-	-	-	-	-	-		-
	7,35		-	0,81	7,35	5,92		-	-		-
P7		0,91	0,81	-	-	-	-	-	-		-
	2,65		-			-		-	-		-
25		-	-	-	-	-	-	-	-		-
	4,7		-	-		-		-	-		-
TC7		-	-	-		-	-	-	-		-
	2,55		-	-		-		-	-		-
26		-	-	-		-	-	-	-		-
	5,71		-	-		-		-	-		-
27		-	-	-		-	-	-	-		-
	3,63		-	-		-		-	-		-
CT		-	-	-	-	-	-	-	-		-
Tổng					422,75	402,08				283,80	213,62

+ Chiều cao trung bình xây rãnh trái tuyến (Htb*Lđ/Ltr):

* Tổng hợp chiều cao xây rãnh trung bình toàn tuyến

- Chiều cao trung bình xây gạch thân rãnh toàn tuyến:

0,95 m

0,87 m

+ Chiều cao trung bình xây rãnh phải tuyến (Htb*Lđ/Ltr):

0,75 m

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TANG ĐÔNG A
THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20....
Ký tên:



PHÒNG KINH TẾ - XÃ HỘI THUY
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số/.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên: -

BẢNG TỔNG CHIỀU DÀI RÃNH XÂY B400

CÔNG TRÌNH: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN

STT	Đoạn rãnh	Lý trình đầu	Lý trình cuối	Chiều dài rãnh	Vị trí
				(m)	
I. CHIỀU DÀI RÃNH B400 NHÁNH 1					
1	1P	Km0+014,00	Km0+109,27	95,00	Phải
2	2P	Km0+186,44	Km0+651,56	463,00	Phải
4	1T	Km0+014,00	Km0+634,70	622,00	Trái
5		Km0+093,99	Km0+093,99	1,00	Trái (Đầu nối MTL)
Tổng chiều dài (m)				1.181,00	
Tổng chiều dài rãnh xây B400 (m)				1.181,00	
I. CHIỀU DÀI RÃNH B400 NHÁNH 2					
1	4P	Km0+008,19	Km0+293,75	282,00	Phải
2	2T	Km0+007,90	Km0+214,43	207,00	Trái
3	3T	Km0+245,22	Km0+462,86	219,00	Trái
Tổng chiều dài (m)				708,00	
Giảm trừ hố ga cống tròn D750 vị trí cọc 12 Km0+157,28				3,00	
Tổng chiều dài rãnh xây B40 (m)				705,00	

PHÒNG HÌNH TẾ - XÃ ĐIỂM THỤY

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số/.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔNG Á

THẨM TRA

Theo Văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:



BẢNG THÔNG KÊ PHẠ DỜ HÀNG RÀO

CÔNG TRÌNH: NANG CÁP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XOM VU CHAN

Số	Vị trí	Lý Trình				Hiện trạng	Đề xuất giải pháp
		Tuyến 1	Tuyến 2	Tổng	884,25		
TT	cọc	Dài (m)	Rộng (m)	Cao (m)	Khối lượng (m3)		
1	Cọc P3 Km0+013.98	Cọc TD2 Km0+88.46	74,58	0,15	1,8	Bên trái	Hoàn trả tường xây
2	Cọc P3 Km0+013.98	Cọc P2 Km0+95.40	81,52	0,15	1,8	Bên phải	Hoàn trả tường xây
3	Cọc TD3 Km0+182.25	Cọc TC3 Km0+201.31	19,05	0,15	1,8	Bên trái	Hoàn trả tường xây
4	Cọc TD3 Km0+182.25	Cọc Km0+212.05	29,8	0,15	1,8	Bên phải	Hoàn trả tường xây
5	Cọc Km0+320.00	Cọc Km0+344.02	24	0,15	1,8	Bên trái	Hoàn trả tường xây
6	Cọc P5 Km0+280.33	Cọc Km0+338.00	57,67	0,15	1,8	Bên phải	Hoàn trả tường xây
7	Cọc TC8 Km0+420.30	Cọc Km0+430.88	10,58	0,15	1,8	Bên trái	Hoàn trả tường xây
8	Cọc TC8 Km0+420.30	Cọc Km0+485.30	65	0,15	1,8	Bên phải	Hoàn trả tường xây
9	Cọc P11 Km0+512.88	Cọc Km0+520.00	7,12	0,15	1,8	Bên trái	Hoàn trả tường xây
10	Cọc Km0+565.00	Cọc Km0+600.00	35	0,15	1,8	Bên trái	Hoàn trả tường xây
11	Cọc Km0+565.00	Cọc Km0+651.58	86,58	0,15	1,8	Bên phải	Hoàn trả tường xây
12	Cọc Km0+651.58	Cọc Km0+680.00	28,42	0,22	2,8	Bên trái	Hoàn trả tường xây
13	Cọc Km0+659.29	Cọc Km0+687.05	27,76	0,22	2,8	Bên phải	Hoàn trả tường xây
Tuyến 2							
1	Cọc 1 Km0+7.90	Cọc Km0+70.00	62,1	0,15	1,8	Bên trái	Hoàn trả tường xây
2	Cọc 1 Km0+7.90	Cọc Km0+64.51	56,61	0,15	1,8	Bên phải	Hoàn trả tường xây
3	Cọc P17 Km0+178.37	Cọc Km0+200.00	21,63	0,15	1,8	Bên trái	Hoàn trả tường xây
4	Cọc 1 Km0+183.37	Cọc Km0+195.10	11,73	0,15	1,8	Bên phải	Hoàn trả Rào cửa sắt
5	Cọc Km0+255.00	Cọc Km0+355.00	100	0,15	1,8	Bên trái	Hoàn trả tường xây
6	Cọc Km0+200.00	Cọc Km0+285.10	85,1	0,15	1,8	Bên phải	Hoàn trả tường xây
Tổng							
							258,19

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TANG ĐỘNG A
THẨM TRA
Theo Văn bản số:
Ngày: tháng năm 20.....
Ký tên:



PHẦN 1: THIẾT KẾ
M. 1.1. THIẾT KẾ
M. 1.2. THIẾT KẾ
M. 1.3. THIẾT KẾ
M. 1.4. THIẾT KẾ
M. 1.5. THIẾT KẾ
M. 1.6. THIẾT KẾ
M. 1.7. THIẾT KẾ
M. 1.8. THIẾT KẾ
M. 1.9. THIẾT KẾ
M. 1.10. THIẾT KẾ
M. 1.11. THIẾT KẾ
M. 1.12. THIẾT KẾ
M. 1.13. THIẾT KẾ
M. 1.14. THIẾT KẾ
M. 1.15. THIẾT KẾ
M. 1.16. THIẾT KẾ
M. 1.17. THIẾT KẾ
M. 1.18. THIẾT KẾ
M. 1.19. THIẾT KẾ
M. 1.20. THIẾT KẾ

CÔNG TRÌNH: NANG CÁP, CÀI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XOM VU CHAN

THÔNG KÊ KHỐI LƯỢNG PHẠ DỠ BÊ TÔNG HAI BÊN LỀ ĐƯỜNG

Số	Vị trí	Kích thước			Hiện trạng	Đề xuất giải pháp
TT	cọc	Dài (m)	Rộng (m)	Cao (m)		
Nhánh 1						
1	Km0+000	Km0+100,00	6	3	0,15	Lề đường + đường vào nhà
	Km0+000	Km0+100,00	6	3	0,15	Lề đường + đường vào nhà
	Km0+100	Km0+200,00	4	3	0,15	Lề đường + đường vào nhà
2	Km0+100	Km0+200,00	10	3	0,15	Lề đường + đường vào nhà
	Km0+200	Km0+300,00				Lề đất
	Km0+200	Km0+300,00	7	3	0,15	Lề đường + đường vào nhà
3	Km0+200	Km0+300,00				Lề đất
	Km0+300	Km0+400,00				Lề đất
	Km0+300	Km0+400,00				Lề đất
4	Km0+300	Km0+400,00				Lề đất
	Km0+400	Km0+500,00	6	3	0,15	Lề đường + đường vào nhà
	Km0+400	Km0+500,00	6	3	0,15	Lề đường + đường vào nhà
5	Km0+400	Km0+500,00	6	3	0,15	Lề đường + đường vào nhà
	Km0+500	Km0+600,00	6	3	0,15	Lề đường + đường vào nhà
	Km0+500	Km0+600,00	12	3	0,15	Lề đường + đường vào nhà
6	Km0+500	Km0+600,00	12	3	0,15	Lề đường + đường vào nhà
	Km0+600	Km0+700,00	6	3	0,15	Lề đường + đường vào nhà
	Km0+600	Km0+700,00	12	3	0,15	Lề đường + đường vào nhà
7	Km0+600	Km0+700,00	20	3	0,15	Lề đường + đường vào nhà
	Km0+600	Km0+800,00	6	3	0,15	Lề đường + đường vào nhà
	Km0+600	Km0+800,00	6	3	0,15	Lề đường + đường vào nhà
Nhánh 2						
1	Km0+000	Km0+100,00	6	3	0,15	Lề đường + đường vào nhà
	Km0+000	Km0+100,00	6	3	0,15	Lề đường + đường vào nhà
	Km0+100	Km0+200,00	4	3	0,15	Lề đường + đường vào nhà
2	Km0+100	Km0+200,00	20	3	0,15	Lề đường + đường vào nhà
	Km0+200	Km0+300,00	6	3	0,15	Lề đường + đường vào nhà
	Km0+200	Km0+300,00	6	3	0,15	Lề đường + đường vào nhà
3	Km0+200	Km0+300,00	3	3	0,15	Lề đường + đường vào nhà
	Km0+300	Km0+400,00	6	3	0,15	Lề đường + đường vào nhà
	Km0+300	Km0+400,00	6	3	0,15	Lề đường + đường vào nhà
4	Km0+300	Km0+400,00	6	3	0,15	Lề đường + đường vào nhà
	Km0+400	Km0+500,00	20	3	0,15	Lề đường + đường vào nhà
	Km0+400	Km0+500,00	6	3	0,15	Lề đường + đường vào nhà
5	Km0+400	Km0+500,00	76,36	0,8	0,3	Lề đường + đường vào nhà
	Km0+400	Km0+400,00				Lề đất
	Km0+400	Km0+400,00				Lề đất
Tổng (m3)						
					89,43	



THAM TRA
Theo Văn bản số:
Ngày: tháng năm 20.....
Ry tên:

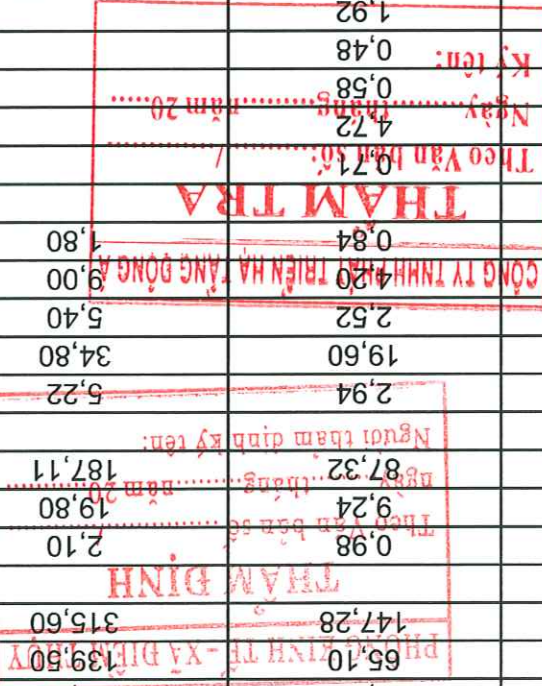
THAM DINH
Theo Văn bản số:
Ngày: tháng năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

PHÒNG KINH TẾ - XÃ HỘI THỦY

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CÔNG BÀN

CÔNG TRÌNH: NANG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XOM VU CHAN

STT	Hàng mục	Đơn vị	CỘC 5A KM00+108,97 -	CỘC 14 KM00+262,67 -	CỘC 22A KM00+499,02 -	CỘC KM0+462,62 -	Tổng khối lượng
1	Bê tông tấm bản M250# đã 1x2	m3	1,13	1,13	1,13	2,43	5,83
2	Ván khuôn	m2	4,79	4,79	4,79	10,26	24,62
3	Thép D<=10	kg	65,10	65,10	65,10	139,50	334,80
4	Thép 10<D<=18	kg	147,28	147,28	147,28	315,60	757,44
	Xà mũ						
1	Bê tông xà mũ công bê tông M200# đã 1x2	m3	0,98	0,98	0,98	2,10	5,04
2	Ván khuôn xà mũ	m2	9,24	9,24	9,24	19,80	47,52
3	Thép D<=10 xà mũ	kg	87,32	87,32	87,32	187,11	449,06
	Thần công						
1	Khối lượng thần công bê tông M200# đã 2x4	m3	2,14	2,44	2,94	5,22	12,74
2	Ván khuôn thần công	m2	14,28	16,24	19,60	34,80	84,92
3	Khối lượng móng thần công bê tông M250# đã 2x4	m3	2,52	2,52	2,52	5,40	12,96
4	Ván khuôn móng công	m2	4,20	4,20	4,20	9,00	21,60
5	Lớp đệm móng công	m3	0,84	0,84	0,84	1,80	4,32
	Tường cảnh						
2	Khối lượng thân tường cảnh hạ lưu bê tông M200# đã 2x4	m3	0,55		0,71	0,71	1,26
4	Ván khuôn thân tường cảnh hạ lưu	m2	3,68		4,72	4,72	8,40
6	Khối lượng sản công hạ lưu bê tông M200# đã 2x4	m3	0,48		0,58	0,58	1,06
8	Khối lượng chân khay hạ lưu bê tông M200# đã 2x4	m3		0,48	0,48	0,48	0,96
10	Ván khuôn chân khay hạ lưu	m2		1,92	1,92	1,92	3,84
12	Lớp đệm móng sản công hạ lưu	m3		1,68	1,93		3,61
	Tổng hợp đào đắp						
1	Đào hố móng đất cấp 3	m3	19,81	20,49	21,92	39,45	101,67
2	Đắp hố móng K95	m3	10,08	10,22	10,78	21,90	52,98
3	Phá dỡ kết cấu mặt đường bê tông cũ	m3	2,27	2,38	2,37	7,55	14,57
4	Cắt bê tông đường cũ	m	7,00	7,00	7,00	22,20	43,20
5	Móng cấp phối đá dăm loại 2 trong phạm vi hố móng	m3	0,63	1,29	0,91	4,55	7,38
6	Thế tích chiếm chỗ CPDD loại 1	m3	0,59	0,59	0,59	0,44	2,20
7	Thế tích chiếm chỗ CPDD loại 2	m3	0,84	0,84	0,84	0,62	3,14
8	Thế tích chiếm chỗ K98	m3	1,26	1,26	1,26	0,94	4,72



BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CÔNG TRÒN D750 - KM157,28 NHẠNH 2
 CÔNG TRÌNH: NANG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VẠN HÒA XOM VU CHAN

STT	Hàng mục	Biểu thức tính	Đơn vị	Khối lượng
1	Đốt công đường kính D75cm		10	10,00
2	Số mỗi nơi thân công		mỗi nơi	7,00
3	Cắt ống công D75		ống	1,00
4	Móng thân công - Đả dăm dẽm	$0.32 \times (7 + 0.17 + 0.17)$	m3	2,35
	Tường dầu			
1	Thân tường dầu bê tông M200# đã 2x4	$(1.55 \times 0.3 + 1.75 \times 0.42) / 2 \times 0.95 - 1 \times P1() \times 0.91 \sqrt{2} / 4 \times 0.37 + (1.55 \times 0.3 + 1.75 \times 0.42) / 2 \times 0.95 - 1 \times P1() \times 0.91 \sqrt{2} / 4 \times 0.37$	m3	0,66
2	Ván khuôn thân tường dầu	$2 \times (0.3 + 0.42) \times 0.96 / 2 + 2 \times (1.55 + 1.75) \times 0.96 / 2 - 2 \times 1 \times P1() \times 0.91 \sqrt{2} / 4 + 2 \times (1.55 + 1.75) \times 0.96 / 2 - 2 \times 1 \times P1() \times 0.91 \sqrt{2} / 4$	m2	5,12
3	Móng tường dầu bê tông M200# đã 2x4	$0.4 \times 0.62 \times 2.07 + 0.4 \times 0.62 \times 2.07$	m3	1,02
4	Ván khuôn móng tường dầu	$2 \times (0.62 + 2.07) \times 0.4 + 2 \times (0.62 + 2.07) \times 0.4$	m2	4,30
5	Lót móng tường dầu - Đả dăm dẽm	$0.1 \times 0.62 \times 2.07 + 0.1 \times 0.62 \times 2.07$	m3	0,26
	Tường cảnh			
1	Thân tường cảnh bê tông M200# đã 2x4	$2 \times ((0.4 + 0.5) \times 0.8 / 2 + (0.4 + 0.43) \times 0.2 / 2) / 2 \times 0.9 + 2 \times (0.4 + 0.5) \times 0.8 / 2 \times 0.1 + 2 \times ((0.4 + 0.5) \times 0.8 / 2 + (0.4 + 0.43) \times 0.2 / 2) / 2 \times 0.9 + 2 \times (0.4 + 0.5) \times 0.8 / 2 \times 0.1$	Theo Văn bản số: ngày.....tháng.....năm 2033 Người lập định kỳ tên: THẠM TRƯ	0,94
2	Ván khuôn thân tường cảnh	$4 \times (0.8 + 0.2) \times 0.91 / 2 + 2 \times (0.4 + 0.42) \times 0.2 / 2 + 4 \times 0.1 \times 0.8 + 4 \times (0.8 + 0.2) \times 0.91 / 2 + 2 \times (0.4 + 0.42) \times 0.2 / 2 + 4 \times 0.1 \times 0.8$	m2	4,60
3	Móng tường cảnh bê tông M200# đã 2x4	$(0.66 + 0.63) \times 0.4 / 2 \times 0.4 + 0.66 \times 0.1 \times 0.4 + (0.66 + 0.63) \times 0.4 / 2 \times 0.4 + 0.66 \times 0.1 \times 0.4$	m3	0,52
4	Ván khuôn móng tường cảnh	$4 \times 0.51 \times 0.4 + 4 \times 0.51 \times 0.4$	m2	1,64
5	Sân công chân khay tường cảnh bê tông M200# đã 2x4	$(0.75 + 0.89) / 2 \times 0.4 \times 0.3 + 0.75 \times 0.1 \times 0.3 + 0.5 \times 1 \times 2.24 + (0.75 + 0.89) / 2 \times 0.4 \times 0.3 + 0.75 \times 0.1 \times 0.3 + 0.5 \times 1 \times 2.24$	m3	2,48
6	Ván khuôn sân công chân khay tường cảnh	$2 \times 1 \times (2.24 + 0.5) + 2 \times 1 \times (2.24 + 0.5)$	m2	10,96
7	Lót móng tường cảnh - Đả dăm dẽm	$(2.07 + 2.14) / 2 \times 0.4 \times 0.1 + 0.5 \times 2.24 \times 0.1 + (2.07 + 2.14) / 2 \times 0.4 \times 0.1 + 0.5 \times 2.24 \times 0.1$	m3	0,40
	Hố ga			
1	Khối lượng thân hố ga bê tông M200# đã 2x4		m3	1,63
2	Ván khuôn thân hố ga		m2	17,39
3	Khối lượng móng hố ga bê tông M200# đã 2x4		m3	0,76
4	Ván khuôn móng hố ga		m2	2,24
5	Khối lượng cổ ga bê tông M200# đã 1x2		m3	0,46
6	Ván khuôn cổ ga		m2	6,34
7	Cốt thép đường kính D<=10 cổ ga		kg	18,50
8	Số tấm đan hố ga		tấm	4,00
9	Khối lượng đan hố ga bê tông M200# đã 1x2		m3	0,48
10	Ván khuôn đan hố ga		m2	2,40
11	Cốt thép D<=10 tấm đan hố ga		kg	1,84
12	Cốt thép 10<D<=18 tấm đan hố ga		kg	84,64
13	Thép góc bọc quanh đan hố ga		kg	133,46
14	Lót móng hố ga - Đả dăm dẽm		m3	0,44
	Đào đắp + Hoàn trả			
1	Đào hố móng		m3	28,87
2	Đắp hố móng		m3	12,23
3	Cắt đường bê tông		m	7,00
4	Đào đường BTXM cũ		m3	2,2806
5	Đắp CPD loại 2 trong phạm vi đào đường cũ		m3	2,247
6	Đắp K98 trong phạm vi đào đường cũ		m3	3,3705



THẠM TRƯ
 Theo Văn bản số:
 Ngày.....tháng.....năm 20.....
 Ký tên:

THẠM TRƯ
 Theo Văn bản số:
 Ngày.....tháng.....năm 2033
 Người lập định kỳ tên: **THẠM TRƯ**

CÔNG TRÌNH: NANG CÁP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XOM VU CHAN

THÔNG KÊ KHỐI LƯỢNG PHẠ DỠ BÊ TÔNG HAI BÊN LỀ ĐƯỜNG

Số	Vị trí	Lý Trình	Kích thước			Hiện trạng	Đề xuất giải pháp				
			Dài (m)	Rộng (m)	Cao						
TT	cọc				Bê tông						
1											
2											
3											
4											
5											
6											
7											
8											
Nhánh 2											
1											
2											
3											
4											
5											
6											
7											
8											
Nhánh 1											
1											
2											
3											
4											
5											
6											
7											
8											
Tổng (m3)											
89,43											
5											
4											
3											
2											
1											
Lề đất											
5											
4											
3											
2											
1											
Lề đất											
5											
4											
3											
2											
1											
Lề đất											
5											
4											
3											
2											
1											
Lề đất											
5											
4											
3											
2											
1											
Lề đất											
5											
4											
3											
2											
1											
Lề đất											
5											
4											
3											
2											
1											
Lề đất											
5											
4											
3											
2											
1											
Lề đất											
5											
4											
3											
2											
1											
Lề đất											
5											
4											
3											
2											
1											
Lề đất											
5											
4											
3											
2											
1											
Lề đất											
5											
4											
3											
2											
1											
Lề đất											
5											
4											
3											
2											
1											
Lề đất											
5											
4											
3											
2											
1											
Lề đất											
5											
4											
3											
2											
1											
Lề đất											
5											
4											
3											
2											
1											
Lề đất											
5											
4											
3											
2											
1											
Lề đất											
5											
4											
3											
2											
1											
Lề đất											
5											
4											
3											
											</



THẨM TRA
Theo Văn bản số:/.....
Ngày:tháng.....năm 20.....
Ký tên:

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:/.....
Ngày:tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

PHÒNG KINH TẾ - XÃ HỘI THỦY

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG VUỐT NỘI - NHẬN 1

CÔNG TRÌNH: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 BI NHÀ VĂN HÓA XOM VU CHAN

TT	TÊN NÚT	LÝ TRÌNH	BÊN	TỔNG DIỆN TÍCH MẶT ĐƯỜNG VUỐT NỘI	LÀM LỚP MŨNG CPBD LOẠI I DÂY TRUNG BÌNH 14CM	TUỔI NHỰA THÂM BẬM 1KG/M2	MẶT ĐƯỜNG BTN- C16 DÂY 7CM	GHI CHÚ
			TRÁI / PHẢI	m2	m3	m2	m2	
1	S1	Km0+000,00						
2	S2	Km0+111,43	Phải	16,57	2,32	16,57	16,57	Vuốt nội BTN
3	S3	Km0+281,36	Phải	10,00	1,40	10,00	10,00	Vuốt nội BTN
4	S4	Km0+298,17	Phải	15,00	2,10	15,00	15,00	Vuốt nội BTN
5	S5	Km0+319,44	Phải	10,48	1,47	10,48	10,48	Vuốt nội BTN
6	S6	Km0+340,23	Phải	15,00	2,10	15,00	15,00	Vuốt nội BTN
7	S7	Km0+437,31	Phải	18,23	2,55	18,23	18,23	Vuốt nội BTN
8	S8	Km0+520,57	Trái	10,00	1,40	10,00	10,00	Vuốt nội BTN
9	S9	Km0+591,43	Phải	33,10	4,63	33,10	33,10	Vuốt nội BTN
10	S10	Km0+646,34	Trái	87,75	12,29	87,75	87,75	Vuốt nội BTN
11	S11	Km0+653,53	Phải	15,04	2,11	15,04	15,04	Vuốt nội BTN
12	S12	Km0+686,30	Cuối tuyến	165,07	23,11	165,07	165,07	Vuốt nội BTN
		Tổng khối lượng vuốt nội		396,24	55,47	396,24	396,24	

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TÀNG ĐÔNG A
THẨM TRA
Theo Văn bản số:/.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

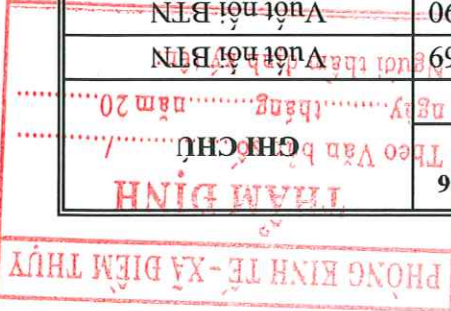


PHÒNG KINH TẾ - XÃ HỘI THỦY
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số/.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG VUỐT NỘI - NHẬN 2

CÔNG TRÌNH: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 BỊ NHÀ VĂN HÓA XOM VŨ CHẶN

TT	TÊN NÚT	LÝ TRÌNH	BÊN	TỔNG DIỆN TÍCH MẶT ĐƯỜNG VUỐT NỘI	LÀM LỚP MỎNG CPBD LOẠI I DÀY 14CM	TƯƠI NHƯA THÂM BẨM 1KG/M2	MẶT ĐƯỜNG BTN- C16 DÀY 7CM	Ngày.....tháng.....năm 20.....	Người thanh toán.....
			TRÁI / PHẢI	m2	m3	m2	m2		
1	S1	Km0+045,00	Trái	15,69	2,20	15,69	15,69		Vuốt nội BTN
2	S2	Km0+180,16	Phải	13,90	1,95	13,90	13,90		Vuốt nội BTN
3	S3	Km0+251,48	Trái	49,85	6,98	49,85	49,85		Vuốt nội BTN
4	S4	Km0+337,86	Phải	19,23	2,69	19,23	19,23		Vuốt nội BTN
5	S5	Km0+387,00	Phải	15,00	2,10	15,00	15,00		Vuốt nội BTN
6	S6	Km0+464,54	Phải	71,97	10,08	71,97	71,97		Vuốt nội BTN
Tổng khối lượng vuốt nội				185,64	25,99	185,64	185,64		



BẢNG THỐNG KÊ BIẾN BẢO

CÔNG TRÌNH: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XOM VŨ CHÂN

STT	Lý trình	Loại biển báo				Vị trí biển so với tìm tuyến
		W.207B	W.207C	W.208	W.245A	
		TG	TG	TG	TG	
1	Km0+039,95			1	Trái tuyến	
2	Km0+058,12			1	Trái tuyến	
3	Km0+608,88			1	Phải tuyến	
4	Km0+618,37		1		Phải tuyến	
	NHÀNH 2					
1	Km0+039,29			1	Trái tuyến	
2	Km0+221,17			1	Phải tuyến	
3	Km0+235,45		1		Phải tuyến	
	Km0+266,89	1			Trái tuyến	
4	Km0+274,47				Trái tuyến	
5	Km0+433,33				Phải tuyến	
6	Km0+444,37	1			Phải tuyến	
	Tổng cộng	2	2	1	6	

Tổng cộng:

+ Biện bảo tam giác

11 biến

Ký tên:

Thư Viện Bản Sở: /
Ngày.....tháng.....năm 20.....

	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐỒNG A	2	THẨM TRA
--	--	---	----------



Người thẩm định ký tên:

..... ngày tháng năm 20.....
..... Theo Văn bản số...../.....

HNIQ NY 100

HÔNG KINH TẾ - XÃ HỘI THUY

BẢNG THÔNG KÊ VẠCH SƠN

CÔNG TRÌNH: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN

Stt	Hạng mục công việc	Sơn vạch kẻ đường			
		Số lượng vạch	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Diện tích (m2)
I	Vạch sơn dẻo nhiệt chiều dày 2mm				
1	VS1.1 - VẠCH PHÂN CHIA HAI CHIỀU XE CHẠY (VẠCH TIM ĐƯỜNG) DẠNG VẠCH ĐƠN NÉT ĐÚT (MÀU VÀNG)				57,60
2	VS3.1A - VẠCH GIỚI HẠN MÉP NGOÀI PHẦN ĐƯỜNG XE CHẠY HOẶC VẠCH PHÂN CÁCH LÀN XE CƠ GIỚI VÀ LÀN XE THÔ SƠ LÀ VẠCH ĐƠN LIỀN NÉT (MÀU TRẮNG)				336,99
3	VS3.1B - VẠCH GIỚI HẠN MÉP NGOÀI PHẦN ĐƯỜNG XE CHẠY HOẶC VẠCH PHÂN CÁCH LÀN XE CƠ GIỚI VÀ LÀN XE THÔ SƠ LÀ VẠCH ĐƠN NÉT ĐÚT (MÀU TRẮNG)				4,50
II	Vạch sơn gờ giảm tốc màu vàng chiều dày 4mm	1	538,97	0,2	107,79

Tổng cộng:

Vạch sơn dẻo nhiệt màu vàng dày 2mm

m2 57,60

Vạch sơn dẻo nhiệt màu trắng dày 2mm

m2 341,49

Vạch sơn gờ giảm tốc màu vàng chiều dày 4mm

m2 107,79



BẢNG TÍNH CÂN ĐỐI KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP, ĐỔ THẢI

CÔNG TRÌNH: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN

PHÒNG KINH TẾ - XÃ HỘI THUY

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số/.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Đáp hồ sơ: Đáp hồ sơ: Đáp hồ sơ:
móng K95 K95 K98

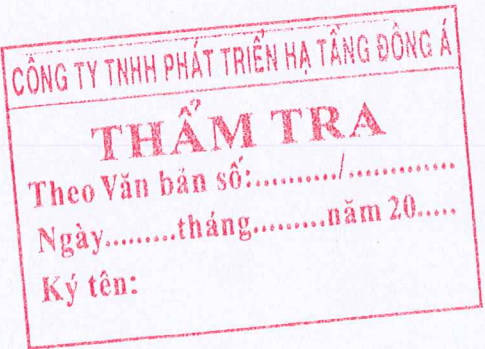
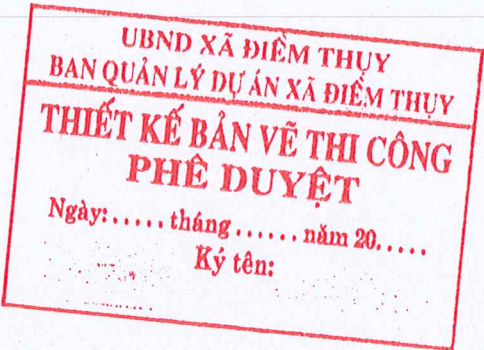
STT	Hạng mục	Khối lượng theo thiết kế									Theo Văn bản số/..... ngày.....tháng.....năm 20.....		
		Vết hữu cơ đất cấp 1	Đào móng cấp phối đá dăm đường cũ	Đào mặt đường bê tông cũ	Đào phá kết cấu bê tông, gạch, đá	Đánh cấp đất C3	Đào rãnh đất C3	Đào nền đất C3	Đào khuôn đất C3	Đào hố móng đất cấp 3	Đắp hố móng K95	Đắp nền K95	Đắp nền K98
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Đào đắp tuyến	1.599,05	52,96	79,44	0,00	0,00	0,00	140,27	1:162,71	1.824,48	1.231,04	1.911,32	1.311,29
2	Cống tròn			2,28	0,00					28,87	12,23		
3	Cống bản			14,57						101,67	52,98		
4	Hoàn trả hạ tầng (Phá dỡ hàng rào + BT lè)				116,76								
5	An toàn giao thông									2,20			
	TỔNG CỘNG	1.482,29	52,96	96,30	116,76	0,00	0,00	140,27	1.162,71	1.957,22	1.296,26	1.911,32	1.311,29

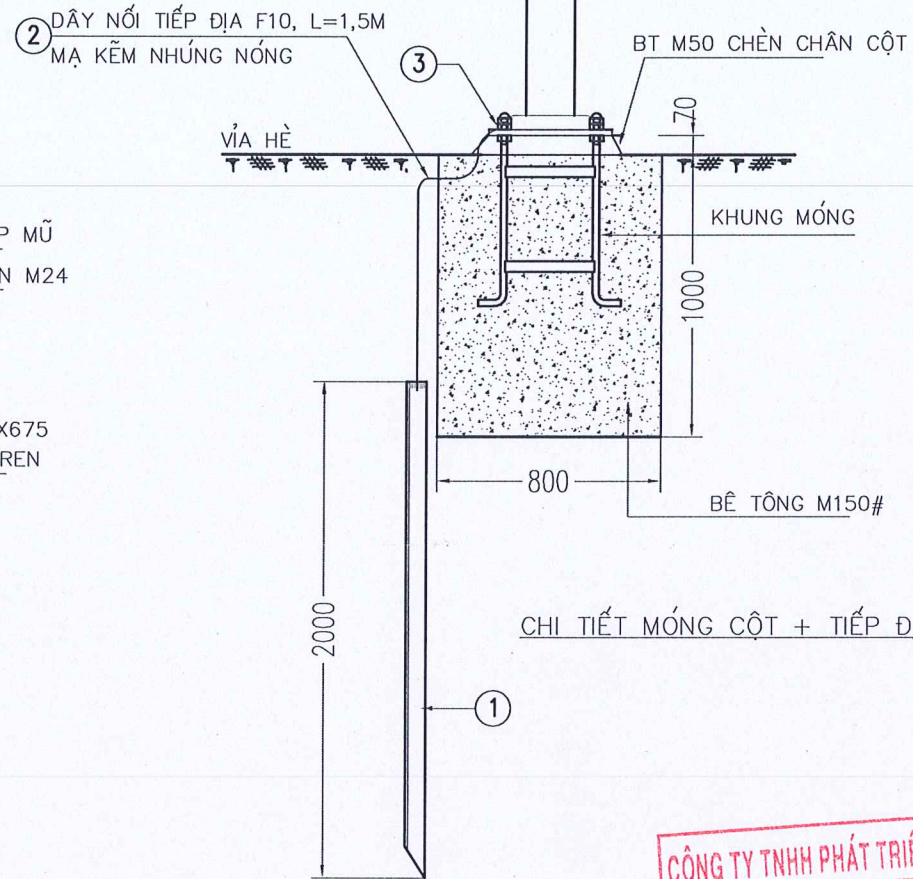
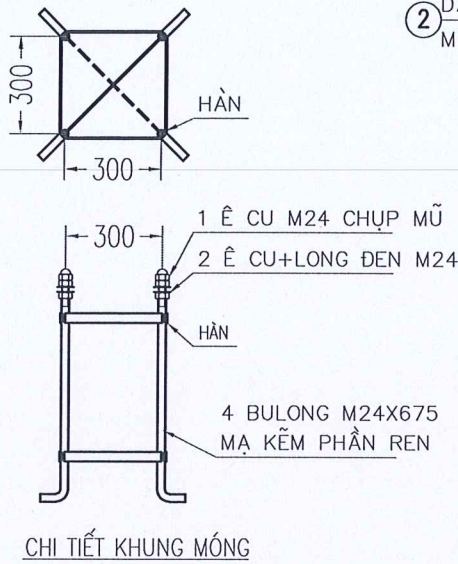
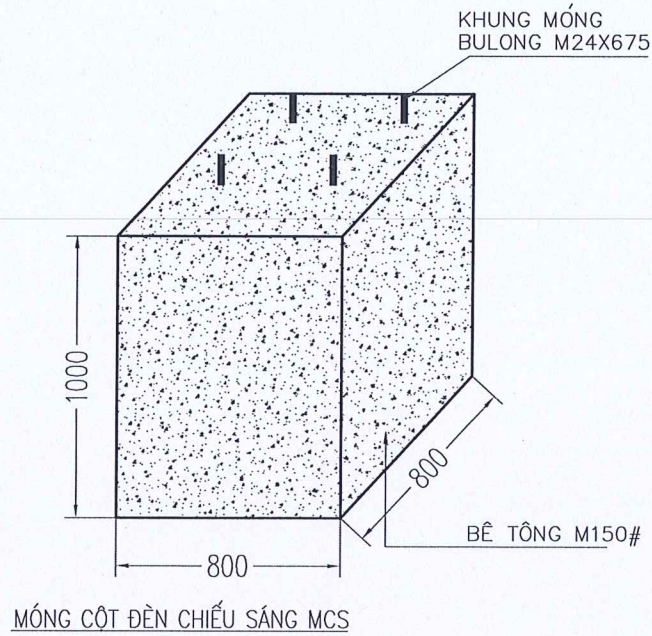
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔNG Á
THẨM TRA
Theo Văn bản số/.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

STT	Điều phối đất	Khối lượng					Diễn giải
1	Tổng khối lượng đào đất C3	3.260,21					V đào=(7)+(8)+(9)+(10)+(11)
2	Khối lượng đất C3 tận dụng để đắp	3.260,21					V tận dụng
3	Khối lượng móng cấp phối đá dăm tận dụng đắp hố móng	52,96					=(4)
4	Tổng khối lượng đất cần để đắp	5.145,66					V đắp = ((12)+(13))*1,13+(14)*1,16
5	Vận chuyển đồ đất thừa đất C3	0,00					
6	Mua đất về đắp	2.199,00					=(Vđắp - Vđào)*1,2
7	Vận chuyển đồ thải đất C1	1.482,29					=(3)+(4)
8	Vận chuyển đồ thải bê tông gạch vỡ	213,06					=(5)+(6)

CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG
TH. CÁI LŨNG - T. THÁI NGUYÊN

BẢN VẼ THIẾT KẾ:
PHẦN HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG





UBND XÃ ĐIỂM THUY
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THUY
**THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
PHÊ DUYỆT**
Ngày:.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:.....

GHI CHÚ:

- 1) ĐẦU BULONG MÓNG ĐƯỢC MẠ KẼM ĐẾN PHẦN REN. MỖI BULONG CÓ 2 ĐAI ỐC VÀ 1 ĐAI ỐC CHỤP MŨ.
CÁC ĐAI ỐC VÀ LONG ĐEN PHẢI MẠ KẼM NHÚNG NÓNG;
2) BÊ TÔNG MÓNG M150.
3) CỌC TIẾP ĐỊA ĐÓNG CẠNH MÓNG CỘT. TIẾP ĐỊA ĐƯỢC MẠ KẼM NHÚNG NÓNG.

BẢNG KÊ VẬT TƯ TIẾP ĐỊA

TT	Tên chi tiết	Chủng loại, quy cách	Đơn vị	Kích thước (mm)	Số lượng	Khối lượng (kg)		Ghi chú
						Đơn vị	Toàn bộ	
1	Cọc tiếp địa	V63x63x6	cái	2000	1	11,44	11,44	Mạ kẽm nhúng nóng
2	Dây nối tiếp địa (nối)	thép tròn Φ10	cái	1200	1	0,74	0,74	
3	Cờ tiếp địa	dẹt 40x4	cái	60	1	0,08	0,08	
Cộng							12,26	

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔNG Á

THẨM TRA

Theo Văn bản số:...../.....

Ngày:.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:.....

CHI TIẾT TÀI LẮP TIẾP ĐỊA

PHÒNG KINH TẾ - XÃ ĐIỂM THUY

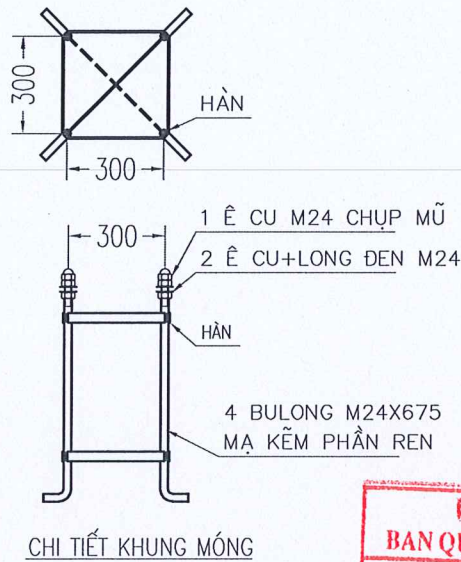
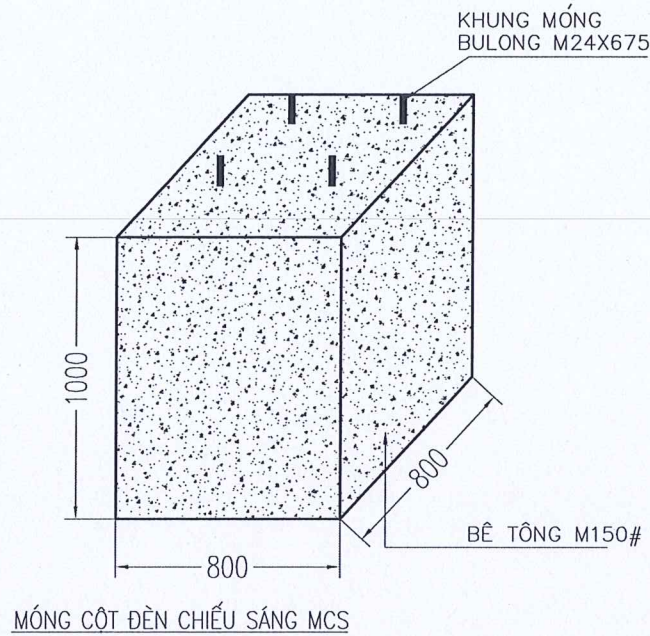
THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....

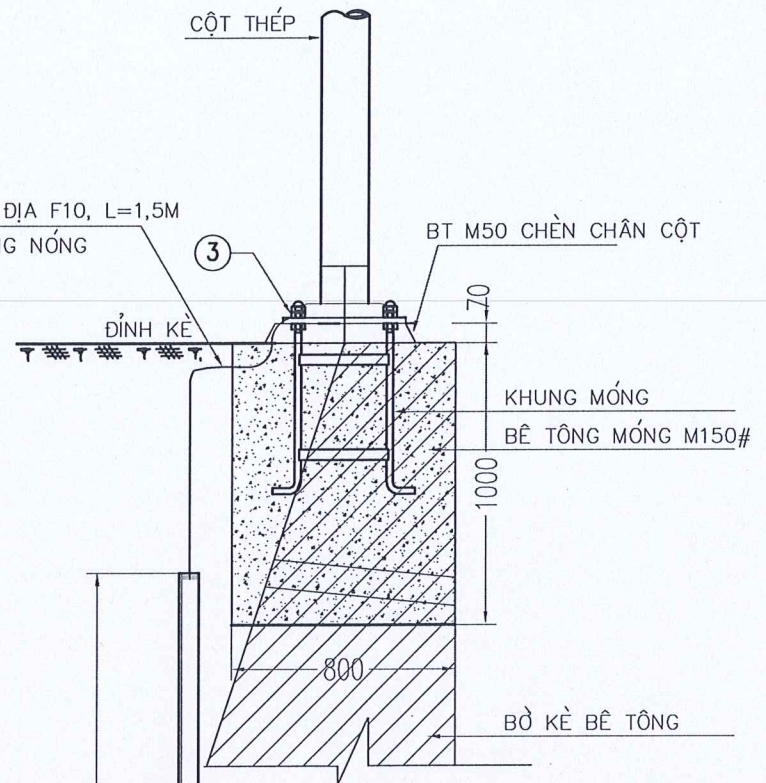
ngày:.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:.....

CHỦ ĐẦU TƯ:		DỰ ÁN:		CHỨC DANH		HỌ VÀ TÊN		CHỮ KÝ		THÁI NGUYỄN, NGÀY THÁNG NĂM 2026		MÓNG CỘT MC1 (NỀN ĐẤT)			
TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY		NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN		CHỦ NHIỆM CT		KS. DƯƠNG QUÝ HẢI				GIÁM ĐỐC					
ĐƠN VỊ TV KSTK:		ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN		THIẾT KẾ		KS. DƯƠNG THÀNH TRUNG						HOÀN THÀNH: /2025		BẢN VẼ SỐ: CS: 01	
 CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ ĐÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102		BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		Q.L.K.T		KS. NGÔ ĐỨC TÀI				KS. DƯƠNG QUỐC LÝ		TỶ LỆ:		KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3	



UBND XÃ ĐIỂM THUY
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THUY
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
PHÊ DUYỆT
Ngày:.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:



CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔNG Á

1

THẨM TRA

Theo Văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

HÀN

LỖ F26

2

PHÒNG KINH TẾ - XÃ ĐIỂM THUY

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

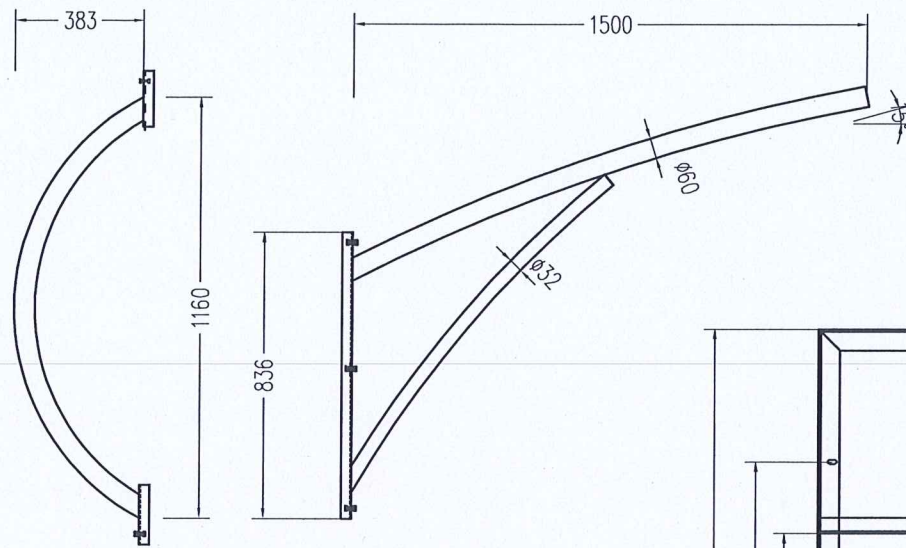
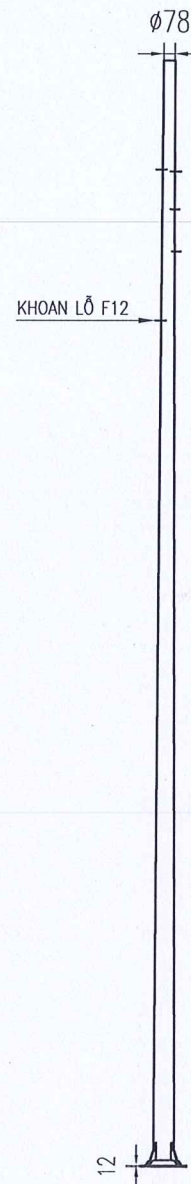
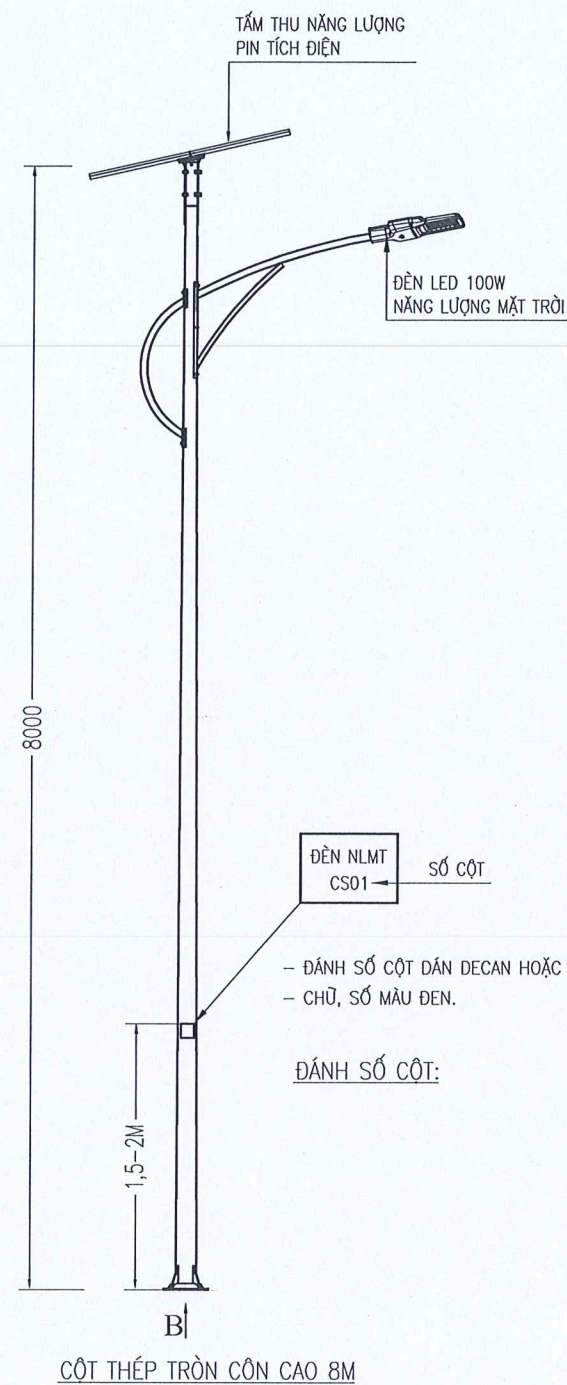
CHI TIẾT TẠI LẮP TIẾP ĐỊA

- GHI CHÚ:
- 1) ĐẦU BULONG MÓNG ĐƯỢC MẠ KÈM ĐẾN PHẦN REN. MỖI BULONG CÓ 2 ĐAI ỐC VÀ 1 ĐAI ỐC CHỤP MŨ.
CÁC ĐAI ỐC VÀ LONG ĐEN PHẢI MẠ KÈM NHÚNG NÓNG;
- 2) BÊ TÔNG MÓNG M150.
- 3) CỌC TIẾP ĐỊA ĐÓNG CẠNH MÓNG CỘT. TIẾP ĐỊA ĐƯỢC MẠ KÈM NHÚNG NÓNG.

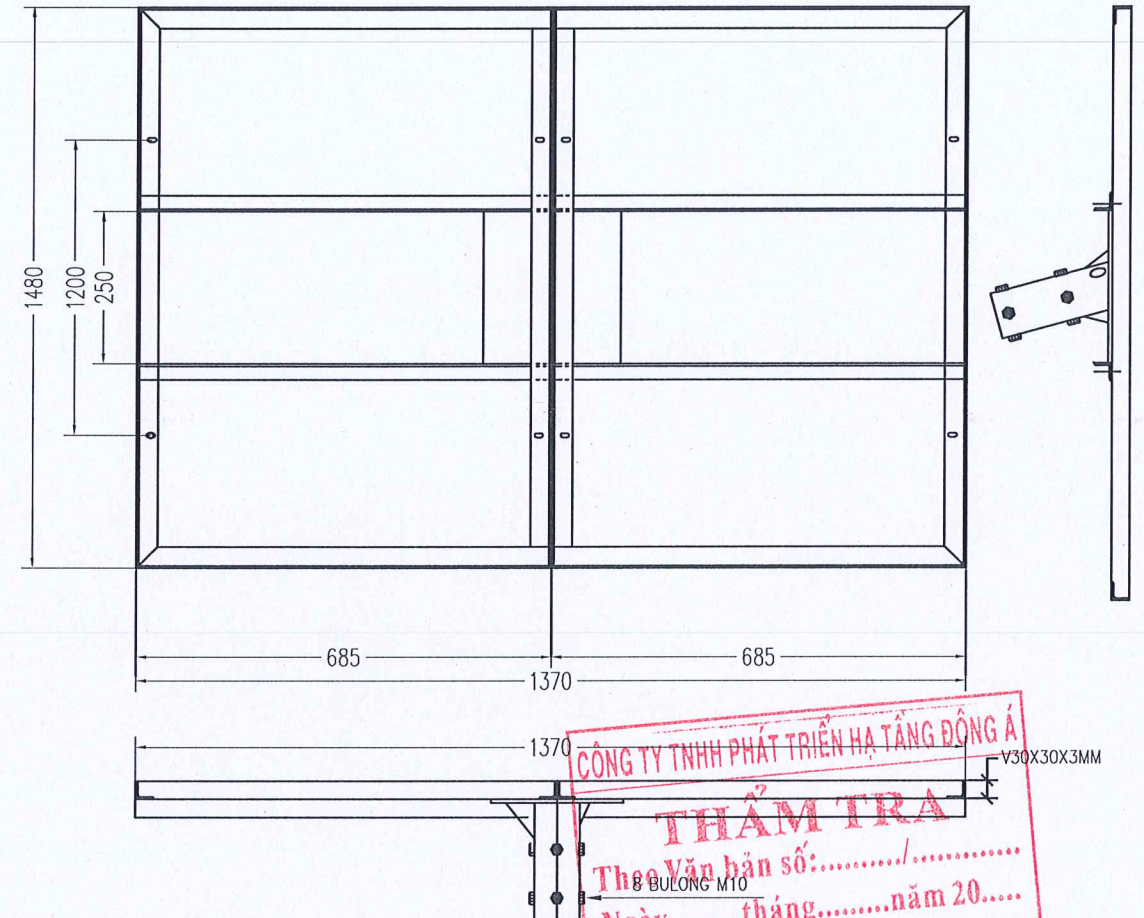
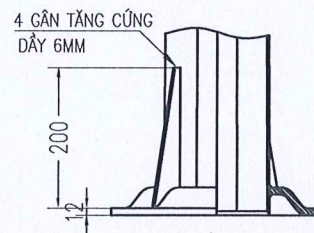
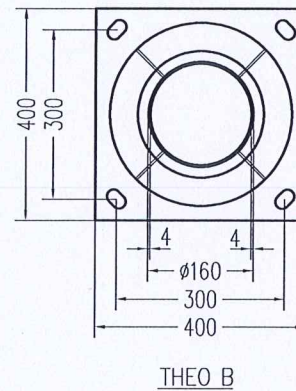
BẢNG KÊ VẬT TƯ TIẾP ĐỊA

TT	Tên chi tiết	Chủng loại, quy cách	Đơn vị	Kích thước (mm)	Số lượng	Khối lượng (kg)		Ghi chú
						Đơn vị	Toàn bộ	
1	Cọc tiếp địa	V63x63x6	cái	2000	1	11,44	11,44	Mạ kẽm nhúng nóng
2	Dây nối tiếp địa (nối)	thép tròn Φ10	cái	1200	1	0,74	0,74	
3	Cờ tiếp địa	dẹt 40x4	cái	60	1	0,08	0,08	
Cộng							12,26	

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THUY	DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYỄN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	MÓNG CỘT MC2 (TRÊN KÈ)	
		CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI		GIÁM ĐỐC		
ĐƠN VỊ TV KSTK:	CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ ĐÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102	THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG THÀNH TRUNG			HOÀN THÀNH: /2025	BẢN VẼ SỐ: CS: 02
		Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI		KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	TỶ LỆ:	KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3



CHI TIẾT CẦN ĐÈN



CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐỘNG Á

THẨM TRA

Theo Văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20....

Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ - XÃ HỘI THUY

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....

ngày.....tháng.....năm 20....

Người thẩm định ký tên:

UBND XÃ ĐIỂM THUY

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THUY

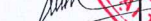
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

PHÊ DUYỆT

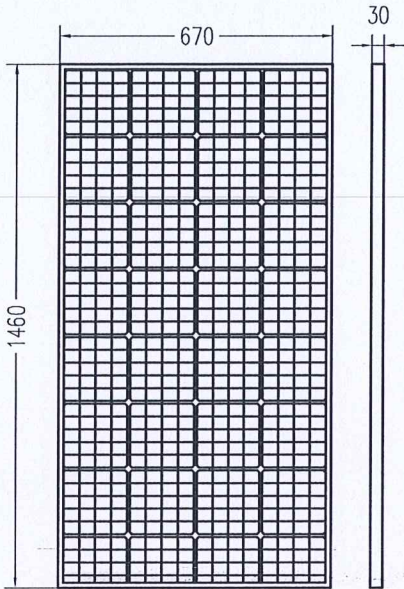
Ngày:..... tháng..... năm 20....

Ký tên:

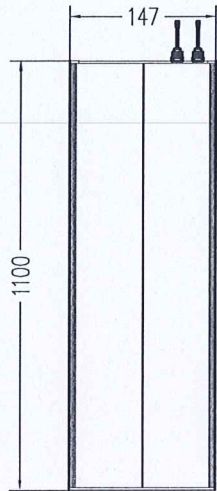
- GHI CHÚ:
- PHẦN THÂN ĐƯỢC LÀM TỪ TÔN TẮM LIỀN, KHÔNG CHO PHÉP NỐI NGANG THÂN CỘT;
 - YÊU CẦU TẤT CẢ CÁC MỐI HÀN NGẤU CHẮC;
 - VẬT LIỆU CHẾ TẠO THEO TIÊU CHUẨN BS5649, HOẶC TC02-2001;
 - TOÀN BỘ ĐƯỢC MẠ KÉM NHÚNG NÓNG THEO TIÊU CHUẨN BS729, TCVN 5408-1991.

CHỦ ĐẦU TƯ:		DỰ ÁN:		CHỨC DANH		HỌ VÀ TÊN		CHỮ KÝ		THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026		CỘT THÉP NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI 8M			
TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THUY		NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN		CHỦ NHIỆM CT		KS. DƯƠNG QUÝ HẢI				GIÁM ĐỐC					
ĐƠN VỊ TV KSTK:		ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THUY, TỈNH THÁI NGUYÊN		THIẾT KẾ		KS. DƯƠNG THÀNH TRUNG						HOÀN THÀNH: /2025		BẢN VẼ SỐ: CS: 03	
 CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ ĐÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102		BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		Q.L.K.T		KS. NGÔ ĐỨC TÀI						KS. DƯƠNG QUỐC LÝ		TỶ LỆ:	

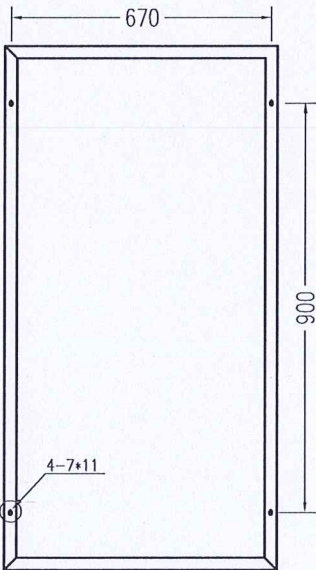
TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI
(SỐ LƯỢNG: 02 TẮM)



BÌNH TÍCH ĐIỆN 25.6V 72AH



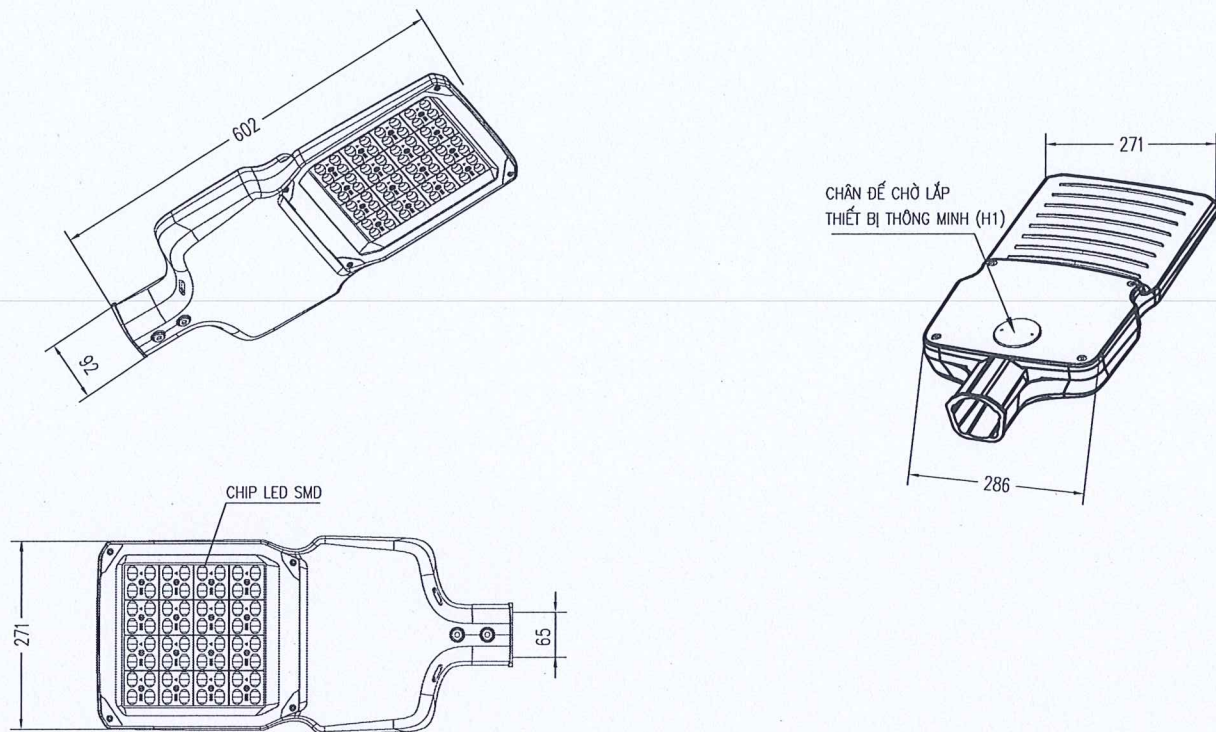
UBND XÃ ĐIỂM THUY
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THUY
**THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
PHÊ DUYỆT**
Ngày:.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:



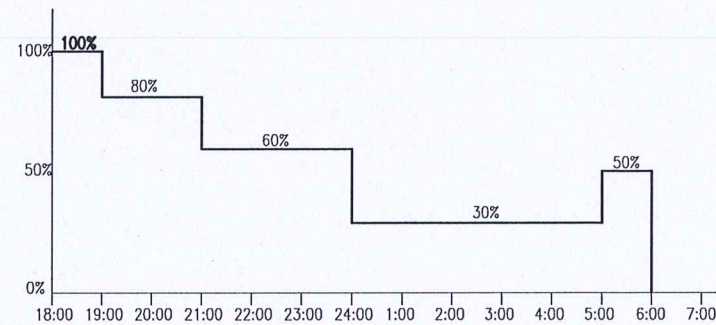
147
25
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔNG Á
THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ - XÃ ĐIỂM THUY
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ:		DỰ ÁN:		CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI	
TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY		NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN		CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI		GIÁM ĐỐC		
ĐƠN VỊ TV KSTK:		ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG THÀNH TRUNG			HOÀN THÀNH: /2025	BẢN VẼ SỐ: CS: 04
 CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ ĐÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102		BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI			KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	TỶ LỆ:



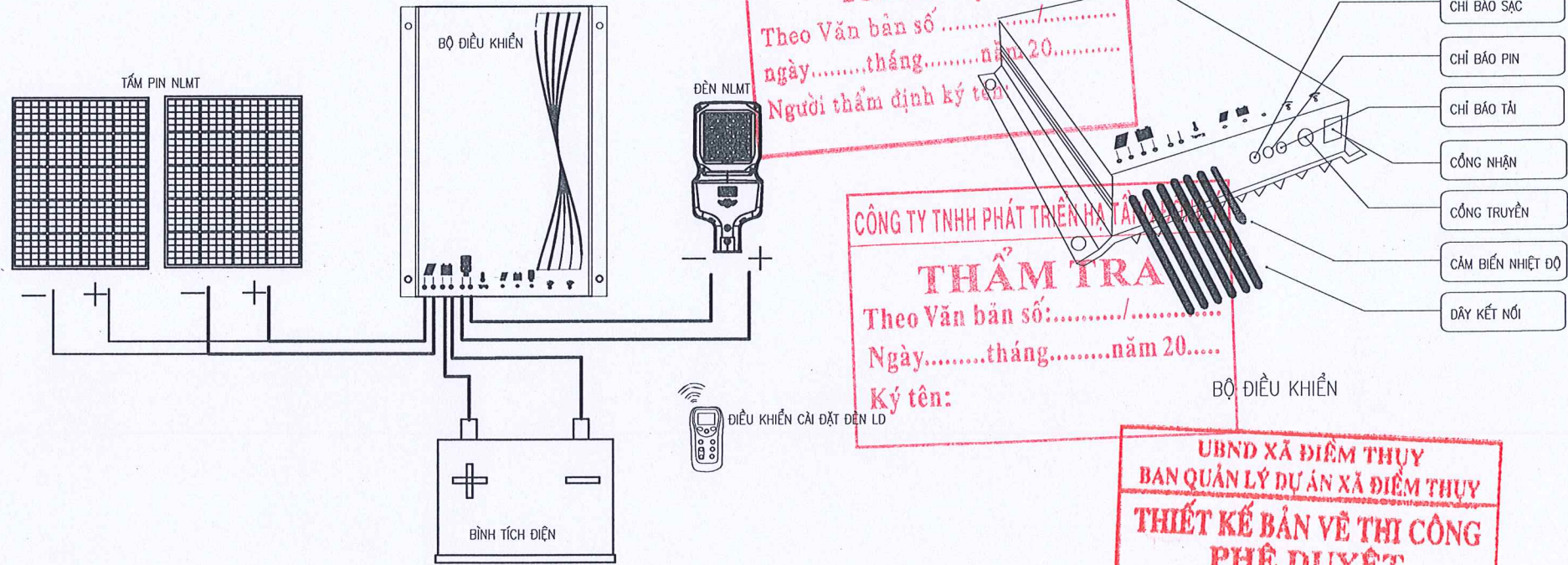
Kiểu đèn: LED 100W năng lượng mặt trời



Sơ đồ tiết giảm 5 cấp công suất

NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐÈN:

- Buổi sáng các tấm năng lượng sinh ra điện và lượng điện này được nạp vào ắc quy thông qua bộ điều khiển để sử dụng vào buổi tối.
- Khi trời tối bộ điều khiển sẽ tự động mở đèn chiếu sáng đến khi trời sáng sẽ tự động tắt đèn.



Sơ đồ đấu nối dây

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số
1	Đèn LED năng lượng mặt trời 100W	bộ	1	- Kiểu đèn: LED 100W năng lượng mặt trời, Diming 5 cấp; - Hiệu suất phát quang của bộ đèn: $\geq 135 \text{ LM/W}$; - Sử dụng Chip led, duy trì quang thông; - Nhiệt độ môi trường khi vận hành: $-5^{\circ}\text{C} < T_a < 60^{\circ}\text{C}$; - Cấp bảo vệ của phần quang và ngăn linh kiện: IP66; - Độ chịu va đập của kính đèn: IK 08; - Nhiệt độ màu: 5000K(Ánh sáng trắng); - Thân đèn bằng nhôm đúc áp lực cao, sơn tĩnh điện chuyên dụng ngoài trời màu sơn RAL7035(kem sáng). - Kích thước: $\geq$ kích thước trong bản vẽ.
2	Pin lưu trữ	bộ	1	- Công suất pin: 25,6V-72AH, loại Life PO4; - Đóng hộp nhôm bảo vệ, treo pin dưới Sola;
3	Tấm thu năng lượng	tấm	2	- Sola panel chất liệu MONO; - Công suất: 36V/180W; - Kích thước Solar: 1460*670*30mm (2 tấm)
4	Bộ điều khiển	bộ	1	+ Công suất đầu vào Max.PV 260/520W, điện áp định mức 12/24V DC, dòng sạc định mức 20A, tối đa. Tải điện 100/200W, mức độ bảo vệ IP67.

PHÒNG KINH TẾ - XÃ ĐIỂM THỤY
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số/.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

BỘ ĐIỀU KHIỂN

UBND XÃ ĐIỂM THỤY
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THỤY
**THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
PHÊ DUYỆT**
Ngày:..... tháng..... năm 20.....
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY	DỰ ÁN: NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYÊN, NGÀY THÁNG NĂM 2026 GIÁM ĐỐC	ĐÈN LED NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI 100W
		CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI			
ĐƠN VỊ TV KSTK: CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ ĐÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102	ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ ĐIỂM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN	THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG THÀNH TRUNG		TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH: /2025 BẢN VẼ SỐ: CS: 05 KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3
		Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI			

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

TT	Nội dung	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1	Móng cột MC1 (nền đất)	cái	31	
2	Móng cột MC2 (trên kè)	cái	9	
3	Tiếp địa cột	bộ	31	
4	Cột đèn năng lượng mặt trời cao 8m (cột thép H=8m, dày 4,0mm)	cái	40	
5	Giá đỡ pin	bộ	40	
6	Đèn LED 100W năng lượng mặt trời trọn bộ (bao gồm: đèn LED, 2 tấm thu năng lượng, pin lưu trữ, bộ điều khiển, ..)	bộ	40	

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐỒNG Á

THẨM TRA

Theo Văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20....

Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ - XÃ ĐIỂM THUY

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số/.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

UBND XÃ ĐIỂM THUY

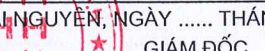
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM THUY

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

PHÊ DUYỆT

Ngày:..... tháng năm 20.....

Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ:		DỰ ÁN:		CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THÁI NGUYỄN, NGÀY THÁNG NĂM 2026	BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG		
TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ ĐIỂM THỤY		NÂNG CẤP, CẢI TẠO TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 37 ĐI NHÀ VĂN HÓA XÓM VŨ CHẤN		CHỦ NHIỆM CT	KS. DƯƠNG QUÝ HẢI		GIÁM ĐỐC			
ĐƠN VỊ TV KSTK:		CÔNG TY TNHH AN NGỌC DƯƠNG ĐỊA CHỈ: PHỐ ĐÌNH, XÃ ĐẠI PHÚC, TỈNH THÁI NGUYÊN TEL: (0987) 118.102		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG THÀNH TRUNG			HOÀN THÀNH: /2025	BẢN VẼ SỐ: CS: 06	
				Q.L.K.T	KS. NGÔ ĐỨC TÀI			KS. DƯƠNG QUỐC LÝ	TỶ LỆ:	KÝ HIỆU: N0 01Đ - 26 - T3
				BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG						